NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM

MƯỜI TẬP

VI

vh

VĂN HỌC

2 1/4 85

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI
• VĂN HỌC Ả RẬP

Nghìn lẻ một đêm

TRUYỆN KỂ

(Mười tập)

VI

NGUYỄN TRÁC, ĐOÀN NÔNG
NGUYỄN ĐĂNG CHÂU, TẤN KHANG dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI – 1985

Dịch từ nguyên bản Pháp văn

MILLE NUITS ET UNE NUIT

của Dr.J.C. Mardrus

Nhà xuất bản Charpentier et Fasquelle

Paris — 1925

I

CÂU CHUYỆN THÚ VỊ VỀ LOÀI CẦM THÚ

NGỖNG VÀ VỢ CHỒNG CÔNG

Vào một thời rất xa xưa, có một chú Công ưa cùng vợ dạo chơi trên bờ bể hoặc trong một quãng rừng có nước chảy và ríu rít tiếng chim ca. Ban ngày đôi vợ chồng đi tìm mồi, đêm tối thì đậu trên một cây rậm để tránh những kẻ láng giềng sỗ sàng thèm muốn sắc đẹp của công cái. Chúng cứ sống như thế bình yên, êm ấm cầu nguyện Đấng chí thiện ban phúc.

Một ngày kia, Công đực muốn cùng vợ dạo chơi đến một hòn đảo nhỏ gần đấy, để thay đổi không khí và phong cảnh. Công cái ưng thuận ngay. Cả đôi bay tới hòn đảo kia.

Trên đảo mọc đầy cây ăn quả xanh tươi và có vô số dòng suối chảy qua. Vợ chồng nhà Công vô cùng thích thú. Lúc thì chúng dừng lại, nếm các thứ quả ngon, lúc chúng hớp vài ngụm nước suối mát dịu.

Lúc sắp sửa ra về, chúng thấy một chị Ngỗng sợ hãi đập cánh tiến lại gần. Ngỗng run lập cập. Nó xin được vợ chồng Công che chở. Vợ chồng Công ân cần tiếp đãi. Công cái thân mật : « Chúc chị đến đây được

mọi sự tốt lành. Chị sẽ thấy ở đây như ở chính gia đình chị ». Ngỗng yên tâm. Công đực nghĩ rằng thế nào Ngỗng cũng có một câu chuyện lạ, nên dịu dàng hỏi : « Có việc gì xẩy ra mà chị sợ hãi đến thế ? » Ngỗng đáp : « Tôi vẫn còn phát ốm lên vì cái việc vừa xẩy đến, vì nỗi khủng khiếp do Ip Ađam gây ra cho tôi! Ôi! cầu đấng Ala che chở cho chúng ta! Cầu Người tránh cho ta cái họa Ip Ađam! » Công đực buồn rầu: « Hãy bình tĩnh, hãy bình tĩnh lại, hỡi chị Ngỗng tốt bụng của chúng tôi ». Công cái nói « Làm sao Ip Ađam có thể đến được cái hòn đảo ở giữa bể cả mênh mông này? Nó không thể nhảy từ bờ bể tới đây được. Nó không thể vượt bao nhiêu không gian và muôn trùng biển nước! » Ngỗng nói: « Xin cảm tạ Người đã xui khiến anh chị gặp tôi làm cho tôi quên những nỗi khủng khiếp và làm cho tôi được yên tâm! » Công cái nói « Chị ơi, chị hãy kể cho chúng tôi nghe nguyên cớ nỗi hãi hùng mà Ip Ađam đã gây ra cho chị và câu chuyện đã xẩy đến với chị! » Ngỗng kể :

« Hỡi anh Công vinh hiển và chị công hiền hậu và mến khách, tôi ở trên hòn đảo từ lúc lọt lòng mẹ và vẫn sống ở đây, không bị một sự phiền nhiễu và lo âu nào. Không một cái gì làm vẩn đục linh hồn và che khuất tầm mắt tôi. Nhưng đêm hôm kia lúc tôi đương ngủ say sưa, tôi thấy Ip Ađam trong mộng tỏ vẻ muốn nói chuyện với tôi. Sắp trả lời Ip Ađam, tôi chợt nghe có tiếng nói : « Hỡi Ngỗng! hãy coi chừng, hãy coi chừng! Phải dè chừng! Ip Ađam vốn có giọng lưỡi ngọt ngào và thái độ xảo trá! Chớ quên rằng nhà thi sĩ đã nói như thế này về hắn :

« Hắn nói ngọt ngào; nhưng chính là để đưa anh vào tròng như cáo rình mồi vậy »

« Hỡi chị Ngỗng quá thật thà, mánh khóe lừa lọc của Ip Ađam có thể quyến rũ được các giống vật sống

trong nước, cả những con quái vật hung dữ nhất ở bể cả. Hắn có thề bắn một viên đạn nặn bằng bùn khô làm cho đại bàng đương yên lặng lượn trên không nhào cồ xuống như một đống thịt. Hắn thắng được cả giống voi, bắt voi hầu hạ và lấy ngà voi làm đồ dùng. Chị Ngỗng chị hãy cao chạy xa bay!»

« Tôi giật bắn người, không kịp ngoái nhìn lại, tôi sợ hãi vươn cồ, vỗ cánh chạy trốn. Và tôi cứ lang thang đây đó như thế cho đến khi sức cùng lực kiệt. Đến chân núi, tôi dừng lại một chốc. sau một tảng đá, tim đập dồn dập, vì sợ và mệt, ngực thắt lại vì quá khiếp hãi Ip Ađam! chẳng được ăn uống gì tôi vừa đói vừa khát, không thề chịu được. Đương lúc không dám động cựa và chẳng biết xoay xở cách nào bỗng thấy trước mặt, ở cửa động, một vị sư tử con lông hun hun, tia mắt hiền từ. Thoạt trông thấy, tôi đã tin tưởng và có cảm tình ngay. Còn vị sư tử con để ý nhìn thấy tôi. Ngài có vẻ hài lòng vì tôi tỏ ra nhút nhát, và vì cám cảnh cho tôi. Ngài gọi tôi lại: « Hỡi cô bé ngoan ngoãn lại gần đây nói chuyện một chút với ta...» Tôi rất cảm động về lời mời mọc của ngài. Tôi rón rén lại gần. Vị sư tử con nói: « Tên em là gì, em thuộc về giống gì? » Tôi là Ngỗng, thuộc loài cầm! Ngài nói: « Thấy em run rẩy và khiếp nhược ta không hiểu vì sao! » Tôi bèn kể lại những gì đã trông và nghe thấy trong mộng. Tôi rất đỗi ngạc nhiên nghe ngài nói: « Cả ta nữa, ta cũng vừa mộng thấy như thế. Ta có kể lại cho sư tử phụ thân ta, phụ thân ta dặn dò ta phải coi chừng Ip Ađam và hết sức đề phòng những mưu mô lừa lọc của hắn! Nhưng cho đến nay ta vẫn chưa có dịp gặp Ip Ađam ».

Nghe sư tử con nói thế, tôi càng khiếp hãi và kêu lên: « Không nên do dự nữa! Đã đến lúc phải trừ bỏ tai họa này. Vinh dự được giết Ip Ađam chỉ có thề

thuộc về ngài thôi, hỡi ngài hoàng tử, con vị chúa tể của muôn loài! Làm được việc này tiếng tăm ngài sẽ vang lừng trong muôn vật sống trên cạn cũng như trên trời, dưới nước!» Tôi tiếp tục khích lệ và tâng bốc sư tử cọn như thế cho đến lúc sư tử quyết đi lùng kẻ thù chung của chúng ta.

«Sư tử con ra khỏi động bảo tôi theo. Ngài kiêu hãnh tiến bước, đuôi đập bên lưng. Tôi đi sau, khó nhọc lắm mới theo kịp bước ngài. Cuối cùng tôi thấy một đám bụi nổi lên. Đám bụi tan thì thấy một con lừa đang trốn chạy, mình mẩy trần trụi, không yên, không cương. Khi thì nó nhảy cỡn lên đá hậu, khi thì lăn lộn trên đám bụi, bốn vó chổng lên.

Thấy thế, ông bạn sư tử còm của tôi hơi ngạc nhiên vì ngài chưa được cha mẹ cho phép ra khỏi động bao giờ. Ngài gọi lừa: «Hỡi con vật ngu đần, tại sao mi làm như thế? Hãy nói cho ta hay, trong muôn nghìn giống vật thì mi thuộc loài nào?». Lừa đáp: «Thưa chủ nhân, tôi là nô lệ của ngài, là con lừa thuộc về loài lừa!» «Tại sao mi tới đây?» – «Thưa con vị chúa tể, tôi tới đây để trốn tránh Ip Adam!» Sư tử con cười: «Sao, thân hình to lớn như thế mà mi sợ Ip Adam ư?» Lừa ngúc ngắc: «Thưa hoàng tử, ngài chưa rõ cái giống tai ác đó! Tôi sợ hắn không phải vì hắn muốn tôi chết. Hắn muốn tệ hơn thế. Tôi khiếp hãi cách đối xử của hắn. Hồi tôi còn trẻ, khỏe, hắn bắt tôi cho hắn cưỡi. Hắn đặt lên lưng tôi một vật hắn gọi là cái yên; rồi buộc lưng tôi bằng cái hắn gọi là cái đai lưng da. Ở đuôi tôi, hắn đặt một cái vòng tôi không nhớ tên, nhưng nó đã làm những bộ phận nhạy cảm của tôi đau dữ dội. Cuối cùng hắn tọng vào mõm tôi miếng sắt hắn gọi là cái hàm thiếc làm lưỡi và lợi tôi bê bết máu. Rồi hắn cưỡi lên lưng tôi. Để bắt tôi phải chạy nhanh quá sức, hắn lấy que sắt nhọn đâm

vào cổ và mông tôi. Khi tôi mệt nhoài, chân khập khiễng, đi không được nhanh, hắn chửi rủa. Tôi run lên tuy chỉ là giọng lừa, vì trước mọi người hắn gọi tôi: Đồ ma cô! đồ con nhà thổ!» Nếu vô phúc muốn nhẹ nhõm lồng ngực tôi đánh một phát dắm thì hắn giận điên lên: xin không nhắc lại những gì hắn đã làm và nói với tôi lúc đó, sợ thất lễ với ngài, thưa hoàng tử! tôi chỉ thấy nhẹ mình khi xa hắn. Chưa hết! Khi tôi về già, hắn bán tôi cho một người chở nước. Người này đặt lên lưng tôi một cái yên gỗ, chất mỗi bên lưng tôi những túi và vò nước lớn và nặng. Cứ như thế cho đến khi không chịu được sự hành hạ, tôi ngã gục thảm thương. Lúc đó, hắn sẽ ném tôi cho lũ chó hoang! Thưa hoàng tử, đó là số phận Ip Ađam dành cho tôi! Ôi! trong muôn loài có ai bị tai họa giống tôi không? Hãy trả lời tôi, hỡi chị Ngỗng yêu mến và hiền hậu!»

«Thưa các vị, lúc đó tôi thấy toàn thân run lên vì kinh hãi và thương tâm. Tôi kêu: «Thưa ngài sư tử, anh lừa thực đáng tha thứ! Chỉ nghe anh ta nói tôi có thể chết được!» Thấy lừa chạy trốn sư tử con kêu lên «sao vội vã thế! Nán lại đôi chút. Hãy dẫn ta đến chỗ Ip Ađam!» Lừa đáp: «Rất tiếc, thưa ngài! Tôi và hắn cách nhau một ngày đường. Tôi từ giã hắn từ hôm qua. Hắn đương đi về phía này. Tôi muốn kiếm chỗ ẩn nấp để tránh hắn. Bây giờ thì tôi chắc chắn là hắn không còn nghe thấy tiếng tôi nói. Trộm phép ngài, tôi muốn tha hồ thoải mái, và hít thở không khí lúc này!» Nói xong, lừa ta kêu dài đá hậu lung tung. Nó lăn lộn trên cỏ một lúc. Đứng lên, thấy một đám bụi ở xa, nó giỏng một tai rồi tai nữa, nhìn chằm chằm và quay lưng lại phía chúng tôi, hắn chạy biến.

- «Đám bụi vừa tan thì một con ngựa đen xuất hiện, trán có một vệt trắng như đồng bạc, thân hình đẹp, cân đối, hùng dũng, bóng bẩy, cẳng có một vòm lông

trắng. Nó vừa tiến lại phía chúng tôi vừa hý lên giọng rất dễ thương. Thấy ngài sư tử con, nó dừng lại chào hỏi, rồi định dè dặt cáo từ. Sư tử rất thích dáng cao nhã của nó, nói với nó: « Anh là ai, hỡi sinh vật đẹp đẽ kia? Vì sao anh phải chạy như vậy trong cảnh hoang vắng mênh mông này? Vì sao anh lộ vẻ lo lắng đến thế? » Ngựa đáp: « Thưa vị chúa tể của muôn loài, tôi là con thú thuộc loài ngựa. Tôi đương chạy trốn Ip Ađam ».

Nghe nói, sư tử ngạc nhiên hết sức: « Đừng nói thế, anh ngựa. Thực đáng xấu hổ. Anh khỏe mạnh và được trời phú cho thân hình như thế mà còn sợ Ip Ađam? Chỉ một cái đá của anh đủ làm cho hắn phải chết được. Hãy trông ta! Ta không to lớn như anh, thế mà ta vừa mới hứa với cô bé Ngỗng đương run rẩy kia rằng ta tìm và giết và ăn thịt Ip Ađam để vĩnh viễn giải thoát cho nó khỏi sự kinh hãi. Và, ta sẽ thích thú được trả cô bé Ngỗng đáng thương kia về với gia đình! ».

Nghe Sư tử, ngựa nhìn buồn rầu, mỉm cười rồi nói: Hoàng tử hãy bỏ những ý nghĩ ấy đi. Chớ có ảo tưởng về sức mạnh, về thân hình, về sự nhanh nhẹn của tôi. Không thắng nổi mưu mô của Ip Ađam đâu. Khi tôi còn trong tay hắn, hắn đã tìm cách làm tôi thuần thục theo ý thích của hắn. Hắn lấy dây đay và lông thú buộc vào chân tôi, treo cổ tôi lên một cái giá đóng vào tường và cao hơn mình tôi, thế là tôi chẳng còn cựa quậy, ngồi hoặc nằm được nữa. Đã hết đâu! Khi hắn muốn cưỡi, hắn đặt lên lưng tôi cái gì như một chiếc yên rồi lấy hai chiếc dây da cứng to bắn thắt vào bụng làm tôi sây sát da thịt. Hắn nhét vào mồm tôi cái hàm thiếc rồi hắn lấy dây da lôi tôi đi bất cứ nơi nào hắn thích. Khi đã ở trên lưng tôi hắn dùng cái gọi là chấn đâng đâm vào sườn tôi làm mình mẩy tôi bê bết máu! Cũng chưa hết! Lúc tôi về già, lưng không còn mềm

và đai sức, bắp thịt không rắn không mạnh được như ý hắn muốn, hắn bán tôi cho một người xay bột để tôi phải quay cối xay thâu đêm suốt sáng cho đến khi già khọm. Rồi hắn lại bán tôi cho anh chàng mổ thịt, anh này sẽ chọc tiết, lột da tôi bán cho người thuộc da và lấy lông bờm của tôi bán cho người làm rây bột! Ở với Ip Ađam số phận tôi như thế đó!».

Chàng sư tử Con rất xúc động: «Ta thấy phải trừ khử cái giống khốn kiếp đó mà tất thảy các anh gọi là Ip Ađam. Chú ngựa này, chú hãy nói cho ta hay chú đã gặp hắn lúc nào và ở đâu?» Ngựa nói: «Tôi vừa cáo từ hắn trưa nay thôi, hắn đương đuổi theo tôi, và chạy về phía này!».

Ngựa vừa rứt lời thì một đám bụi nổi lên làm nó hoảng kinh không kịp từ biệt chúng tôi, phi nước đại chạy mất. Và chúng tôi thấy từ phía đám bụi một con lạc đà hiện ra, hốt hoảng, ngỏng cổ, hét rống lên chạy về hướng chúng tôi.

Vừa thấy con vật đồ sộ này, sư tử chắc đó là Ip Ađam, chưa kịp hỏi tôi, ngài chồm lên định bóp cổ con vật. Tôi vội hét lên: «Thưa hoàng tử hãy thư thả. Con vật này không phải là Ip Ađam. Nó là con lạc đà, một giống vật chẳng có gì là nguy hiểm! Chắc nó cũng đương lánh xa Ip Ađam». Sư tử con cuống cuồng hỏi lạc đà: «Thực à, cả anh nữa. tài ba như anh mà cũng sợ nó à?. Những cặp giò vĩ đại của anh để làm gì mà không nghiền nát mặt nó ra?» Lạc đà từ từ ngẩng đầu, cặp mắt như chìm đắm trong giấc mộng, buồn bã trả lời: «Thưa hoàng tử, người hãy trông lỗ mũi của tôi. Nó bị chọc thủng và xé ra do Ip Ađam đã buộc vào đó chiếc vòng bện bằng lông thú để bắt tôi phục tùng và dắt tôi đi. Vòng này buộc vào một chiếc dây, Ip Ađam giao cho một đứa nhãi ranh bé nhất cưỡi trên một con lừa nhỏ xíu, dắt tôi và cả đoàn lạc đà đi,

theo ý muốn của nó! Hãy nhìn lưng tôi! Nó còng xuống vì người ta không ngừng chất lên đó các thứ đồ nặng từ bao nhiêu thế kỷ này rồi! Nhìn chân tôi! Nó thành chai và khập khiễng vì những chuyến đi dài cùng những chuyến du lịch miễn cưỡng qua sa mạc và những vùng đất đá. Chưa hết! Khi tôi trở về già, sau bao nhiêu đêm không ngủ và bao nhiêu ngày làm quần quật; chẳng những đã không quí trọng tuổi già của tôi, hắn còn cầu lợi gạn bán bộ da già cỗi và bộ xương cằn cọc của tôi cho anh hàng thịt, anh này lại sẽ bán thịt tôi cho dân nghèo ăn, bán da tôi cho người thuộc da và bán lông tôi cho người kéo sợi và thợ dệt! Đó là cách đối xử bình thường của Ip Adam đối với tôi!».

Nghe lạc đà, Sư tử con phẫn uất gầm lên, lắc hàm, dậm chân, «Hãy mau mau trình cho ta rõ tên Ip Adam ở đâu!» Lạc đà nói: «Nó đương sục tìm tôi và lát nữa sẽ tới đây. Vì thế nên ngài hãy tha tội cho tôi, thưa ngài hoàng tử, hãy cho phép tôi di cư sang những nước khác quê hương bản quán của tôi! Bởi vì dù tôi ở sa mạc hoang vắng và đất đai khuất nẻo đến đâu tôi cũng không thể thoát khỏi tay nó thế nào nó cũng tìm được ra tôi «Lạc đà, anh hãy tin ở ta! Đợi tí chút, rồi anh sẽ biết ta làm cách nào để xé xác nó, quật ngã nó, nghiền nát xương nó, uống máu và ăn thịt nó!» Nhưng lạc đà trả lời, toàn thân run lập cập: «Ngài hãy cho phép tôi! thưa ngài hoàng tử, tôi muốn đi khỏi nơi này vì như thi sĩ đã nói:

«Nếu có một cái mặt khả ố đến ở dưới mái lều của anh nơi xứ sở của anh, thì anh chỉ có cách nhường lều và xứ sở của anh cho nó mà chuồn cho mau!»

Đọc xong mấy câu thơ chí lí đó, lạc đà hiền từ cúi đầu sát đất rồi đứng lên: phút chốc chúng tôi đã thấy nó lắc lư chạy về phía xa.

Nó chưa kịp biến mất thì không biết ở đâu bất thình lình hiện ra một ông già nhỏ bé, gầy còm, da dẻ nhăn nhúm, vai vác một cái thúng đựng dụng cụ thợ mộc, đầu đội tám tấm ván lớn.

Vừa thấy lão, thì cha mẹ ôi! tôi không còn đủ sức kêu lên hoặc báo hiệu cho người bạn trẻ của tôi nữa. Tôi ngã gục xuống. Sư tử con lại rất thú vị thấy con sinh vật bé bỏng ngộ nghĩnh đó; sư tử tiến về phía hắn để được ngắm gần hơn: và người thợ mộc gục xuống đất trước mặt hoàng tử. Lão hơi cười nói rất cung kính: « Thưa Đại vương dũng mãnh và vinh quang, ngài đứng ở hàng cao nhất của tạo hóa. Xin chào ngài và cầu mong chúa Ala sẽ nâng ngài lên cao nữa trong sự kính nể của vũ trụ, sẽ thêm sức mạnh và đức độ cho ngài! Tôi là người bị áp bức tới xin ngài giúp đỡ và bao che cho những nỗi khốn khổ mà kẻ thù đương theo dõi hành hạ tôi! » Và ông cụ khóc lóc, rền rĩ, thở ngắn than dài.

Sư tử con cảm động trước bộ điệu thiểu não và những giọt nước mắt của ông ta, dịu giọng hỏi ông: « Ai áp bức anh? Và anh là ai, anh, kẻ hùng biện nhất trong các loài vật mà ta được biết, và lễ độ nhất mặc dù anh xấu xí nhất trong muôn loài? » Ông cụ trả lời: « Thưa vị chúa tể của muôn loài, nói về loại của tôi thì tôi thuộc loại thợ mộc; còn về kẻ áp bức tôi thì hắn là Ip Ađam. Thưa ngài Sư tử chúa tể, cầu mong chúa Ala phù hộ cho ngài tránh khỏi những sự lừa đảo của Ip Ađam. Cứ từ buổi bình minh, ngày nào cũng vậy, hắn bắt tôi làm việc cho hắn chả bao giờ hắn trả tiền cho tôi, vì thế nên tôi bị đói meo, tôi khước từ không làm việc cho hắn và tôi tránh những thành phố có hắn ở! »

Nghe ông lão nói vậy, Sư tử con bừng bừng uất khí, gầm rống, chồm lên, thở phì phò và sùi bọt mép; mắt

nảy lửa. Nó hét: « Thế thì tên Ip Ađam tai quái đó ở đâu để ta dùng răng nghiến nát nó, rửa thù cho những nạn nhân của nó? » Ông lão trả lời: « Lát nữa Ngài sẽ thấy nó, nó sắp đuổi theo tôi đến đây! »

Sư tử hỏi: « Còn anh nữa, con vật thợ mộc bước đi nhỏ nhẹ và lảo đảo kia, anh đi đâu bây giờ? ». « Tôi đương đi tìm quan tể tướng của hoàng phụ, là ngài Báo. Được tin Ip Ađam sắp tới vùng này, ông ta vừa phái một con vật hầu cận sang tìm tôi để dựng cho một chiếc lều thật chắc, chống được sự tấn công của Ip Ađam. Vì thế mà ngài thấy tôi mang những mảnh ván và những dụng cụ này! »

Nghe nói Sư tử con ghen tức với Báo liền nói với người thợ: « Ta lấy tính mệnh ra mà thề, ta thấy tể tướng của hoàng phụ thực là táo gan muốn đặt thợ làm nhà trước ta. Ngay bây giờ, anh hãy ở đây, khởi công dựng lều cho ta, làm trước cho ta chiếc lều đó! Còn về phần tể tướng thì ông ta có thể nán đợi! » Người thợ làm ra bộ bỏ đi. « Thưa hoàng tử, tôi xin hứa sẽ trở lại ngay sau khi làm xong công việc cho ngài Báo; bởi tôi rất sợ cơn thịnh nộ của ngài đó! Làm xong lều cho Báo, tôi sẽ dựng cho ngài không phải một cái lều mà là một tòa lâu đài! » Sư tử không muốn nghe những lời thoái thác ấy: nổi giận, vồ chồm lên người ông lão để dọa và tát đùa vào ngực lão. Chỉ một cái ve vuốt đùa ấy đã làm lão mất thăng bằng, ngã lăn xuống đất cùng những tấm ván và bộ đồ nghề. Sư tử bật cười khi thấy ông lão thất kinh, vẻ mặt bối rối. Mặc dù trong lòng phẫn uất cực độ, ông già vẫn cố giữ không để lộ ra ngoài mặt. Ông còn cười một cách rất đua nịnh và như không có một ý thức tự trọng nào, bắt tay vào việc. Thực ra, đó là điều mà ông mong đợi và chính vì thế mà ông đã đến đây!

Ông lão đo kích thước ngang dọc của Sư tử rất cẩn thận, và trong ít phút lão đã đóng xong một cái hòm rất vững chắc, có một lỗ nhỏ; ở phía trong hòm, lão đóng những chiếc đinh lớn, đầu nhọn đâm vào trong theo chiều từ phía trước ra phía sau; và đây đó lão đục một số lỗ nhỏ khác. Xong xuôi, lão kính cẩn mời sư tử tiếp nhận, Sư tử ban đầu còn ngần ngại: «Thực quả ta thấy nó nhỏ quá, và không rõ làm cách nào ta có thể vào trong đó được!» Ông lão nói; «Ngài cứ cúi xuống rồi bò vào, lúc vào đến trong, ngài sẽ thấy dễ chịu hết sức!» Sư tử cúi xuống, tấm thân mềm dẻo của nó lách vào trong hòm chỉ để thò chiếc đuôi ra ngoài. Người thợ mộc vội cuốn cái đuôi nhét tất cả vào, chỉ trong nháy mắt, lão bịt lỗ hở và đóng đinh thật chặt!

Sư tử thử cựa và lùi lại, nhưng đầu đinh nhọn tứ phía đâm vào da nó như xiên chả. Nó gầm lên đau đớn: «Lão thợ mộc ơi, cái nhà chật chội mà anh làm cho ta và những chiếc đinh nhọn đâm vào da thịt ta này là thế nào?»

Nghe nói vậy, ông lão reo lên đắc thắng rồi nhảy cỡn lên, cười nhạo và nói với sư tử: «Đó là những cái đinh nhọn của Ip Ađam đấy! Hỡi con chó ở vùng hoang vắng kia, mày đã thiệt thân để thấy rằng ta Ip Ađam mặc dù xấu xì, hèn hạ, yếu đuối, ta vẫn có thể thắng được sự can đảm, dũng mãnh và vẻ tốt mã!»

Nói xong những lời làm dựng bờm Sư tử, ông lão nghèo khổ châm một cái đuốc, nhặt gỗ chất quanh hòm và đốt tất cả... Về phần tôi (1), chưa bao giờ bị tê liệt vì kinh hãi như lúc đó. Tôi đứng trông người bạn sấu số bị thiêu sống và chết một cách đau đớn; Ip Ađam

(1) Lời Ngỗng kể chuyện.

không thấy tôi vì tôi nằm sát đất. Ông bỏ đi một cách rất đắc thắng.

Mãi về sau, tôi mới đứng dậy và đi theo một hướng khác, tâm hồn đầy lo âu.

Thế là tôi tới đây, và số mệnh cho tôi được gặp các vị nhân từ ở đây.

Chàng Công và chị vợ nghe câu chuyện của ngỗng xúc động lắm. Công cái nói với ngỗng cái:

— Chị ơi! ở đây yên ổn, mời chị ở lại cùng chúng tôi bao lâu cũng được, cho đến khi chúa Ala đem đến cho chị sự bình tâm, điều đáng quí nhất sau sức khỏe. Vậy chị hãy ở lại đây chia ngọt sẻ bùi với chúng tôi.

Ngỗng từ chối.

— Tôi sợ lắm! sợ lắm!

Công cố nài:

— Không nên sợ. Cố tình muốn tránh số phận không được đâu. Cái gì đã viết lên trán ta thì sẽ phải thực hiện. Vay hết hạn thì phải giả. Nếu ngày tận số đã định rồi, thì chẳng có gì xóa bỏ được. Điều giúp chị bình tâm, tự an ủi được, là tin rằng, chưa hưởng hết ơn của đức Ban phát công minh thì chưa thể chết.

Chúng đang chuyện trò, thì nghe có tiếng cành cây gẫy, tiếng chân bước. Chị Ngỗng run lên, vỗ cánh bay ra biển, kêu:

— Đứng im! đứng im! Số phận nào cũng phải thực hiện.

Nhưng chẳng có gì nguy hiểm. Một chú nai đẹp, mắt ướt, rẽ cành ló đầu ra. Chị Công gọi chị Ngỗng:

— Chị ơi! đừng sợ như thế. Giở lại đi! Chúng mình có một vị khách mới, một chú nai xinh xắn, thuộc loài thú như chị thuộc loài cầm ấy mà. Chú ta không ăn thịt sống mà ăn cỏ, ăn cây dưới đất. Giở lại đi. Đừng nên như thế vì không làm gì bao tồn thân thể và tâm hồn bằng sự lo âu, sợ hãi.

Ngỗng cái bay giở lại, ưỡn ẹo đôi hông. Chú nai sau lời chào hỏi, nói:

— Đây là lần đầu tiên tôi đến đây. Chưa ở đâu, tôi thấy đất đai màu mỡ, cây cỏ tốt tươi ngon lành như thế này. Cho phép tôi được kết bạn với các vị và cùng hưởng ân huệ của đấng tạo hóa.

Cả ba đồng thanh:

— Xin vui lòng, hỡi anh nai lịch sự. Anh sẽ tìm thấy ở đây sự phong lưu, sự dễ dàng, và bầu không khí gia đình ấm cúng.

Thế là, trong một thời gian dài chúng cùng nhau ăn uống, hít thở khí giời trong mát, sáng, chiều vẫn nhớ cầu kinh, chỉ trừ ngỗng cái, tưởng đã được bình yên nên quên cả bổn phận đối với chúa Ala. Ngỗng cái đã phải giả bằng tính mệnh sự vô ơn này.

Một buổi sáng một chiếc tàu hư hỏng bị đánh dạt vào bờ. Thủy thủ lên đảo thấy nhóm công, ngỗng, nai vội tiến đến bắt. Vợ chồng công bay đậu lên ngọn cây. Nếu nhảy mấy bước là đã chạy được xa. Chỉ còn ngỗng cái ì ạch chạy lăng quăng. Thủy thủ vây, bắt được làm thịt. Bữa ăn đầu của họ trên đảo.

Vợ chồng công trước khi từ giã đảo về khu rừng quê hương, kín đáo tìm hiểu số phận ngỗng thì gặp đúng lúc người ta đem làm thịt. Chúng đi tìm anh bạn nai. Chào hỏi và mừng thoát nạn xong, vợ chồng Công cho Nai biết nỗi bất hạnh của ngỗng. Cả ba nhớ bạn, sụt sùi. Chị công than:

— Chị ngỗng thật dịu dàng, khiêm tốn và lịch sự.

Chú nai hỏi:

— Có vậy, nhưng gần đây chị ấy chểnh mảng nhiệm vụ đối với chúa Ala, quên cảm tạ những ân huệ của Người.

NGƯỜI CHĂN CHIÊN VÀ CÔ THIẾU NỮ

Trong một vùng rừng núi xứ Hồi giáo, có một lão chăn chiên đức hạnh và sùng đạo. Lão sống bình tâm, kín đáo, sống bằng sữa và len đàn cừu, vui với phận mình. Lão dịu dàng: nhiều phước. Thú rừng không chạm đến cừu của lão. Thấy lão từ xa, chúng kêu, chúng thét chào lão. Lão cứ sống như thế, yên ổn và hạnh phúc, bỏ ngoài tai mọi chuyện ở nơi đô thị xa xôi.

Một hôm, đức Ala tối cao muốn thử xem lão khôn ngoan đức độ đến bậc nào. Chúa thấy không có gì quyến rũ hơn nhan sắc phụ nữ. Ngài cho một vị thiên thần xuống làm một người đàn bà, cho dùng hết mánh khóe phụ nữ để vị thánh chăn chiên phải phạm lỗi.

Ông già, vốn ốm đã lâu, đang nằm trong hang, thầm niệm chúa thì thấy một thiếu nữ tươi cười, mảnh dẻ, mắt đen lay láy, bước vào. Hương thơm bỗng ngào ngạt trong hang, lão già thấy da thịt rộn ràng. Tuy vậy lão cũng nheo mày, cau có, lên tiếng:

— Hỡi mụ đàn bà không quen biết kia, mụ đến có việc gì? Ta không cho gọi, cũng chẳng mảy may cần đến mụ.

Thiếu nữ lại gần, ngồi sát ông già:

— Chàng hãy nhìn em, em có phải là mụ đàn bà đâu, em còn trong trắng. Em đến hiến thân cho chàng, vì em thích thế và vì em được biết chàng là người đức hạnh.

Ông già mắng:

— Con mụ cám dỗ quỉ quái này! Cút đi! Để mặc ta hãy thân thờ phụng Đấng bất diệt.

Thiếu nữ uốn éo thân hình mềm mại, âu yếm nhìn ông già cứ lùi dần. Cô thở dài mà rằng:

— Sao chàng không ưa em? Chàng nói đi! Em đem đến hiến chàng một tâm hồn qui thuận. Cổ em trắng hơn sữa dê cái của chàng, da thịt em tươi mát hơn nước chảy từ khe đá. Hãy sờ mớn tóc em, nó mượt hơn lông tơ của cừu con trong bụng mẹ. Chàng lại đây! Làn môi em rung rinh sẽ tan chảy nơi miệng chàng. Lại đây, hỡi chàng! Hãy lại đây! Răng em chạm vào da thịt sẽ làm cho ông già hấp hối sống lại. Chất mật ngọt ngào sẽ rỉ từng giọt từng giọt từ mỗi lỗ chân lông trên người em. Chàng hãy lại đây!

Chòm râu ông già run run từng sợi. Nhưng ông vẫn cự tuyệt:

— Đồ quỉ! Lui! Gậy này mà ta phang cho thì đừng có trách.

Cô thiếu nữ nhà giời luống cuống vòng lấy cổ ông già, thì thầm vào tai:

— Em là một quả chua, dịu ngọt. Ăn đi, chàng sẽ khỏi. Chàng có biết mùi hương hoa nhài không? Trinh tiết của em làm thô đi mùi hương ngan ngát ấy.

— Chỉ có hương cầu nguyện là không phai nhạt. Cút khỏi nơi đây, đồ yêu tinh!

Ông gắt và đẩy lùi thiếu nữ bằng cả hai tay.

Thiếu nữ đứng lên, nhẹ nhàng cởi hết quần áo, thân mình tắm trong làn sóng đung đưa của mái tóc dài. Tiếng kêu gọi trong hang động im vắng còn mạnh mẽ, dữ dội hơn tiếng kêu trong cơn mê sảng. Ông lão không giữ được tiếng rên rỉ và để khỏi trông thấy đóa hoa huệ sống ấy, ông lấy áo khoác trùm kín lấy đầu mà hét:

— Đi đi! cút đi! con mụ có đôi mắt phản trắc. Từ thuở khai thiên lập địa, ngươi đã là nguyên nhân mọi tai họa của loài người. Ngươi đã đầy người tiền sử đến chỗ tiêu vong. Ngươi gieo rắc bất hòa giữa những đứa con của trái đất. Ai say mê ngươi đều mất hết niềm vui vô tận mà chỉ có ai gạt bỏ hẳn ngươi trong đời mới được hưởng.

Và ông lão càng trùm kín đầu hơn. Thiếu nữ nói:

— Chàng nói gì thế về cổ nhân? Những người khôn ngoan nhất đã thờ phụng em, những người nghiêm nghị nhất đã ca tụng em. Nhan sắc của em có làm cho họ đi sai chính đạo đâu mà soi đường cho họ, đạo khoái cảm cho cuộc đời của họ. Hỡi chàng chăn chiên! Khôn ngoan nhất là quện hết trong lòng em. Chàng hãy khôn ngoan trở lại đi. Em sẵn sàng mở lòng đón chàng và giúp chàng uống đúng nguồn khôn ngoan chân chính.

Ông lão quay hẳn vào vách hét lên:

— Lui ra, đồ giảo quyệt! Ta nguyền rủa ngươi. Ta phỉ nhổ ngươi. Ngươi đã phản bội bao người đáng kính đáng trọng, lại cứu vớt bao kẻ độc ác, xấu xa. Sắc đẹp của ngươi là dối trá. Kẻ biết cầu chúa thấy được cái đẹp mà kẻ nhìn ngươi không thấy. Cút ngay!

Đến đây, thiếu nữ reo lên:

— Hỡi vị chăn chiên thần thánh, cứ uống sữa đàn dê cái, cứ lấy len của chúng mà may. Cứ cầu Chúa trong chốn tĩnh mịch, với tấm lòng bình an.

Nói xong, thiên thần biến mất. Từ bốn phía núi rừng hoang thú ùa đến ông già, cúi rạp đầu xin lão ban phúc.

RÙA VÀ CHIM BÓI CÁ

Một con chim bói cá đậu trên bờ một con sông, vươn cổ quan sát dòng nước. Đây là một nghề kiếm sống để nuôi con. Nó chăm chỉ hành nghề, nuôi con chu đáo.

Nó đang chăm chú theo dõi từng xoáy nước, từng làn sóng thì thấy một xác người trôi qua rồi mắc nghẽn nơi mỏm đá nó đang đậu. Xác mang nhiều vết thương do mũi kiếm lưỡi thương đâm vào người. Nó nghĩ có thể là xác một tên cướp bị đền tội. Nó giương cánh lên mà ca ngợi đức Thưởng Phạt.

– Đáng kính thay Đấng đã dùng xác kẻ ác nuôi lũ tôi tớ tốt của Người.

Nó định sà xuống cái xác rỉa vài miếng đem về cho các con ăn và cùng ăn với con. Bỗng một đàn chim ăn thịt như kên kên, chim cắt kéo đến bay lượn thành những vòng lớn thu hẹp dần, tối sầm cả bầu trời. Thấy thế chim bói cá sợ bị bọn lang sói nhà trời ăn thịt, vội tung cánh bay xa. Sau mấy giờ nó đậu xuống một ngọn cây giữa cửa sông. Nó chờ dòng nước đẩy cái xác người trôi đến đây. Nó buồn rầu nghĩ đến những thăng trầm cùng sự bấp bênh của số phận. Nó tự nhủ: « Ta buộc phải xa xứ sở xa bờ sông đã là nơi ta sinh ra, và là nơi hiện nay có đàn con, có vợ ta ở. Ôi đời thật là phù phiếm, và càng phù phiếm hơn kẻ nào bị lừa về cái vẻ bề ngoài, tin ở may rủi, sống không biết đến ngày mai. Ta mà khôn hơn một chút thì đã tích lương thực cho những ngày đói kém như ngày nay và đâu có phải lo bọn sài lang trên không đến tranh ăn. Nhưng người hiền đã khuyên ta nên kiên nhẫn trong thử thách thì ta hãy kiên nhẫn ».

Đang nghĩ ngợi, nó thấy một con rùa từ mặt nước nổi lên, trôi lềnh bềnh đến chỗ cái cây nó đậu. Rùa cất cổ nhìn thấy chim thì chào hỏi và nói:

— Sao anh lại bỏ chốn bờ sông, nơi tôi thường gặp anh mà đi như thế?

Chim đáp:

«*Nếu có một bộ mặt bỉ ổi đến ở trong lều anh, trong xứ sở của anh,*

Thì chỉ còn một cách, để lều, để xứ sở cho hắn mà chuồn cho mau.»

Hỡi chị Rùa tốt bụng, chỗ bờ sông của tôi sắp bị bọn lang sói trơn không chiếm đoạt. Không muốn trông thấy bộ mặt bỉ ổi của chúng, tôi bỏ tất cả mà đi, chờ cho chúa Ala thương xót đến số phận của mình.

— Anh đã bỏ tất cả mà đi, chẳng còn gì nữa, thì tôi xin đánh bạn cùng anh, hết lòng giúp đỡ anh. Tôi hiểu rằng một người xa xứ sở, xa gia đình khốn khổ biết bao và cần có tình cảm, sự ân cần của người khác. Trước kia, tôi mới chỉ trông thấy anh thôi, nhưng tôi sẵn nguyện làm người bạn thân thiết của anh.

Chim nói:

— Hỡi chị Rùa nhân đức, bên ngoài thì cứng mà mềm bên trong, tôi xúc động đến ứa nước mắt vì lòng tốt hồn nhiên của chị. Xin cảm ơn chị. Chị thật có tình có lý khi nói đến việc giúp đỡ người xa lạ, đến tấm lòng đối với kẻ không may. Đời còn có nghĩa lý gì nếu không có bạn, không được chuyện trò với bạn, không được cười, được hát với bạn — Người hiền là người biết tìm bạn ý hợp tâm đầu. Những người vì nghề nghiệp mà phải giao du, không phải ai cũng là bạn. Trước đây tôi thường đi lại với bọn bói cá như tôi. Chúng hay ganh tị vì tôi kiếm được nhiều cá. Bây giờ

ơi đi xa chắc hẳn chúng mừng lắm. Chúng ti tiện, ngu đần, chỉ biết chuyện cá mú nhỏ nhen, không biết nâng tâm hồn mình lên tới đấng Ban Phát. Chúng có cánh mà không bay cao chỉ chúc mỏ xuống đất. Nhiều kẻ không bay được nữa, chỉ biết nhào xuống, lắm khi ở luôn dưới đáy nước sâu.

Rùa im lặng nghe, rồi nói:

— Ôi anh bói cá! xuống đây cho tôi ôm hôn nào!

Chim bay xuống. Rùa hôn vào chỗ giao mi mà rằng:

— Quả thật, anh khó sống chung với những con chim cùng loại vốn không tế nhị, điệu bộ kém thanh tao. Hãy ở lại cùng tôi trên mảnh đất vàng vẻ nổi lên giữa vùng nước sóng vỗ rì rào, dưới bóng cây này.

— Cảm ơn chị quá, chị Rùa ơi! Nhưng còn là con tôi, còn vợ tôi thì sao?

— Chúa Ala vĩ đại và rộng lòng sẽ đem vợ con anh đến đây. Chúng ta sẽ sống yên ổn, không phải lo âu.

— Chị Rùa hỡi, chim nói, chúng ta cùng cảm tạ đức Tối Ưu đã cho chúng ta sum họp.

Rồi cả hai đồng thanh: « Đáng ca ngợi thay đấng Chúa tể. Có bao người nghèo, giàu nụ cười. Có bao kẻ giàu, nghèo hoan hỉ ».

SÓI VÀ CÁO

Con cáo đã lâu ngày bị chủ Sói hành hạ về bất kỳ việc gì và bị cướp hết quyền hành nên nó rất căm giận. Một hôm Cáo ngồi suy nghĩ dưới một gốc cây. Bỗng cáo nhảy lên, sung sướng vì chợt nảy ra được một kế để trả thù. Nó đi ngay tìm Sói và cuối cùng gặp Sói

đang xù lông, cau mặt cau may giận dữ. Từ xa Cáo đã quỳ tận đất, khúm núm bò đến trước mặt chủ, cúi đầu chờ chủ Sói hỏi.

Sói quát :

« Mày có việc gì ? đồ chó kia.

Cáo đáp :

« Xin đại vương xá tội ; hạ thần có một ý kiến muốn tâu trình đại vương và một lời cầu xin nếu đại vương cho hạ thần tỏ bày ý kiến.

Sói lại quát :

« Không được dài dòng ; nói xong thì cút ngay, không thì tao nhai xương mày ra.

Cáo đáp :

« Thưa đại vương, hạ thần thấy lâu nay Ip Adam luôn luôn gây sự với chúng ta ; đâu đâu cũng dầy dẫy bẫy, hầm cạn, đủ các loại ; nếu cứ để nó kéo dài như thế thì miền rừng núi của chúng ta sẽ không thể ở được nữa. Vì vậy, nếu tất cả Sói và Cáo chúng ta liên kết lại cùng nhau chống sự gây gổ nguy hại của Ip Adam và không cho nó bén mảng đến đất này thì đại vương có chấp nhận không ? ».

Nghe vậy, Sói thét lên :

« Đồ Cáo khốn nạn, ranh con mà quỷ quyệt đũa rếch đòi chòi mâm son à ! Này ! để tao cho mày một cái cho mày chừa ! » và Sói vả Cáo một cái làm Cáo bẹp dí xuống đất, gần chết.

Cáo phải khập khiễng lê mình đi, nhưng vẫn không dám tỏ nỗi bất bình, trái lại nó làm ra vẻ hài lòng và biết hối lỗi nói : « Xin đại vương xá tội vụng về cho kẻ nô lệ. Hạ thần xin nhận tội. Nếu hạ thần không biết tội của mình thì cái khủng khiếp có thể giết được con voi mà đại vương đã ban cho hạ thần cũng phải làm cho hạ thần sáng mắt ra ».

Thái độ của Cáo như vậy làm cho Sói bớt phần thịnh nộ; Sói bảo:

— Được; thế là từ rày mày không được chõ vào việc của người khác nữa.

Cáo nói:

— « Lời ngài dạy thật là chí lý! Nhà hiền triết đã nói! Không bao giờ nên nói gì trước khi người ta bảo mình nói, không bao giờ nên trả lời trước khi người ta hỏi và chỉ nên lo công việc của bản thân mình; nhất là đừng khi nào khuyên bảo gì cho những kẻ không thể hiểu được cũng như cho những kẻ hung tàn vì chúng sẽ lấy oán trả ân ».

Đó là mấy lời Cáo nói với Sói, nhưng trong thâm tâm Cáo lại nghĩ rằng: thời của tao sẽ đến và mày sẽ trả nợ cho tao đến đồng xu nhỏ! Sự láo xược, kiêu căng, gây gổ không chóng thì chầy sẽ bị trừng phạt. Mình phải chịu nhục cho đến khi mình thực khỏe đã. Rồi Cáo lại nói với Sói:

— « Thưa chủ nhân, như ngài vẫn biết, công bằng là đức hạnh của người mạnh và lòng thương người cùng phong cách dịu dàng là thiên tư của người lớn. Chính chúa Ala cũng tha thứ cho người biết ăn năn tội lỗi của mình. Tội lỗi của hạ thần rất nặng, hạ thần đã ăn năn lắm lắm; nhờ cái vả rất đau ngài đã rộng lòng ban cho hạ thần, thật ra, làm cho hạ thần bị dừ người, nhưng đó là một phương thuốc quí báu cho tâm hồn và nguyên nhân của niềm hân hoan đúng như lời hiền nhân đã nói: Sự trừng phạt của người giáo dục ta ban đầu đượm mùi cay đắng, nhưng sau đó dư vị của nó lại ngon ngọt hơn mật đã canh lên ».

Sói đáp:

— Tao nhận lời xin lỗi của mày và tao tha cho mày cái tội bắt tao phải vả cho mày một cái: nhưng mày phải quỳ xuống, đầu sát đất hơn nữa.

Không một chút do dự. Cáo quỳ xuống, ra vẻ tôn sùng Sói, Cáo nói tiếp:

– « Cầu chúa Ala phù trợ ngài luôn luôn chiến thắng và nền thống trị của ngài được vững chắc.

Sói đáp:

– Được lắm! bây giờ mày hãy đi trước dẫn đường cho tao, và hễ thấy một con mồi nào thì chạy về báo cho tao ngay ».

Cáo vâng lệnh tức thì và vội bước đi trước Sói! Tới một vườn nho, Cáo thấy trên đường đi một chỗ đáng nghi ngờ, hình như bẫy. Cáo đi vòng ra xa để tránh tai vạ và nghĩ thầm: « Người nào đi mà không nhìn những lỗ dưới chân mình thì có thể trượt và rơi xuống đấy. Mình đã có nhiều kinh nghiệm về hầm bẫy của Ip Adam từ lâu rồi; phải đề phòng cẩn thận; ví dụ, nếu thấy một hình vẽ Cáo trong một bụi nho thì mình đã không lại gần mà phải ba chân bốn cẳng chạy trốn vì nhất định đó là một cái mồi của Ip Adam điên đảo khêu gợi ta. Quả vậy, mình thấy giữa vườn nho có một chỗ không đáng tin cậy. Mình hãy quay lại xem và phải rất cẩn thận vì cẩn thận là một phần nửa của tinh thần dũng cảm ».

Suy luận như vậy xong, Cáo từ từ bước tới, nhưng thỉnh thoảng lùi lại, và mỗi bước lại đánh hơi để thăm dò. Nó bò sát đất, vểnh tai lên rồi tiến lên để lại lùi xuống. Cứ như thế cuối cùng nó tới sát được chỗ đáng nghi. May cho hắn, hắn thấy rõ chỗ ấy là một cái hầm sâu, trên phủ cành cây và có rải đất vụn. Thấy vậy nó reo lên – « Cảm ơn Chúa Ala đã ban cho ta đức tính cẩn thận và con mắt sáng suốt ». Chỉ nghĩ đến việc Sói ta rơi xuống đó nó đã sung sướng nhảy lên như hắn say vì ăn hết cỏ vườn nho; rồi hắn cất tiếng hát:

« Sói! sói hung tợn! Mồ của mày đã đào sẵn, đất cũng sẵn để lấp mồ!

Sói! sói đáng nguyền rủa kia! đồ đĩ thõa đồ ăn thịt trẻ con! từ nay mày sẽ ăn cứt của tao ỉa vào mồm mày ở dưới lỗ hầm!

Lập tức nó quay trở lại tìm sói và nói:

— Xin báo ngài một tin lành. Phúc của ngài lớn lắm! thật là « phúc trùng lai! niềm vui mừng và sự hoan lạc trong gia đình không bao giờ hết! »

Sói hỏi?

« Tin gì, mày nói đi! chớ dài dòng như vậy ».

Cáo nói:

— « Hôm nay, nho đẹp lắm. Tất cả đều vui vẻ vì lão chủ vườn đã chết rồi; xác nó nằm ở giữa vườn cành cây phủ kín ».

Sói thét lên:

— « Mày còn chờ gì nữa! đồ khốn nạn, dẫn tao đến ngay đi mau! »

Cáo tất tả dẫn sói vào giữa vườn, chỉ chỗ nọ và nói:

— « Ở kia kìa! »

Sói ta hứ lên một tiếng và nhảy phóc một cái lên các cành cây, mạnh quá, làm cành cây gẫy nó lăn xuống đáy hầm. Thấy sói đã thụt xuống hầm, cáo vui sướng đến nỗi trước khi chạy đến gần để mừng thắng lợi, hắn nhảy lên và đọc mấy câu thơ:

« Linh hồn ta ơi! hãy mừng đi! tất cả nguyện vọng của ta đã đạt rồi! Đời của ta vui tươi biết mấy!

« Tất cả địa vị và vinh quang ở núi rừng đến về ta. Bây giờ nào nho ngon, nào mồi đất, nào mỡ ngỗng, đùi vịt, nào đùi gà, nào phao câu! »

Nói xong, nó liền nhảy dăm cái đã đến miệng hầm, tim đập rộn ràng; nó sung sướng biết bao khi nghe sói ta rên xiết, khóc than về cái chết chắc chắn của hắn. Thế là cáo cũng khóc cũng rên. Ngẩng đầu lên thấy cáo khóc, sói nói:

— « Bạn cáo ơi, bạn khóc cùng tôi như thế là bạn tốt quá. Vì vậy tôi mới thấy đôi khi tôi có khắt khe đối với bạn; nhưng bây giờ bạn hãy khoan khóc đã; và làm ơn chạy về báo cho vợ con tôi biết rằng tôi đang trong cơn nguy biến và cái chết đang đe dọa tôi! »

Nghe vậy cáo đáp:

— « A! đồ ăn cướp, đồ khốn nạn! mày ngốc đến nỗi tưởng tao khóc vì mày hả? ta khóc vì mãi đến nay mày còn sống yên thân, vì tai vạ này không đến với mày sớm hơn. Chết đi! đồ khốn kiếp! để tao đái trên mồ mày và tao sẽ nhảy múa trên mả mày cùng với tất cả loài cáo trên quả đất.

Sói tự bảo: « Bây giờ không nên dọa nó; chỉ có nó mới cứu được mình ra khỏi chỗ này ». Thế rồi sói lại nói với cáo:

— « Bạn ơi! chỉ một lát trước đây, bạn thề chung thủy, bạn tỏ bao vẻ phục tùng, vì sao bạn thay đổi như vậy? Quả thật trước kia tôi có xử tệ với bạn một chút nhưng bạn chớ căm thù tôi, bạn hãy nhớ lời thơ của thi sĩ rộng rãi gieo hạt từ tâm, ngay cả trên những mảnh đất cằn, chóng chầy người đó sẽ thu được kết quả quá sức ước mong ».

Nhưng cáo cười gằn, đáp:

— Ồ! đồ ngu ngốc nhất trong loài sói và dã thú, mày đã quên tất cả hành vi ghê tởm của mày rồi ư? Vì sao mày không biết tý gì về lời khuyên sáng suốt của thi sĩ:

« Đừng áp bức vì có áp bức là có trả thù, oan oan tương báo.

« Nếu sau khi hành động rồi, anh cứ ngủ ngon thì kẻ bị anh đàn áp chỉ ngủ một mắt, còn mắt kia luôn luôn theo dõi anh; nhưng mắt chúa Ala thì không bao giờ nhắm lại cả! » Thế mà mày đã áp bức tao từ lâu lắm rồi, cho nên bây giờ tao có quyền sung sướng thấy mày mắc nạn và thích thú thấy mày nhục nhã ».

Sói đáp:

— « Anh cáo khôn ngoan ơi! anh có nhiều ý kiến bổ ích, có óc sáng tạo, anh không có những lời nhỏ nhen ấy đâu và chắc chắn anh cũng không bao giờ nghĩ đến nữa; anh nói vậy để đùa đó thôi; thực ra cũng không phải lúc. Tôi nhờ anh lấy một đoạn dây, anh buộc một đầu vào một gốc cây và đầu kia anh thả xuống cho tôi; tôi sẽ vịn vào dây mà trèo ra khỏi hầm ».

Cáo cười và nói:

— « Sói ơi, thong thả, thong thả! linh hồn mày sẽ ra trước, xác mày ra sau. Đá và sỏi người ta ném vào mày sẽ làm việc đó. Đồ thô bỉ, đầu óc nặng nề, u mê, tao cho số phận của mày giống số phận của con diều hâu và con đa đa.

Nghe nói vậy, sói thốt lên:

— Tôi không hiểu bạn muốn nói gì bạn ạ ».

Cáo đáp:

— Sói ơi, một hôm tao đi kiếm ăn trong một vườn nho; bỗng một con diều hâu từ trên cây lao xuống một con đa đa nhỏ bé, đa đa tránh thoát được vuốt của diều hâu và chạy vào tổ trốn. Diều hâu đuổi theo đến miệng tổ, nói với đa đa:

— « Em đa đa đại dột ơi, vì sao em trốn anh? em không biết anh luôn luôn chăm sóc em hay sao? sở dĩ anh bắt em vì anh thấy em đói đã lâu ngày và anh muốn cho em những hạt anh đã lượm lặt cho em. Ra đây với anh, em đa đa bé nhỏ yêu mến của anh! em đừng sợ, ra đây ăn hạt! Hạt ngon lắm! ăn dễ tiêu, em đa đa ơi! em là linh hồn của anh. Anh quý em như quí con ngươi của anh! » Nghe những lời đường mật ấy, đa đa chui ra khỏi tổ: diều hâu lập tức nhảy chồm tới lấy vuốt nhọn xé thịt xé da của đa đa và một nhát mỏ, đa đa bị phanh thây! Trước khi chết đa đa còn nói được mấy lời: « Đồ phản trắc! Cầu chúa Ala hóa thịt tao thành thuốc độc trong bụng mày! ». Nói xong đa đa tắt thở. Còn diều hâu, nuốt chửng đa đa trong nháy mắt. Nhưng chúa Ala đã trừng phạt nó ngay. Diều hâu thấy trong lòng như lửa đốt, lông rụng tả tơi và diều lăn ra bất tỉnh ».

Cáo nói tiếp: « Còn mày sói! mày rơi xuống hố vì mày đã làm cho tao suốt đời khổ cực, nhục nhã vô cùng.

Sói nói với Cáo:

— « Bạn ơi, tôi van bạn! bạn hãy gác lại chuyện cũ: chúng ta hãy quên đi! Như thế này là tôi đã bị trừng phạt xứng đáng lắm rồi! Tôi đã rơi xuống hố, tý nữa gãy cả ống chân, đui cả mắt. Thôi, bạn hãy cứu tôi khỏi bước rủi ro này. Bạn biết rằng tình bè bạn là quý báu nhất, khi có hoạn nạn thì giúp nhau: và bạn thân còn thương yêu nhau hơn anh em ruột thịt nữa. Bạn giúp tôi ra khỏi chỗ này tôi sẽ là người bạn thân thiết nhất và người tâm giao khôn ngoan nhất của bạn ».

Nhưng cáo lại cười to hơn và nói:

— « Tao thấy rằng mày không biết lời dặn của thánh hiền ».

Sói ngạc nhiên hỏi: – Lời dạy gì? và thánh hiền nào?

Cáo nói:

— Đồ Sói bẩn thỉu! thánh hiền đã dạy rằng những người xấu xa, thô bỉ, hình thù kỳ dị như mày cũng mang một tâm hồn thô bỉ, không chút tế nhị nào. Lời ấy thật đúng với mày. Những lời này nói với tao về tình bè bạn rất đúng không ai chối cãi. Nhưng mày tự dối mày khi mày muốn lấy những lời đẹp đẽ ấy để che tâm hồn bội bạc của mày. Sói ngu xuẩn ơi! nếu khôn ngoan sao mày không tìm cách thoát khỏi chỗ này. Nếu mày thật khỏe thì mày thử thoát chết lần này cho tao xem nào! Mày lại làm tao nhớ lại chuyện ông thầy thuốc.

Sói hỏi: « Ông thầy thuốc nào? »

Cáo đáp: – Ngày xưa một anh nông dân bị một cái nhọt ở bàn tay phải nên không làm việc được. Khi đã cùng kế anh ta mới mời một người có tiếng về y khoa. Nhà bác học này tới nhà người ốm nhưng một con mắt lại bịt một tấm băng. Người ốm hỏi ông ta: « Mắt ông làm sao vậy, thưa ông? » Ông thầy thuốc đáp: « Một cái nhọt nó làm tôi không nhìn được ».

Người ốm kêu lên:

« Ông có nhọt mà ông không chữa được à! thế mà ông lại đến đây chữa nhọt cho tôi! Ông hãy quay lưng lại để tôi xem tài sức ông thế nào! « Còn mày! sói khốn nạn ơi! trước khi mày dạy khôn dạy khéo cho tao, mày hãy tìm cách thoát khỏi hố này và tránh cái gì người ta sẽ xối trên đầu mày. Nếu không thì mày cứ ở đấy mãi.

Nghe vậy, Sói khóc và cố gắng nói gượng mấy lời:

—« Bạn ơi! tôi van bạn! bạn hãy cứu tôi ra khỏi chỗ này! chẳng hạn bạn tới gần miệng hầm, thò đuôi

xuống cho tôi bám vào, tôi sẽ trèo ra được. Xin thề trước Chúa Ala là tôi sẽ xin tạ bao nhiêu tội lỗi của tôi trước kia; tôi sẽ mài cho mòn móng mòn răng để khỏi quấy rầy làng xóm; rồi tôi sẽ mặc cái áo của thầy tu khổ hạnh; tôi sẽ ẩn một nơi xa vắng để hối lỗi và tôi sẽ chỉ ăn cỏ và uống nước trong».

Không chút động lòng, Cáo đáp:

— «Từ bao giờ người ta có thể thay đổi bản chất dễ dàng như vậy? Mày là sói thì mày vẫn là sói. Mày không thể làm tao tin rằng mày đã hối cải. Tao dại gì thò đuôi xuống cho mày nắm! Tao muốn nhìn mày chết thôi! Thánh hiền đã dạy:

«Cái chết của kẻ ác là một điều tốt cho loài người vì nó làm cho trái đất trong sạch hơn».

Nghe Cáo nói, Sói thất vọng cắn cẳng cố nén căm uất; nhưng rồi nó lại dịu giọng tán tỉnh:

— Anh Cáo ơi, họ nhà Cáo có tiếng là lịch sự, tinh nhã, hùng biện, hiền từ. Anh hãy nhớ tới những truyền thống họ hàng nhà, chớ đùa như thế này nữa!»

Nghe Sói nói vậy, Cáo phá lên cười đến nỗi ngất đi. Nhưng nó tỉnh lại ngay và nói với Sói:

— Đồ vũ phu kỳ lạ này, tao biết rằng mày cần được giáo dục nữa. Nhưng tao không có thì giờ đảm đương công việc đó và tao chỉ muốn trước khi mày tan xác, nhét vào tai mày mấy câu của các bậc thánh hiền. Phải biết rằng cái gì cũng có thuốc chữa, trừ cái chết; người ta có thể làm cho thối nát tất cả trừ kim cương.

Còn mày, như mày vừa nói với tao thì phải, mày sẽ thưởng cho tao và kết bạn với tao khi ra khỏi hố. Tao ngờ mày cũng giống như con rắn mà có lẽ vì ngu dốt nên mày chưa biết tới chuyện đó.

Sói thú nhận không biết gì cả. Cáo liền kể:

— Sói này, đúng vậy, ngày xưa một con rắn trốn thoát khỏi tay người làm xiếc rong. Vì bị giam giữ lâu ngày trong bị của chủ, nên nó mất thói quen, không bò được nhanh, và chắc chắn nó sẽ bị người làm xiếc tìm thấy hoặc bị giẫm chết nếu không gặp một người có lòng nhân từ đi qua nhặt về sưởi ấm cho nó. Thế rồi khi đã hồi sức, việc đầu tiên của nó là tìm chỗ hiểm của người đã cứu nó cắn một nhát. Người đó ngã lăn ra chết ngay tức khắc. Hơn nữa, nhà thi sĩ đã từng nói:

« Hãy coi chừng, anh bạn chơi rắn! khi con rắn độc mềm mại mơn trớn vuốt ve anh, anh hãy lùi lại! Nó sẽ quăng mình và nọc độc của nó sẽ vào máu thịt anh cùng với cái chết! »

Này sói, ngoài ra còn có những lời thơ tuyệt diệu đúng với trường hợp của tao:

« Khi một đứa bé vẫn tỏ ra ngoan ngoãn với mày và mày lại hành hạ nó, mày chớ ngạc nhiên nếu nó căm thù mày thấu tim gan và nó sẽ đánh què mày khi nó trưởng thành! »

Còn tao, đồ khốn kiếp, tao sẽ mở đầu xử phạt mày và cho mày khai vị trước khi những sự dịu dàng và những hòn đá nhẵn nhụi đến vuốt ve lên đầu mày dưới đáy hầm, trong khi chờ tao rộng rãi tưới lên mộ mày, tao có cái này biếu mày! Hãy ngẩng đầu lên mà trông!

Nói xong. Cáo quay lưng lại, tỳ hai chân sau lên miệng hố, đái như mưa xuống đầu Sói, làm thơm Sói cho đến phút cuối cùng.

Xong nó trèo lên mô đất cao, gào như điên như cuồng để gọi người chủ và người gác vườn tới. Giây

lát họ kéo đến ầm ầm. Thấy họ tới gần. Cáo vội lẩn đi, nấp vào một chỗ gần đó để ngắm những hòn đá tảng do những người chủ vườn mãn ý lao xuống hố, và để nghe tiếng hú hấp hối của Sói, kẻ thù của nó.

TRUYỆN CON CHUỘT NHẮT VÀ CON CẦY

Xưa có một người đàn bà làm nghề xát vừng. Một hôm có người mang một đấu vừng loại tốt nhất đến, nói:

— Thầy thuốc đã bắt một bệnh nhân chỉ được ăn vừng! chúng tôi mang tới nhờ bà đãi sạch và xát vỏ hộ.

Người đàn bà nhận vừng. Hết ngày hôm đó bà ta đãi và xát vỏ xong. Đấu vừng trắng muốt, xát sạch, ngon mắt quá. Một con cầy rình mò quanh đó trông thấy thèm rỏ rãi. Đêm đến nó làm ngay cái việc chuyển đám vừng ở mâm vào hang. Nó làm tận lực, đến sáng cả mâm vừng chỉ còn lại vài nắm.

Nấp trong lỗ, cầy có thể thấy vẻ kinh ngạc và sự giận dữ của bà xát vừng khi thấy vừng trên mâm gần như bị quét sạch. Bà ta kêu:

— Chà! Giá mà bà thấy đứa ăn trộm! Đúng là mấy con chuột nhắt khốn kiếp quấy phá nhà ta từ khi con mèo chết đi. Bà mà thấy một con thôi, cũng bắt nó đền tội cho cả lũ!

Nghe vậy, con cầy tự nhủ:

— Phải tránh mối thù của mụ chủ. Mụ đang nghi con chuột nhất định phải làm cho mụ tin chắc như thế. Nếu không mụ rất có thể buộc tội ta mà đánh ta sụn lưng.

Nó bèn đi tìm chuột và nói:

— Chị ạ, xóm giềng phải nhờ vả nhau. Thật không gì ghê tởm bằng một người láng giềng ích kỷ, không chú ý gì đến hàng xóm, và trong những dịp giỗ tết chẳng dám biếu ai món ăn ngon hay bánh ngọt do các bà chủ nhà làm ra.

Chuột nhắt đáp:

Đúng đấy, chị bạn quí ạ. Vì vậy tôi rất thích thú được làm bạn láng giềng với chị mặc dầu chị mới tới đây có vài ngày. Rất cảm ơn những ý tốt đẹp chị đã nói với tôi. Cầu chúa Ala cho tất cả những người láng giềng đều thật thà và đáng mến như chị! Này, nhưng chị định báo tin gì cho tôi thế?

Cầy nói:

— Mụ chủ nhà kia có nhận một đấu vừng tươi rất ngon lành Mụ và lũ con đã ăn hết, chỉ để lại một hai nắm. Tôi đến báo chị rõ điều đó. Tôi thích để chị hưởng một nghìn lần hơn là để cho bọn trẻ con phàm ăn nọ.

Nghe vậy, chuột nhắt hết sức hoan hỉ nhẩy cẫng lên và ngoáy đuôi lia lịa. Không kịp suy nghĩ, không nhận ra vẻ mặt giả nhân giả nghĩa của cầy, không đề ý đề phòng mụ chủ nhà đang đứng rình, và cũng không tự hỏi vì sao cầy có được hành vi hào hiệp như vậy, chuột ta chạy thật lực và nhẩy bổ vào giữa mâm, có đám vừng đã xát vỏ lấp lánh chói lọi. Nó vục đầy một mồm. Lúc đó bà chủ nhà nấp sau cửa đập một gậy, đầu chuột nhắt vỡ đôi!

Thế là con chuột đáng thương, vì lòng tin dại dột đã mất mạng vì tội kẻ khác.

Nghe đến đây, vua Saria nói: « Saradát này, câu chuyện đã chẳng cho ta một bài học về tính thận trọng đấy sao! Nếu ta biết từ trước, nó đã giúp ta chớ tin

cậy vô bờ bến vào vợ ta, con đĩ ta đã tự tay giết đi, và cũng chớ tin cậy lũ quan hoạn da đen, bọn bất tin đó đã giúp nó phản bội! Nhưng nàng không kể cho ta nghe một chuyện về tình bạn thủy chung ư?

Baradát kể:

QUẠ VÀ CẦY HƯƠNG

Quạ và cầy hương kết bạn với nhau rất thân và thường cùng nhau chung sống những giờ vui đùa thỏa thích. Một hôm chúng đang nói với nhau những điều chắc chắn là quan trọng vì chúng không để ý đến mọi việc xảy ra chung quanh, bỗng tiếng hổ gầm khủng khiếp từ phía rừng vang lại làm chúng giật mình.

Quạ ở phía dưới, đậu trên một thân cây cạnh cô bạn, vội bay lên cành cao; còn cầy, quá hoảng sợ không biết trốn vào đâu vì ngay tiếng gầm của hổ từ nơi nào đến nó cũng chẳng biết rõ nữa. Trong lúc bối rối, cầy nói với quạ:

— Bạn ơi, làm gì bây giờ? Có cách nào cứu tôi không?

Quạ đáp:

— Bạn thân mến. Tôi sẵn sàng đương đầu với mọi nguy hiểm để giúp bạn tai qua nạn khỏi. Trước khi cứu bạn, tôi xin đọc bạn nghe lời thi sĩ:

«*Tình bạn chân thực làm ta lao mình vào chốn hiểm nguy, không ngại hy sinh để cứu người thân mến;*

Chính là cái tình nó đã làm ta lìa bỏ tài sản, mẹ cha, gia đình để tìm lại tri âm!».

Đọc xong, quạ vội bay thẳng về phía một đàn súc vật đang qua đó, có những con chó to như những con

sư tử coi giữ. Quạ đến một con chó, sà xuống mổ một cái ra trò vào đầu. Rồi lại sà xuống con khác; cứ thế nó trêu tức tất cả bầy chó, bay chuyền từng quãng để chó đuổi theo mà không đớp được. Quạ lại ra sức kêu quang quác để giễu chúng. Lũ chó mỗi lúc một tức giận hùa nhau đuổi bắt cho đến lúc bị dẫn vào giữa rừng. Tiếng sủa vang khắp rừng, quạ đoán rằng con hổ sợ hãi tất phải chạy trốn; quạ liền bay vụt đi để bọn chó lại phía sau rất xa đang cụp tai quay về với đàn súc vật. Quạ tìm gặp cô bạn cầy hương mà nó vừa cứu khỏi cơn hiểm nghèo. Nó cùng bạn sống thanh bình yên ổn.

TRUYỆN CON QUẠ VÀ CON CÁO

Một con cáo đã phạm nhiều tội ác, cướp bóc đã nhiều, nay về già cùng vợ lui về một thung lũng có nhiều thú rừng. Ở đấy hắn tiếp tục tàn sát những con thú nhỏ. Chẳng bao lâu, núi rừng hết sạch mồi, nó phải ăn thịt cả con. Một đêm nó giết luôn cả vợ nhai ngấu nghiến. Và thế là từ đấy chẳng còn gì cho vào bụng được nữa.

Nó già quá, không đủ sức rời chỗ ở, cũng không còn đủ nhanh nhẹn đuổi bắt thỏ hoặc vồ đa đa. Nó đang bận nghĩ về cuộc đời xám xịt trước mắt thì thấy một con quạ có vẻ mệt nhọc đậu xuống một ngọn cây, cáo nghĩ: « Đánh bạn với chú quạ này mà lợi dụng thì hay đây. Hắn có đôi cánh khỏe làm được cái việc mà đôi chân bại của ta không làm được. Hắn sẽ kiếm cho ta ăn, làm bạn với ta ở cái nơi vắng vẻ mà ta bắt đầu thấy khó chịu này. « Hắn bèn đến chỗ gốc cái cây có quạ đậu để nói cho nghe rõ. Hắn chào quạ, rồi tán tỉnh.

— Hỡi anh bạn láng giềng! Anh biết đấy, sống cạnh nhau thì mỗi tín đồ Hồi giáo chúng ta có hai điều quí: được làm tín đồ là một, được là người hàng xóm với nhau là hai. Tôi thấy ngay ở anh hai điều quí ấy, thấy anh đáng mến là mến ngay không cưỡng được. Thế anh thấy tôi thế nào?

Quạ nghe thế, bật buồn cười, cười đến muốn lăn từ ngọn cây xuống:

— Quả thực tôi ngạc nhiên lắm. Tình bạn lạ lùng này nảy nở từ bao giờ thế nhỉ? Và anh trở nên thành thật từ bao giờ? Xưa kia anh bao giờ cũng chỉ thành thật ở đầu lưỡi. Và từ bao giờ hai giống rất khác nhau, anh giống thú, tôi giống cầm lại có thể hòa hợp tuyệt như vậy? Nhất là, anh cáo hỡi! anh hùng biện như thế, xin anh cho biết từ bao giờ giống thú các anh thôi không ăn thịt kẻ khác, còn giống cầm chúng tôi hết bị kẻ khác ăn thịt? Anh ngạc nhiên? Không hề gì. Thôi nào, con cáo già xảo quyệt kia, hãy nhét những lời hay ý đẹp ấy vào trong cái bị hai túi của anh đi, và đừng có nói đến thứ tình bạn thiếu thử thách ấy nữa.

Cáo nói:

— Hỡi anh quạ chí lý, anh lý lẽ hay lắm. Nhưng xin anh biết cho rằng đối với Đấng đã tạo nên tấm lòng của sinh linh, không có gì Ngài không làm được. Ngài đã đột ngột tạo trong tôi tình cảm đối với anh. Muốn cho anh thấy những loài khác nhau có thể hòa hợp với nhau rất tốt đẹp, và muốn có những chứng cớ mà anh đòi hỏi một cách chính đáng, không có gì hơn là kể anh nghe Truyện con Rận và con Chuột, nếu anh muốn nghe.

Quạ nói:

— Vì anh nói đến chứng cớ, tôi sẵn lòng nghe chuyện ấy mà tôi chưa nghe bao giờ.

Cáo bèn kể:

Hỡi anh bạn đáng yêu, mấy học giả thông kim bác cổ có kể rằng trong nhà một phú thương có một con rận và một con chuột, mỗi con chọn cho mình một nơi ở thích hợp nhất.

Rận hút mãi máu chú mèo phát chán, một đêm mò lên giường bà chủ, lần dưới áo dài vào áo lót, mò đến đùi, đến háng rồi đến chỗ nhạy nhất mà hút, no cứng bụng. Bà chủ bị đau, tỉnh giấc thò tay vào đúng chỗ bị đốt. May chú rận luồn được vào nếp quần cộc, những nếp này thì nhiều vô kể ở thứ quần đặc biệt này của phụ nữ. Từ nếp quần rận bò xuống đất. Thế là thoát khỏi bị bà chủ bóp chết. Hắn trốn vào cái lỗ đầu tiên hắn gặp. Bà chủ bị đốt đau, thét lên. Bọn nô tì chạy đến. Khi đã biết vì sao bà chủ kêu, thì họ xắn tay áo lên tìm rận. Hai cô tìm trong áo dài, một cô tìm trong áo lót, hai cô tìm trong chiếc quần cộc rộng, tìm lần lượt trong tất cả các nếp. Bà chủ trần truồng dưới ánh đuốc cùng tìm. Bà nhìn khắp phía trước thân thể bà, còn một nô tì thân cận tìm phía sau. Nhưng anh quạ hẳn đoán được rằng họ chẳng tìm thấy rận.

Quạ kêu lên:

— Những chứng cớ anh nói, ở đâu?

Cáo tiếp:

— Cái lỗ rận trốn chính là lỗ chuột. Chuột thấy rận vào một cách tự nhiên thì bực lắm, mắng:

— Con rận kia, mi không cùng loài, không cùng chất với ta, mi một con vật ăn bám, đáng ghét, mi vào đây làm gì?

— Hỡi chị chuột mến khách, rận nói, thật vạn bất đắc dĩ tôi mới xâm phạm trắng trợn đến nơi ở của chị. Chả là bà chủ muốn giết tôi, chỉ vì một chút máu tôi hút ở bà, đành rằng đấy là máu loại một, mềm, mát,

để tiêu! Tin tưởng vào lòng tốt của chị, tôi đến cầu cứu chị, xin chị cho tôi trú ở đây cho đến lúc tai qua nạn khỏi. Chị đừng phiền lòng, chị không phải đi đâu cả. Tôi sẽ biết ơn chị thật mặn mà và chị sẽ phải cảm ơn Chúa đã cho chúng ta sum họp.

Chuột nghe giọng rận chân thành, bảo:

— Hỡi chú rận, nếu thế, chú có thể yên ổn ở đây làm bạn với tôi trong lúc gian nan cũng như trong khi may mắn. Còn chút máu hút ở đùi bà chủ thì đừng bận tâm đến nữa, cứ khoan khoái mà tiêu hóa đi thôi. Đâu có ăn thì tìm đến đấy, không có gì đáng trách cả. Chúa Ala cho ta cuộc sống không phải là để ta phải chết đói, chết khát.

Rận nghe chuột thuyết, lấy làm cảm động mà rằng:

— Hỡi chị chuột của em! cuộc đời ta chung sống với nhau sẽ êm đẹp biết bao! cầu chúa cho chóng tới lúc em được đền ơn lòng tốt của chị.

Cái lúc ấy chẳng bao lâu đã tới. Ngay tối hôm ấy chuột rình trong buồng lão thương gia, nghe có tiếng kim khí chạm nhau. Thì ra lão thương gia đếm đina bỏ vào một cái túi, xong giấu xuống dưới gối lên giường nằm ngủ. Chuột gọi rận kể cho nghe và bảo:

— Đây là dịp chú giúp chị. Chú cùng chị khiêng túi tiền này về hang.

Rận nghe bối rối lắm. Việc thật là quá sức. Nó buồn rầu bảo chuột;

— Chị ơi! chị không thấy sức vóc em sao? Em làm thế nào mà cõng được một đina? Hàng nghìn con rận chung sức cũng không lay nổi nữa là! Tuy vậy, em vẫn có thể giúp ích rất nhiều cho chị. Em đây này, em, rận, em xin đảm nhận việc khiêng hắn lão lái ra khỏi buồng, ra khỏi nhà nữa là khác. Thế là chị làm chủ, cứ thong thả, tha hồ mà khuân đina về hang.

— Hay quá! Thế mà chị không nghĩ ra. Còn hang của chị thì rộng lắm, chứa được tất cả số vàng này. Hơn nữa chị đã bố trí bảy chục cái cửa ra, đề phòng người ta bịt kín hang, nhốt chị. Chú định xoay xở thế nào, làm ngay đi.

Rận nhảy vài bước lên giường lão thương gia đang ngủ. Hắn đến thẳng lỗ trôn lão mà đốt như rận chưa từng đốt lỗ trôn người như thế bao giờ. Lão thương gia thức dạy đưa ngay tay đến cái chỗ đáng trọng ấy, mà chú rận đã vội vàng bỏ đi. Lão chửi rủa vang động cả căn nhà yên lặng. Lão quay ra, quay vào định ngủ lại. Nhưng tính như thế là không biết đến kẻ thù. Rận thấy lão cứ bướng bỉnh nằm lại thì điên tiết lên, đến cắn một phát cực kỳ mạnh vào cái chỗ dễ đau nhất gần lỗ trôn. Lão chủ giật mình đánh thót, thét lên rồi tung chăn, cởi quần áo chạy đến cái giếng dưới nhà mà tắm. Tắm xong, không về buồng, nằm luôn trên chiếc ghế trong vườn mà ngủ.

Trong nhà, chuột khuân hết vàng của lão. Sáng dậy, không còn lấy một đina trong cái túi.

Và như thế là rận đã giả ơn gấp trăm lần lòng hiếu khách của chuột.

— Cáo nói tiếp:

— Và anh, anh quạ, tôi mong anh sẽ được thấy lòng tận tụy của tôi để giả ơn việc anh ký kết làm bạn với tôi.

Nhưng quạ vẫn khăng khăng:

— Thưa ngài cáo! chuyện của Ngài chưa thuyết phục được tôi. Vả lại người ta có thể làm, có thể không làm điều tốt lành, nhất là khi điều ấy lại mang tai

họa cho mình. Từ lâu anh vốn nổi danh vì bao chuyện bỉ ổi và vì hay nuốt lời. Tôi không thể tin những kẻ như thế, nhất là mới đây, kẻ ấy đã phản bội và giết hại bác Sói láng giềng. Tôi biết chuyện này, chuyện đã làm xôn xao tất cả loài cầm, thú. Đến cùng loài thú với anh, anh còn hy sinh, nói chi đến kẻ khác loài. Anh có thể đã giao du lâu, có thể đã tìm đủ cách nịnh bợ người ta, anh vẫn cứ dễ dàng thủ tiêu kẻ khác giống vốn không ưa cái giống thú các anh. Tôi nhớ một câu chuyện đúng với trường hợp này.

– Chuyện gì vậy, cáo hỏi.

– Chuyện chim kên kên.

– Tôi không biết chuyện ấy. Xin kể cho nghe. Và quạ kể:

Có một con kên kên độc ác quá chừng. Không một con chim nào dù to, dù nhỏ không bị nó hành tội. Nó đã làm cho lũ lạng sói trên không cũng như lũ lang sói dưới đất khiếp đảm. Nó đến đâu, giơ mỏ, xù lông lên, là chim ăn thịt dữ tợn nhất cũng phải nhả mồi, bỏ đấy mà chạy cho nhanh. Nhưng rồi năm tháng chứa chất trên đầu đã làm cho nó trụi lông, cùn móng, rụng mỏ. Lại thêm thời tiết xấu khiến thân nó bị liệt, cánh nó hết bay! Trông nó thảm hại đến nỗi kẻ thù của nó chẳng buồn trả đũa, chỉ khinh bỉ mà thôi. Ăn uống thì toàn những thứ thừa thãi của muông thú.

Còn anh, cáo hỡi, sức thì kiệt, mà lừa dối vẫn còn nguyên. Anh yếu đuối như thế, mà lại muốn kết bạn với tôi là kẻ, nhờ chúa, còn giữ nguyên đôi cánh khỏe cọn mắt tinh, cái mỏ nhẵn. Anh chớ có lẫn ngu như con chim sẻ. Cáo ngạc nhiên:

– Anh muốn nói con chim sẻ nào?

Cáo nói: xin nghe đây.

Có một đàn cừu đang ăn trên một cánh đồng cỏ. Một con chim sẻ theo gót đàn cừu lấy mỏ bới đất tìm mồi. Bỗng một con đại bàng to lớn sà xuống quắp một con cừu non bay đi. Chim sẻ thấy thế rất đỗi tự hào về loài chim. Hắn giang đôi cánh, nghĩ: « Ta cũng biết bay và có thể quắp cả một con cừu to tướng ». Hắn bèn chọn con cừu to nhất trong đàn, có bộ lông dày đến nỗi phía dưới bụng quấn lại thành một tảng bầy nhầy, hắc mùi nước đái. Chim sẻ sà xuống lưng con cừu ấy toan quắp bay lên. Nhưng vừa cựa quậy thì chân bị quấn vào đám len và bị giữ chịt lại. Người chăn cừu chạy đến tóm lấy, vặt hết lông ở cánh, lấy giây buộc chân lại cho trẻ con chơi và bảo:

— Các cháu hãy nhìn kỹ chú chim này. Hắn muốn tự so sánh với một con chim to lớn hơn. Đó là một điều bất hạnh và phải chịu hình phạt và bị bắt làm trò chơi.

Còn anh, anh cáo bại liệt, bây giờ anh lại muốn so sánh với tôi, vì anh đã cả gan đề nghị kết bạn với tôi. Thôi, đồ cáo già, hãy nghe tôi, cút đi.

Cáo hiểu không thể lừa được một kẻ khôn ngoan như quạ. Hắn tức điên người, nghiến răng đến gẫy mất một chiếc răng to. Quạ diễu:

— Tôi thật phiền lòng, vì tôi từ chối mà anh gẫy một chiếc răng.

Cáo nhìn quạ có vẻ kính trọng mà nói:

— Không phải anh từ chối mà tôi gẫy răng, chính vì tôi xấu hổ với một kẻ tinh quái hơn mình.

Nói xong, Cáo vội lùi mất.

II

TRUYỆN CHÀNG VÀ NÀNG HẠNH PHÚC

Ngày xưa ở thành Kupfa có ông Xuân là một nhà buôn giàu và có tiếng nhất.

Cưới vợ được một năm, ông được trời cho một cậu con giai rất xinh đẹp. Vừa lọt lòng, cậu bé đã cười nên ông ta đặt tên con là Hạnh Phúc. Được bẩy ngày, ông ra chợ nô lệ mua một người vú về hầu hạ vợ mình. Đến giữa chợ, ông chú ý nhìn suốt lượt và thấy giữa đám người đó, một người đàn bà có khuôn mặt dịu hiền, trên lưng địu một con bé đang ngủ. Ông ta nghĩ thầm «thật là may mắn!» và tìm gặp người môi giới, hỏi:

— Bao nhiêu tiền người nô lệ này và cả con bé nữa?

— Năm mươi đina vàng, không hơn không kém.

Ông Xuân thuận mua và nói:

— Anh viết hợp đồng đi rồi lấy tiền!

Sau khi làm xong mọi thủ tục mua bán, ông dịu dàng bảo người vú theo ông về nhà. Bà Xuân vừa thấy chồng đưa người vú về liền nói:

— Sao mình phí tiền thế? Tôi nằm cữ mấy ngày là có thể dậy làm việc nhà như trước được thôi.

Ông Xuân dịu dàng trả lời:

— Mình ạ! Tôi mua người vú này về là vì con bé mụ cõng trên lưng đấy. Chúng ta sẽ nuôi nó cùng thằng Hạnh Phúc và mình nên biết là cứ xem tướng trên mặt nó cũng biết con bé này lớn lên sẽ xinh đẹp không ai sánh kịp trên cả cái đất Irắc, Ba tư và Arập này.

Nghe vậy, bà Xuân quay lại dịu dàng hỏi người vú:

– Tên vú là gì?

– Thưa bà, người ta thường gọi tôi là Phồn Vinh.

Bà Xuân rất đỗi vui mừng, nói:

– Tên ấy hợp với vú lắm. Thế còn con bé?

– Tên cháu là May ạ.

Bà Xuân mừng quá nói:

– Nếu vú nói đúng như vậy thì thật là trời cho nó đến đây làm giàu cho nhà này đây.

Sau đó bà quay lại hỏi chồng:

– Theo tục lệ thông thường thì chủ phải đặt tên cho người làm. Vậy mình có ý đặt tên cho con bé là gì chưa?

– Tùy ý mình.

– Chúng ta đặt tên cho nó là cô Hạnh Phúc

– Được đấy.

Từ đó con bé được gọi là cô Hạnh Phúc và được nuôi cùng với cậu Hạnh Phúc. Hai đứa trẻ được chăm sóc như nhau, càng lớn càng đẹp. Cậu Hạnh Phúc gọi cô Hạnh Phúc là «em gái». Cô bé gọi cậu là «anh giai».

Khi cậu Hạnh Phúc được năm tuổi, người ta nghĩ đến việc tổ chức lễ cắt da quy đầu. Người ta chờ đến ngày đản giáo tổ mới làm lễ, cốt để cho ngày đó được đẹp đẽ. Thế rồi người ta trịnh trọng cắt cho chú bé, và chú không những không khóc mà lại còn vui vẻ cười luôn miệng như chú vẫn thường cười.

Đám rước đông đúc và trang nghiêm, gồm đủ mặt bà con, bè bạn của ông bà Xuân. Cờ phướn và kèn sáo dẫn đầu, đám rước đi qua các phố ở Kupfa. Chú bé ngồi chễm chệ trên cái kiệu đỏ đặt trên lưng một con lừa phủ gấm thêu. Cô bé Hạnh Phúc ngồi bên

cạnh, cầm khăn lụa phe phẩy quạt cho chú. Theo sau kiệu, các bà bạn, các bà láng giềng và trẻ con vừa đi vừa hò hét vui vẻ, còn ông Xuân, trong bụng nở từng khúc ruột, cầm cương chú lừa oai vệ và dễ bảo.

Khi trở về nhà, khách khứa lần lượt đến chúc mừng ông bà Xuân trước khi ra về. Họ nói

— Cầu trời phù hộ độ trì cho bác. Chúc bác hưởng hạnh phúc lâu dài.

Năm tháng trôi qua trong hạnh phúc và hai đứa trẻ lên mười hai tuổi. Một hôm ông Xuân đến tìm con thấy con đang chơi vợ chồng với cô Hạnh Phúc. Ông kéo con ra một chỗ và nói:

Nhờ Chúa Ala phù hộ, nay con đã mười hai tuổi. Từ hôm nay con không được gọi Hạnh Phúc là em gái nữa vì bố nói thật cho con rõ, nó con vú em thôi, mặc dầu bố mẹ nuôi nó cùng với con trong một nôi và đối xử với nó như con thật. Hơn nữa, từ nay nó đã phải che mạng rồi vì mẹ con cho biết nó đã đến tuổi cập kê từ tuần lễ trước. Cho nên mẹ con sẽ tìm cho nó một tấm chồng và nó sẽ thành đứa ở trung thành của nhà ta.

Nghe vậy, cậu Hạnh Phúc nói với bố:

— Nếu Hạnh Phúc không phải em gái con thì con muốn lấy nó làm vợ.

Ông Xnân đáp:

— Con phải xin phép mẹ con đã.

Cậu liền đi tìm mẹ; hôn tay bà và đặt lên trán rồi nói:

— Con muốn lấy Hạnh Phúc làm vợ.

Bà Xuân đáp:

— Hạnh Phúc là của con vì bố con mua nó cho con đấy.

Cậu bé vội chạy đi tìm em gái cũ của mình, nắm tay cô. Hai đứa mến nhau như một cặp vợ chồng sung sướng.

Cứ thế hai đứa sống năm năm nữa trong hạnh phúc. Và ở thành phố Kupfa này cũng không có cô bé nào đẹp, hiền lành và dịu dàng hơn Hạnh Phúc cả. Cũng không có cô nào học giỏi và thông thái hơn. Quả thế, cô ta đã dùng thì giờ vui chơi để học thánh kinh, học khoa học, học chữ cổ Arập và chữ thông thường, học văn chương và thơ phú khác. Cô hát rất giỏi, có thể hát được mười lăm cách, và với một tiếng đầu trong bài thơ, cô có thể kéo thành một bài hát trong nhiều giờ, có thể trong cả đêm với những giọng thay đổi hay vô cùng, với những cách điệu và giọng ngâm tuyệt diệu.

Nhiều lần hai vợ chồng ra vườn hóng mát, ngồi trên thành bể đá. Hơi mát của nước và của đá làm họ khoái lạc đê mê. Họ ăn dưa hấu xốp, ngọt, ăn hạnh nhân, hạt dẻ và rất nhiều thứ quả ngon lành. Đôi khi họ ngừng ăn để hưởng mùi thơm của hoa hồng, hoa huệ hoặc để đọc những vần thơ êm đẹp. Những lúc đó, Hạnh Phúc bảo vợ dạo nhạc. Nàng Hạnh Phúc liền đệm đàn và cả hai thay nhau hát từng đoạn xen kẽ:

— « Trời mưa ra hoa ra chim, hỡi thanh nữ! Chúng ta hãy cùng theo gió về phía thành Bátda ấm áp, có những nhà mái tròn mầu hồng.

— Không, hỡi vị đô đốc của em. Chúng ta hãy ở lại trong vườn dưới ánh rực rỡ của lá kê vàng, và tay để trên gáy, ôi khoái lạc, chúng ta hãy mơ mộng đi

— Lại đây nàng thanh nữ! Trời mưa kim cương trên những lá xanh và những cành cây cong nổi lên đẹp đề trên nền trời xanh. Hãy đứng dậy, nàng ơi và nhẹ rũ những giọt nước rơi trộm lên tóc nàng!

— Không, hỡi vị đô đốc của em! Chàng hãy ngồi đó gối lên đầu gối em. Đôi tuyết lê trong làn áo của em sẽ làm anh ngây ngất, và hãy nghe hơi gió nhẹ đang hát...»

Những lần khác, hai vợ chồng lại ngân nga những lời thơ sau theo nhịp phách:

— « Em sung sướng và nhẹ nhàng như một người vũ nữ nhẹ nhàng!

Hỡi những chiếc môi đặt trên sáo, hãy thổi chậm lại! Hỡi những cây đàn đặt dưới những ngón tay, hãy ngừng lại mà nghe tiếng hát của những cây dừa.

Những cây dừa đứng thẳng như những nàng thiếu nữ, thầm thì hát trong đêm thanh, và tiếng cuồn cuộn của những tầu lá đáp lời làn gió du dương.

— Ôi! Em sung sướng và nhẹ nhàng như một người vũ nữ nhẹ nhàng!

— Hỡi người vợ trắng trong, thơm ngát! Nghe tiếng nàng những hòn đá nhẩy lên và thứ tự đến xây thành một tòa lâu đài cân đối.

Hỡi đấng đã tạo ra tình yêu đẹp đẽ, xin Người hãy ban cho chúng ta hạnh phúc, hỡi người vợ trắng trong thơm ngát.

— Hỡi người yêu của em! Vì anh mà em sẽ đánh lông mày xanh bằng một chiếc đũa thủy tinh và ngâm tay em vào bột chỉ giáp hoa.

Ngón tay em sẽ giống như những quả táo, hay nếu anh thích hơn, như những quả chà là bé nhỏ.

Rồi bằng hương thơm, em sẽ xức lên ngực, lên bụng và khắp mình, để da em sẽ tan ra trong miệng anh, hỡi người yêu quý của em!»

Và cứ như thế, thời gian êm ái trôi qua, con giai ông Xuân cùng con gái người vú sống trong khoái lạc kín đáo.

Nhưng than ôi!

Sắc đẹp của Hạnh Phúc đến tai tỉnh trưởng thành Kupfa, hắn tự nhủ: « Thiên hạ ca tụng sắc đẹp và tài ca hát của con bé này nhiều lắm. Ta phải tìm cách bắt cóc nó bằng được và thật là món quà tuyệt mỹ đem dâng giáo chủ Ap đen Malếc ».

Thế rồi một hôm y quyết định thực hiện âm mưu đó. Y cho gọi một mụ già rất xảo quyệt, thường ngày vẫn làm việc tuyển và dạy đám nô lệ trẻ. Hắn nói:

— Mụ hãy đến nhà lão Xuân và làm quen với con bé Hạnh Phúc. Người ta đồn nó đẹp và hát giỏi lắm. Mụ tùy liệu cách cố đưa nó về đây cho ta vì ta muốn đem nó làm quà biếu giáo chủ.

Mụ này đáp:

— Xin tuân lệnh.

Rồi mụ sửa soạn đi ngay.

Sớm tinh mơ, mụ mặc áo vải len thô, quàng vào cổ một chuỗi hạt to, đeo vào thắt lưng một bầu nước, tay cầm gậy và đi một cách nặng nhọc đến nhà ông Xuân, đôi lúc dừng lại than thở: « Lạy Chúa! Trên đời này chỉ có Chúa! Chúa là Đấng tối cao, tối linh! » Mụ cứ than thở như thế suốt dọc đường, làm động lòng những người qua lại, cho tới lúc đến trước cửa nhà ông Xuân. Mụ đẩy cửa và nói: « Chúa thật rộng lượng! Lạy chúa cứu khổ cứu nạn! »

Người gác cửa là một ông già đáng kính, vốn là người hầu cũ của ông Xuân. Cụ thấy mụ già sùng đạo, và sau khi ngắm mụ kỹ càng cụ thấy mụ ta không có vẻ gì là sùng đạo cả, trái lại nữa! Mụ cũng không ưa gì cụ, nguýt một cái. Cụ gác cửa cảm thấy cái nguýt đó, và muốn tránh phỉ phui, cụ nói thêm: « Tao sẽ chọc năm ngón tay trái vào mắt phải và năm ngón kia vào mắt trái này! » Rồi cụ hỏi to:

— Bà già muốn gì?

— Tôi là một mụ già khốn khổ chỉ biết có cầu kinh. Sắp đến giờ làm lễ rồi, tôi muốn vào lễ nhờ ở nhà ta một lát.

Cụ gác sẵng giọng, từ chối:

— Đi chỗ khác. Đây không phải là một giáo đường. Đây là nhà ông Xuân và cậu Hạnh Phúc.

— Tôi biết rõ lắm. Nhưng có giáo đường nào xứng đáng hơn ở đây? Hỡi lão gác cửa có bộ mặt khô khan kia ơi, lão nên nhớ tôi là một người đàn bà ở Đamát ai cũng biết. Tôi ở trong cung của giáo chủ đấy. Và tôi đi thăm các nơi thánh đường và cầu kinh ở tất cả nơi nào đáng kính.

Nhưng cụ gác cửa đáp:

— Lão cũng mong rằng mụ là một người sùng đạo nhưng đó không phải là một lý do để vào đây. Mụ hãy tiếp tục đi theo con đường của mụ đi.

Mụ già kèo nhèo mãi làm cho chàng Hạnh Phúc nghe tiếng. Chàng ra xem có chuyện gì và nghe thấy tiếng mụ già đang nói với cụ gác.

«Sao người ta lại có thể ngăn cản một người như tôi vào nhà cậu Hạnh Phúc được, khi mà tôi có thể ra vào tất cả nơi cung thất hay nhà các quan tai to mặt lớn!»

Nghe vậy, chàng Hạnh Phúc mỉm cười theo thói quen, rồi mời vào. Mụ theo ngay chàng và đến trước phòng của nàng Hạnh Phúc mụ cao giọng chào cô và thoạt nhìn, mụ đã kinh ngạc về sắc đẹp của cô.

Thấy mụ vào, nàng Hạnh Phúc vội đứng dậy đáp lễ một cách kính cẩn và nói:

— Chào mẹ, mong rằng mẹ đem điềm lành đến cho chúng tôi. Mời mẹ ngồi!

Nhưng mụ đáp;

— Giờ làm lễ đã đến. Hãy cho tôi tụng kinh đã.

Và mụ quay người về phía thành LaMếc quỳ xuống làm lễ. Mụ quỳ như vậy đến chiều tối, không động đậy. Thấy thế, không ai dám quấy rầy mụ. Và chính mụ cũng thấy say đạo nên không để ý đến mọi việc chung quanh.

Cuối cùng, nàng Hạnh Phúc đánh bạo đến gần, hỏi mụ bằng một giọng dịu dàng và kính cẩn:

— Mẹ hãy nghỉ gối một chút!

Mụ đáp:

— Không chịu được khổ hạnh ở đời này thì không mong được hưởng phúc đời sau.

Thấy gương đạo đức như vậy, Hạnh Phúc nói:

— Mời mẹ vui lòng ăn cơm dưa muối với chúng con.

— Mẹ đã phát nguyện nhịn ăn nên không thể sai lời được, con ạ. Đừng chú ý đến mẹ và hãy vào với chồng con. Các con còn trẻ đẹp hãy ăn uống nhiều vào và chúc các con sung sướng!

Hạnh Phúc liền đi tìm chồng và nói:

— Mình ạ, em mong mình ra nài bà ấy ở lại nhà ta từ nay vì khuôn mặt đầy vẻ kính tín của bà sẽ làm cho nhà ta được sáng sủa rạng rỡ.

Chàng Hạnh Phúc đáp:

— Em cứ yên lòng. Anh đã cho dọn một căn phòng riêng có chiếu, đệm và có cả bình nước và chậu thau rồi. Không ai đến quấy bà ta được.

Về phần mụ già, mụ thức suốt đêm cầu nguyện và to giọng đọc kinh. Sớm dậy, mụ rửa mặt, tìm vợ chồng Hạnh Phúc, nói:

— Tôi đến từ biệt các con. Trời sẽ phù hộ các con!

Nhưng Hạnh Phúc vội nói:

— Mẹ ạ, sao mẹ lại có thể đi ngay? Chúng con không thể thiếu mẹ được. Chúng con đã sửa soạn một căn phòng tốt nhất để mẹ làm lễ mà không ai quấy rầy mẹ được.

— Chúa Ala sẽ độ trì cho các con. Mẹ cũng vui lòng và rất sung sướng ở lại đây nhưng mẹ mong các con báo cho lão gác cửa, cái lão có cái mặt khô khan và khó thương ấy, bảo lão đừng ngăn trở gì mẹ mỗi khi mẹ muốn ra vào nhà này. Mẹ còn muốn đi thăm một số lễ đường ở thành phố để cầu nguyện cho các con rồi mẹ sẽ về ở đây.

Nói rồi mụ từ biệt ra đi. Hai vợ chồng Hạnh Phúc cầm tay mụ đưa lên môi và đặt lên trán.

Ôi! Hỡi nàng Hạnh Phúc đáng thương! Nếu nàng biết rõ mục đích mụ ta vào nhà nàng và những dự định đen tối để phá cuộc sống hạnh phúc và yên tĩnh của nàng! Nhưng ai mà đoán được điều bí ẩn và biết được tương lai!

Mụ già đáng nguyền rủa nọ đi ra và đến nhà viên tỉnh trưởng. Tên này vội hỏi:

— Thế nào? Mụ đã làm gì hỡi mụ già khéo léo và tài tình?

— Bẩm quan lớn, tôi chỉ là học trò của quan lớn và được quan lớn che chở. Tôi đã gặp Hạnh Phúc, thật không ai có thể đẻ được con bé đẹp hơn thế!

Viên tỉnh trưởng reo lên:

— Lạy chúa Ala!

Mụ già nói tiếp:

— Con bé thật là dịu dàng và đẹp một vẻ ngây thơ.

Viên tỉnh trưởng lại reo lên:

— Lạy Chúa! Ta hồi hộp quá!

— Nếu quan lớn được nghe tiếng nàng nói trong như tiếng suối! Nếu quan lớn được nhìn đôi mắt như mắt sơn dương và cái nhìn của nàng!

— Ta rất tán thưởng và ta nhắc lại để mụ rõ, ta cốt dành làm quà cho giáo chủ. Mụ hãy làm nhanh lên.

— Xin quan lớn trong hạn một tháng tròn.

— Được. Nhưng phải có kết quả đấy. Và ta sẽ trả cho mụ rất hậu. Đây, bước đầu tạm đưa mụ một nghìn đồng vàng để chứng tỏ ý tốt của ta.

Mụ già nhét chặt tiền vào thắt lưng, và từ hôm đó, mụ thường xuyên đến thăm vợ chồng Hạnh Phúc. Về phía mình, vợ chồng Hạnh Phúc cũng ngày càng trọng đãi mụ ta. Và dần dần mụ trở thành cố vấn không thể xa dời được của gia đình này. Một hôm mụ bảo nàng Hạnh Phúc :

— Con ạ, con chưa có cháu bế! Con có muốn đi cầu tự không? Con có muốn đi cùng mẹ đến cầu các vị thánh ẩn sĩ, các vị hành giả không? Các vị đó biết mẹ và mẹ cũng biết các ngài có đủ phép thần thông, thay trời làm nhiều điều kỳ lạ. Các ngài có thể chữa khỏi người mù và người tàn tật, làm xác chết sống lại, bay trong không và đi trên mặt nước. Còn đàn bà muốn cầu tự thì dễ lắm. Con chỉ sờ vào vạt áo hay hôn lên chuỗi tràng hạt của các ngài là được như ý.

Nghe mụ nói vậy, Hạnh Phúc cảm thấy tâm hồn xao xuyến vì ý muốn có con. Nàng nói :

— Tôi phải xin phép chồng tôi đi ra phố một lúc. Để chờ chồng tôi về đã.

Nhưng mụ già đáp:

— Con cứ xin phép mẹ chồng con là đủ.

Thế là Hạnh Phúc chạy đi tìm mẹ chồng và nói:

– Xin phép mẹ cho con ra ngoài với bà kia để tìm gặp các vị hành giả và cầu phúc tại giáo đường của các ngài. Con hứa sẽ trở lại trước lúc chồng con về.

Bà Xuân đáp:

– Con ạ. Con hãy nghĩ đến nỗi phiền muộn của chồng con khi về không thấy con. Chồng con sẽ nói với mẹ: « Thế nào, Hạnh Phúc nó lại đi ra ngoài mà không có phép của con? Lần này là lần đầu tiên đấy! »

Vừa lúc đó mụ già tới và nói với bà Xuân:

– Lạy chúa! Chúng tôi chỉ đi một vòng nhanh đến nhà thờ và tôi cũng không cho cô ấy ngồi nghỉ nữa mà sẽ đưa cô ta về ngay.

Bà Xuân phải thở dài mà đồng ý.

Mụ già dẫn Hạnh Phúc đi và đưa thẳng đến một tòa nhà biệt lập có vườn rộng. Mụ để cô ở đó một lát và chạy đi báo tin cho viên tỉnh trưởng. Viên này vội chạy đến đó, đứng sững trên thềm nhà, mắt hoa đi trước sắc đẹp mê hồn của nàng Hạnh Phúc...

Nàng Hạnh Phúc thấy người lạ, vội che mặt lại rồi bỗng òa lên khóc. Nàng nhìn xem có chỗ nào chạy thoát được chăng, nhưng không có. Mụ già mãi không trở lại. Nàng nhớ lại lời người gác cửa và đôi mắt gian giảo của mụ thì biết là mụ đã lừa nàng.

Còn viên tỉnh trưởng khi biết chắc thiếu nữ trước mặt mình là nàng Hạnh Phúc thì đi ra, khép cửa lại. Ông ta sai phái một vài việc rồi ngồi viết một lá thư cho Giáo chủ Apđen Malêc. Đoạn giao cả thư lẫn cô gái cho viên thị vệ trưởng bảo đi ngay Đamát.

Viên thị vệ trưởng đặt Hạnh Phúc lên một con lạc đà, lên ngồi ngay trước nàng, thúc đi nhanh đến Đamát, theo sau có mấy tên nô lệ. Còn Hạnh Phúc

suốt dọc đường, trùm kín đầu mà sùi sụt chẳng để ý gì đến những lúc nghỉ, lúc đi, khi êm, khi xóc. Viên thị vệ trưởng cũng chẳng moi được một lời nói, một dấu hiệu gì ở nàng hết.

Đến Đamát, y tới ngay cung giáo chủ trao thư và nô lệ cho viên trưởng nội thần, lấy thư đáp rồi về Kupfa.

Hôm sau Giáo chủ vào hậu cung báo cho vợ và em gái biết một nữ nô mới đã đến:

— Ông tỉnh trưởng Kupfa, Giáo chủ nói, vừa tiến lên ta một nữ nô trẻ và viết thư cho biết đó là một công chúa bị bọn buôn nô lệ bắt cóc:

— Cầu chúa cho ông thêm vui, và thêm ân huệ, Bà vợ nói.

— Nữ nô tên là gì? Người da nâu hay da trắng? Cô em hỏi

— Ta chưa thấy mặt, Giáo chủ đáp.

Người em gái Giáo chủ, tên là Xét Zahia, tìm đến thăm thiếu nữ. Nàng thấy cô ta ngồi ủ rũ, mặt nâu vì rám nắng, nước mắt đầm đìa Cô thiêm thiếp như không biết gì.

Xét Zahia vốn từ tâm, thấy động lòng, bèn lại gần hỏi:

— Sao em lại khóc? Em há không biết là từ nay em được che chở, đời em sẽ nhẹ nhàng, không phải lo nghĩ. Còn ở đâu hơn cung điện Giáo chủ?

Nghe hỏi, cô gái ngước đôi mắt ngạc nhiên:

— Thưa cô chủ của tôi, tôi ở thành phố nào thế này, nếu đây là cung điện Giáo chủ?

— Ở Đamát. Em không biết sao? và người lái buôn bán em không cho em hay là bán cho Giáo chủ Afden Malếc ben Mèruôn à? Đúng đấy, từ nay em là sở hữu của Giáo chủ. Chị là em gái Ngài. Hãy lau nước mắt và cho chị biết tên.

Cô lại khóc:

— Thưa cô chủ, ở xứ tôi, người ta gọi tôi là Hạnh Phúc.

Cô vừa hết câu thì Giáo chủ vào. Ngài đến chỗ Hạnh Phúc, ngồi cạnh nàng, nụ cười độ lượng trên môi:

— Nhấc mạng lên, hỡi cô gái. Ngài bảo

Hạnh Phúc sợ quá, không nhấc mà lại run run kéo mạng xuống thấp hơn đến phía dưới cằm. Giáo chủ không lấy làm bất bình chỉ bảo Xét Zahia:

— Ta giao cho em cô bé này. Mong rằng trong vài ngày cô ta sẽ quen em và đỡ e lệ hơn.

Ngài nhìn, nhưng cô gái quấn vải kín mít chỉ để hở có cổ tay. Nhưng chỉ nhìn cổ tay Ngài cũng đã yêu lắm rồi. Cổ tay như thế thì người phải đẹp lắm. Và Ngài đi ra.

Xét Zahia kéo cô gái đến nhà tắm trong cung. Tắm xong mặc áo đẹp cho cô, lại gắn vào mái tóc mấy hàng ngọc. Nàng ngồi với cô cho đến tối, cho cô quen dần. Nhưng Hạnh Phúc, dù cảm động về sự ân cần của cô em gái Giáo chủ, vẫn không cạn nước mắt, mà cũng không muốn nói vì sao buồn. Nàng nghĩ có nói cũng chẳng đổi thay được số phận. Nàng giữ riêng nỗi đau đớn, mòn mỏi ngày đêm chỉ ít lâu sau ốm nặng. Bao nhiêu danh y ở Đamát đã đến mà bệnh vẫn khó bề qua khỏi.

Lại nói về chàng Hạnh Phúc con ông Xuân. Tối chàng về, nằm dài trên ghế, theo thói quen và gọi nàng Hạnh Phúc. Lần đầu tiên không được nghe tiếng đáp lại. Chàng đứng phắt dậy gọi lần nữa. Cũng chẳng ai trả lời. Mà cũng chẳng ai dám vào. Các nữ nô trốn hết, không một ai cựa quậy. Chàng Hạnh Phúc vội chạy đến buồng mẹ, thấy mẹ trầm ngâm, tay chống vào má

vẻ mặt buồn rười rượi. Thấy thế chàng càng lo lắng, hỏi mẹ xem nàng Hạnh Phúc ở đâu.

Bà già không giả lời, nước mắt tuôn chảy. Bà thở dài :

— Cầu chúa phù hộ! Lúc con đi vắng, nhà con đến xin phép mẹ đi cùng bà già đến vị hành giả có phép lạ. Nhà con hiện chưa về. Con hỡi, từ khi mụ già đến nhà ta, mẹ chưa bao giờ được yên tâm. Cụ gác cửa, người lão bộc trung thành đã nuôi nấng tất cả chúng ta cũng không nhìn mụ với mối thiện cảm. Linh tính như bảo cho mẹ hay, cái mụ cầu kinh dềnh dàng, con mắt giảo quyệt ấy sẽ gieo tai họa cho nhà mình.

Chàng ngắt lời mẹ :

— Vợ con đi lúc nào ?

— Sáng nay, sớm lắm, sau khi con đi chợ.

— Mẹ thấy đấy, thay đổi phong tục gia đình, cho phụ nữ những sự tự do mà họ không biết dùng thì chỉ có hại. Sao mẹ lại cho vợ con ra khỏi nhà ? Ai biết cô ta đi đâu, hay ngã xuống nước hay bị tháp đổ chôn vùi ? Con phải chạy đến vị tỉnh trưởng nhờ Ngài tìm giúp mới được.

Hạnh Phúc chạy một mạch đến đứt hơi đến dinh ông ta, và được tiếp ngay. Ông Xuân vốn là một nhân vật nổi tiếng trong thành phố. Hạnh Phúc chẳng cần nghi thức, nói ngay :

— Nữ nô của tôi mất tích từ sáng nay, đi với bà già đã được gia đình mời ở. Tôi đến xin Ngài giúp tôi đi tìm.

Viên tỉnh trưởng vờ quan tâm nói :

— Được lắm cháu ạ. Ta vốn quí cha cháu. Không có việc gì cháu phiền mà ta không giúp. Bây cháu đến nhà ông cảnh sát trưởng cho ông ấy biết sự thể, nói là ta bảo cháu đến. Ông ta thạo việc lắm, chỉ vài hôm là sẽ tìm được cho cháu.

Hạnh Phúc chạy đến, thấy viên cảnh sát trưởng ngồi xếp bằng trên tấm thảm. Y nghe xong, thở dài hai, ba lần, hỏi:

– Cô ta đi với ai?

– Với một bà già. Bà ta mặc áo vải thô, cổ đeo một tràng hạt có hàng nghìn hạt.

– Ngươi cho biết bà già hiện ở đâu, ta sẽ tìm ra nữ nô tức khắc.

– Tôi mà biết bà ta ở đâu thì còn đến đây làm gì?

Viên cảnh sát trưởng đôi chân xếp bằng đổi thế ngồi rồi nói:

– Chỉ có Chúa Ala Tối Thượng mới thấy được cái điều không thấy.

Hạnh Phúc cáu lắm:

– Lạy đức Sứ giả, ông phải chịu trách nhiệm về việc này. Tôi sẽ đến báo với ngài tỉnh trưởng và cả với đức Giáo chủ nữa.

– Ngươi muốn đến đâu cứ đến. Ta có học phép phù thủy đâu mà lôi ra được những vật giấu kín?

Hạnh Phúc lại chạy đến viên Tỉnh trưởng. Biết chuyện, ông ta kêu lên:

– Không thể như thế được! Bọn cận vệ đâu, chạy lôi đến đây cho ta cái thằng con con chó đẻ ấy.

Viên cảnh sát trưởng đến. Tỉnh trưởng bảo:

– Ta truyền cho ông phải tìm kiếm thật kỹ cho ra cô nữ nô của chàng Hạnh Phúc con ông Xuân. Cho bọn kỵ mã của ông chạy đi tìm khắp bốn phương. Ông nữa cũng phải chạy đi, lục khắp nơi. Phải tìm bằng được.

Ông ta nói thế, nhưng đồng thời lại nháy mắt ra hiệu đừng làm gì cả, rồi quay về phía Hạnh Phúc mà rằng:

– Về phần cháu, từ giờ tự ta sẽ tìm cho cháu. Giả dụ (chuyện gì chẳng có thể xảy ra) không tìm thấy, ta

sẽ đền cho cháu mười cô trinh nữ ở cái tuổi các vị tiên nữ, ngực nở, mông chắc, ngồi như những khối đá. Ta cũng sẽ buộc ông cảnh sát trưởng phải cấp cho cháu mười nữ nô trẻ của ông ta còn nguyên vẹn như mắt của ta đây. Cháu cứ yên tâm. Cái gì được thì Số phận phải cho. Cái gì Số phận đã không cho thì sẽ không được bao giờ.

Hạnh Phúc từ biệt viên tỉnh trưởng, suốt đêm lang thang tìm vợ, thất vọng về nhà. Hôm sau thấy người yếu quá không dạy được. Hy vọng ở lệnh tìm kiếm của viên tỉnh trưởng phai nhạt dần thì cơn sốt ở chàng ngày một tăng. Hỏi bệnh lang y, họ đều nói:

– Chỉ có vợ về thì bệnh mới khỏi.

Đúng lúc ấy có một người Ba tư đến. Ông này giỏi nghề thuốc, cả thuật chiêm tinh và nghề bói bằng cát. Ông Xuân đón ngay về chữa cho con. Nhà bác học được ông Xuân thù tiếp ân cần chu đáo. Ông bắt mạch Hạnh Phúc, chăm chú nhìn nét mặt chàng rồi cười nói với ông Xuân:

– Bệnh của cậu con ông là ở nơi trái tim. Bệnh phát là do người yêu đã biến đi mất. Nhờ sự giúp đỡ của những sức mạnh thần bí tôi sẽ chỉ cho ông nơi ở hiện nay của người mất tích.

Ông Ba tư ngồi xổm xuống, lấy trong túi đeo một gói cát mở trải ra trước mặt. Ông đặt vào giữa năm hòn sỏi trắng, ba hòn sỏi đen, hai chiếc đũa và một cái vuốt hùm. Ông bầy thành hàng một, rồi hàng hai, rồi hàng ba, lâm râm khấn mấy câu bằng tiếng Ba tư:

– Người này hiện ở Baxra, ông nói. Nhưng lại chữa ngay: Không phải! Ba con sông ta thấy đấy đã lừa ta. Người ấy hiện ở Đamát, trong một cung điện nguy nga, cũng đang phiền muộn như cậu nhà đây, hỏi vị thương gia danh tiếng

Ông Xuân mừng lắm :

— Hỡi vị lương y đáng kính, bây giờ chúng tôi phải làm gì ? Ngài chỉ bảo cho và Ngài sẽ không phải phàn nàn vì sự keo kiệt của Xuân này. Lạy Chúa, tôi sẽ biếu Ngài một món tiền đủ sống phong lưu ba cuộc đời.

— Xin các vị cứ yên tâm. Tôi sẽ làm cho đôi trẻ được đoàn tụ, việc dễ hơn là ông tưởng tượng. Giờ thì xin ông cho bốn nghìn đina.

Ông Xuân lấy ngay trong thắt lưng bốn nghìn đina xếp trước mặt ông Ba tư, lại thêm một nghìn đina nữa.

Ông Ba tư nói :

— Số tiền này đủ cho các khoản chi phí rồi đây. Tôi đi ngay cùng cậu con ông đến Đamát và nếu Chúa muốn, chúng tôi sẽ trở về cùng với cả người yêu của cậu.

Ông hỏi tên tuổi Hạnh Phúc rồi bảo :

— Nào Hạnh Phúc ! đứng dậy. Mong rằng cậu hết lo âu tâm hồn thanh thản. Cậu có thể coi như nữ nô đã được giả lại cho cậu rồi.

Hạnh Phúc như được sự tác động tốt của vị lương y, đứng lên lại ngồi xuống, nhanh nhẹn hẳn lên. Ông Ba tư khuyến khích :

— Hãy cứng rắn lên, đừng lo gì cả. Ăn, uống, ngủ đi. Trong một tuần nữa, khi cậu đã lại sức, tôi trở lại chúng ta cùng đi.

Ông từ biệt ông Xuân và Hạnh Phúc và cũng chuẩn bị việc lên đường.

Ông Xuân cho con năm nghìn đina, mua cho mấy con lạc đà chất nặng hàng hóa và thứ lụa tươi sắc Kupfa, mua cho mấy con ngựa để Hạnh Phúc và tùy tùng cưỡi. Sau một tuần. Hạnh Phúc vì theo đúng lời thầy thuốc

nên sức khỏe rất tốt. Ông Xuân vui vẻ để con đi. Hạnh Phúc từ biệt cha, mẹ, bà Phồn Vinh, cụ già canh cửa, lên đường cùng nhà bác học Ba tư đem theo bao lời chúc tụng của người thân quyến. Mười bảy thanh xuân của Hạnh Phúc đã nảy nở hoàn mỹ, đôi má có lông tơ hồng nhạt. Ai trông thấy chàng cũng phải mê. Nhà bác học gần chàng không mấy chốc thấy có những cảm giác ngất ngây. Ông yêu chàng thật sự, đi đường nhường hết tiện nghi. Thấy chàng thích là ông vui.

Cuộc hành trình như thế thật khoan khoái, đến Đa-mát chẳng thấy mệt nhọc gì.

Nhà bác học đi với Hạnh Phúc đến khu chợ chính, thuê một ngôi hàng lớn, tu bổ lại. Ông cho đóng những ngăn hàng thật đẹp, căng toàn nhung. Ông bày lên đầy đủ thứ cao đơn hoàn tán, nào long đởm thảo, thanh hương tễ, thuốc giải độc, thuốc bôi, thuốc mỡ chắt lọc từ ba trăm thứ cỏ quý. Thuốc đựng trong những chiếc lọ, chiếc bình bằng sứ Ba tư óng ánh, hoặc bằng pha lê, hoặc bằng vàng. Lại có những bình thí nghiệm, những nồi cất rượu, những quan tinh nghi để quan sát các vì tinh tú. Nhà bác học mặc áo thầy thuốc, đội khăn quấn bảy vòng. Hạnh Phúc làm người phụ việc bốc thuốc theo đơn, nghiền thuốc trong cối, gói thuốc thành túi, thành bao, viết đơn thuốc theo lời ông đọc. Chàng mặc áo sơ mi lụa xanh, một chiếc gi-lê lụa Ca-sơ-mia, đeo một tấm tạp dề lụa hồng thêu kim tuyến. Ông bảo chàng:

Từ giờ phút này, cậu gọi ta bằng bố, ta gọi cậu bằng con, để tránh lời dị nghị về những chuyện cậu biết đấy.

Ngôi hàng vừa mở, khách lũ lượt kéo đến, người để khám bệnh, kẻ chỉ đến ngắm chàng thanh niên đẹp trai. Tất cả đều ngạc nhiên và thích thú vì Hạnh Phúc

nói năng với thầy lang bằng tiếng Ba tư nghe sao dịu ngọt, mà họ chẳng biết gì. Nhưng điều làm họ kinh ngạc nhất là cách chẩn bệnh của ông lang.

Ông nhìn lòng trắng mắt của bệnh nhân một lúc, rồi đưa cho một cái cốc pha lê to bảo đái vào. Và người bệnh đái, và ông lang giơ lên nhìn, và ông kê bệnh: « Anh bệnh thế này, bà bệnh thế kia... » Và người bệnh nào cũng phục thầy là gọi trúng bệnh. Họ giơ tay lên trời:

— Ya Ala! quả là một nhà bác học kỳ tài. Chúng tôi chưa từng thấy cách đoán bệnh kiểu này. Làm sao mà nhìn nước tiểu lại biết được bệnh?

Chỉ vài hôm là tất cả các vị tai mắt cùng những nhà giàu đều biết về khoa chữa bệnh kỳ diệu của vị thầy thuốc Ba tư. Tiếng đồn đến cả Giáo chủ và nàng Xét Zahia.

Một hôm ông lang ngồi đọc một đơn thuốc cho Hạnh Phúc chép lại. Chàng ngồi cạnh ông, tay cầm một cái bút sậy. Một bà sang trọng cưỡi lừa yên bọc gấm đỏ nạm ngọc, dừng lại trước ngôi hàng. Bà buộc cương lừa vào cái vòng đồng ở yên, rồi vẫy gọi ông thầy giúp đỡ bà xuống. Ông vội chạy ra cầm tay dìu bà xuống, mời vào. Hạnh Phúc tươi cười đặt một cái gối dựa vào ghế. Ông thầy mời bà ngồi.

Bà già lấy ra một lọ nước tiểu hỏi ông thầy Batư:

— Hỡi Ngài đáng kính, có phải chính Ngài là vị thầy thuốc kỳ tài từ Irắc Ajami đến Đamát chữa bệnh đấy không?

— Chúng tôi chính là kẻ nô lệ của bà đấy ạ.

— Chúng ta chỉ là nô lệ của Chúa thôi. Hỡi vị thầy cao siêu của khoa học, đây là cái lọ đựng gì, thì Ngài đã biết, của quí phi còn trinh tiết của đức Giáo chủ. Nàng thụ bệnh từ ngày đầu tiên nhập cung. Không một

ông lang nào đoán ra bệnh. Xót Zahia, em gái của chủ tôi cho đến đây nhờ Ngài khám phá ra cái nguyên nhân không ai biết ấy.

— Hỡi bà chủ của tôi, bà phải cho biết tên người ốm mới có thể tính toán được và biết giờ nào cho uống thuốc là tốt nhất.

— Cô ta tên là nàng Hạnh Phúc, bà già đáp.

Ông thày lấy một tờ giấy viết la liệt những con số con thì viết bằng mực đỏ, con thì viết bằng mực xanh. Ông ngồi cộng những con số đỏ, rồi những con số xanh rồi cộng cả hai số lại mà nói:

— Bệnh đã tìm ra rồi, bệnh « đập van tim » đây mà.

Bà già reo lên:

— Lạy chúa, đúng quá! Van tim nàng đập to lắm. Chúng tôi nghe thấy cơ mà.

— Nhưng trước khi kê đơn, ông thày tiếp, phải biết cô ta ở xứ nào đến. Điều này quan trọng lắm, có biết mới tính toán được, xem không khí nặng, nhẹ của xứ ấy ảnh hưởng thế nào đến van tim. Muốn biết thêm nữa về tình trạng của những cái van tế nhị này, cũng phải biết cô ta đến Đamát lâu chưa, và cô ta bao nhiêu tuổi.

Bà già nói:

— Hình như nàng quê ở Kupfa, một tỉnh của Irắc, mười sáu tuổi. Người ta bảo nàng sinh cái năm chợ Kupfa cháy. Còn nàng đến ở Đamát thì mới có vài tuần.

Hạnh Phúc lúc bấy giờ tim đang đập như một cái cối, nhà bác học Ba Tư bảo chàng:

— Con bốc thuốc đi, theo điều bảy sách Ip Xina.

Bà già nhìn chăm chú chàng thanh niên. Một lúc bà nói:

— Lạy Chúa! bệnh nhân giống cậu như lột, mặt cũng đẹp và buồn như cậu.

Bà hỏi ông thày:

— Chàng thanh niên này là con hay nô lệ của Ngài?

— Là con của tôi và nô lệ của bà.

Bà già thấy mình được xem trọng thì thích lắm, nói:

— Ở đây tôi không biết nên ngưỡng mộ cái gì, khoa trị bệnh của vị thầy thuốc cao siêu hay con ngài?

Bà tiếp tục nói chuyện với nhà bác học còn Hạnh Phúc thì gói thuốc thành những gói nhỏ cho vào một cái hộp kèm theo một mảnh giấy báo cho vợ biết mình đã đến Đamát với một thày lang Ba tư. Chàng đóng dấu, viết tên và địa chỉ bằng chữ Kupfa lên nắp hộp. Chữ này người Đamát không đọc được, còn nàng Hạnh Phúc vì biết đọc chữ Arập thông thường, biết cả chữ Kupfa thì có thể đọc dễ dàng. Bà già cầm lấy hộp, để mười đina vàng lên cái ngăn của vị thày thuốc, chào rồi ra về với người bệnh.

Bà thấy nàng ngồi lim dim, khóe mắt ướt như mọi ngày. Bà lại gần:

— Cô ơi, mong rằng mấy vị thuốc này sẽ làm cô thư thái như chàng bốc thuốc đã làm cho già hài lòng. Chàng đẹp như thiên thần, ngôi hàng của chàng là một nơi khoái lạc. Đây là cái hộp chàng gửi cho cô.

Nàng Hạnh Phúc không nỡ từ chối đưa tay cầm lấy, lơ đãng nhìn, bỗng biến sắc khi thấy chữ Kupfa: « Ta là Hạnh Phúc, con ông Xuân ở Kupfa ». May nàng còn đủ sức kìm hãm được, không ngã ngất ra để lộ chuyện. Nàng mỉm cười hỏi:

— Bà vừa nói đến một chàng thanh niên, chàng ta thế nào?

— Là một sự hòa hợp những khoái lạc không tả được. Ôi đôi mắt! và lông mày! ya Ala, tuyệt quá. Phía môi

trái có một nốt ruồi. Lúc cười, má bên trái lúm đồng tiền, nhìn cứ mát cả ruột.

Nghe thế, nàng Hạnh Phúc biết chắc đó là người chủ thân yêu của mình. Nàng nói :

— Nếu thế thì là điềm tốt. Thuốc đâu, bà đưa cháu uống.

Bà già đưa thuốc cho, nàng tươi tỉnh uống một hơi hết. Thấy mảnh giấy, nàng lướt qua, rồi nhảy xuống giường mà rằng :

— Bà ơi cháu khỏi rồi. Quả là thuốc tiên ! Ôi một ngày được phúc !

— Lạy chúa ! Đúng thế ! Phúc của đấng Tối cao ban cho.

— Bà cho cháu ăn uống đi. Hơn một tháng không đụng đến món gì, cháu đói lắm.

Bà già gọi nữ nô đem đến mấy khay thịt rán, hoa quả và nước uống, đoạn đi báo cho Giáo chủ biết nhờ khoa chữa bệnh kỳ lạ của ông thầy Ba tư, người nữ nô trẻ của Ngài đã khỏi. Giáo chủ sai bà lấy một nghìn đina vàng thưởng cho ông thầy. Bà già đem tiền đi rẽ qua nàng Hạnh Phúc. Nàng cũng gửi biếu ông thầy một tặng phẩm đựng trong một cái hộp đóng dấu.

Bà già đến hiệu thuốc đưa món tiền của Giáo chủ cho ông thầy, cái hộp cho Hạnh Phúc. Chàng mở ra đọc thư, xúc động quá khóc to lên rồi ngã ra, thiếp đi. Thư cho biết nàng bị viên tỉnh trưởng bắt cóc đem hiến cho Giáo chủ Áp đen Malếc ở Đamát. Bà già ngạc nhiên hỏi :

— Sao cậu con của Ngài lại khóc, rồi ngất đi như thế ?

— Hỡi bà đáng kính, chẳng có gì lạ đâu. Nguyên là nữ nô tôi vừa chữa khỏi chính là của chàng thanh niên mà bà tưởng là con tôi. Chàng là con ông Xuân thương gia trứ danh ở Kupfa. Chúng tôi đến đây để

tìm nàng Hạnh Phúc. Một mụ già chết tiệt có đôi mắt phản trắc đã bắt cóc nàng. Bà mẹ hỡi! từ nay chúng tôi đặt niềm hy vọng thiết tha nhất vào lòng độ lượng của bà, chắc bà sẽ giúp chúng tôi lấy lại được cái của thiêng liêng nhất.

Ông nói thêm:

— Để tỏ lòng biết ơn của chúng tôi, bắt đầu xin bà nhận cho một nghìn đina này của đức Giáo chủ. Sau này bà sẽ thấy chúng tôi hết sức quan tâm đến chuyện đền ơn lòng tốt của bà.

Trước hết bà già giúp ông thầy làm cho Hạnh Phúc tỉnh lại, xong bà mới nói:

Ngài có thể tin vào thiện ý và lòng tận tụy của tôi.

Bà từ biệt và thăm nàng Hạnh Phúc, thì thấy nàng mặt mày hồng hào tươi tỉnh. Bà lại gần, cười:

— Sao từ buổi đầu, cháu không tin già? Cháu khóc hết nước mắt phải xa cậu chủ trẻ đẹp của cháu, chàng Hạnh Phúc con ông Xuân, cũng là phải lắm.

Bà thấy cô bé ngạc nhiên thì nói thêm:

— Cháu có thể tin ở sự kín đáo của lòng mẹ của già đối với cháu. Già thề sẽ giúp cháu tái hợp với người yêu dù già đây có phải hy sinh tính mạng. Cháu cứ yên tâm để già lo liệu.

Nàng Hạnh Phúc hôn tay bà, mừng đến phát khóc. Bà lấy quần áo phụ nữ, nữ trang, và một vài thứ cần thiết cho việc cải trang, gói lại mang đến hiệu thuốc. Bà gọi Hạnh Phúc đến một góc cuối cửa hiệu, sau bức màn, nói cho biết sự sắp đặt của bà. Chàng thấy kế rất hay, xin làm theo.

Bà giở gói quần áo cho Hạnh Phúc mặc, lấy phấn vẽ cho đôi mắt dài thêm, bôi đen cho nốt ruồi ở má to hơn, đeo xuyến vào cổ tay, giắt nữ trang vào mái

tóc, trùm một chiếc khăn lụa Môtxun. Bà nhìn một lần nữa thấy chàng đã thành một thiếu nữ đẹp hơn tất cả phụ nữ trong cung Giáo chủ cộng lại. Bà dạy cách đi đứng cho giống một thiếu nữ còn trinh rồi bảo chàng theo bà.

Đến cổng hậu cung, viên trưởng hoạn quan ngăn lại:

— Không có lệnh riêng của Giáo chủ thì không ai được vào. Đưa cô này ra đi. Muốn vào thì một mình bà vào thôi.

Bà già nói:

— Khôn ngoan ông để đâu hết thế hỡi vị quan trưởng? Ông vốn lịch sự nhã nhặn là thế, sao hôm nay lại ăn nói ngược với cái vẻ thanh lịch của ông. Nữ nô này là của Xét Zahia, em gái đức Giáo chủ chúng ta. Nếu công chúa biết ông thiếu nhã nhặn với cô nô tì yêu của nàng, thì nể gì không cách chức ông, có thể chặt đầu nữa ấy chứ. Như thế là mình lại gây họa cho mình.

Bà quay lại bảo Hạnh Phúc:

— Cô nữ tì kia, đi nào! hãy quên sự khiếm nhã của ngài trưởng quan, và nhất là đừng nói gì với cô chủ của ngươi. Thôi, đi nào!

Bà cầm tay kéo vào. Chàng nghiêng nghiêng cái đầu mắt như cười với viên hoạn quan, ông ta nhún vai.

Vào đến trong sân, bà già nói:

— Bà dành cho cháu một căn buồng trong hậu cung cháu cứ thế này đi tới, qua cái cửa này, cứ theo đường hành lang mà đi, rồi rẽ trái, rồi rẽ phải, lại rẽ phải nữa, đến một dãy cửa thì đếm đến cửa thứ sáu mà vào. Buồng dành cho cháu đấy. Bà đi báo cho vợ cháu biết để đến đấy với cháu. Sau đấy bà sẽ giúp các cháu ra khỏi cung mà không một tên lính canh, một hoạn nô nào biết.

Hạnh Phúc bước theo hành lang nhưng lòng dạ bối rối nên rẽ lầm, rẽ phải rồi rẽ trái vào một hành lang song song với hành lang trên kia và vào phòng thứ sáu.

Phòng này cao, vòm trên hơi cong có lời kinh Thánh tạc bằng chữ vàng rất đẹp. Tường có căng lụa hồng, cửa sổ có rèm thưa. Trên mặt sàn là những tấm thảm Koratxăn và Casơmia lớn. Trên những chiếc ghế vuông có những chiếc cốc đựng quả. Có những chiếc mâm phủ khăn, thơm phức những bánh kẹo ngon nổi tiếng chỉ có Đamát, thành phố duy nhất trên hoàn vũ này, là có thể cho chúng cái mùi vị thơm tho dễ ưa đến thế!

Hạnh Phúc không biết những lực lượng bí hiểm sẽ dành cho chàng những chuyện gì trong gian phòng này. Giữa phòng có một chiếc ngai bọc nhung, thứ duy nhất ở đây có thể ngồi được. Hạnh Phúc đành trèo lên ngồi mà chờ xem số phận ra sao. Chàng không dám đi ra hành lang sợ người ta trông thấy.

Ngồi một lát, nghe có tiếng lụa sột soạt, vòm trên trần âm vang lại. Một thiếu phụ vẻ người vương giả mong manh bộ quần áo lót, mặt không che mạng, tóc không bịt khăn, từ cửa ngang bước vào theo sau là một thị tì nhỏ, xinh trên đầu có hoa, tay mang một cây tì bà bằng gỗ phong. Đó là nàng Xét Zahia, em đức Giáo chủ.

Xét Zahia thấy một người trùm mạng ngồi trong phòng, lại gần dịu dàng hỏi :

— Hỡi người lạ mặt, ngươi là ai ? Sao lại phải che mặt ở một nơi không con mắt tò mò nào trông thấy được?

Hạnh Phúc vội đứng xuống, bỏ mạng ra, không dám lên tiếng, giả vờ câm. Xét Zahia hỏi :

— Hỡi cô gái mắt đẹp, sao em không giả lời ta ? Nếu em là một nô lệ bị Giáo chủ anh ta đuổi, hãy cho ta biết, ta sẽ xin cho vì anh ta không từ chối ta việc gì

Hạnh Phúc vẫn không dám giả nhời. Xet Zahia nghĩ cô bé không nói có lẽ tại có mặt con thị tì nó dương mắt nhìn người lạ mặt quá rút rát. Xet Zahia bảo nó :

– Cháu bé xinh xẻo này, hãy ra đứng sau cánh cửa đừng cho bất kỳ ai vào nhé.

Con bé ra rồi, Xet Zahia lại sát cạnh Hạnh Phúc lúc ấy lại trùm khăn vào, co mình lại. Công chúa hỏi :

– Giờ thì cho chị biết em là ai, tên gì, vì sao vào phòng này là nơi chỉ có chị và đức Giáo chủ là được ra vào. Cứ nói đừng ngại. Ta mến em xinh đẹp, ta thích đôi mắt của em. Phải, ta thấy em đẹp lắm.

Xet Zahia vốn thích những cô trinh nữ da trắng. Nàng không đợi giả lời, kéo thiếu nữ lại, một tay cởi rúc áo, một tay xoa lên ngực. Nàng ngạc nhiên hết sức thấy ngực cô bằng phẳng như ngực một thanh niên vậy. Nàng lùi lại, rồi lại tiến đến định tốc áo lên xem cho rõ. Hạnh Phúc thấy không thể giả câm được nữa. Chàng cầm tay Xét Zahia đặt lên môi mình.

– Thưa cô chủ của tôi, tôi hoàn toàn phó thác cho lòng từ tâm của nàng và xin nàng che chở cho.

– Được! ta sẵn sàng, nói đi.

– Thưa công nương, tôi không phải là gái. Tôi là Hạnh Phúc, con ông Xuân xứ Kupfa. Tôi liều đến đây dù có phải chết, để gặp vợ tôi là nàng Hạnh Phúc, mà vị tỉnh trưởng Kupfa đã cướp đi hiến làm quà lên đức Giáo chủ. Xin công nương, vì đức Sứ giả mà thương lấy vợ chồng tên nô lệ này của công nương.

Nói rồi chàng khóc sướt mướt. Xét Zahia gọi ngay con bé thị tì vào.

– Cháu chạy ngay đến buồng nàng Hạnh Phúc bảo ta mời đến đây nhé.

Đoạn, nàng quay về phía Hạnh Phúc:

— Cứ yên tâm, mọi việc sẽ tốt cho chàng thôi.

Trong thời gian ấy bà già đã gặp nàng Hạnh Phúc dắt đến căn buồng bà bố trí cho Hạnh Phúc. Đến nơi, không thấy hai người, vừa buồn, vừa sợ,

— Chàng lạc mất rồi, bà nói. Cháu về buồng mình đi, già đi tìm.

Đúng lúc cô về buồng mình thì con bé đến gọi. Nàng Hạnh Phúc mặt tái xanh, run cầm cập. Nàng chắc sẽ chết, cả người yêu của mình nữa. Nàng loạng choạng bước theo cô bé chân không.

Nàng vừa đến nơi, công chúa đã tươi cười ra đón. Công chúa nắm tay nàng dẫn đến với Hạnh Phúc vẫn trùm kín khăn, nói:

— Hạnh Phúc là đây!

Đôi thanh niên nhận nhau, ôm nhau mà ngã lăn ra, bất tỉnh.

Công chúa vẩy nước hoa hồng cho họ tỉnh lại, rồi để họ ở đấy với nhau. Một giờ sau, nàng trở lại, thấy họ ngồi ôm nhau, mắt ướt lệ vì sung sướng và biết ơn.

— Bây giờ thì phải uống chút gì mừng hai em sum họp và vĩnh viễn hân hoan, công chúa nói.

Nàng ra hiệu, em bé nô tì tươi cười rót đầy mấy cốc rượu ngon đưa đến. Xét Zahia bảo họ:

— Các em yêu nhau thế này thì hẳn biết những câu thơ hay về tình yêu và những bài hát hay về người yêu. Hãy hát cho chị nghe. Đàn đây! gảy lên cho đường tơ réo rắt đệm cho tiếng hát của hai em.

Chàng và nàng Hạnh Phúc hôn tay người em gái đức Giáo chủ, lên dây đàn, và hát đối đáp một bản tình ca:

« — Em đem hoa nhẹ đến cho anh dưới tấm mạng lụa Kupfa, và những trái cây óng ánh những tia nắng vàng mặt trời.

— Tất cả vàng nước Xuđăng trên làn da em, hỡi em yêu quí! Tia sáng mặt giời soi mái tóc em. Nhưng lụa của thành Đamát ở trong mắt em.

— Em đây, em đến với anh những buổi chiều mát mẻ. Trời nhẹ, đêm mịn màng, trong trẻo, gió nước thì thầm.

— Em đây rồi, em đây rồi, hỡi con linh dương đêm của anh. Cõi lối tăm được mắt em soi sáng chói, đôi mắt mà anh đắm vào như con chim đắm say trên biển cả... ».

Câu hát cuối cùng vừa dứt trên đôi môi của Hạnh Phúc ngây ngất niềm vui, thì màn mở, và đức Giáo chủ bước vào. Cả ba người đứng dạy cúi rạp đầu chào. Giáo chủ tươi cười đến ngồi giữa họ, trên tấm thảm. Ngài bảo con bé nô tì rót rượu đem lại.

— Chúng ta cùng uống mừng nàng Hạnh Phúc khỏi bệnh.

Ngài nói rồi nâng chiếc cốc bằng vàng lên:

— Ta uống vì đôi mắt của nàng, Hạnh Phúc hỡi.

Ngài uống từng hớp thong thả, xong đặt cốc xuống. Lúc ấy Ngài mới để ý đến nữ nô che mạng mà Ngài không biết. Ngài hỏi cô em gái:

— Cô gái này, mà đường nét lộ ra rất đẹp dưới tấm mạng, là ai thế?

Xét Zahia đáp:

— Là người bạn mà Hạnh Phúc không thể rời ra được, vì thiếu người bạn này thì nàng ăn uống chẳng thấy thú vị gì.

Giáo chủ hé mạng của người thiếu nữ thì sửng sốt vì sắc đẹp của nàng. Đôi má Hạnh Phúc có một làn lông tơ làm êm dịu sắc trắng của làn da, lại thêm một nốt ruồi nhỏ làm tươi cái cằm, nom rất đẹp. Giáo chủ thích thú, nói :

— Lạy Chúa, Zahia ạ, tối nay ta muốn lấy thêm cô này làm thứ phi. Cũng như đối với nàng Hạnh Phúc, ta sẽ dành cho cô một dinh cơ xứng với nhan sắc và một nếp sống như đối với chánh cung hoàng hậu vậy.

— Cô này quả xứng đáng với anh, Xet Zahia nói. Nàng nói thêm :

— Em muốn kể anh nghe một chuyện được đọc trong sách do một nhà bác học của chúng ta viết.

— Chuyện gì vậy ?

— Chuyện thế này : Ở thành Kupfa có một thanh niên tên là Hạnh Phúc, con ông Xuân. Chàng là chủ một nữ nô rất đẹp. Lúc nhỏ, hai người được nuôi nấng cùng nhau và mới đến tuổi dạy thì thì đã thuộc về nhau. Họ sống hạnh phúc mấy năm cho đến khi bị chia lìa. Một mụ già đã là công cụ của số phận đứ tội để gây họa cho họ. Mụ bắt cô bé nộp cho viên tỉnh trưởng, viên này đem tiến lên vua làm quà. Còn ông Xuân mất ăn mất ngủ cho đến khi tìm lại được vợ ở hậu cung nhà vua. Hai người vừa mừng được tái hợp thì vua vào bắt gặp hai người ngồi với nhau. Vua nổi điên, không cần suy xét, cho chém đầu ngay hai người. Nhà bác học viết chuyện này không kết luận. Em muốn được biết ý kiến của Giáo chủ về hành động của vị vua, và nếu Ngài ở địa vị ông ta thì sẽ xử trí ra sao ?

Giáo chủ Ap den Malếc ben Mêruân đáp ngay, không cần nghĩ ngợi :

— Ông vua ấy không nên hành động quá vội vã, nên tha thứ cho hai người vì ba lẽ : Lẽ thứ nhất là đôi trẻ

đã yêu nhau thực sự và từ lâu, lẽ thứ hai là khi ấy họ đã ở trong cung vua thì họ là khách của vua, lẽ thứ ba là đã làm vua thì phải hành động khôn khéo, thận trọng. Ta kết luận là vị vua nọ đã làm một việc không xứng đáng với một vị vua chân chính.

Xét Zahia quì xuống, kêu :

— Hỡi đức Giáo chủ, Ngài vừa vô tình phán xét về mình trong một việc Ngài sắp làm. Em xin Ngài vì hồn thiêng của các đấng tiên đế và của phụ vương liêm khiết của chúng ta mà xử công bằng về trường hợp em sắp tâu trình.

Giáo chủ ngạc nhiên nói :

— Em có thể tin cậy ở ta. Nhưng sao lại quì thế kia. Hãy đứng lên.

Nàng đứng dậy, bảo vợ chồng Hạnh Phúc cùng đứng lên, rồi nói với Giáo chủ :

— Tâu đức Giáo chủ, cô thiếu nữ xinh đẹp, dịu hiền che mạng này, chính là chàng Hạnh Phúc, con ông Xuân. Còn nàng Hạnh Phúc là cô gái lúc bé được nuôi nấng cùng chàng, sau lớn lên đã là vợ của chàng. Người bắt cóc nàng là viên tỉnh trưởng Kufa tên là Ben Atxep En Têkafi. Trong thư gửi Giáo chủ hắn nói láo là đã mua nữ nô một vạn đina. Em xin Ngài trừng phạt hắn và tha thứ cho đôi thanh niên đáng tha thứ này. Ân xá cho họ vì họ là khách nấp dưới bóng Giáo chủ.

Nghe cô em, Giáo chủ gật đầu :

— Được ! Ta có thói quen không thay đổi ý kiến.

Ngài hỏi nàng Hạnh Phúc :

— Đúng người này là chủ nhân Hạnh Phúc của nàng chứ ?

— Tâu Giáo chủ, đúng là thế

— Thế thì ta cho hai người đoàn tụ.

Ngài lại hỏi chàng Hạnh Phúc làm sao biết vợ ở đây, và làm thế nào mà vào được trong cung. Hạnh Phúc kể lại chuyện mình từ đầu đến cuối, không sót chi tiết nào.

Giáo chủ muốn gặp ngay ông thầy thuốc Ba tư kỳ diệu. Ngài rất trọng đãi, cho ông làm ngự y trong cung ở Đamát.

Ngài lưu hai vợ chồng Hạnh Phúc bảy đêm ngày, cho dự nhiều cuộc vui, lúc về lại tặng nhiều bảo vật. Ngài cách chức tên tỉnh trưởng, cho ông Xuân thay vào. Từ đấy cả gia đình sống trong hạnh phúc dài lâu.

III

TRUYỆN CHÀNG NỐT RUỒI

Ở Loke có một ông già làm tổng đại diện các thương gia trong thành. Ông lương thiện. đạo mạo, nhã nhặn, ăn nói thận trọng, lại giàu, nhiều nô lệ nên được mọi người kính nể. Tên ông là Sămxétđin.

Một ngày thứ sáu, trước khi đi lễ, ông đến tắm ở nhà tắm công cộng, xong đến hiệu cắt tóc, cạo hàng ria cho ngang với phía dưới môi trên theo tục thành quy định, xong cạo đầu. Cạo xong, ông đọc một câu kinh để bớt ảo tưởng về vẻ mặt của mình rồi cầm lấy cái gương anh thợ cạo đưa cho mà soi. Ông thấy chòm râu của ông sợi bạc quá nhiều hơn sợi đen, mà sợi đen cũng ngả bạc rồi chú ý lắm mới phân biệt được đen trắng. Ông buồn

vô hạn, nghĩ bụng: « Râu bạc tức là già, mà già là sắp chết. Hỡi Sămxétđin đáng thương! mình gần kề miệng lỗ rồi mà vẫn chưa có con nối dõi. Mình sẽ chết đi như chưa bao giờ tồn tại ». Ông buồn bã đến nhà thờ cầu kinh.

Ở nhà, vợ ông tắm rửa, xức nước hoa và chờ. Bà biết, mỗi lần đi lễ, tối đến là ông về. Bà tươi cười ra đón, chúc ông một đêm hạnh phúc.

Ông không những không chào lại, mà còn gắt:

— Bà nói hạnh phúc gì? Tôi mà còn có hạnh phúc à?

Bà ngạc nhiên:

— Lạy chúa! sao ông lại nói thế? Ông còn thiếu gì nào? Vì sao ông buồn thế?

— Chính bà làm tôi buồn. Cứ mỗi lần đến khu buôn bán lại thấy tủi cực đắng cay. Người ta ngồi cửa hàng, ai cũng hai, ba, bốn đứa con ngồi bên cạnh. Trông thấy chúng lớn dần mà tự hào về đường mai hậu. Chỉ mình là chẳng hy vọng gì, nhiều lúc chỉ muốn chết. Cầu Chúa đã gọi cha mẹ tôi đi, cũng gọi tôi đi nốt cho hết nỗi dày vò.

Bà vợ vỗ về:

— Ông đừng nghĩ thế. Giường chiếu giải rồi, ông vào đi nào.

Ông bực mình:

— Không vào! Từ nay không ăn, không uống, bà làm gì thây kệ, không thiết. Chính bà làm tôi tuyệt tự. Bốn chục năm lấy nhau, chẳng được lấy một mụn con, mà vẫn cứ không cho người ta lấy ai. Đêm tân hôn, bà lợi dụng sự mềm yếu của tôi, bắt tôi phải thề không được dẫn một người đàn bà nào về cái nhà này, không được ngủ với ai ngoài bà ra. Tôi đã ngây thơ hứa tất cả. Tệ hơn nữa là tôi đã giữ lời. Mà đã không

sinh nở được, bà cũng chẳng giải lời thề cho tôi. Tôi thề với Chúa, là thà ăn nằm với đá, còn hơn với bà, tốn sức vô ích.

Nghe mấy lời bực tức ấy, bà thấy tối tăm mặt mũi. Nóng tiết lên, bà hét :

— Ông già bất lực kia! hãy súc miệng nước thơm rồi hãy nói. Đừng đổ điều cho tôi. Trong hai ta, ai là kẻ có tội. Nhầm rồi, ông ơi! Tuyệt tự là tại ông. Ông cứ chữa bệnh đi xem nào.

Nghe vợ nói, ông đại diện thấy có lẽ tại mình thật chăng, bèn dấn dịu :

— Thế bà bảo tôi dùng thuốc gì nào?

— Thuốc ấy, bất kỳ người bán thuốc nào cũng có. Cứ hỏi khắc biết.

Hôm sau, chợ vừa mở, ông đại diện đem một cốc sứ đến một hiệu thuốc. Ông chào người bán hàng. Anh ta mừng lắm :

— Được Ngài mở hàng, qui quá. Ngài cần gì ạ?

— Cần thứ thuốc chữa cho có con.

Nói rồi, đưa cốc cho người bán hàng. Anh ta nghĩ: «ông lồng đại diện thường ngày nghiêm nghị lắm cơ mà. Chắc ông ta nói đùa». Nghĩ vậy anh đáp:

— Hôm qua thì có đấy, nhưng thuốc này nhiều người mua quá, nên hết rồi. Phiền ngài đi hàng khác vậy.

Ông đến cửa hiệu thứ hai, thứ ba, đi tất cả các hiệu thuốc trong chợ, hiệu nào cũng nói thế. Và họ đã cười thầm.

Ông đại diện về cửa hàng mình, buồn bã, chán đời. Bỗng một người môi giới đi ngang qua, dừng lại trước cửa. Anh này vốn là một tên nghiện ngập, nghiện hạt sít, nghiện rượu, nghiện thuốc phiện, một tên vô lại. Hắn tên là Hạt Vừng.

Tuy vậy Hạt Vừng rất kính trọng ông Sămxéldin, qua hiệu ông là cúi gập người chào lễ độ. Sáng hôm ấy cũng thế. Nhưng vị đại diện lại tỏ ra bực tức. Hạt Vừng không hiểu, vội hỏi:

– Có tai họa gì ghê gớm để Ngài không được bình tĩnh vậy thưa Ngài?

– Hạt Vừng, lại đây! Ngồi xuống, ta nói cho nghe, rồi sẽ hiểu. Ta lấy vợ đã bốn chục năm rồi mà vẫn chưa được ngửi hơi một đứa con. Người ta bảo tại ta nên phải tìm thuốc chữa. Nhưng không hiệu thuốc nào có, anh bảo có khổ ta không.

Nghe nói thế, Hạt Vừng không ngạc nhiên như mấy người bán thuốc. Y giơ tay ra:

– Xin Ngài đặt một đina vào bàn tay này và đưa tôi cái cốc sứ kia. Tôi có cách.

– Lạy chúa, có cách à? Hạt Vừng này! chữa được cho ta, anh sẽ phát tài đấy, ta thề có đức Sứ giả! Để bắt đầu, ta đưa anh hai đina chứ không phải một.

Ông đặt hai đina vàng vào lòng bàn tay y, đồng thời trao cho y cái cốc sứ. Hạt Vừng, tên khốn kiếp ấy, lần này tỏ ra thạo hơn tất cả các vị bán thuốc trong chợ. Hắn mua một số thứ, về làm như thế này:

Hắn lấy hai đồng cân một thứ hạt Tàu, một đồng cân chất mỡ lấy từ một thứ gai Iôni, một đồng cân thạch trúc tươi, một đồng cân nhục quế đỏ từ Xêrăngđip, mười hạt đậu khấu trắng Mulaba, năm lai gừng Ấn Độ, năm lai hạt tiêu trắng, năm lai ớt hải đảo, một đồng cân quế hồi Ấn Độ và nửa đồng cân xạ hương thảo, đem giã nhỏ, dây lấy bột cho một tinh khiết vào, cho thêm một ít nước hoa hồng năm hạt xạ, và một đồng

cân trứng cá. Hắn trộn thật nhuyễn nặn thành cao bỏ vào bát sứ đem đến cho ông Sămxetđin. Hắn dặn:

— Phải ăn thịt chim câu nướng pha thật nhiều hạt tiêu, cá đực còn nguyên tinh, trứng cừu đực nướng dối. Ăn luôn trong ba ngày. Rồi hai giờ trước khi giao hợp, ăn cao này. Như thế mà không thành công thì Ngài cứ nhổ vào mặt tôi.

Vị đại diện nghĩ: «Thằng Hạt Vừng này chơi bời nhiều, chắc hắn hiểu chuyện. Có thể tin được». Ông về nhà, làm lành với vợ. Hai ông bà vốn yêu quí nhau. Họ xin lỗi nhau, hối tiếc đã giận nhau một đêm vì mấy lời không hòa nhã.

Sau đấy, ông Sămxetđin ăn uống đúng như Hạt Vừng dặn trong ba ngày, cuối cùng ăn miếng cao nói trên, cao ăn rất ngon. Ăn xong, thấy máu trong người nóng ran như thời thanh niên khi ông đánh cuộc với tụi lưu manh cùng tuổi. Sau đêm hôm ấy, bà vợ có chửa, ba tháng không thấy kinh, biết là ăn chắc. Chín tháng sau bà sinh nở, đau lắm, vì đứa bé to như lên một tuổi. Bà đỡ khấn khứa xong tuyên bố suốt đời chưa bao giờ đỡ được một đứa bé to và khấu đến thế. Cũng không lạ khi nghĩ tới món thuốc Hạt Vừng..

Bà đỡ tắm rửa cho đứa bé, cầu các đấng Ala, Môhamát, Ali, đọc vào tai đứa bé lời thề tín đạo, rồi quấn tã trao cho mẹ. Bà ở lại ba ngày, chắc chắn không xảy ra chuyện gì mới đi. Gia chủ chia bánh kẹo cho các bà láng giềng để mừng đứa bé.

Bé đầy cữ, người ta rắc muối vào buồng và ông đại diện vào thăm vợ mừng con.

— Của chúa Ala ban cho, đâu nào? Ông hỏi.

Bà chìa con cho ông bế. Ông Sămxetđin hoan hỉ thấy đứa bé đầy cữ mà như đã đầy năm, mặt mày sáng sủa hơn trăng rằm mới mọc.

Bà định đặt tên con là gì? Ông hỏi.

– Nếu là gái thì tôi đặt tên. Nhưng đây là giai.. xin để ông đặt.

Lúc ấy một nữ nô quấn tã cho chú bé xúc động thấy ở mông bên trái một vết nâu như một hạt xạ nổi lên trên màu da trắng. Trên mỗi bên má của chú cũng có một hạt nhỏ, đen mịn, xinh. Ông đại diện nhân đấy reo lên:

– Chúng mình đặt tên con là Aletđin Nốt Ruồi. Vậy tên chú bé là Aletđin Nốt Ruồi. Nhưng tên hơi dài, người ta gọi gọn hơn là Nốt Ruồi. Trong bốn năm Nốt Ruồi được hai bà vú và mẹ cho bú. Sữa nhiều, chú khỏe như một con sư tử nhỏ, trắng như hoa nhài, hồng như hoa hồng. Chú đẹp quá, các cô bé hàng xóm và bố mẹ chúng yêu chú điên cuồng. Nhưng chú không để cho họ ôm hôn, lại gần là chú cào cấu. Các cô bé, cả những thiếu nữ nữa thường lợi dụng lúc chú ngủ đến hôn lấy hôn để.

Bố mẹ Nốt Ruồi thấy con được ngắm nghía và yêu quý quá đỗi thì sợ có kẻ xấu làm hại, muốn tránh cho con điều tai quái. Có những bậc cha mẹ cứ để con mặt mũi bẩn thỉu ruồi bâu đầy cho bớt đẹp đi mà tránh điều bất hạnh. Bố mẹ Nốt Ruồi không làm thế, mà xây một căn hầm dưới nhà để nuôi chú bé. Nốt Ruồi lớn lên trong hầm, không ai biết đến, nhưng được bọn nô lệ cùng hoạn nô chăm sóc thường xuyên, chu đáo. Nhớn lên, chú được các ông thầy thông thái đến dạy tập viết, kinh Koran và khoa học. Chú bé vừa đẹp giai, vóc người cân đối lại vừa học rộng. Bố mẹ định chỉ cho chú ra khỏi hầm khi râu chú dài quét đất.

Một hôm, một tên nô lệ đem thức ăn vào, quên không đóng cửa. Căn hầm vốn rộng thênh thang, lại có nhiều rèm che màn cửa nên Nốt Ruồi không hề để ý đến cái cửa ấy. Giờ thấy cửa mở, chàng vội đi ra, leo lên

tầng trên. Bà mẹ lúc ấy đang tiếp mấy bà khách sang. Nốt Ruồi đã mười bốn tuổi, cao, lớn, đẹp như một thiên thần say, má có lông tơ mịn với mỗi bên một nốt ruồi gần chỗ môi, không kể cái nốt không trông thấy. Các bà thấy xuất hiện một thanh niên lạ, sợ quá vội trùm mạng lên mà trách bà chủ nhà:

— Lạy chúa, để một người lạ vào như thế giữa đám phụ nữ, bà không xấu hổ sao? Bà há không biết trinh khiết là một tín điều của đạo?

Bà mẹ nói:

— Gọi chúa đi, các bà ơi. Thằng con tôi đấy mà, đứa con rứt ruột đẻ ra, con ông tổng đại diện thương gia ở Loke, đứa con được nuôi trong lòng các bà vú tốt sữa, được các nữ nô trẻ đẹp bế ẵm, được những cô trinh nữ chọn lọc cõng trên vai, áp vào ngực. Đó là con mắt của mẹ nó, niềm tự hào của bố nó. Tên cháu là Nốt Ruồi. Cầu Chúa phù hộ cho cháu, các bà ơi!

Thế là các vị đô đốc phu nhân, các bà vợ phú thương đều cầu chúa phù hộ cho Nốt Ruồi và trách:

— Nhưng sao cho đến bây giờ bà không hề cho chúng tôi biết cháu?

Bà Sămxetđin, trước hết đến hôn vào mắt con, bảo ra ngoài để các bà khỏi lúng túng, rồi mới phân trần:

— Bố cháu cho nuôi dưới hầm nhà để tránh vía dữ, ông ấy định chỉ khi nào cháu mọc râu mới cho mọi người biết. Cháu đẹp quá sợ nguy hiểm và sợ kẻ khác chơi xấu. Hôm nay chắc là có tên hoạn nô nào quên không đóng cửa nên cháu ra được.

Các bà nghe thế, đều khen bà Sămxetđin có đứa con xinh đẹp, và cầu phúc cho cậu con rồi ra về.

Nốt Ruồi trở lại với mẹ. Thấy bọn nô lệ đặt yên lên một con la cái, chàng hỏi chuẩn bị la cho ai?

— Để đón bố con ở chợ về. Bà mẹ đáp.

— Thế bố con làm gì?

— Bố con là một nhà buôn lớn, tổng đại diện của tất cả các nhà buôn ở Loke. Bố con là người cung cấp cho Hoàng đế Arập, và tất cả các vua Hồi. Người mua bán chỉ giao thiệp với bố về những món hàng trên một nghìn đina. Dưới số đó, dù là chín trăm chín mươi đina, thì giao thiệp với người làm công của bố. Không một kiện hàng nào vào ra Loke mà bố không được báo và không có người đến hỏi ý kiến. Như thế là chúa Ala đã ban cho bố muôn vàn của cải. Thật đáng cảm tạ Chúa.

— Đúng thế, Nốt Ruồi nói, cảm tạ chúa đã cho con làm con vị tổng đại diện. Từ nay con không để bị nhốt một nơi, cách biệt mọi người nữa. Mai, con phải đến chợ với bố.

— Cầu Chúa chiều con. Bố về, mẹ sẽ nói ngay.

Ông Sămxetđin vừa về, bà kể lại câu chuyện.

— Đã đến lúc phải cho con ra chợ với ông, bà nói.

— Mẹ thằng Nốt Ruồi hỡi, ông nói, bà không biết chuyện vía dữ là chuyện có thật à, không thể đùa với những chuyện nghiêm trọng như thế. Con ông nọ, bà kia đấy, và biết bao kẻ chết vì vía dữ. Một nửa trong số các nấm mồ là do những kẻ này đến ở, bà nên biết như thế.

— Hỡi bố thằng Nốt Ruồi bà nói, mỗi người đều có số phận buộc vào cổ, không sao thoát được. Điều gì số phận đã ghi thì không thể xóa được. Đã là con thì sống, chết là phải theo con đường của bố. Cái gì

hôm nay tồn tại, mai sẽ không còn. Lỗi của ông sẽ gây tai hại lớn cho con. Tôi vẫn mong ông sống lâu, được phúc, nhưng rồi ông cũng phải chết. Sẽ không ai muốn nhận con mình là người kế thừa hợp pháp những tài sản của cải của ông, vì cho đến bây giờ có ai biết có hắn đâu. Như thế thì Ngân khố nhà nước sẽ chiếm hết, và con ông sẽ không còn gì. Tôi có nhờ các cụ già chứng cho thì họ cũng chỉ có thể nói: « Chúng tôi chưa bao giờ biết vị Tổng đại diện Sămxeiđin có đứa con giai con gái nào ».

Những lời khôn ngoan ấy làm ông Tổng đại diện phải suy nghĩ. Một lát ông nói:

– Lạy chúa, bà nói có lý đấy. Từ mai tôi sẽ đem Nốt Ruồi theo, dạy cho nó biết mua, biết bán, biết thương nghị và bao nhiêu chuyện khác của nghề nghiệp.

Nốt Ruồi nghe bố nói sướng nẩy người. Ông bảo chàng:

– Bố biết con thích đi với bố. Thế là rất tốt. Nhưng ở chợ, con phải đứng đắn, mắt nhìn xuống cho khiêm tốn. Bố mong con sẽ đem thực hiện những bài học hay của các thày cùng những nguyên tắc xử thế mà con đã học được.

Hôm sau ông dẫn Nốt Ruồi đến nhà tắm công cộng, tắm xong mặc cho một cái áo xa tanh, cái đẹp nhất trong cửa hiệu, chít tên đầu một vòng khăn vải sọc kẻ kim tuyến. Hai bố con ăn qua loa, uống một cốc kem và khoan khoái ra khỏi nhà tắm. Ông đại diện cưỡi một con la cái trắng, cho Nốt Ruồi ngồi sau. Tắm xong, da dẻ Nốt Ruồi càng tươi, hai mắt sáng đến thiên thần cũng phải mê. Hai cha con trên lưng con la đi về phía chợ có bọn nô lệ quần áo mới đi trước và theo sau.

Tất cả các nhà buôn, các người mua bán trong chợ đều lấy làm kỳ thú. Họ xì xào: « Ya Ala! nhìn cậu bé kia! Thật là mặt trăng đêm mười bốn ». Hoặc « chú bé xinh xẻo ngồi sau ông tổng đại diện là ai thế nhỉ? Chúng ta chưa thấy bao giờ? »

Họ đang xì xào như thế thì tên môi giới Hạt Vừng đi qua. Hắn cũng trông thấy cậu bé. Hạt Vừng nhai hát sít, hút thuốc phiện nhiều quá, trí nhớ bị hủy hoại nên quên phắt môn thuốc ngày nào pha chế với những tinh cá, xạ hương, nhục quế và bao nhiêu thứ hay ho. Vậy nên thấy ông đại diện ngồi sát trước chàng thanh niên thì hắn cười gằn, trót nhả nói với mấy thương gia đang nghe hắn: « Hãy nhìn lão già râu bạc kia, lão giống như củ tỏi tây, ngoài trắng trong xanh ». Hắn cứ đến từng người một lặp lại cái câu cợt nhả ấy cho đến khi không còn ai trong chợ không tin rằng ông tổng đại diện Sămxetđin có một chàng trai xinh xẻo để cưỡi trong cửa hiệu của mình. Tiếng đồn đến tai nhà chức trách và những thương gia trọng yếu. Một cuộc hội nghị được những cụ nhiều tuổi nhất, được kính trọng nhất triệu tập để xét về vị Tổng đại diện của họ. Giữa cuộc họp, Hạt Vừng, điệu bộ bất bình nói lăng nhăng thế này:

— Từ nay chúng tôi không muốn cái lão dài râu xấu xa đi cọ xát công khai với bọn trẻ làm tổng đại diện cho toàn thị trường, cưỡi lên đầu lên cổ chúng tôi. Vì vậy cũng từ nay, trước giờ mở cửa hiệu chúng tôi miễn đến đọc trước ông ta bảy đoạn kinh thánh Fatiha, như chúng tôi vẫn làm trước đây và nội nhật hôm nay, chúng tôi sẽ bầu một vị Tổng đại diện khác ít tài tử hơn lão già kia về môn chơi đĩ giai.

Các vị thương gia không có ý kiến gì phản đối Hạt Vừng và nhất trí làm theo lời hắn.

Ông Sămxetđin không thấy thương gia cũng như người môi giới đến đọc kinh Fatiha thì không hiểu vì sao lại có sự chểnh mảng nghiêm trọng trái với lề thói đến thế. Thấy tên Hạt Vừng khốn kiếp đến gần khinh khỉnh nhìn ông, ông vẫy gọi. Hạt Vừng chỉ chờ có thế. Hắn trông nghiêng trông ngửa, nhìn mấy nhà buôn cười ranh mãnh. Mấy người này muốn câu chuyện phải được giải quyết, tỏ thiện cảm với hắn. Biết mọi người chú ý đến mình, hắn khệnh khạng bước đến tựa vào trước cửa hiệu. Ông Sămxetđin hỏi hắn:

— Hạt Vừng này, sao các nhà buôn có trùm phường đứng đầu không đến trước mặt ta đọc chương đầu kinh Koran nhỉ?

Hạt Vừng đáp:

— Hơ! hơ! ông hỏi tôi à? Tôi không biết. Người ta đồn ở chợ, người ta đồn, biết nói thế nào nhỉ, người ta đồn ấy mà. Có điều, tôi biết rõ có một phái gồm toàn các vị trùm trọng yếu đã quyết định bãi miễn ông để thay người khác làm Tổng đại diện.

Ông Sămxetđin nghe hắn nói thế, đổi sắc mặt, nhưng giọng vẫn nghiêm trang hỏi:

— Anh có thể cho ta biết các cụ dựa vào đâu mà quyết định như vậy?

Hắn nháy mắt, núng nính đôi mông mà rằng:

— Bố già ơi! đừng vờ vịt nữa! ông biết hơn ai hết chứ. Thế cái anh thanh niên ở cửa hiệu ông chẳng lẽ chỉ để đuổi ruồi thôi à? Dù sao, trong hội nghị tôi cũng là người duy nhất bênh vực ông. Tôi nói ông không phải là người hám chơi con giai. Có thì tôi biết ngay, vì tôi quen biết tất cả cái bọn thích trò này. Tôi còn nói thêm là chàng thanh niên ấy có thể là bà con của vợ ông, hoặc là con của một ông bạn ông ở Tanta.

ở Mansuara hoặc Batđa, đến có việc. Nhưng cả hội nghị phản đối tôi và đã bỏ phiếu phế truất ông. Chúa đã định thì đành chịu, ông ơi! Ông có thể tự an ủi vì cậu em đẹp quá. Tôi lấy tinh thần mà mừng cho ông. Cậu ta đẹp thật!

Đến thế thì ông không chịu được nữa rồi, ông hét :

— Câm đi! tên du đãng thối tha kia!. Mi không biết là con ta sao, tên nhai hát sít kia? Trí nhớ mi để đâu?

— Người ta có làm trí nhớ cho tôi đâu! Nhưng mà ông có con từ hồi nào thế? cậu con giai mười bốn tuổi này cứ thế chui từ bụng mẹ ra đấy hẳn?

— Anh Hạt Vừng này, anh không nhớ cách đây mười bốn năm, chính anh đem cho ta thứ thuốc chữa cho có con đấy sao? Nhờ nó mà ta có con. Anh cũng chẳng buồn trở lại hỏi xem môn thuốc của anh hiệu nghiệm thế nào. Còn ta vì sợ vía dữ nên đem con xuống hầm nuôi. Lúc đầu ta định chỉ khi nào hắn dài râu có thể vuốt được mới cho ra, nhưng mẹ hắn nghĩ đến tương lai con cứ bắt ta phải đem theo cho hắn quen dần việc buôn bán. Đây là lần đầu tiên hắn đi với ta... Còn anh, Hạt Vừng ạ, gặp lại anh cũng may để ta giả nợ. Đây, một nghìn đina, ơn anh về môn thuốc thần diệu ngày xưa.

Giờ thì Hạt Vừng hết ngờ vực. Hắn liền chạy đi giải cá lầm cho tất cả thương gia. Thế là họ vội đến, trước là để chúc mừng vị đại diện của họ, sau là để tạ lỗi về việc họ không đến cầu kinh. Tạ lỗi xong họ cầu kinh ngay.

Hạt Vừng thay mặt mọi người lên tiếng :

— Hỡi vị tổng đại diện kính mến của chúng tôi, cầu chúa phù hộ cho Ngài cả thân lẫn cành, để chúng tôi tiếp tục được yêu mến. Cầu cho cành lại nở hoa kết quả vàng óng thơm tho. Nhưng thưa vị đại diện.

thường thì sinh con là phải có kẹo bánh mời láng giềng ăn mừng, kẻ nghèo hèn cũng phải làm thế. Thế mà chúng tôi cổ họng vẫn chưa được nếm bánh bơ tẩm mật ong để chúc mừng chú bé. Bao giờ thì Ngài cho bắc chảo nấu bánh?

Ông Sămxétđin tươi cười:

— Tôi vẫn mong thế mà. Không phải một chảo bánh bơ mà là một đại tiệc mở tại khu vườn nhà tôi ở quê gần ngay cửa ô vào Lơ ke. Sáng mai mời tất cả các bạn đến dự bữa tiệc đã phải hoãn đến tận bây giờ.

Vừa về tới nhà, ông đại diện cho chuẩn bị ngay, cho vào lò quay mấy con cừu đã nhồi lá xanh trong sáu tháng và mấy chú cừu non. Ông cho mua rất nhiều bơ, huy động tất cả nô tì trong gia đình thạo nghề bánh kẹo cùng tất cả những người làm mứt làm bánh khu phố Zâyni để chuẩn bị không biết bao nhiêu mâm bánh. Công việc tiến hành chu đáo, không thiếu sót gì, tuy mệt nhọc.

Hôm sau, mới sáng, ông Sămxetđin cùng Nốt Ruồi, đến khu vườn, cho bọn nô lệ giải hai tấm khăn ăn rất rộng ở hai góc xa nhau.

Ông bảo Nốt Ruồi.

— Con xem, bố cho giải hai tấm khăn ăn, một dành cho những người có tuổi, một cho lứa các con có cha chú đi kèm. Bố tiếp người lớn, con tiếp bọn thanh niên và trẻ em.

Nốt Ruồi hỏi:

— Sao bố lại bày ra hai nơi? Thường thì người ta chỉ cách biệt nam nữ thôi còn những trẻ như con thì việc gì phải sợ người có râu?

— Bọn trẻ ngồi riêng với nhau để vui đùa hơn, tự do hơn là khi có mặt các bậc cha chú.

Nốt Ruồi không thấy có gì mỉa mai, bằng lòng với cách giải thích ấy.

Thế rồi khách đến. Bố tiếp người có tuổi, con tiếp thanh niên và trẻ em. Rồi đến ăn, uống, hát hỏng, vui chơi thỏa thích. Niềm vui mừng hân hoan ánh lên tất cả các bộ mặt. Hương trầm được đốt lên trong các bình hương. Khách ăn xong, nô lệ đem kem đến mời tráng miệng. Người lớn đàm đạo, trẻ em đùa vui.

Trong số người dự tiệc, có một nhà buôn, khách hàng vào loại sòng phẳng nhất của ông Tổng đại điện, nhưng lại là một tên kê gian nổi tiếng. Y không tha một cậu trai xinh đẹp nào trong khu phố của y. Tên hắn là Mamút, nhưng người ta thường gọi hắn bằng cái biệt hiệu « kẻ hai lòng ».

Khi Mamút Hai lòng nghe phía bên kia góc vườn có tiếng nô đùa thì xúc động lắm nghĩ bụng thế nào cũng làm ăn được. Thừa lúc không ai để ý, hắn vờ đi tiểu tiện len lỏi qua đám cây sang phía bên kia, đứng ngắm những bộ mặt non xinh đẹp, những bộ điệu duyên dáng của bọn trẻ. Và y thấy rõ đứa đẹp nhất trong bọn là Nốt Ruồi. Hắn tìm cách bắt chuyện để dẫn đi.

– Ya Ala, hắn nghĩ, chỉ cần chú bé tách khỏi bọn bạn một lát là được.

Và số phận đã cho hắn đạt vượt mong muốn.

Quả vậy, Nốt Ruồi chơi hăng quá, má hồng lên, và buồn đi tiểu. Cậu vốn ngoan không muốn ngồi đái trước đám đông, tìm một chỗ cây vắng. « Giờ mà mình đến là chú ta sợ. Hai Lòng nghĩ, phải tìm cách khác ». Đang nấp sau một thân cây, hắn chạy đến giữa đám trẻ. Các em nhận ra hắn la reo ầm ỹ chạy sán vào người. Hắn lấy làm thú vị, cười, để mặc các em trêu chọc. Sau hắn bảo:

— Các em nghe đây: Các em làm cho Nốt Ruồi thích phiêu lưu, đi xa hẳn Lơke thì ta sẽ cho mỗi em một chiếc áo mới và đủ tiền để tha hồ tiêu xài.

— Bác Hai Lòng ơi! chuyện này dễ thôi. Các em nói.

Hai Lòng yên tâm trở lại ngồi giữa những người râu tóc. Nốt Ruồi đái xong, về chỗ. Các bạn nháy nhau ra hiệu. Chú nói thạo nhất, thuyết:

— Nốt Ruồi này! Ban nãy mày ở ngoài kia, chúng tao bàn về cái thú du lịch, về các nước xa xôi rất đẹp, về Đamát, Alep, Bátđa. Bố mày giàu thế, hẳn mày đã nhiều lần được theo các đoàn lữ thươngđi xa với bố. Cái gì kỳ lạ nhất, kể chúng tao nghe với.

— Tao ấy à? chúng mày không biết tao đã bị nuôi dưới hầm cho đến tận hôm qua mới được ra hay sao? Thế thì còn đi đến đâu. Bây giờ thì nhiều lắm bố tao cũng chỉ cho đi theo từ nhà đến cửa hiệu.

— Nốt Ruồi đáng thương, bao nhiêu khoái lạc bị tước bỏ! Du lịch khoái lắm! Mày mà được nếm mùi thì không còn muốn ở nhà lấy một ngày! các nhà thơ đã ca ngợi cái thú nay đây mai đó. Đây là một vài câu về sự đổi thay:

«Nói sao hết thú kỳ diệu của du lịch. Các bạn ơi! cái gì đẹp đều thích thay đổi. Cả những hạt ngọc trai cũng là từ đáy biển tối tăm vượt muôn trùng để gắn vào mũ vua chúa để đeo ở cổ các công nương.»

Nghe thơ, Nốt Ruồi nói:

— Đúng thế, nhưng nghỉ ngơi ở nhà cũng có thú vui chứ.

Một em cười ồ, nói với bạn:

— Chúng mày xem, thằng Nốt Ruồi cứ như là cá đưa ra khỏi nước là chết ngay.

Một em khác khích thêm:

— Không phải! có lẽ hắn sợ rám mất đôi má hồng.

Em thứ ba giễu:

— Chúng mày không biết Nốt Ruồi giống đàn bà à? Đàn bà đố dám đi ngoài phố một mình!

Và một em nữa:

— Thế nào, Nốt Ruồi, không làm đàn ông mà mày không biết xấu hổ sao!

Nghe dồn dập mấy câu, Nốt Ruồi như điên như dại, ứa nước mắt, bỏ cả khách, cưỡi la, qua thành phố về nhà. Mẹ trông thấy sợ quá. Nốt Ruồi nhắc lại những lời lũ trẻ chế nhạo. Cậu tuyên bố phải đi ngay, bất kỳ đi đâu, nhưng phải đi. Và nói thêm:

— Mẹ trông con dao đây, mẹ không cho con đi, nó sẽ nằm trong ngực con.

Trước mối quyết tâm quá bất ngờ này, bà mẹ chỉ còn biết nuốt thầm nước mắt mà bằng lòng. Bà nói:

— Con ơi! mẹ hứa sẽ hết sức giúp con. Mẹ biết trước bố con sẽ không cho đi nên mẹ lấy riêng của mẹ một ít hàng cho con.

— Thì mẹ cho ngay đi, trước khi bố về.

Bà Sămxetđin cho nô lệ mở kho hàng dự trữ sai gói đủ số mười con lạc đà chở

Nói về ông Sămxetđin. Khách về rồi, ông tìm con trong khu vườn không thấy đâu, sau mới biết nó đã về trước. Sợ giữa đường con gặp chuyện không may, ông thúc la chạy bán sống bán chết. Đến nơi được người gác cổng cho biết Nốt Ruồi đã về, bình yên. Nhưng vào đến sân, ông hết sức ngạc nhiên thấy la liệt những kiện hàng chuẩn bị đem đi, trên mỗi kiện có ghi nơi đến, chữ to tướng: Alép, Đamát, Bátđa.

Ông chạy tìm bà. Bà cho ông biết chuyện và điều không hay nếu trái ý. Ông Tổng đại diện nói:

— Cứ để tôi thử khuyên con xem sao.

Ông cho gọi Nốt Ruồi đến bảo :

— Con ơi, mong Chúa soi sáng cho con và giúp con bỏ cái ý định tai hại ấy đi. Con há không biết đức Sứ giả (cầu chúc Ngài bình an) đã dạy rằng : « Sung sướng thay kẻ nào sống bằng hoa quả của vườn đất mình và hài lòng về cuộc đời nơi quê hương xứ sở ». Cổ nhân cũng khuyên : « Đừng có đi xa dù chỉ một dặm » Nghe những lời chỉ bảo ấy con còn giữ ý định đi xa nữa không ?

— Bố ơi, con đâu muốn trái ý bố. Nốt Ruồi đáp. Nhưng nếu bố không cho con những thứ cần thiết, cản trở cuộc hành trình của con thì con sẽ cởi bộ áo quần này, khoác áo giáo sĩ vào mà dùng đôi chân đi cùng trời cuối đất.

Thấy con khăng khăng một mực, ông không cản trở nữa.

— Thế thì bố cho con thêm bốn chục lạc đà hàng nữa với một chục của mẹ con là năm. Con sẽ có những hàng riêng cho mỗi nơi con đến. Vì không nên bán ở Alép chẳng hạn những thứ người Đamát ưa, như thế là không biết buôn. Thôi, con đi. Mong Chúa phù hộ cho con đi đường bình yên. Khi qua sa mạc Sư tử đến một nơi gọi là Thung lũng Chó, con nên hết sức đề phòng, Ở đấy có một ổ cướp đường, cầm đầu là một tên Bêđoanh, có biệt hiệu là « Chớp Nhoáng » vì hắn thường xuất hiện đột ngột, cướp phá rất nhanh.

Nốt Ruồi đáp :

— Mọi việc tốt xấu đều do Chúa định. Cái gì phải đến sẽ đến, có làm gì chăng nữa cũng thế thôi.

Ông đại diện không nói gì nữa, nhưng bà thì có hàng nghìn lời cầu nguyện cho con, hứa sẽ dâng thánh một trăm con cừu và xin cho con được sự phù trợ của thần thủ trợ khách đi đường là đức En — Xaiét Apđen

Kađe En-Guilani. Bà cứ ôm chặt lấy con mà khóc. Nốt Ruồi mãi mới gỡ ra được theo bố đến chỗ đoàn lữ thương sắp lên đường.

Ông Sămxetđin nói riêng với một ông lão buôn lạc đà, người Môtka, là cụ Kaman:

– Cụ đáng kính, tôi gửi cụ chú bé này, con ngươi của mắt tôi đây. Xin Chúa Ala phù hộ và xin cụ trông nom cho.

Ông bảo Nốt Ruồi.

– Trong thời gian xa bố, con phải xem cụ như cha, phải nghe lời, và không được làm việc gì mà không xin ý kiến cụ.

Ông đưa cho con một nghìn đina, dặn một lần nữa:

– Lúc giá cả đang xuống, chớ bán hàng, cứ chờ khi nào giá lên cao nhất hãy bán. Con cầm món tiền này tiêu vặt khi hàng chưa bán được.

Cha con từ biệt nhau xong, đoàn lên đường, phút chốc ra khỏi thành Loke.

Được tin Nốt Ruồi đi, Mamút cũng chuẩn bị đi. Vài giờ sau hắn đã có được một đoàn lừa và lạc đà thồ hàng cùng mấy con ngựa đóng yên. Hắn đi ngay và cách Loke mấy dặm thì đuổi kịp đoàn lữ thương. Hắn tự nhủ: « Đến sa mạc thì mi tha hồ hú hí với chú bé chẳng sợ ai quấy rầy. Mamút ạ, chẳng có ai để tố cáo, cũng không ai đến giám sát mi. Ngay chặng đường thứ nhất, Hai Lòng dựng lều cạnh lều Nốt Ruồi. Hắn dặn anh bếp của chàng không phải đốt lửa vì hắn mời chàng sang lều hắn cùng ăn. Nốt Ruồi sang có cụ Kaman đi cùng. Hôm sau đến trạm nghỉ thứ hai cũng thế. Và cứ thế cho đến tận Đamát. Ở đây Hai Lòng có một nhà riêng để tiếp bạn bè, cũng như ở Alep và ở Batda. Hắn cho một nô lệ đến lều Nốt Ruồi ở ngay cửa ô vào

thành mời riêng chàng đến. Chàng bảo để chờ xin ý kiến cụ Kaman đã. Cụ chau mày khuyên chớ đi. Và Nốt Ruồi không đi.

Ở Đamát không bao lâu, đoàn lên đường đi Alép. Vừa đến nơi Hai Lòng cho mời ngay Nốt Ruồi. Cụ Kanman cũng lại khuyên không nên đến. Nốt Ruồi không hiểu tại sao cụ nghiêm thế, nhưng cũng không muốn trái ý cụ. Lần này nữa Hai Lòng lại tốn công, tốn của vô ích.

Nhưng khi rời khỏi Alép, Hai Lòng thề nhất định lần này không để xảy ra như thế nữa. Cho nên lần nghỉ đầu tiên trên đường đi Batđa, hắn chuẩn bị một bữa tiệc sang chưa từng thấy và thân đến tận nơi mời Nốt Ruồi cùng đi với hắn. Lần này Nốt Ruồi buộc phải nhận lời, vì không có cớ gì chính đáng để từ chối. Chàng vào lều thay quần áo chỉnh tề. Cụ Kaman đến bảo:

— Nốt Ruồi ơi! Cháu dại lắm. Sao lại nhận lời mời của Mamút? Cháu không hiểu ý hắn sao? Cháu không biết vì sao người ta gọi hắn là Hai Lòng à? Đáng nhẽ cháu phải hỏi ý ông già là bác đây, những ông già mà nhà thơ có nói:

«Tôi hỏi cụ già: «Tại sao cụ đi, lưng còng như thế?» Cụ đáp: Ta đã mãi đi trên đất ướt, tuổi thanh xuân của ta. Ta cúi tìm tuổi thanh xuân đây. Bây giờ trên lưng ta, kinh nghiệm nặng quá, khiến ta không thẳng lưng lên được».

— Thưa bác đáng kính, Nốt Ruồi trả lời, cháu không biết tại sao người ta lại gọi anh bạn Mamút của chúng ta là Hai Lòng nhưng dù sao khước từ mãi lời mời của anh ấy cũng là khiếm nhã. Vả lại đi thì có mất gì? Anh ấy có ăn thịt cháu đâu?

— Lạy chúa! Hắn ăn thịt cháu đấy! Hắn đã ăn bao nhiêu người rồi.

Nốt Ruồi bật phì cười, rồi vội đi theo Hai Lòng đang sốt ruột chờ. Hai người đến chỗ lều có bàn tiệc.

Bữa tiệc thật đẹp mắt và gợi cảm. Hai Lòng không tiếc gì để đón tiếp chàng thanh niên kỳ diệu. Hai người ăn uống vui vẻ, nói cười luôn miệng. Họ ăn no, cùng chung cốc uống mềm môi. Hơi men bốc lên đầu, bọn người hầu đã kín đáo rút lui, Hai Lòng say rượu, say tình ôm hai má Nốt Ruồi định hôn. Nốt Ruồi bối rối, tự nhiên giơ tay lên, và Hai Lòng hôn phải bàn tay ấy. Mamút một tay ôm cổ, một tay ôm ngang lưng chàng. Nốt Ruồi hỏi:

— Anh định làm gì tôi thế?

Hai Lòng nói ý định của mình.

Nốt Ruồi đứng phắt dạy:

— Lạy Chúa! Không được! Ta không bán cái thứ hàng này đâu! Dù sao để tự an ủi, anh biết cho là nếu tôi bán thứ này cho người khác lấy vàng thì đối với anh tôi sẽ cho không.

Mặc cho Hai Lòng lạy van, Nốt Ruồi không ở thêm lấy một phút. Chàng vội về lều của chàng. Cụ Kaman lo lắng đang chờ, thấy Nốt Ruồi về mặt khác thường, cụ hỏi vì sao.

— Không có gì cả, bác ạ. Nhưng phải nhổ trại ngay mà đi Bátđa. Cháu không muốn đi cùng Hai Lòng nữa. Anh ta có những ý định quá đáng và phiền toái.

— Ta đã chẳng bảo cháu rồi đó sao? Lạy Chúa! May mà cháu không việc gì cả. Còn chuyện đi thì bác lưu ý cháu, đi lẻ là rất nguy hiểm. Nên ở lại đi cùng mới đủ sức chống trả bọn Bêđoanh cướp đường trên đất này.

Nốt Ruồi không muốn nghe gì cả, cho lệnh lên đường

Thế là đoàn nhỏ của chàng đi một mình, cứ đi cho đến một buổi chiều, cách cổng thành Bátđa có mấy dặm Nốt Ruồi cho hạ trại. Cụ Kaman khuyên;

— Nên đi thẳng đến Batđa trong nội đêm nay. Không nên hạ trại ở đây. Vì đây là Thung lũng Chó, nguy hiểm lắm. Nên đi vội đến Bátđa trước khi cổng đóng. Vì tối nào Giáo chủ cũng cho đóng cổng thành cẩn mật, để ngăn bọn cuồng tín kéo vào lấy sách khoa học, văn học chứa trong các lớp học mà ném xuống sông Hồ.

Nốt Ruồi đáp:

— Lạy Chúa, cháu không muốn vào thành ban đêm, mà muốn hưởng cảnh bình minh trên Bátđa. Đêm nay ở đây thôi, cháu không vội gì cả. Cháu có đi buôn bán đâu, đi ngao du thôi mà, cho biết đó biết đây.

Cụ Kaman chỉ còn biết cúi đầu, than cho sự bướng bỉnh nguy hiểm của đứa con ông Sămxétđin.

Nốt Ruồi ăn tối qua loa, bọn nô lệ ngủ cả, chàng ra khỏi lều đến ngồi ở một gốc cây trong thung lũng dưới ánh trăng. Chàng nhớ lại những bài tập đọc học với các ông thầy dưới hầm dạo nọ, chàng ngâm bài thơ sau ở nơi đầy thơ mộng này:

«Hỡi Bátđa, nữ hoàng của Irắc, nguồn khoái cảm lâng lâng, đất của Giáo chủ và của thi nhân, đã bao lâu ta mơ tưởng đến người...».

Chưa hết đoạn thơ đầu, chàng nghe phía bên trái có tiếng la hét dữ dội, tiếng ngựa phi, tiếng kêu cứu từ hàng trăm cái miệng thốt ra cùng một lúc. Chàng quay lại thấy bốn mặt rất đông những tên Bêđoanh như từ dưới đất chui lên.

Nốt Ruồi lặng người. Chàng thấy cả đoàn bị cướp phá. Bọn cướp không thấy một ai sống sót, dắt hết lạc đà và la, trong nháy mắt biến mất.

Khi đã bớt bàng hoàng, Nốt Ruồi đến chỗ cắm trại thấy người của chàng bị giết sạch, cả cụ Kaman, tuổi đáng kính. Thây nằm ngổn ngang, ngực bị lưỡi thương đâm nát. Chàng không chịu được cảnh tượng hãi hùng ấy, cắm đầu chạy không dám ngoái lại. Sợ tên cướp nào trông thấy, chàng cởi bỏ hết quần áo đẹp, chỉ giữ chiếc áo lót. Và gần như trần truồng, chàng chạy suốt đêm, sáng sớm đến cổng thành Bátđa. Mệt quá, chàng đến chỗ cái giếng đầu tiên rửa mặt mũi chân tay, rồi lên chỗ bệ phía trên nằm lăn ra ngủ.

Lại nói về Mamút Hai Lòng. Nốt Ruồi đi rồi, hắn cũng đi, đi lối tắt nên tránh được bọn cướp. Hắn đến cổng Bátđa vừa lúc Nốt Ruồi qua đấy đến nằm ngủ trên bờ giếng. Hắn cũng đến giếng cho ngựa uống nước ở chỗ bồn đá dành cho súc vật. Con ngựa thấy bóng của chàng thanh niên nằm ngủ, sợ hãi, lùi lại, thở. Hai Lòng ngước mắt nhìn lên bệ nhận ra Nốt Ruồi mong manh một chiếc áo lót nằm ngủ thì giật mình xuýt ngã ngựa.

Hắn nhảy xuống, trèo lên chỗ bệ, ngây người ra trước cảnh Nốt Ruồi nằm gối tay ngủ mệt nhọc. Lần đầu tiên hắn được ngắm cái thân hình tuyệt mĩ trong như pha lê có những nốt ruồi nâu nổi lên rất đẹp trên làn da trắng. Hắn không hiểu do đâu lại gặp nằm ngủ trên đường vị thiên thần hắn say mê theo đuổi, mà vì ai hắn đã tổ chức cuộc hành trình gian khổ này. Hắn không thể rời mắt khỏi nốt sạ ở mông bên trái chàng. Hắn không biết giờ nên xử trí ra sao. « Làm gì bây giờ? Hắn nghĩ. Đánh thức chàng dậy và cứ thế đèo lên ngựa chạy trốn vào sa mạc? chờ cho chàng tỉnh giấc, nói ngọt, dụ chàng theo mình về nhà riêng ở Bátđa ».

Hắn dừng lại ở ý nghĩ sau này. Hắn ngồi ở mép bệ, dưới chân chàng. Mặt trời chiếu xuống. Thân hình

non tơ của chàng trong veo hồng lên. Con mắt hắn sha hờ đắm say ngắm nghía.

Nốt Ruồi ngủ no rồi, duỗi chân, hé mắt. Mamút cầm tay chàng nói rất êm ái:

— Đừng sợ! Gần ta chàng sẽ được bình yên. Xin cho biết, vì sao ra nông nỗi này?

Nốt Ruồi vụt ngồi dạy. Trước mặt kẻ say mê mình, chàng thấy ngượng nghịu, nhưng cũng thuật lại việc bị cướp. Mamút nói:

— Anh bạn trẻ của tôi ơi! của mất mà người còn, thật cảm tạ chúa. Nhà thơ có nói:

« Đầu mà còn thì của mất chỉ như mất đầu móng tay ».

Vả lại của cải của chàng còn đấy thôi. Vì tất cả tài sản của ta là thuộc về chàng. Đi với ta về nhà mà tắm rửa và mặc quần áo vào. Ngay từ giờ phút này chàng có thể coi tất cả của cải của Mamút như của chàng, và Mamút chỉ sống để phụng sự chàng.

Hắn cứ nói mãi, thân thiết quá nên cuối cùng Nốt Ruồi theo hắn.

Hắn đỡ Nốt Ruồi lên lưng ngựa, để ngồi sát ngay sau lưng. Hắn run lên vì khoái trá được cái thân hình nóng bỏng, trần truồng của chàng thanh niên ôm chặt lấy.

Về đến nhà, hắn dẫn ngay Nốt Ruồi đến nhà tắm công cộng, không gọi người xoa bóp hoặc một người giúp việc nào, tự tay tắm lấy cho Nốt Ruồi. Tắm xong, mặc cho chàng một chiếc áo quí, đưa về căn phòng dành riêng để tiếp bạn thân.

Đây là một căn phòng mát mẻ soi sáng bằng ánh xanh của men sứ ở tường và ở những ngôi sao lấp lánh trên trần. Một mùi hương thơm như đưa hồn đến những

khu vườn long não và nhục quế trong mơ. Ở giữa có nước phun lên như hát. Nghỉ ngơi ở đây xiết bao êm đềm khoan khoái. Hai người ngồi trên thảm. Mamút đưa cho Nốt Ruồi một chiếc gối để tỳ tay. Rồi ăn, và uống rượu. Hai Lòng giữ gìn mãi, giờ thì không nén được nữa. Hắn đọc thơ tình:

« *Lòng khát khao hỡi! Con mắt âu yếm nhìn, đôi môi tình khiết hôn, không làm dịu được mi. Hỡi lòng khao khát của ta! Ta đắm say quá, chỉ được toại nguyện mới nhẹ lòng* ».

Nốt Ruồi đã quen với thơ của Hai Lòng, hiểu được cái ý tối tăm. Chàng đứng ngay dậy:

Tôi không hiểu sao anh cứ, nói mãi về cái chuyện ấy. Tôi chỉ có thể nhắc lại điều đã nói: Ngày nào mà tôi đem bán cái món hàng ấy lấy vàng, thì ngày ấy tôi sẽ cho không anh ngay.

Rồi không muốn nghe gì nữa, chàng bỏ đi.

Lang thang trong thành phố xa lạ, tối đến, chẳng biết đi đâu, chàng định vào một giáo đường. Vào đến sân, sắp cởi dép để vào giáo đường thì thấy tiến đến hai người, có hai nô lệ đi trước cầm đèn. Chàng đứng dẹp lại cho họ đi. Người có tuổi trong hai người dừng lại trước mặt chàng, nhìn đăm đăm rồi chào. Chàng chào lại. Ông già hỏi:

— Chàng có phải người ở xa đến không?

— Phải! Tôi từ Lơke đến. Bố tôi là Sămxetđin, tổng đại diện thương nhân của thành phố.

Ông già quay về phía người cùng đi, nói:

— Chúa Ala cho ta quá điều mong muốn. Chúng ta không ngờ lại gặp được người lạ giúp chúng ta chóng đến thế.

Ông kéo Nốt Ruồi nói riêng:

— Thật đáng xưng tụng đức Ala đã đặt chàng trên đường của ta. Ta muốn chàng giúp cho một việc. Ta sẽ trả công rất hậu: năm nghìn đina, với một nghìn đina quần áo, với một con ngựa một nghìn đina. Việc thế này:

Theo luật ở đây, khi một người Hồi giáo đã bỏ vợ lần đầu, nếu trong vòng ba tháng mười ngày muốn lấy lại thì không cần nghi thức gì cả. Nếu ly dị lần thứ hai, cũng có thể lấy lại sau thời gian do luật pháp qui định. Nhưng nếu đã bỏ lần thứ ba hoặc chưa bỏ lần nào nhưng lại nói: « Cô bị bỏ ba lần » hay: « Ta lấy lần ly dị thứ ba mà thề rằng cô không còn là gì đối với ta nữa », mà người chồng muốn lấy lại thì theo luật pháp phải có một người chính thức cưới người vợ bị bỏ, rồi sau đấy lại bỏ chị ta dù mới chỉ ngủ với chị một đêm. Có thế người chồng mới lấy lại được. Đấy là trường hợp người chồng trẻ tuổi này là con rể ta. Hôm nọ, giận quá hóa dại, anh ta đã thét vợ: « cút khỏi nhà tao! tao không nhận mày nữa. Mày đã bị bỏ ba lần ». Lập tức con gái ta kéo mạng che mặt xuống, vì chồng giờ đã thành người lạ. Hắn lấy lại của hồi môn, về nhà ta ngay ngày hôm đó. Nhưng giờ đây, chồng nó tha thiết muốn lấy lại. Anh ta đến van lạy ta xin làm lành với vợ. Ta bằng lòng. Thế là phải tìm một người lạ làm chồng cô vợ một đêm. Ta gặp chàng đây. Chàng là người từ xa đến, mọi việc sẽ giữ được bí mật, chỉ có vị pháp quan biết thôi, không một chút gì tiết lộ ra ngoài.

Đang cơn cùng quẫn, Nốt Ruồi nghĩ: « Ta sẽ được năm nghìn đina, quần áo một nghìn nữa, một con ngựa một nghìn, lại một đêm có vợ. Lạy Chúa, nhận thôi ». Chàng bèn bảo hai người đang lo lắng chờ giả lời.

— Lạy Chúa! Tôi xin nhận làm người Giải trừ.

Anh chồng từ nãy vẫn im lặng, giờ mới lên tiếng:

— Tôi yêu vợ tôi lắm. Chàng giúp cho như thế là quí. Nhưng tôi sợ chàng có thể thích cô ta mà sáng hôm sau không chịu ly dị giả lại cho tôi. Luật pháp sẽ bênh chàng. Vì vậy, tôi muốn chàng cam kết trước vị pháp quan là nếu hôm sau chàng không li dị thì phải đền thiệt hại cho tôi là một vạn đina.

Nốt Ruồi nhận ngay vì chàng chỉ định lấy chị kia một đêm thôi. Thế là ba người đến vị pháp quan ký kết giấy tờ. Ông này thấy Nốt Ruồi thì xúc động yêu ngay. Chúng ta sẽ còn gặp lại ông trong câu chuyện.

Xong giấy tờ, họ ra khỏi nhà viên pháp quan. Ông già đưa Nốt Ruồi về nhà. Ông bảo chàng ngồi nhà ngoài đợi, còn ông vào bảo con gái :

— Con gái yêu, cha đã tìm được cho con một cậu đẹp giai, cha mong con sẽ vừa ý. Hãy qua một đêm với chàng. Không phải đêm nào người ta cũng có thể được ôm một chàng kỳ diệu như thế.

Thuyết con gái xong, ông cha tốt bụng hài lòng ra bảo với Nốt Ruồi tương tự như thế, và dặn ngồi chờ một lát để người vợ mới có thì giờ chuẩn bị tiếp chàng. Còn ông chồng trước thì đi tìm gặp ngay một mụ già giảo quyệt đã nuôi anh lúc nhỏ mà rằng ;

— Mẹ ơi ! Con xin mẹ nghĩ cách gì cho chàng Giải trừ đêm nay không gần vợ con.

Mụ nói ngay :

— Chuyện ấy thì dễ thôi.

Mụ liền choàng khăn vào đến nhà người vợ. Thấy Nốt Ruồi ngồi ở nhà ngoài, mụ chào, bảo :

— Như mọi hôm, hôm nay già đến bôi thuốc chữa bệnh hủi cho cô vợ. Thật khổ cho cô ta.

Nốt Ruồi kêu lên : — Lạy chúa, tránh cho tôi ! Thế nào, thưa mẹ, cô ấy bị hủi à ? Thế mà đêm nay tôi phải ngủ với cô ta đấy. Chồng cô ta chọn tôi làm người Giải trừ mà !

Mụ già ra vẻ thương hại :

— Cầu chúa tránh cho tuổi thanh xuân đẹp đẽ của con cái bệnh ấy. Phải, đêm nay con không nên chung chạ với cô ta.

Mụ để mặc Nốt Ruồi há hốc mồm ngồi đó vào bảo với chị vợ điều tương tự đã nói với chàng thanh niên Giải trừ. Mụ khuyên chị phải kiêng kéo lây bệnh. Nói xong, mụ về.

Nốt Ruồi ngồi chờ cho chị vợ ra hiệu trước khi vào. Chờ mãi chỉ thấy một nữ nô bưng đến một mâm thức ăn. Chàng ăn, uống, rồi không biết làm gì, ngồi đọc một chương kinh Koran, và ngâm mấy đoạn thơ trữ tình, giọng ngọt ngào hơn giọng của chàng Đavit trẻ tuổi hát trước vua Xôn [1].

Thiếu phụ trong buồng nghe giọng ngâm tự nhủ : « Cái mụ xúi quẩy kia nói gì thế nhỉ. Một người mắc bệnh hủi mà lại có cái giọng tốt thế kia à ? Lạy chúa, ta sẽ gọi chàng vào, nhìn tận mặt xem có phải mụ ta nói dối mình không. Nhưng trước hết hãy hát đáp lại chàng ngâm ». Nàng lấy một cây đàn Ấn độ, lên dây, gẩy đàn hát theo. Giọng nàng véo von, đến chim bay tít đỉnh trời cao cũng phải ngừng lại lắng nghe. Hát rằng :

« Tôi yêu một chú hoẵng non. Mắt hoẵng dịu, buồn. Thân hoẵng mềm mại, khi dung đưa thì những cành cây mềm cũng bắt chước mà uốn éo theo... »

---

(1) Theo Kinh thánh, Đavit có đàn hát trước mặt vua Xôn (thế kỷ XI trước công nguyên). Sau Đavit nối ngôi vua Xôn, trị vì Ixraen khoảng 1000 – 974 trước công nguyên.

Nốt Ruồi mới nghe những nốt nhạc đầu của khúc hát, thôi không ngân nga nữa, chú ý lắng tai : « Cái mụ bán thuốc mỡ kia đã nói gì với ta thế nhỉ, chàng lẩm bẩm. Lạy Chúa, nhất định mụ ta đã nói láo. Một giọng tốt như thế không thể là của một người hủi được. Rồi họa theo nốt nhạc, chàng hát đến đá nghe cũng phải nhảy lên.

« Ta chào con linh dương xinh xẻo đang trốn người săn. Ta chào những đóa hồng rải rác trên đôi má nó ».

Thiếu phụ xúc động chạy đến hé rèm lên, mà nàng lồ lộ như mặt giăng đột ngột ra khỏi đám mây. Nàng ra hiệu bảo chàng vào, đi uốn ẹo đằng trước làm cho một ông già nằm liệt ị ỉ ông cũng phải bật dậy. Nốt Ruồi ngạc nhiên về nhan sắc tươi trẻ của nàng, nhưng không dám lại gần, vì sợ lây.

Đột nhiên thiếu phụ cởi hết áo quần, thân hình như bạc nguyên chất, mảnh dẻ rắn chắc như cây cọ non

Nốt Ruồi cũng làm theo. Thân hình chàng trong như nước suối, nguyên vẹn như con mắt trẻ thơ. Đêm ấy, họ đúng là một cặp vợ chồng trong tối tân hôn.

Sáng dạy Nốt Ruồi hỏi người vợ tạm thời :

— Tên nàng là gì ?

— Là Zôbêiđa

— Zôbêiđa nàng hỡi, ta rất tiếc phải từ biệt nàng

— Sao vậy, chàng hỡi ?

— Vì lẽ ta chỉ là người Giải trừ mà thôi

— Ôi ! em quên mất ! Được hưởng hạnh phúc cùng chàng em cứ tưởng chàng là một món quà kỳ lạ cha em tặng để thay cho người kia.

— Thì đúng vậy mà, Zôbêiđa xinh đẹp. Cha và chồng nàng đã chọn tôi. Và để đề phòng ý xấu của tôi cả hai bắt tôi ký giấy trước vị pháp quan cam kết nếu

tôi không bỏ nàng thì phải đền một vạn đina. Tôi không một xu dính túi, biết lấy đâu món tiền quá lớn ấy để giả họ. Tôi đành đi thôi, nếu không sẽ phải vào tù vì vỡ nợ.

Nàng Zôbêiđa nghĩ một lúc, hôn vào mắt chàng hỏi:

— Tên chàng là gì?

— Là Nốt Ruồi.

— Ya Ala! Tên đúng với người quá (1). Em sẽ tìm được cách khiến đôi ta không bao giờ phải xa nhau. Được biết chàng rồi, em thề thà chết chứ không thể thuộc về ai khác.

— Làm thế nào bây giờ?

— Đơn giản thôi. Lát nữa cha em dẫn chàng đến viên pháp quan làm giấy tờ. Chàng đứng sát vào viên quan mọ bảo rằng chàng không muốn ly dị. Ông ta sẽ hỏi: «Sao? Anh từ chối năm nghìn đina người ta sắp trao cho, và một nghìn đina quần áo, và con ngựa một nghìn đina để ở lại với một người đàn bà?» Chàng sẽ đáp: «Tôi tính mỗi sợi tóc của người đàn bà ấy đáng giá một vạn đina. Vì vậy tôi giữ lại chủ nhân của mớ tóc quí ấy». Viên quan sẽ nói: «Đó là quyền của anh, nhưng anh phải giả cho người chồng trước một vạn đina bồi thường». Lúc ấy, chàng nghe cho kỹ lời em nói đây: ông quan già ấy, một người tốt, rất mê những chàng trai trẻ. Em tin chàng sẽ để lại cho ông ta một cảm tưởng rất mạnh.

Nốt Ruồi kêu lên:

— Nàng cho là vị pháp quan cũng là kẻ hai lòng?

— Đúng thế! Nhưng có gì mà chàng phải lấy làm lạ!

---

1) Nốt Ruồi đồng nghĩa với Hạt Nhan Sắc.

— Quả là số đã định Nốt Ruồi suốt đời cứ phải từ tay một anh hai lòng này qua tay một anh hai lòng khác. Nhưng hỡi nàng Zôbêiđa khôn khéo, nàng nói tiếp đi. Nàng bảo viên pháp quan ấy rất mê những chàng trai trẻ. Nàng khuyên ta đem bán cho ông ta món hàng ấy chăng?

— Không! Chàng nghe đây: Khi ông quan bảo «Phải giá một vạn đina» thì chàng nhìn ông ta như thế này, một cách nào đấy, chàng ưỡn ẹo, vừa vừa thôi, như thế nào cho ông ta xúc động đến tan ra nước trên tấm thảm ông ta ngồi. Nhất định ông ta sẽ cho hoãn giả nợ. Sau đây, có Chúa giúp.

Nốt Ruồi nghĩ một lúc nói:

— Như thế cũng được.

Lúc ấy một nữ nô gọi sau bức màn:

— Thưa cô chủ Zôbêiđa, ông đang đợi cậu chủ đấy.

Nốt Ruồi đứng dạy vội mặc quần áo vào đến gặp ông bố Zôbêiđa. Hai người ra đến đầu phố cùng anh chồng cũ đến dinh viên pháp quan. Sự việc xảy ra đúng như Zôbêiđa tiên đoán. Cũng phải nói là Nốt Ruồi đã theo răm rắp những chỉ dẫn quí báu của nàng. Viên pháp quan bị những cái liếc mắt của Nốt Ruồi thôi miên, cho hoãn không phải chỉ ba ngày theo lời thỉnh cầu khiêm tốn của chàng thanh niên, mà đã kết luận như sau:

«Tôn giáo và luật pháp chúng ta không thể buộc người ta phải ly dị. Và bốn nghi thức chính thống cũng hoàn toàn qui định như thế. Mặt khác người giải trừ đã thành người chồng. Vì là người phương xa nên được hoãn nợ. Tòa cho hoãn mười ngày».

Nốt Ruồi kính cẩn cảm ơn. Viên pháp quan nghĩ: «Lạy chúa chàng thanh niên xinh đẹp này đáng giá một vạn đina. Ta sẵn sàng cho chàng vay.» Nốt Ruồi lễ phép từ biệt, chạy về với vợ, nàng Zôbêiđa khôn khéo.

Zôbêiđa tươi tắn, đón Nốt Ruồi niềm nở, khen chàng về kết quả đạt được, và đưa cho chàng một trăm đina để chuẩn bị một bữa tiệc sẽ kéo dài suốt đêm. Tối đến hai vợ chồng ăn uống no nê rồi vào phòng khách đốt đèn đuốc lên đàn hát với nhau. Bỗng có tiếng gõ cửa. Nốt Ruồi ra mở.

Nguyên là đêm ấy, giáo chủ Harun An Rasit thấy mệt mỏi trong người, bảo Tể tướng Giafa, người hầu cận Matrua và thi sĩ Abu Nôoát:

— Ta hơi khó thở, muốn dạo chơi các phố Batđa xem có gì không.

Bốn người cải trang thành bốn giáo sĩ Ba tư, đi dạo đến cửa nhà Zôbêiđa, nghe tiếng đàn hát thì gõ cửa như các giáo sĩ vẫn thường làm. Nốt Ruồi vốn mến khách lại đang hào hứng nên tiếp họ thân mật, đưa họ vào nhà ngoài, đem thức ăn đến mời.

— Lạy Chúa, người thanh lịch không cần ăn, họ nói, chỉ cần hòa âm thôi. Đứng ngoài thì nghe tiếng đàn ca, vào đây thấy im bặt. Người vừa hát rất hay đó có phải là một ca kỹ nhà nghề không?

Nốt Ruồi đáp:

— Không phải đâu, thưa các Ngài. Vợ tôi hát đấy. Đoạn chàng thuật lại chuyện của chàng từ đầu đến cuối, không sót chi tiết nào. Nhưng thiết tưởng chẳng cần nhắc lại làm gì.

Giáo chủ, đóng vai trưởng giáo, thấy Nốt Ruồi xinh đẹp, mến ngay. Ngài bảo:

— Cháu có thể yên tâm về món tiền một vạn đina mà cháu phải giả cho người chồng cũ của vợ cháu. Ta là hội trưởng hội bốn mươi giáo sĩ Batđa. Chúng ta khá giả. Một vạn đina không phải là một món tiền lớn. Ta hứa sẽ gửi đến cho cháu nội trong vòng mười ngày. Giờ cháu bảo vợ ngồi sau bức màn mà hát lên một

hài, nghe cho nó khoan khoái tâm hồn. Vì, cháu ạ, âm nhạc đối với kẻ này là cơm ăn, với kẻ khác là thuốc uống với kẻ khác nữa là quạt mát. Với chúng ta nó là cả ba thứ ấy.

Nốt Ruồi không làm khó dễ. Zôbêiđa muốn hát cho các giáo sĩ nghe. Thế là mọi người đều vui vẻ. Họ qua một đêm thú vị, khi thì nghe hát, khi thì đùa cười, khi thì thưởng thức những bài thơ ứng khẩu di dỏm của Abu Nôoát, cũng rất say mê Nốt Ruồi.

Sáng dạy, Giáo chủ đặt xuống dưới gối một cái túi có một trăm đina, là tất cả số tiền Ngài đem đi tối qua. Bốn giáo sĩ giả ra về. Abu Nôoát thay mặt mọi người, ứng khẩu mấy câu thơ từ biệt.

Trưa đến, Zôbêiđa thấy món tiền dưới gối, đưa cho Nốt Ruồi ra chợ mua mấy thứ cần dùng. Vừa mở cửa Nốt Ruồi thấy có năm chục con la đứng đấy, con nào cũng nặng những kiện vải trên lưng. Một nô lệ trẻ người Abixini mặt mũi xinh xắn, da nâu, cưỡi một con la, yên rất đẹp, tay cầm một phong thư cuộn tròn.

Trông thấy Nốt Ruồi, chú nô lệ xinh xẻo xuống la, đến chào chàng, trao phong thư, nói:

— Thưa cậu chủ, ông nhà, vị tổng đại diện Sămxétđin sai tôi đem đến cho cậu năm vạn đina hàng qui và một cái bọc trong có một cái bình mới bằng vàng nạm ngọc, một cái chậu bằng vàng có chạm trổ, làm quà cho Xét Zôbêiđa..

Nốt Ruồi ngạc nhiên hết sức đồng thời cũng hết sức vui mừng về chuyện kỳ lạ này. Chàng mở thư ra đọc:

«Sau những lời ông Sămxetđin chúc cho con là Alétdin Nốt Ruồi, hạnh phúc và sức khỏe,

Con yêu quí, bố được tin đoàn hàng của con bị cướp mất sạch vì vậy bố gửi cho con một đoàn khác gồm năm chục con la mang năm vạn đina hàng. Mẹ con

gửi cho con một cái áo dài đẹp tự tay mẹ con thêu, và gửi làm quà cho vợ con một cái bình và một cái chậu mà chắc vợ con sẽ vừa lòng.

Bố mẹ hơi ngạc nhiên biết con đóng vai Giải trừ trong một vụ ly hôn theo «công thức bỏ ba lần». Con thấy người vợ mới vừa ý nên giữ lấy. Như thế cũng được. Số hàng do chú Xalim, người Abixini dẫn đến sẽ thừa để trả một vạn đina bồi thường cho anh chồng cũ.

Mẹ con và gia đình đều hạnh phúc và khỏe mạnh, hy vọng con về nay mai, và gửi con lời chào thân ái và tình thương mến.

Chúc con sống lâu hạnh phúc».

Lá thư cùng với tài sản bất ngờ kia làm Nốt Ruồi quá xúc động không kịp nghĩ đến cái phi lý của sự việc. Chàng tìm vợ báo cho biết. Chưa nói xong câu chuyện thì có tiếng gõ cửa. Bố Zôbêiđa và người chồng cũ đến thuyết Nốt Ruồi ly hôn. Ông bố nói:

– Cậu nên thương thằng con rể đầu của lão, nó yêu vợ nó lắm. Chúa Ala đã đưa đến cho cậu bao nhiêu của cải có thể mua được những nữ nô đẹp nhất trong chợ cũng có thể cho cậu chính thức cưới con gái vị nhất phẩm đại thần: cậu giả vợ cho hắn và hắn sẽ nguyện làm tôi tớ cho cậu.

Nốt Ruồi đáp:

– Chúa cho tôi những của cải này là để đền bù rộng rãi cho anh ta. Tôi sẵn lòng trao cho anh ấy năm chục con la hàng hóa cả chú nô lệ Xalim xinh xắn nữa chỉ xin giữ lại món quà tặng vợ tôi là cái bình và cái chậu.

Chàng nói thêm:

– Và nếu Zôbêiđa bằng lòng về với chồng cũ thì tôi xin giải trừ.

Ông già đến hỏi Zôbêiđa:

Thế nào! con có bằng lòng về với chồng trước không?

Nàng giả nhời

– Anh ấy suy nhược lắm. Con thích chàng thanh niên hơn.

Anh chồng cũ thấy chẳng còn chút hy vọng gì tái nợp, buồn quá, nổ gan, chết ngay

Còn Nốt Ruồi thì vẫn tiếp tục vui với nàng Zôbêiđa xinh đẹp, khôn khéo. Đêm nào hai người cũng vui đùa, hát hỏng đến làm cho đá cũng phải nhảy nhót, chim trên đỉnh trời cũng phải ngừng bay.

Mười ngày sau, nhớ tới lời vị trưởng giáo hứa gửi cho một vạn đina, chàng bảo vợ:

– Thật là lão trùm nói láo. Tôi mà chờ thì đã chết đói trong tù. Lạy Chúa, gặp lại, tôi sẽ cho lão biết tôi nghĩ gì về sự thất tín của lão.

Tối đến chàng thắp hết đèn đuốc trong phòng khách chuẩn bị đàn hát như mọi đêm thì lại có tiếng gõ cửa. Chàng ra mở, không khỏi ngạc nhiên lại thấy bốn vị giáo sĩ đêm đầu. Chàng nhìn vào mặt họ, cười:

– Chào các vị nói dối, các vị thất tín. Dù vậy, cũng cứ xin mời vào. Nhờ Chúa, tôi không cần sự giúp đỡ của các vị nữa. Vả chăng tuy các ngài nói dối và vờ vĩnh đấy, nhưng cũng tỏ ra là có giáo dục, dễ chịu.

Chàng bảo vợ ngồi sau lá màn hát cho họ nghe. Nàng hát hay quá đến làm cho đá cũng phải nhảy nhót, chim trên đỉnh trời cũng phải ngừng bay.

Có một lúc vị giáo trưởng ra ngoài đi tiểu. Một giáo sĩ giả là Abu Nôoát nói nhỏ vào tai Nốt Ruồi:

– Xin cho hỏi một câu. Làm sao cậu lại có thể tin là bố mình, ông Sămxétđin gửi cho năm chục con la hàng hóa. Từ Loke đến Batđa bao nhiêu ngày đường nào?

Chàng đáp:

— Bốn mươi lăm ngày.

— Thế đường về

— Cũng ít ra là bốn mươi lăm ngày nữa.

Abu Nôoát cười.

— Thế thì mới chưa đầy mười ngày làm sao tin đoàn cậu bị hại đến tai ông bố rồi ông ấy lại gửi một đoàn thứ hai đã đến đây được!

— Lạy chúa! Tôi mừng quá, không kịp suy nghĩ gì. Nhưng hỡi vị giáo sĩ, xin cho được biết ai viết lá thư, ai gửi đoàn hàng.

— Nốt Ruồi này! nếu cậu cũng tinh ý như cậu đẹp giai thì từ lâu cậu đã phải đoán được rằng trong bộ áo quần giáo trưởng, là đức Giáo chủ, ông chủ của tất cả chúng ta, đức Harun An Rasit; trong vị giáo sĩ thứ hai, ngài Tể tướng Giafa tài hoa; trong vị giáo sĩ thứ ba, người hầu cận Giáo chủ Matrua; và trong tôi, kẻ tôi tớ và kẻ chiêm ngưỡng cậu, Abu Nôoát, chỉ suông là thi sĩ.

Nghe thế Nốt Ruồi ngạc nhiên và bối rối đến tột độ. Chàng rụt rè hỏi:

— Hỡi đại thi hào Abu Nôoát tôi có những giá trị gì mà đức Giáo chủ ban cho nhiều ân huệ thế?

Abu Nôoát cười:

— Có sắc đẹp.

Ông nói thêm:

— Đối với Giáo chủ thì trẻ, dễ thương, đẹp là giá trị lớn nhất. Ngài cho rằng chỉ nhìn một người đẹp, một bộ mặt xinh thì phải giả giá đến bao nhiêu cũng không đắt.

Đến đây, Giáo chủ ở ngoài vào, trở lại ngồi trên tấm thảm. Nốt Ruồi đến cúi đầu, kính cẩn:

— Cầu chúa giữ mãi Ngài Giáo chủ để chúng tôi được kính trọng, mến yêu và được hưởng ân huệ của lòng đại lượng của Ngài.

Giáo chủ cười, vuốt má chàng:

— Ngày mai, ta đợi chàng trong cung.

Ngài đứng dạy, nhắc Nốt Ruồi đừng quên, rồi đi ra theo sau là Giafa, Matrua và Abu Nôoát.

Sáng hôm sau Zôbêiđa cứ khuyên mãi chồng phải vào cung. Nốt Ruồi chọn trong những thứ chú Xalim đưa đến mấy vật quí nhất bỏ vào một cái hộp rất đẹp. Zôbêiđa sửa soạn, chải chuốt cho chồng rất cẩn thận. Nốt Ruồi vào cung đem theo chú nô lệ đội cái hộp trên đầu. Đến nơi, chàng đặt cái hộp dưới chân giáo chủ, ca tụng Ngài bằng mấy vần thơ, rồi nói:

— Ai dâng tặng phẩm lên đức Sứ giả (cầu chúc Ngài bình an) Ngài đều nhận cho vui lòng người dâng. Tâu đức Giáo chủ tôi xin dâng lên Người cái hộp nhỏ mọn này để tỏ lòng biết ơn. Nếu Người nhận cho thì kẻ tôi tớ này được hạnh phúc xiết bao!

Giáo chủ hài lòng về sự quan tâm ấy:

— Nốt ruồi hỡi, Ngài nói, bản thân chàng đã là một món quà đẹp lắm rồi, đưa thêm gì cũng là thừa. Hãy là khách quí trong cung ta. Ngay hôm nay ta muốn cử người vào chức vụ cao!

Giáo chủ bèn cách chức vị tổng đại diện thương gia của Batđa cho Nốt Ruồi thay vào. Muốn cho mọi người đều biết, Ngài viết một sắc chỉ truyền đem đến cho viên pháp quan để ông này cho rao khắp thành phố và trong tất cả các chợ ở Bátđa.

Nốt Ruồi từ đấy ngày nào cũng vào cung. Giáo chủ không thể thiếu chàng. Chàng không có thì giờ buôn bán gì nữa, cho mở một ngôi hàng sang trọng để chú tiểu nô da nâu trông coi. Chú tỏ ra đắc lực trong cái nghề tinh tế này.

Mới hai, ba ngày bỗng có tin vị Hiến tước của Giáo chủ chết Giáo chủ lập tức đưa Nốt Ruồi lên chức vụ ấy, ban cho một chiếc áo bào thích hợp với chức vụ cao sang mới, cho hưởng bổng lộc rất hậu. Và như thế là Ngài không rời Nốt Ruồi ra nữa.

Hôm sau nữa, Nốt Ruồi đang ở cạnh Giáo chủ thì một viên nội thần vào:

— Cầu chúa phù hộ cho Giáo chủ và thêm cho Người số ngày tháng của vị Tư lệnh cung điện vừa bị Thần chết đoạt đi.

Ông nói thêm:

— Tâu Giáo chủ, vị Tư lệnh cung điện vừa mất.

Giáo chủ nói:

— Cầu chúa thương ông ta!

Rồi Ngài cử ngay Nốt Ruồi vào chức vụ của người quá cố, cho hưởng bổng lộc hậu hơn nữa. Với chức vụ ấy, từ nay Nốt Ruồi sẽ luôn luôn ở cạnh Giáo chủ. Cử xong và loan báo cho khắp trong cung biết, Giáo chủ vẫy khăn lau theo thói quen, làm hiệu bãi triều, chỉ giữ có mình Nốt Ruồi ở lại.

Ngày nào Nốt Ruồi cũng ở lại trong cung, đêm mới về, khoan khoái nằm cạnh vợ, kể cho vợ nghe những chuyện ban ngày. Giáo chủ ngày càng yêu quí Nốt Ruồi. Ngài có thể hy sinh tất cả chứ không để cho một ý muốn nhỏ nào của chàng không được thỏa nguyện. Cứ xem chuyện sau này thì rõ.

Một hôm trong một buổi ca hát có đủ mặt những người thân thuộc của Giáo chủ: Giafa, Abu Nôoát, Matrua và Nốt Ruồi. Người hát sau tấm màn chính là ái phi của Giáo chủ, đẹp nhất, hoàn hảo nhất trong tất cả các thứ phi của Ngài. Bỗng Giáo chủ nhìn Nốt Ruồi chăm chắm, rồi nói:

— Chàng thích ái phi của ta rồi, cứ nhìn mắt chàng khắc biết.

— Tâu đức Giáo chủ, cái gì chủ ưa thì tớ cũng ưa

— Thế thì ái phi của ta ngay bây giờ là của chàng đấy. Ngài gọi viên trưởng hoạn quan, truyền:

— Ngươi đem tất cả đồ đạc cùng bốn chục nữ nô của ái phi ta là Khoái Lòng đến dinh vị Tư lệnh cung điện, rồi lấy kiệu đưa ái phi ta đến.

Nốt Ruồi không dám nhận:

— Tâu đức Giáo chủ. Xin Ngài cho tên tôi tớ không xứng đáng được miễn không lấy cái gì thuộc về chủ của nó.

Giáo chủ hiểu ý Nốt Ruồi.

— Chàng nói có lý. Có thể vợ chàng sẽ ghen. Thôi, cứ để ái phi của ta lại.

Đoạn Ngài bảo Tể tướng Giafa:

— Hôm nay là phiên chợ nô lệ. Phiền ngài đem một vạn đina ra chợ mua một nữ nô đẹp nhất chợ rồi cho người đưa ngay đến dinh Nốt Ruồi

Giafa mời Nốt Ruồi cùng đi để tự chàng lựa chọn.

Hôm ấy viên tỉnh trưởng Khalét cũng đi chợ mua nô lệ cho con, đã đến tuổi lấy vợ. Thằng con này là một đứa xấu xí, hôi hám mắt lác, miệng rộng toác, hơi thở khắm lặm. Một người đàn bà chửa mà trông thấy hắn có thể bị đọa thai. Người ta gọi hắn là Béo y. Tối hôm trước éo y vừa mười bốn tuổi. Từ lâu, bà mẹ không thấy ở hắn một dấu hiệu gì về năng lực sinh thực, đâm lo. Nhưng sáng hôm qua, hắn cho mẹ biết đêm qua hắn nằm mộng ngủ với đàn bà. Bà mẹ mừng quá, bắt chồng phải đưa ngay con đến chợ mua một nữ nô về làm vợ. Và thế là Số phận trong tay chúa Ala đã để Giafa và Nốt Ruồi gặp Khalét và Béo y ở

chợ nô lệ. Họ chào nhau, rồi đứng vào một chỗ đã những người môi giới dẫn nữ nô các loại trắng, nâu, đen diễu qua cho họ chọn. Không biết bao nhiêu là cô gái Hy lạp, Abixini, Trung quốc, Ba tư đã qua mắt mà họ không chọn được một ai. Cuối cùng đến ông môi giới trưởng. Ông dắt một cô gái không che mạng đẹp như trăng rằm tháng Ramadân.

Thấy cô này, Béo ỵ hít thật mạnh tỏ vẻ bằng lòng, nói với bố:

— Con muốn cô này.

Giafa cũng hỏi Nốt Ruồi:

— Cô này được không?

— Được lắm, Nốt Ruồi đáp

Giafa hỏi cô gái:

— Tên cô là gì.

— Thưa ông chủ, là Atmin.

Giafa hỏi người môi giới đặt giá bao nhiêu

— Năm nghìn đina

— Tôi giả sáu nghìn, Béo ỵ lên tiếng.

Nốt Ruồi tiến lên:

— Tôi giả tám nghìn.

Béo ỵ hít như điên:

— Tôi giả tám nghìn và một đina.

Giafa:

— Chín nghìn và một đina.

Nốt Ruồi

— Mười nghìn đina!

Lão môi giới, sợ đôi bên đổi ý, bán ngay cho Nốt Ruồi. Béo ỵ không mua được nằm lăn ra đất bao chân, hươ tay. Ông bố vốn ghét thằng con vừa xấu vừa ngu, chỉ vì nể vợ phải đưa hắn ra chợ, giờ thấy thế rất lấy làm bực mình.

Nốt Ruồi cảm ơn Tể tướng rồi đưa nữ nô về. Chàng yêu Atmin, Atmin cũng yêu chàng. Chàng giới thiệu với Zôbêiđa. Zôbêiđa thấy Atmin dễ thương khen Nốt Ruồi khéo chọn. Nốt Ruồi nhận Atmin là vợ chính thức thứ hai. Sau đó Atmin có mang như chúng ta sẽ biết.

Còn Béo ỵ thì bố phải dỗ dành, hứa đủ thứ hắn mới chịu về. Đến nhà hắn lăn ra đệm, không chịu ăn uống gì, người như mất trí.

Mấy bà trong nhà lo lắng xúm quanh bà mẹ của Béo ỵ thì một mụ già vào. Mụ là mẹ một tên trộm lừng danh hiện bị tù chung thân. Cả Bátđa gọi hắn là « Amát ghẻ chốc ». Hắn ăn trộm tài lắm, có thể tháo một cánh cửa trước mắt người canh cửa rồi giấu mất như là nuốt đi vậy. Hắn có thể vờ đi tiểu mà khoét bức tường ngay trước mặt chủ nhà, nhổ lông mi ở mắt một người mà người ấy không biết, hoặc xóa phấn ở mắt một chị mà chị ấy không hay.

Mẹ Amát thường tìm nô tỳ cho mẹ Béo ỵ đến nhà bà này. Mụ hỏi:

— Vì sao ba buồn thế và cậu nhà ta đau ốm thế nào?

Mẹ Béo ỵ kể lại đầu đuôi câu chuyện. Mẹ Amát nói:

— Thưa bà chủ, chỉ có thằng con tôi là có thể giúp bà và cậu. Xin bà làm thế nào cho hắn được tha hắn sẽ có cách bắt Atmin về cho cậu. Vì bà biết thằng con khốn khổ của tôi vì làm bạc giả mà bị xiềng, chân có vòng sắt ghi: «chung thân».

Mẹ Béo ỵ hứa sẽ làm cho hắn được tha.

Tối hôm ấy, cơm nước xong, bà chải chuốt, xức nước hoa đến làm duyên với chồng. Ông Khalét lấy làm xúc động. Bà nói:

— Xin ông hãy lấy việc ly hôn mà thề rằng tôi xin gì ông cũng sẽ chiều.

Ông thề. Bà nói về sự khổ sở của tên trộm. Ông hứa sẽ tha.

Hôm sau ông Khalét tắm rửa và cầu kinh xong thì vào khám giam Amát ghẻ chốc, hỏi:

— Này tên cướp kia! Mi có hối hận về tội lỗi xưa không?

— Tôi có hối hận. Tôi nghĩ như thế nào thì nói như thế.

Ông tỉnh trưởng cho hắn ra khỏi nhà tù dẫn đến Giáo chủ. Ngài rất đỗi ngạc nhiên, thấy hắn còn sống.

— Thế nào! mi chưa chết à; thằng cướp kia?

— Lạy chúa! Tâu đức Giáo chủ, kẻ ác cũng khó chết lắm.

Giáo chủ cười to, bảo thợ rèn đến chặt xiềng cho hắn, rồi nói:

— Ta biết tài mi, muốn giúp mi hối cải. Vì không ai biết rõ bọn trộm cướp hơn mi, ta cho mi làm cảnh sát trưởng thành Batđa.

Giáo chủ ra sắc chỉ tuyên bố cử Amát Ghẻ chốc làm cảnh sát trưởng. Amát cảm tạ Giáo chủ và nhận chức ngay.

Hắn bắt đầu bằng việc mừng hắn được tha và được nhận chức mới. Hắn đến quán lão Do Thái Abraham, người đã chứng kiến những chiến công cũ của hắn, uống hai, ba vò rượu, thứ rượu hắn nghiện, thứ rượu xứ Iôni rất ngon. Khi mẹ hắn đến tìm để dặn phải giả ơn bà tỉnh trưởng, mẹ Béo ỵ, thì thấy hắn nửa say nửa tỉnh đang kéo râu lão Do thái. Lão ta không dám kêu để tỏ lòng kính trọng cái chức vụ đáng sợ của Ngài cảnh sát trưởng, Amát ghẻ chốc.

Mẹ hắn cuối cùng cũng lôi được hắn ra khỏi quán rượu, kể cho nghe vì đâu hắn được tha và bảo hắn

phải tìm cách bắt cóc ngay nữ nô của Nốt Ruồi, Tư lệnh cung điện.

Hắn nói với mẹ:

– Tối nay con sẽ làm xong. Có khó gì việc ấy.

Tối hôm ấy, Giáo chủ Harum An Rasit vào buồng vợ, vì là ngày đầu tháng. Thường Ngài vẫn dành ngày ấy vào nói chuyện với vợ về công việc, hỏi ý kiến bà về những vấn đề lớn nhỏ của quốc gia. Ngài rất tin cậy và yêu quí vì sự khôn ngoan và tấm nhan sắc lúc nào cũng tươi trẻ của bà. Ngài có thói quen, trước khi vào, cởi bỏ đặt lên cái bàn xoay để ở nhà ngoài: chuỗi hạt hổ phách và lam ngọc, thanh kiếm nuốm bằng ngọc bích khảm bằng những viên hồng ngọc to như trứng bồ câu, quốc ấn, và một chiếc đèn con bằng vàng nạm ngọc thạch để soi ban đêm khi Ngài bí mật tuần tra cung cấm.

Hamát biết rất rõ thói quen ấy của Giáo chủ. Hắn lợi dụng để thực hiện mục đích. Chờ cho đêm đến, bọn canh gác ngủ hết, hắn móc thang dây vào tường tòa lầu của hoàng hậu. Lặng lẽ như một cái bóng chỉ trong nháy mắt hắn vào được tiền sảnh có để bốn thứ trên của Giáo chủ. Hắn vớ lấy, lại lặng lẽ trèo ra, chạy đến dinh Nốt Ruồi, và cũng lại dùng thang dây mà vào trong sân. Hắn nậy một viên đá hoa lên, đào nhanh một cái lỗ mà chôn những thứ vừa đánh cắp, nhưng giữ lại cây đèn. Vốn có máu ăn trộm, hắn không cưỡng lại ý muốn giữ lại cho mình một vật gì trong bốn vật trên. Cho nên đáng chôn cây đèn vào lỗ, hắn lại chôn vào túi. «Ta không có thói quen làm việc không công Ta phải tự giả công, cho mình». Hắn lẩm bẩm như thế. Chôn xong, hắn lấy viên đá hoa lấp lại, và biến ra ngoài chạy đến quán rượu của lão Do thái Abraham mà uống rượu tiếp.

Sáng hôm sau Giáo chủ thấy mất bốn vật quí, ngạc nhiên lắm. Bọn hoạn nô được hỏi, rập đầu, không biết gì. Giáo chủ giận quá, khoác vào mình chiếc áo đỏ lôi đình ghê gớm. Đây là một chiếc áo lụa đỏ. Ngài mà đã mặc nó vào thì có nghĩa là tai họa khủng khiếp sẽ giáng xuống đầu mọi người xung quanh.

Giáo chủ mặc áo đỏ vào rồi, vào điện Cần chính, lên ngồi trên ngai. Các vị nội thần, đô đốc, bá quan lần lượt từng người vào chầu, quì rạp xuống đất. Chỉ có tể tướng Giafa, mặt cũng xám xanh, là đứng thẳng mắt nhìn xuống chân Giáo chủ.

Sau một giờ im lặng đáng sợ, Giáo chủ nhìn Giafa đứng trơ trơ khẽ nói, giọng nói uể oải :

— Cốc nước sôi rồi đấy

Giafa đáp :

— Mong Chúa tránh cho điều không hay.

Vừa lúc ấy viên tỉnh trưởng vào, cùng với Amát Ghẻ chốc. Giáo chủ gọi :

— Khalét, lại gần đây! cho ta biết an ninh ở Batđa thế nào

Viên tỉnh trưởng, bố Béo ỵ đáp :

— Tâu Giáo chủ, Batđa hoàn toàn an ninh.

— Nói láo! Giáo chủ thét lên.

Viên tỉnh trưởng hoảng sợ, không hiểu sao Giáo chủ lại giận đến thế. Giafa đứng cạnh, giải thích vài lời vào tai ông ta.

Giáo chủ truyền :

— Từ giờ đến tối, không tìm ra mấy vật đối với ta còn quí hơn cả vương quốc, thì đầu ngươi sẽ bị treo trước cửa cung.

Viên tỉnh trưởng rập đầu xuống đất.

— Tâu đức Giáo chủ, tên trộm phải là người trong cung. Rượu chua là do men trong rượu. Kẻ nô lệ của Người nghĩ rằng kẻ duy nhất phải chịu trách nhiệm trong việc này là vị cảnh sát trưởng. Vả lại ông ta biết rất rõ, từng tên một, bọn trộm cướp ở Bátđa và khắp trong nước. Không tìm được thủ phạm thì ông ta phải chết trước thần.

Amát bước lên:

— Tâu đức Giáo chủ, tên trộm thế nào rồi cũng tìm ra được. Nhưng xin Giáo chủ cho tôi một sắc chỉ cho phép được khám nhà mọi người trong cung và mọi người ra vào đây, kể cả nhà vị pháp quan, vị Tể tướng, vị Tư lệnh cung điện, Nốt Ruồi.

Giáo chủ cấp ngay sắc chỉ mà rằng:

— Dù sao ta cũng phải chặt đầu một kẻ nào đó, hoặc là đầu ngươi, hoặc là đầu tên trộm. Hãy chọn lấy. Ta lấy tính mệnh của ta và mồ mả của ông bà mà thề rằng tên trộm có là con ta, kẻ nối ngôi ta chăng nữa, ta cũng vẫn quyết định: treo cổ nơi công cộng

Amát trong tay có sắc chỉ lấy hai tên lính ở nhà viên pháp quan, hai tên ở nhà vị tỉnh trưởng, lần lượt đến khám nhà các vị Tể tướng, tỉnh trưởng, pháp quan. Rồi đến nhà Nốt Ruồi. Chàng vẫn chưa biết gì hết. Amát một tay cầm sắc chỉ, một tay cầm một cái xiên đồng vào tiền sảnh dinh Nốt Ruồi, nói đôi điều về chuyện khám xét.

— Nhưng ngài là vị quan tin cậy của đức Giáo chủ, hắn tiếp, tôi không khám xét gì đâu, thưa ngài! Vậy xin cho tôi về, cứ coi như là đã khám rồi.

— Hỡi vị cảnh sát trưởng, ngài phải làm phận sự chứ, xin cứ khám xét cho, Nốt Ruồi nói.

— Thế thì tôi xin làm qua loa, lấy lệ vậy.

Hắn uể oải đi quanh sân, lấy xiên đồng gõ gõ vào những viên đá lát, cho tới viên đá hoa nói trên kia, thì nghe như dưới rỗng. Amát kêu lên:

– Thưa ngài, e dưới này có một kho tàng từ xưa.

Nốt Ruồi bảo bốn tên lính:

– Mấy chú thử nâng viên đá lên xem dưới có gì.

Lính lách dao vào kẽ viên đá hoa mà nâng lên. Thì kìa, rõ ràng trước mắt mọi người ba bảo vật bị đánh cắp, thanh gươm, quốc ấn, chuỗi hạt.

Nốt Ruồi chỉ kịp thốt lên « Lạy chúa » rồi ngã ra, bất tỉnh nhân sự. Amát cho mời viên pháp quan, viên tỉnh trưởng cùng mấy người làm chứng. Họ lập biên bản, đóng dấu vào. Viên pháp quan thân hành đến nộp biên bản lên Giáo chủ, còn bốn tên lính thì canh giữ Nốt Ruồi.

Thấy ba bảo vật, thiếu cây đèn, tìm được ở nhà người mà ngài vẫn coi là vị cận thần thân tín nhất, người mà ngài không tiếc một ơn huệ nào, người mà ngài tin cậy hết mức, Giáo chủ lặng người đi, không nói nên lời. Sau một tiếng đồng hồ, Ngài mới quay về phía viên thị vệ trưởng, nói:

– Đem treo cổ.

Viên thị vệ trưởng cho rao bản án khắp thành phố, rồi tự thân đến bắt Nốt Ruồi, tịch thu vợ và tài sản. Tài sản thì xung vào ngân khố, còn hai người vợ thì sẽ cho đem bán ở chợ nô lệ. Viên tỉnh trưởng, bố Béo y đoạt lấy người nữ nô do Giafa mua trước kia, còn viên thị vệ trưởng thì dẫn Zôbèida có giọng hát hay về nhà mình.

May thay! viên thị vệ trưởng là người bạn thân tốt nhất của Nốt Ruồi, coi chàng như con. Cho nên bề ngoài thì ông thực hiện lệnh gớm ghê của Giáo chủ,

nhưng trong lòng, ông thề sẽ cứu cái đầu của đứa con nuôi. Ông bắt đầu bằng việc đưa về nhà một người vợ của chàng, là Zôbêiđa, lòng tái tê vì tai họa.

Nốt Ruồi bị cùm trong ngục chờ tối đưa ra treo cổ. Viên thị vệ trưởng tìm viên trưởng nhà lao, hỏi:

– Ông có bao nhiêu tù nhân bị tử hình không được kháng án, đem treo cổ tuần này!

– Thiếu vài ba người thì đầy bốn chục

– Cho tôi kiểm tra lại.

Và ông đi soát từng người một, đi đi lại lại, cuối cùng chọn được một người tù giống Nốt Ruồi như đúc. Ông bảo viên quản ngục:

– Tôi dùng tên này làm vật hy sinh như ngày xưa đức Giáo trưởng, bố Ixmaen dùng một con vật thay cho đứa con giai [1]

Ông đem tên tù đi. Đến giờ hành hình, trước đám đông tụ tập để xem, ông trao tên tù cho người thực hiện bản án. Sau mấy nghi thức tôn giáo thông thường, người ta cho đầu Nốt Ruồi giả vào thòng lọng, đạp cái ghế dưới chân, mà treo cổ hắn lủng lẳng.

Lợi dụng trời tối, viên thị vệ trưởng vào nhà lao dẫn Nốt Ruồi về nhà mình, cho chàng biết việc ông làm, và hỏi:

– Nhưng lạy chúa! sao cháu được Giáo chủ tin cậy là vậy mà lại tham mấy bảo vật ấy?

---

1) Giáo trưởng đây là Abraham, ông thủy tổ của dân Do Thái. Ông là bố của Ixmaen cũng là bố Ixac. Khi Ixac lên 25 tuổi chúa bảo ông hy sinh Ixac để thử lòng ông đối với chúa. Ông sắp giết con thì một thiên thần cản lại. Sau lấy một con vật thay cho người.

Nốt Ruồi nghe hỏi thế, lại ngất đi. Cứu chữa một lúc lâu chàng mới tỉnh lại, nói:

— Cháu xin lấy đức Sứ giả mà thề là cháu hoàn toàn không nhúng tay vào vụ trộm này, cũng không biết thủ phạm và nguyên do.

Ông tin ngay lời chàng, chỉ nói:

— Sớm muộn thế nào cũng tìm ra thủ phạm. Còn cháu thì không thể ở Batđa thêm một phút nào nữa. Có thù địch là một vị vương giả, không phải chuyện vừa. Bác đi với cháu, để vợ cháu là Zôbêiđa ở lại với bác gái cho đến lúc Chúa khôn khéo thay đổi cho tình hình.

Rồi không để cho Nốt Ruồi kịp từ biệt vợ, ông kéo đi.

— Chúng ta đến cảng Ayát để đi Ixkanđra (1) Thành phố này xanh tươi mát mẻ ở tốt lắm. Cháu ở đấy yên ổn, chờ thời cơ.

Cả hai người ra đi, trong đêm tối, không mấy chốc ra khỏi Bátđa. Không có gì cưỡi, lúng túng chưa biết làm thế nào thì thấy hai người Do Thái làm nghề đổi tiền ở Batđa, rất giàu và được Giáo chủ biết đến. Ông thị vệ trưởng sợ họ kể với Giáo chủ là đã thấy ông đi với Nốt Ruồi còn sống. Ông bèn thét lên: Xuống la đi! Hai người Do Thái sợ run cầm cập, xuống la. Ông chặt đầu họ, lấy hết tiền rồi cưỡi lên lưng một con la Nốt Ruồi cưỡi con kia, đi về phía biển. Đến Ayát, họ vào nghỉ ở một trạm, gửi la cho người chủ bảo cho la ăn uống tử tế. Sáng hôm sau họ tìm một chiếc thuyền đi Ixkanđra. Ông thị vệ trưởng đưa hết số vàng lấy được cho Nốt Ruồi, dặn chàng cứ yên tâm chờ tin tức sẽ gửi từ Batđa đến, chờ cả ông nữa. Ông sẽ đến đấy

---

1) Tức Alêxanđri, một hải cảng của Ai cập trên bờ biển Địa trung hải.

đón chàng, một khi đã tìm ra thủ phạm. Thuyền giương buồm, ông ôm hôn chàng, khóc từ biệt mà về Bátđa.

Đến nơi ông được biết như thế này:

Sau hôm treo cổ Nốt Ruồi giả, Giáo chủ vẫn còn bâng khuâng. Ngài cho mời Giafa đến, nói:

— Hỡi vị Tể tướng của ta, tên Nốt Ruồi đã vong ân bội nghĩa và phụ lòng tin của ta như thế đó. Làm sao một kẻ đẹp thế lại có tâm hồn xấu thế!

Tể tướng Giafa, con người rất mực khôn ngoan cũng không hiểu nổi vì đâu lại xảy ra cái chuyện vô lý ấy. Ông đáp chung chung:

Tâu Giáo chủ; những hành động lạ lùng nhất chỉ lạ lùng vì không biết được duyên do. Dù sao thì cũng chỉ có thể xét về kết quả của hành động thôi. Kết quả ấy quả thật là thảm hại, vì nó đã đưa Nốt Ruồi lên đến giá treo cổ. Tuy nhiên, tâu Giáo chủ, Nốt Ruồi, chàng Ai cập ấy có đôi mắt ánh lên một vẻ đẹp tinh thần khiến thần không muốn tin vào điều mắt thấy.

Giáo chủ nghĩ một lúc rồi nói:

— Dù sao ta cũng muốn đến xem tội nhân lủng lẳng dưới giá treo cổ.

Ngài hóa trang cùng đi với Giafa đến chỗ Nốt Ruồi giả chơi vơi giữa trời đất. Một tấm khăn liệm phủ kín xác. Giáo chủ bảo bỏ tấm khăn ra. Giafa bỏ ra. Giáo chủ nhìn, bỗng lùi lại sửng sốt:

— Ôi Giafa! Không phải Nốt Ruồi.

Giafa xem xét cái thây cũng thấy thế, nhưng ông không để lộ ngạc nhiên, bình tĩnh hỏi:

— Tâu Giáo chủ, Người căn cứ vào đâu mà biết không phải Nốt Ruồi.

— Nốt Ruồi người nhỏ nhắn mà cái thây này thì to lớn.

— Điều này không chứng minh gì cả, vì bị treo cổ thì người dài và phù ra.

— Vị Tư lệnh cung điện có hai nốt ruồi ở má, người này không có nốt nào.

— Cái chết biến đổi và làm mờ bộ mặt.

— Nói thế cũng được, nhưng Giafa này, hãy nhìn gan bàn chân hắn có xăm tên hai vị trưởng lão theo thói tục của bọn tà đạo môn phái Ali. Nốt Ruồi không thuộc phái này mà theo phái chính thống Hồi giáo kia.

— Chỉ có chúa Ala mới biết được sự huyền bí của sự vật.

Giáo chủ và Tể tướng về cung. Giáo chủ cho lệnh chôn cái thây, và từ đấy không nhớ gì đến Nốt Ruồi nữa.

Người vợ thứ hai của Nốt Ruồi bị ông Khalét dẫn về cho con ông ta là Béo ỵ nằm liệt giường từ hôm ở chợ về. Thấy Atmin hắn vụt ngồi dậy, hít thật mạnh, chạy đến chực ôm nàng. Người nữ nô xinh đẹp bất bình và ghê sợ cái vẻ đáng tởm của tên ngốc, bỗng rút con dao găm ở thắt lưng ra, giơ lên dọa:

— Lui ra không ta đâm chết, sau đó ta sẽ đâm vào ngực ta.

Mẹ Béo ỵ vươn hai tay chạy đến hét:

— Con nô tì đểu cáng kia, sao mi dám cưỡng lại con ta?

Thiếu phụ cãi lại:

— Bà là hạng bất nghĩa. Đâu lại có thứ luật pháp cho một người đàn bà thuộc quyền hai người đàn ông một lúc? và xin bà cho biết từ bao giờ giống chó lại có thể ở cùng hang với sư tử?

Mẹ Béo ỵ nói:

— Đã thế thì liệu, mi sẽ tối tăm mặt mũi ở cái nhà này.

– Tôi thà chết chứ không chịu phụ ông chủ của tôi dù sống hay chết.

Vợ viên tỉnh trưởng lột bộ quần áo đẹp bằng lụa cùng tư trang của nàng, bắt mặc một cái áo đầu bếp bằng lông dê, và ở dưới bếp:

– Từ nay, việc nô lệ của mi là bóc hành, đun bếp, vắt nước cà chua và nhào bột làm bánh.

– Tôi thích làm những việc ấy của nô lệ hơn là trông thấy mặt con bà.

Từ hôm đó nàng làm công việc bếp núc, nhưng chẳng bao lâu, các nữ nô đều qui nàng, làm hết mọi việc cho nàng. Còn Béo y không chiếm được Atmin lại ốm liệt giường, không dạy được nữa.

Ta còn nhớ Atmin sau đêm đầu tiên với Nốt Ruồi đã có chửa ngay. Đến dinh viên tỉnh trưởng mấy tháng, đến kỳ, nàng sinh một đứa con giai rất đẹp đặt tên là Atlân. Atmin và các nữ nô đều khóc vì tủi không có bố ở đây mà đặt tên cho con.

Atlân được mẹ bú mớm hai năm, cứng cáp và xinh lắm, đi vững vàng. Số phận muốn rằng một hôm, mẹ nó bận việc, nó trèo mấy bậc thang nhà bếp đến căn phòng viên tỉnh trưởng đang ngồi lần tràng hạt hổ phách.

Thấy Atlân giống bố như lột, Khalét rớm nước mắt, gọi bé lại bế lên lòng vuốt ve mà rằng: « Đáng kính thay Đấng đã tạo nên những vật đẹp thế này rồi thổi linh hồn và chết sống vào ».

Atmin không thấy con đâu, cuống cuồng đi tìm, mắt lơ láo, và quyết định, dù trái với lề thói vào cả phòng vị tỉnh trưởng. Nàng thấy bé ngồi trong lòng ông, lấy mấy ngón tay nhỏ xíu chọc vào chòm râu bạc. Thấy mẹ, bé vươn tay chạy đến. Ông Khalét giữ lại, dịu dàng hỏi:

— Thằng bé này là con nàng đấy à?

— Thưa ông chủ, tôi rứt ruột đẻ ra nó đấy,

— Thế bố nó là ai? Là một kẻ nô bộc của ta chăng?

Nàng khóc như mưa:

— Bố cháu là chồng tôi, là Nốt Ruồi. Nhưng giờ thì cháu là con của Ngài.

Vị tỉnh trưởng xúc động nói:

— Lạy chúa! Từ nay ta nhận nó là con ta. Nàng cũng phải coi con nàng là con ta. Đến tuổi khôn lớn, nàng phải làm cho nó hiểu chỉ có ta là bố nó.

— Tôi xin tuân theo lời Ngài chỉ giáo.

Ông Khalét chăm sóc Atlân như cha thật, giáo dục đứa bé chu đáo. Ông mời một ông thầy rất giỏi, viết tốt đến dạy cho Atlàn học viết, học kinh Koran, học hình học và thơ ca. Atlân nhớn lên ít nữa, tự ông dạy cậu học cưỡi ngựa, múa gươm, phóng lao và cho tham dự những cuộc đua tài trên trường đấu. Mười bốn tuổi Atlân thành một kỵ sĩ hoàn hảo, được Giáo chủ ban cho chức đô đốc như bố nuôi.

Cũng lại Số phận một hôm dun dủi cho Atlân gặp Amát ghé chốc ở cửa quán rượu Abraham. Amát mời cậu công tử con quan tỉnh trưởng vào giải khát.

Amát theo thói quen uống rượu đến say túy lúy. Hắn rút trong túi ra cây đèn vàng nạm ngọc đánh cắp ngày xưa. Giời tối, hắn thắp cây đèn lên. Atlân khen cây đèn đẹp, muốn xin. Cảnh sát trưởng nói:

— Không được! cây đèn này đã làm mất bao nhiêu linh hồn, cho cậu thế nào được. Nó đã làm cho vị cố Tư lệnh cung điện một người Ai cập nào đó tên là Nốt Ruồi phải chết đấy.

Atlân thấy thú bảo Amát kể cho nghe. Amát kể hết và đang cơn say dương dương tự đắc về hành động của mình.

Atlân về nhà kể cho mẹ nghe, nói thêm: cây đèn vẫn còn trong tay Amát. Nghe thế, Atmin thét lên một tiếng ngã lăn ra. Tỉnh lại, nàng khóc nức nở, ôm lấy cổ con, và giọng đầy nước mắt:

— Con ơi! Chúa Ala vừa làm tỏ sự thật. Mẹ không thể giấu con lâu hơn nữa. Atlân bé nhỏ của mẹ ơi, con nên biết ngài Khalét chỉ là cha nuôi của con thôi. Cha đẻ của con là chồng của mẹ, là Nốt Ruồi, đã bị tội thay cho thủ phạm như con biết đấy. Giờ, con phải đến ngay nhà ông thị vệ trưởng, bạn thân của cha con ngày trước, báo cho Ngài biết điều con vừa khám phá ra. Rồi con nói:

— Thưa đại nhân, cháu xin lấy chúa Ala mà thề là cháu sẽ trả thù cho cha cháu là Nốt Ruồi.

Atlân đi ngay đến nhà ông thị vệ trưởng, người đã cứu cha mình và nói những điều Atmin đã dặn. Ông thị vệ trưởng cực kỳ ngạc nhiên và vui sướng, nói với Atlân:

— Đáng xưng tụng thay chúa Ala đã xé màn đêm dọi ánh sáng vào bóng tối.

Ông nói thêm:

— Từ ngày mai, chúa Ala sẽ báo thù cho cháu.

Hôm ấy Giáo chủ tổ chức một cuộc chơi khúc côn cầu lớn. Tất cả các vị đô đốc và những kỵ sĩ giỏi nhất Bátđa đều tham dự. Atlân cũng có mặt. Chàng mặc áo lười, cưỡi con ngựa đẹp nhất trong những chuồng ngựa của bố nuôi. Trông chàng thật rạng rỡ. Giáo chủ rất ưa cách ăn mặc cùng vẻ thanh xuân của chàng. Ngài lấy Atlân làm đồng đội.

Cuộc chơi bắt đầu. Hai bên chơi rất ngoạn mục, phi ngựa dùng gậy vờ chuyền bóng tài tình khéo léo. Đột nhiên phía sân bên kia đối địch với phía do Giáo chủ đích thân điều khiển, một người chơi phạt quả bóng

nhằm thẳng mặt giáo chủ bay tới. Atlân nhanh nhẹn lạ thường đỡ được, nếu không còn gì là con mắt, có thể là tính mạng của Giáo chủ nữa. Chàng phạt bóng trở lại vào giữa lưng anh chàng nọ, làm gẫy xương sống hất xuống ngựa. Giáo chủ nhìn Atlân khen :

— Muôn năm những người dũng cảm, hỡi chàng con đô đốc Khalét.

Giáo chủ cho ngừng cuộc chơi, xuống ngựa, tập hợp mọi người gọi Atlân đến. Trước đám đông, Ngài nói :

— Hỡi người con anh dũng của vị tỉnh trưởng Baldа, ta muốn chàng tự đánh giá về chiến công vừa rồi của chàng. Chàng muốn xin gì ta cũng cho. Nói đi.

Atlân cúi rạp đầu : — Tâu Giáo chủ, tôi xin báo thù. Máu của cha tôi chưa chuộc lại được mà kẻ giết người còn sống kia.

Nghe thế Giáo chủ ngạc nhiên lắm :

— Atlân ! chàng nói gì về chuyện báo thù cho cha vậy ? Cha chàng, đô đốc Khalét đang sống, đứng cạnh ta đây thôi. Cảm tạ chúa Ala.

— Tâu giáo chủ, đô đốc Khalét đối với tôi là người cha nuôi tốt nhất. Tôi không phải là con đẻ của ông. Cha tôi là cố Tư lệnh cung điện, là Nốt Ruồi.

Giáo chủ thấy tối sầm trước mặt. Ngài nói, giọng như lạc đi :

— Chàng lại không biết cha chàng là một kẻ phản bội Giáo chủ sao ?

— Cầu Chúa tránh cho cha tôi cái tội phản bội. Kẻ phản bội đang đứng bên phía trái Giáo chủ. Hắn là cảnh sát trưởng Amát Ghẻ chốc. Cứ khám người hắn sẽ thấy bằng chứng.

Giáo chủ mặt vàng như nghệ, gọi viên thị vệ trưởng bằng một giọng đáng sợ :

— Khám ngay tên cảnh sát trưởng trước mặt ta.

Viên thị vệ trưởng, người bạn già của Nốt Ruồi lại khám túi Amát, lôi ra cây đèn nhỏ bằng vàng đánh cắp của Giáo chủ.

Giáo chủ không nén được giận hỏi Amát:

— Lại đây! Đèn này lấy ở đâu?

— Đèn tôi mua, tâu Giáo chủ.

Giáo chủ truyền cho bọn lính cận vệ:

— Đánh cho đến khi hắn phải nhận.

Lính cận vệ tóm cổ hắn, lột truồng mà quất. Hắn đau quá phải thú tội, kể lại hết đầu đuôi. Giáo chủ quay về phía chàng Atlân.

— Giờ đến lượt ngươi. Ngươi sẽ chính tay mình treo cổ hắn lên.

Lính cận vệ thòng dây vào cổ Amát. Atlân hai tay cầm đầu dây kéo lên đến đỉnh cột treo dựng giữa sân đua. Công lý đã được thực hiện, Giáo chủ hỏi Atlân:

— Ngươi chưa xin ta ân huệ về chiến công của ngươi.

— Tâu Giáo chủ, Người đã cho, tôi xin giả lại cha tôi cho tôi.

Giáo chủ xúc động quá, khóc rồi thở dài nói:

— Con há không biết người cha khốn khổ của con bị vu oan đã bị treo cổ chết rồi sao? Hay có lẽ đã chết, không chắc lắm. Ta lấy tổ tiên mà thề sẽ hậu thưởng cho ai báo tin là cha con, Nốt Ruồi, chưa chết.

Ông thị vệ trưởng lúc ấy tiến lên xin được an toàn sẽ nói. Giáo chủ hứa bảo đảm. Ông tâu:

— Thần xin báo tin này: kẻ tôi tớ cũ trung thành của Người, Nốt Ruồi, hãy còn sống.

— Nhà ngươi nói gì vậy?

– Thần xin thề đây là sự thật. Chính thần đã lấy một người tù giống Nốt Ruồi như anh em để thay thế cho chàng. Hiện chàng đang sống bình yên ở Ixkandaria, có lẽ làm nghề buôn ở chợ.

Giáo chủ mừng lắm, truyền cho viên thị vệ trưởng phải đi tìm ngay về cho Ngài, cấp cho một vạn đina làm lộ phí. Ông thị vệ trưởng lập tức lên đường.

Về phần Nốt Ruồi thì như thế này.

Con thuyền chở chàng nhờ chúa phù hộ, thuận buồm xuôi gió đến Ixkandria bình yên. Nốt Ruồi lên bờ thấy cảnh rất thích thú mặc dù chàng sinh ở Loke. Chàng đến ngay khu chợ. Lúc ấy người ta đang rao bán một ngôi hàng chủ chết đột ngột. Ngôi hàng có đủ đồ đạc, gối đệm, và hàng hóa. Nốt Ruồi mua lấy ngôi hàng. Hàng hóa có những thứ cần cho người làm nghề đi biển như buồm, dây treo, dây buộc, những chiếc hòm vững chắc, những túi dựng hàng cho thủy thủ, những vũ khí đủ kiểu đủ giá, và nhất là sắt vụn và đồ cổ mà các thuyền trưởng hay mua để bán lại cho bọn phương Tây. Bọn này rất mê đồ cổ, có thể đổi cả vợ, cả con gái lấy một khúc gỗ mục, một phiến đá bùa chú hoặc một thanh kiếm rỉ. Nốt Ruồi mua lấy ngôi hàng. Trong những năm dài sống xa Batđa. Nốt Ruồi không dại gì không buôn cái món hàng một vốn bốn lời này. Không gì lãi bằng đồ cổ. Có khi mua một hào bán mười đồng. Bán hết hàng Nốt Ruồi định bán luôn cả cửa hiệu. Bỗng chàng thấy trên một ngăn hàng mà chàng biết chắc chẳng có gì, một vật gì đó, sáng, cầm lấy xem thì đấy là một viên ngọc bùa chú sáu mặt có một sợi dây vàng đã cũ xấu quá. Mỗi mặt đều có khắc một thứ chữ lạ như hình con kiến, con sâu. Chàng đang nghĩ xem nó đáng giá thế nào thì bỗng một vị thuyền trưởng đã trông thấy viên ngọc từ ngoài phố tiến đến cửa hiệu xem cho gần.

Ông ta chào Nốt Ruồi, hỏi:

— Ông có thể bán cho tôi viên ngọc này không, hay nó không phải để bán.

Nốt Ruồi đáp:

— Cái gì ở đây cũng là để bán cả, kể cả ngôi hàng.

— Viên ngọc ấy, tôi giả tám vạn đina được không?

Nốt Ruồi nghĩ: « Ngọc này chắc phải cực kỳ quí giá. Ta phải làm sao mới được ».

— Ngài đùa đấy hẳn, hỡi vị thuyền trưởng? Lạy Chúa! Vốn tôi bỏ ra mua đã mười vạn đina rồi.

— Tôi giả mười vạn vậy.

— Được. Nhưng là do nể ngài mà bán đấy.

Viên thuyền trưởng cảm ơn và nói:

— Món tiền ấy tôi không mang theo, ở Ixkanđaria mà mang trong người một món tiền lớn như vậy thì thật nguy hiểm. Phiền ông xuống thuyền, tôi xin giả, lại xin biếu ông hai tấm dạ hai tấm nhung và hai tấm xa tanh làm quà.

Nốt Ruồi khóa cửa hiệu lại, đi theo viên thuyền trưởng. Đến nơi ông bảo chàng đợi trên cầu thuyền để ông xuống lấy tiền. Mãi không thấy ông ta ra. Bỗng nhiên thuyền giương buồm, và rẽ sóng vút đi như một con chim.

Thấy mình như bị cầm tù giữa biển, Nốt Ruồi ngạc nhiên lắm, nhưng biết kêu ai, lại chẳng thấy một thủy thủ nào mà hỏi. Con thuyền thì như được một sức vô hình đẩy tới, cứ băng băng trên mặt nước. Đang bối rối, lo âu thì thấy vị thuyền trưởng xuất hiện. Ông ta vuốt râu, nhìn Nốt Ruồi chế nhạo, cuối cùng hỏi:

— Ngươi là tên Hồi giáo Nốt Ruồi, con lão Sămxet-đin và đã từng ở trong cung Giáo chủ ở Bátđa phải không?

— Đúng tôi là con ông Sămxetdin.

— Vài hôm nữa, bọn ta sẽ đến Jơnoa trên đất nước Thiên chúa giáo. Ngươi sẽ được biết số phận của ngươi, hỡi tên Hồi giáo kia.

Nói rồi, ông ta bỏ đi.

Thuyền vượt biển bình yên đến cảng Jơnoa một thành phố Thiên chúa giáo Tây phương. Một bà già đi cùng hai người đàn ông đến tìm chàng. Chàng không hiểu gì, đành phó thác cho số mệnh mà đi theo bà ta. Bà già dẫn chàng qua mấy phố đến một nhà thờ trong một khu tu viện. Đến cửa, bà quay lại bảo:

— Từ nay ngươi là tôi tớ của nhà thờ và của tu viện. Công việc như thế này: sáng vào rừng kiếm củi, cho nhanh cọ rửa nền nhà thờ và tu viện giũ chiếu, quét dọn rồi xay lúa, sàng gạo, nhào bột, nướng bánh trong lò, rồi lấy một đấu đậu xay ra mà nấu, nấu xong múc vào ba trăm bảy chục cái bát cho ba trăm bảy chục thầy tu trong tu viện. Xong, đổ bô cứt đái trong tất cả các buồng thầy tu, cuối cùng tưới vườn và đổ đầy nước vào bốn bể nước cùng những thùng để dọc bức tường. Từng ấy việc phải xong nội buổi sáng, vì buổi chiều ngươi phải dành để ép khách qua đường vào nhà thờ nghe giảng đạo. Nếu họ không chịu vào, ngươi cứ lấy cái gậy đầu có chữ thập bằng sắt mà nện vào đầu, theo lệnh nhà vua. Như thế trong thành phố sẽ chỉ còn toàn những người thành tâm theo đạo Thiên chúa đến đây để các thầy tu cầu phúc cho. Giờ thì ngươi bắt tay vào việc đi, đừng quên lời ta dặn.

Bà già nhìn chàng, nháy mắt, rồi bỏ đi.

Nốt Ruồi nghĩ: « Lạy Chúa! công việc nặng quá ».

Không biết làm thế nào, chàng vào nhà thờ, lúc ấy vắng tanh ngồi lên một chiếc ghế mà nghĩ về những

việc lạ lùng liên tiếp xẩy đến với mình. Ngồi như thế chừng một giờ, thì nghe phía sau hành trụ có tiếng phụ nữ rất dịu dàng. Chàng quên nỗi buồn phiền, khoái lắng nghe. Tâm hồn chàng như có tiếng chim ca và chàng cảm thấy cái mát mẻ của tiếng du dương nơi tĩnh mịch. Chàng đứng dậy đi tìm thì tiếng nói im bặt. Một phụ nữ che mạng hiện ra, tiến tới chàng, cất giọng run run:

— Nốt Ruồi Chàng hỡi! Em nghĩ đến chàng từ lâu. Cảm tạ chúa đã cho chúng ta sum họp. Chúng ta sẽ cưới ngay bây giờ.

Nốt Ruồi ngạc nhiên, nói:

— Không có chúa nào khác, ngoài chúa Ala. Thật là một giấc mơ. Giấc mơ tan, ta sẽ lại tìm thấy mình trong ngôi hàng ở Ixkanđaria.

Nhưng thiếu phụ nói:

— Nốt Ruồi chàng ơi, không phải mơ đâu, thật đấy. Chàng đang ở thành phố Jonoa. Em nhờ viên thuyền trưởng thuộc quyền phụ vương em, ép chàng đến đây đấy mà. Em là công chúa Hốt — Marian, con gái vua thành này. Phép phù thủy em học được từ bé đã giúp em biết là có chàng và chàng rất đẹp. Em đem lòng yêu chàng nên cho viên thuyền trưởng đến tìm chàng ở Ixkanđaria. Viên ngọc trong ngăn hàng của chàng là do ông ta đặt vào để dẫn chàng đi. Viên ngọc ấy, giờ em đeo ở cổ đây. Lát nữa chàng sẽ thấy những phép lạ của nó. Nhưng trước hết, chàng hãy cưới em đi rồi muốn gì được nấy.

— Công chúa hỡi! ít nhất nàng cũng hứa sẽ giả ta lại Ixkanđaria chứ?

— Điều ấy dễ thôi.

Thế là Nốt Ruồi bằng lòng cưới công chúa.

Công chúa hỏi:

— Chàng định về ngay Ixkanđaria sao!

— Đúng thế.

— Vậy, chúng mình đi.

Nàng lấy viên ngọc quay mặt có hình một cái giường lên giời, lấy ngón tay cái xát mạnh vào nói:

— Hỡi ngọc Hồng mã não; nhân danh Xôlâymân ta truyền đem cho ta một chiếc giường du hành

Vừa dứt lời thì một chiếc giường có chăn, đệm lù lù hiện ra trước mắt. Hai người lên nằm. Công chúa lại quay lên giời mặt ngọc có hình con chim, nói:

— Hỡi ngọc Hồng mã não, hỡi ngọc Hồng mã não nhân danh Xôlâymân ta truyền đưa hai ta theo đường thẳng, bình yên, khỏe mạnh về đến Ixkanđaria.

Lệnh vừa truyền thì chiếc giường êm ả tự nâng lên, đến mái vòm, trườn qua cửa sổ lớn mà ra, và như một con chim bay nhanh nhất trong các loài chim, rẽ mây vun vút bay đi, chưa giập bã giầu đã hạ xuống Ixkanđaria.

Vừa đặt chân xuống đất, họ thấy tiến về phía họ một người ăn mặc kiểu Bátđa mà Nốt Ruồi nhận ngay ra là vị Thị vệ trưởng. Ông cũng vừa ở thuyền lẻn đi tìm người bị tội oan. Hai người chạy lại ôm chầm lấy nhau, Ông Thị vệ trưởng cho Nốt Ruồi biết đã tìm ra thủ phạm và đã treo cổ hắn, kể lại cho chàng hay mọi biến cố ở Bátđa trong mười bốn năm qua, có chuyện Atlân nay đã là chàng kỵ sĩ đẹp nhất của Bátđa.

Nốt Ruồi cũng kể cho vị thị vệ trưởng nghe tất cả những chuyện của chàng từ đầu đến cuối. Ông ngạc nhiên lắm. Khi nỗi xúc động dịu đi, ông bảo Nốt Ruồi:

— Giáo chủ đang mong gặp chàng, càng sớm càng hay.

— Cháu phải về chứ. Nhưng xin phép cho cháu đến Loke thăm bố mẹ cháu và mời hai ngài đến Bátđa với chúng ta.

Ông thị vệ trưởng cùng chàng lên chiếc giường du hành, trong chớp mắt hạ xuống nhà ông Sămxetđin tại phố Vàng.

Hai người gõ cửa.

— Ai đấy? Tiếng bà mẹ hỏi ra.

— Con đây, con của mẹ là Nốt Ruồi đây!

Bà mẹ mừng khôn tả, người mẹ đã bao năm mặc áo để tang con. Bà ngả vào tay Nốt ruồi, lịm đi. Ông Sămxetđin đáng kính cũng thế.

Nghỉ ngơi ba ngày, mọi người lên chiếc giường bay nó đưa họ đến Bátđa theo lệnh công chúa. Giáo chủ ôm hôn Nốt Ruồi như ôm hôn một đứa con, ban cho chức tước tiền của cũng như ban cho ông Sămxetđin và cậu Atlân.

Nốt Ruồi nhớ đến Mamút Hai Lòng đã kích thích khéo chàng ra đi, đã tiếp nhận chàng khi chàng nằm trần trên bờ giếng. Xét cho cùng, vì hắn mà chàng có ngày nay. Chàng cho người đi tìm khắp nơi, cuối cùng thấy hắn trong một khu vườn, ngồi giữa một đám thanh niên mà uống rượu và ca hát. Chàng bảo hắn vào cung cử làm cảnh sát trưởng thay cho Amát Ghẻ chốc mặc dù hắn hai lòng

Nốt Ruồi vui sướng được một đứa con xinh đẹp và dũng cảm như Atlân. Chàng cảm tạ chúa và sống cực kỳ hạnh phúc giữa Bátđa với ba người vợ: Zôbêiđa, Atmin và Mariam, mãi mãi cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay.

IV

TRUYỆN NỮ BÁC HỌC KHẢ ÁI

Người ta kể lại rằng — nhưng chỉ có Đức Ala mới biết được hết — ngày xưa ở Bát đa có một thương gia giàu lắm, kinh doanh rất nhiều ngành. Là người có danh vọng, được tôn kính, lại được đủ thứ đặc quyền, đặc lợi, ông vẫn không thấy sung sướng vì chúa Ala chỉ ban phúc cho ông đến thế thôi, chứ không cho ông có được một mụn con, dù là con gái cũng được. Vì thế mà ông già đi trong cảnh buồn phiền. Ông thấy xương ông ngày một nhô ra, lưng ông ngày một còng xuống mà ông vẫn không tài nào kiếm lấy được một đứa con để làm khuây trong bao nhiêu thê thiếp của ông.

Nhưng một hôm, sau khi đã bố thí rất nhiều, sau khi đã đi thăm các giáo sĩ Hồi, sau khi đã thành tâm trai giới và cầu kinh, ông đi lại với một người thiếp trẻ nhất, và lần này, nhờ ơn đức tối cao, người thiếp đã có mang từ đấy.

Tính từng ngày, sau chín tháng, nàng may mắn sinh hạ được một cậu con giai đẹp như trăng rằm.

Để tạ ơn đấng Ban phúc, ông phú thương không quên hoàn nguyện: luôn bẩy ngày liền, ông phát chẩn cho những người nghèo khó, những người góa bụa, và những trẻ mồ côi. Đến sáng ngày thứ bẩy, ông mới nghĩ tên đặt cho con, và ông gọi cậu là Abun Haxan.

Cậu bé được các vú sữa và nô tỳ xinh đẹp chuyền tay ôm ẵm. Tất cả phụ nữ và tôi tớ trong nhà nâng niu cậu như một của báu mãi cho tới tận khi đến tuổi đi học. Bấy giờ người ta mới đưa cậu đến học những

bậc giáo sư lỗi lạc nhất. Họ dạy cậu đọc những lời cao siêu trong thánh kinh Koran, dạy cậu viết cho tốt, dạy cậu làm thơ, làm tính và nhất là khoa bắn cung vì thế học thức của cậu hơn hẳn các bạn cùng trạc tuổi và cùng thế kỷ với cậu. Nhưng cậu không phải chỉ có thế mà thôi.

Thật vậy, ngoài phần học thức kia, cậu còn là người rất có duyên, và rất đẹp trai. Sau đây là những lời một nhà thơ đã dùng để tả vẻ tuấn tú của cậu, tả hai má mơn mởn, đôi môi như hoa ; *Chẳng khác gì bông hồng vẫn đua nở trong mùa xuân đã qua rồi.*

Tóm lại, cậu Abun Haxan thật là một niềm vui và một cảnh đẹp mắt cho cha cậu mãi tới ngày ông chết. Một hôm, nhà phú thương cảm thấy ngày tận số đã gần kề ; ông gọi cậu đến ngồi trước mặt và bảo :

« Con ơi! Gần đến lúc cha rũ sạch nợ đời rồi! Cha chỉ còn có việc sửa soạn để ra mắt Thượng đế thôi! Cha để lại cho con vô số của nổi của chìm, cả từng làng một, với đất cát phì nhiêu, vườn cây ăn quả đẹp đẽ của cha để lại không những đủ dùng mà còn dư dật, cho con và con cái của con sau này. Cha chỉ dặn lại con đừng tiêu pha quá độ, luôn luôn cảm tạ đấng Ban phúc và sống với lòng sùng bái Người. »

Trối trặng xong, nhà phú thương tắt thở. Abun Haxan vô cùng đau đớn. Sau khi an táng cha, cậu đóng cửa cư tang, sống âm thầm với mối thương tâm của cậu.

Nhưng chẳng bao lâu, các bạn bè của cậu cũng làm cho cậu đến khuây khỏa, và lôi cuốn được cậu ra khỏi cảnh âu sầu. Họ nói khéo đến nỗi cậu phải chịu nghe họ, trước còn ra nhà tắm công cộng rửa ráy cho thảnh thơi, sau đến thay bỏ cả quần áo tang. Muốn cho cậu hoàn toàn hết buồn phiền, họ tán với cậu thế này :

« Được một người như anh nối dõi, thì ông cụ vẫn như còn sống vậy. Vậy đừng buồn nữa, và phải nghĩ đến việc hưởng thụ tuổi xuân và gia tài của anh chứ ! »

Abun Haxan dần dần quên hết những lời di huấn của cha, và cuối cùng tin tưởng rằng mình có thể hưởng hạnh phúc và may mắn vô cùng tận. Từ đấy cậu không ngừng thỏa mãn cho hết các sở thích của cậu ; cậu đam mê tất cả các thú vui ; cậu năng lui tới những nhà ca kỹ, vũ nữ ; ngày nào cậu cũng dùng không biết bao nhiêu gà giò, món ăn ưa nhất của cậu ; cậu thích mở những vò rượu mạnh lâu năm, thích nghe tiếng cốc chạm cốc, thích phá tan bất cứ gì có thể phá tan được, thích hủy hoại bất cứ gì có thể hủy hoại được, thích đảo lộn bất cứ gì có thể đảo lộn được, đến nỗi một ngày kia, cậu bừng mắt dậy, trong tay không còn thứ gì, ngoài bản thân cậu. Về phần tôi tớ, tỳ thiếp mà cha để lại cho rất nhiều, cậu chỉ còn vẻn vẹn có mỗi một nữ nô.

Nhưng ta hãy tán thưởng trước điều này là số chàng luôn luôn gặp may. Chính nữ nô quý nhất trong các nữ nô xứ Đông xứ Tây lại là người sót lại trong cái nhà không còn gì quí giá của cậu Abun Haxan hoang toàng con ông phú thương đã qua đời kia !

Thật thế đấy ! Nàng tên là Khả Ái. Quả là từ xưa tới nay, chưa có tên nào lại xứng với người như thế. Nữ nô Khả Ái là một nữ nô tầm thước, mảnh dẻ và thanh tú ; mặt nàng đẹp và tươi vô cùng : tất cả các nét đều biểu hiện dấu hiệu của hạnh phúc và điềm hay ; miệng nàng như đã có đóng ấn của thánh Xôlâymân để bảo quản kho báu ở trong ; hàm răng nàng là hai chuỗi ngọc trai đều đặn ; hai núm thạch lựu ở ngực nàng cách nhau một khoảng cực đẹp. Bài ca này của một nhà thơ chính là nói về nàng :

«Nàng là mặt trời, nàng là mặt trăng, nàng là cành hồng.

«Nàng cũng xa những màu sắc buồn, như mặt trời, mặt trăng và cành hồng.

«Khi nàng xuất hiện, mọi trái tim đều hồi hộp. Khi nàng đi khỏi, mọi người đều lưng hửng như mất hồn...

«Trên thân thể yêu kiều của nàng, hòa hợp đủ các màu: màu phơn phớt của hoa hồng; màu trắng tinh của bạc: màu đen của quả dâu chín, và màu của gỗ trầm hương.

«Nhan sắc của nàng lộng lẫy quá, đến nỗi chính nó đã chống cự lại tình dục.

«Cám tạ Chúa Ala đã ban sắc đẹp cho nàng! Sung sướng thay tình lang nào được thưởng thức những lời ân ái của nàng!»

Nữ nô Khả Ai như thế đấy. Nàng là kho của duy nhất còn lại của cậu Abun Haxan hoang phí.

Khi thấy gia sản tiêu tan hết, không thể cứu vãn được nữa, Abun Haxan phiền muộn đến mất ăn mất ngủ. Cậu nằm ba ngày liền, không ăn không ngủ. Nữ nô Khả Ai nghĩ rằng cứ để thế thì cậu đến chết mất, nàng bèn quyết tâm cứu cậu, bất cứ bằng cách nào.

Nàng trang điểm xong, mặc những quần áo còn tàm tạm coi được, và đeo những thứ nữ trang nàng còn giữ được riêng; nàng tiến tới trước mặt Abun Haxan, miệng tươi cười như báo hỷ. Nàng nói:

— Chúa Ala sẽ dùng tôi làm trung gian để cứu cậu khỏi cảnh nghèo khổ. Muốn được thế, cậu chỉ cần đưa tôi đến trước mặt đức Giáo Chủ An Rasit, và giạm bán tôi lấy một vạn đina vàng. Nếu Ngài cho là đắt quá, thì cậu cứ nói thế này: «Tâu Giáo Chủ: người thanh nữ này còn đáng giá hơn thế. Ngài cứ thử tài khắc biết.

Không ai sánh kịp nàng. Nàng quả xứng đáng được hầu hạ Ngài, là đấng Giáo chủ của chúng tôi. » Khả Ái còn dặn đi dặn lại cậu Abun Haxan nhất định không giảm giá.

Abun Haxan vốn người vô tâm, từ trước tới nay, chẳng để ý gì đến tài đức của người nữ nô xinh đẹp nên không đánh giá được tài ba của nàng nữa. Cậu chỉ thấy ý kiến của nàng hay hay và có cơ thực hiện được. Lập tức cậu trở dậy, và để Khả Ái đi theo, cậu dẫn nàng đến trước mặt Giáo chủ và nói đúng những lời nàng đã dặn.

Giáo chủ quay lại nàng và hỏi:

— Tên nàng là gì?

— Tên tôi là Khả Ái.

— Ô này, Khả Ái! nàng là người có học, thật không? Nàng có thể kể lại ta nghe những môn nào nàng đã nghiên cứu không?

— Tâu Giáo chủ! Tôi đã nghiên cứu văn phạm, thơ phú, dân luật, tổng pháp, âm nhạc, thiên văn, hình học, toán học, luật kế thừa, và cách tra cứu những sách pháp thuật, cùng là đọc những văn bia. Tôi thuộc lòng Thánh kinh và có thể đọc được kinh ấy bẩy cách khác nhau. Tôi nhớ tưởng tận số thiên, số chương, số mục, số đoạn, trong kinh; tôi biết nó hòa hợp với nhau thế nào, nó có bao nhiêu dòng, bao nhiêu chữ... ; tôi biết rõ thiên nào cảm ứng và chép ra ở Lamếc, thiên nào được đọc cho viết lại ở Mêdin; tôi rất tường giáo luật và tin điều, tôi phân biệt được những giáo điều chính tông, với những câu phụ họa; tôi có thể đánh giá được trình độ thực hư của nó. Tôi không lạ gì môn lý luận, môn kiến trúc và môn triết học, cũng như môn hùng biện, môn nhã đàm, môn tu từ và luật làm thơ. Tôi có thể làm thơ với tất cả các tiểu xảo trong các

hành văn. Tôi làm được thơ giản dị và dễ đọc. Tôi cũng làm được thơ khó khăn và bí hiểm, thú riêng cho khách tao nhã mà thôi... Tóm lại, tôi đã học rộng, và tôi học đâu nhớ đấy. Ngoài ra tôi còn biết hát thật sự và múa như chim vậy. Tôi gầy được đàn tỳ bà và thổi được ống địch, cũng như tôi chơi được hết các thứ đàn, và biết gầy theo năm mươi cách khác nhau. Vì thế cho nên khi tôi hát và múa, ai được tai nghe mắt thấy cũng đều phải chết mê chết mệt. Tôi am hiểu tất cả các mỹ nghệ, và đã lưu tâm nghiên cứu về các ngành ấy đến giới hạn mà chỉ một vài người rất hiếm, đã từng lâu năm lao đao trong bể học, họa may mới thấy được phạm vi.

Nghe nói, Giáo chủ An Rasít rất lấy làm lạ; ngài lại vừa vui vẻ thấy đứng trước mặt mình một người con gái hoạt bát và xinh xắn đương cung kính cúi đầu. Ngài quay lại Abun Haxan và bảo:

– Ta cho triệu ngay tất cả những giáo sư trong các ngành khoa học đến đây, để sát hạch nữ nô của nhà ngươi. Bằng vào kỳ thi công khai và quyết định này, ta sẽ xem nàng có thực học như nàng xinh đẹp hay không. Nếu nàng thắng được trong cuộc thử tài này, ta không những sẽ giả cho ngươi một vạn đina vàng, mà ta lại còn hậu thưởng cho ngươi nữa, vì là đã biết đem đến dâng ta một người kỳ nữ. Trái lại, nếu nàng không trúng cách, thì việc mua bán không thành, nàng vẫn là của riêng của nhà ngươi.

Ngay lúc ấy, Giáo chủ cho triệu vị bác học nổi tiếng thời bấy giờ là ông Ibrahim Saiyát, người đã nghiên cứu kỹ tất cả những tri thức của nhân loại, và ngài lại còn cho triệu thêm các nhà thơ, nhà văn phạm, nhà đọc Thánh kinh, các thầy thuốc, các nhà thiên văn học, triết học, luật học, thần học. Họ đều vội vàng vào cung

và tụ tập cả ở nhà tiếp khách, nhưng không ai hiểu vì việc gì mà được mời đẹp đông như vậy.

Sau khi được Giáo chủ cho phép, họ ngồi thành một vòng trên thảm, còn ở giữa thì đức Giáo chủ đã cho đặt một chiếc ghế thếp vàng cho Khả Ái ngồi, mặt che một mạng mỏng. Qua tấm mạng, người ta thấy lồ lộ hai con mắt long lanh, và hai hàm răng tươi cười...

Khi mọi người đã im lặng, im lặng đến nghe rõ được cả tiếng một cái kim rơi, Khả Ái chúc tụng cử tọa một cách có duyên và đĩnh đạc, xong rồi nàng nói:

— Tâu Giáo chủ! đám xin Giáo chủ ra lệnh, nô tỳ sẵn sàng giải đáp những vấn đề do các vị bác học uyên thâm và đạo mạo này đặt ra...

Bấy giờ Giáo chủ ngồi trên ngai mới quay lại bọn người có mặt tại đấy và phán:

— Ta cho mời các vị đến đây, mục đích là để các vị xét xem người con gái này có học về nhiều môn không, và học có thâm thúy không? Vậy các vị đừng quản gì mà không làm cho nổi bật học vấn uyên bác của các vị và tri thức của nàng.

Mọi người liền cúi rạp xuống tận đất, giơ hai tay lên mắt rồi lên trán, và đồng thanh nói:

— Chúng tôi xin vâng mệnh chú... ...a và Giáo chủ.

Khả Ái cúi mặt suy nghĩ một chút, rồi ngẩng đầu lên nói:

— Kính thưa toàn thể các vị lão sư! Trong các vị, ai là người thông thạo nhất về Thánh kinh Koran và về các huấn thị của Giáo Tổ (cầu Chúa ban phúc cho Người).

Bấy giờ cả hội nghị cùng giơ tay chỉ một vị tiến sĩ: ông này đứng dậy nói:

— Tôi là người nàng hỏi đây

— Xin Ngài tùy ý hỏi tôi về môn học của Ngài.

Bấy giờ nhà bác học về Thánh Kinh liền nói:

— Cô em ơi! cô đã nghiên cứu đến nơi đến chốn Kinh của Chúa Ala, cô đã nhớ được cả số thiên, số chữ trong Kinh, và những châm ngôn trong bổn đạo, vậy đầu tiên cô hãy nói cho tôi biết: ai là chúa tể của cô? ai là Giáo Tổ? Ai là Iman (giáo sư) của cô? Cô hướng về đâu? Cô sống theo khuôn mẫu nào? Ai dìu dắt cô trên đường? Ai là anh em của cô?

— Ala là chúa tể của tôi. Môhammát (cầu chúa ban phúc cho Người) là giáo tổ của tôi. Coran là luật của tôi, vậy kinh ấy là Iman (giáo sư) của tôi. Caaba, ngôi đền thờ Chúa Ala mà Abraham dựng lên ở Lamếc là hướng của tôi; gương Giáo Tổ là khuôn mẫu của đời tôi; sách Xunna, toàn tập những huấn thị của Giáo Tổ, hướng đạo của tôi trên đường; và tất cả các tín đồ đạo Hồi là anh em của tôi».

Giáo chủ lấy làm kinh ngạc thấy một thiếu nữ xinh đẹp trả lời rõ ràng và gẫy gọn như thế; nhưng nhà bác học đã lại hỏi:

— Này cô em! Sao cô biết được rằng có một vị Thượng đế?

— Đấy là do lý trí.

— Lý trí là gì?

— Lý trí là một thiên tư kép: một đằng bẩm sinh, một đằng học được. Lý trí bẩm sinh là thiên tư mà chúa Ala đã đặt sẵn vào tâm những đầy tớ của Chúa, những người đã được Chúa lựa chọn với mục đích để họ đi trên con đường chân lý. Còn như lý trí học được là lý trí những bậc thông tuệ, nó là kết quả của nền giáo dục và của công phu thường xuyên.

— Rất đúng! Bây giờ cô có thể cho tôi biết cô đã làm thế nào mà biết được có Giáo Tổ (cầu Chúa ban phúc cho Người)

— Tôi học kinh của Chúa Ala, đọc những cách ngôn trong Kinh ấy, khảo sát những bằng cứ và những chứng từ về sứ mệnh thần thánh ấy.

— Tốt lắm! Nhưng cô có thể nói về những bổn phận cần thiết trong đạo của chúng ta không?

— Trong đạo của chúng ta có năm bổn phận cần thiết là: tuyên bố lòng tin bằng câu: « Chỉ có Ala là chúa tể muôn loài và Mõhanmét là sứ giả của Chúa! »; cầu nguyện; bố thí, trai giới tháng Ramađân hành hương đến Lamếc khi có thể làm được.

— Những việc thiện nào là việc đáng khen nhất?

— Có sáu việc tất cả: cầu nguyện, bố thí, trai giới, trẩy hội Lamếc, phấn đấu chống những tính xấu và những hành vi phạm pháp, cuối cùng là chiến tranh thần thánh.

— Trả lời giỏi quá! Nhưng nàng cầu nguyện cốt để đạt mục đích gì?

— Tôi chỉ có một mục đích đơn giản là dâng chúa tấm lòng sùng bái của tôi, ca tụng công đức Chúa và nâng tâm hồn tôi lên tầng trời an tĩnh.

— Chà chà! câu đáp hay quá! Nhưng trước khi cầu nguyện có những nghi thức gì cần phải chuẩn bị không?

— Có chứ! Phải rửa ráy cho thân thể thật sạch sẽ, tức là phải làm lễ tắm rửa...

— Giá trị của việc cầu nguyện thế nào?

— Cầu nguyện củng cố lòng tin; nó là nền tảng của sự tin ngưỡng.

— Cầu nguyện có ích gì?

– Lời cầu nguyện thật đẹp không nhằm lợi ích trần tục. Nó là dây liên lạc tinh thần giữa chúng sinh và Thượng đế. . . . .

(Nàng kể nốt vì kết quả của sự cầu nguyện, như tâm trí được sáng suốt, lòng tin khỏi ngả nghiêng... Nhà bác học Kinh thánh lại hỏi nàng về nghi thức lễ tắm nữa, về thiên thần và quỷ sứ làm gì khi tín đồ sắp sửa hành lễ, nàng đều đáp rất rõ ràng và viện những lời kinh điển ra để chứng thực những lời nói của nàng). Ông ta lại hỏi:

– Nàng có thể nói về nghi thức lễ tắm rửa gọi là Tayamun không?

– Tayamun tức là lễ tắm rửa bằng cát và bụi. Lễ này có thể tiến hành trong bẩy trường hợp, như: thiếu nước, hết nước dự trữ; cần nước để ăn uống; chuyên chở phí đi mất một phần nước; mắc bệnh phải kiêng nước; gẫy xương cần nghỉ ngơi cho liền lại; và có những thương tích không được sờ mó đến.

Khi làm lễ tắm rửa bằng bụi và cát thì phải như thế này: trước hết phải thành tâm, sau mới lấy tay bốc cát và bụi là và làm điệu bộ như xoa lên mặt, rồi xoa từ khuỷu tay đến hai bàn tay, xong rồi mới lau tay...

Nhà bác học về Kinh Thánh lại hỏi về nghi tiết trong lúc cầu nguyện, cùng là thứ thuế nhân dân phải nộp cho Giáo đường, mệnh danh là « Thuế bố thí ». Thuế này phải nộp bằng tiền bạc, ngũ cốc hoặc gia súc, theo một tỷ lệ nhất định. Khi nàng đã giải đáp xong, nhà bác học về Kinh thánh lại hỏi:

–Đúng lắm. Bây giờ cô hãy nói về ngày trai giới xem nào?

–Ngày trai giới là ngày nhịn ăn, nhịn uống, cấm dục từ sáng sớm đến lúc mặt trời lặn, trong tháng Ramadân.

Bắt đầu trai giới ngay từ ngày có trăng non. Trong ngày trai, không nên nói nhảm, và không được đọc sách nào ngoài kinh Coran.

—... Đúng đấy! Thế còn «cấm phòng tu dưỡng» là thế nào?

—Cấm phòng tu dưỡng tức là vào ở hẳn trong giáo đường một thời gian dài, không ra đến ngoài lúc nào, trừ khi đại tiểu tiện; kiêng giao thiệp với phụ nữ, kiêng cả nói. Kinh Xunna khuyên làm việc ấy, chứ nó không phải là một pháp giới.

—Được! Bây giờ tôi muốn nghe cô nói về việc hành hương.

—Việc trẩy hội Lamếc, việc hành hương, là một bổn phận mà bất cứ tín đồ hồi giáo nào cũng phải làm, ít nhất là một lần, trong đời mình, sau khi đã đến tuổi trưởng thành. Muốn hành hương, phải thực hành nhiều điều: phải khoác áo đặc biệt của người hành hương, áo ấy gọi là Iram; giữ gìn không được đi lại với phụ nữ; kiêng cạo râu, cạo tóc; không cắt móng chân, móng tay và không che đầu, che mặt. Còn các điều khác thì đã chỉ rõ trong kinh Xunna.

—Nàng hãy nói về chiến tranh thần thánh xem nào?

—Chiến tranh thần thánh, là chiến tranh chống người ngoại đạo, khi Ixlam (Hồi giáo) lâm nguy, Nhưng chỉ chiến đấu để tự vệ, chứ không bao giờ tự gây ra chiến tranh. Khi giáo đồ đã cầm võ khí để tự vệ rồi, thì phải quyết tâm tiến đánh kẻ ngoại đạo, và chỉ có tiến chứ không lùi...

Khi nhà bác học, chuyên chú thích về Thánh Kinh đã nghe hết những lời giải đáp của khả Ái, ông không thể không nghĩ thầm là học thức của nàng chẳng kém gì ông, nhưng ông lại không muốn tự nhận mình phải

chịu, không tìm ra được chỗ yếu của nàng. Vì thế ông quyết tâm hỏi những câu bí hiểm:

—Chữ tắm rửa nghĩa đen là gì:

—Là tắm rửa cho hết những ô uế trên thân thể và trong lòng.

—Trai giới nghĩa là gì?

—Là kiêng kỵ

—Bố thí nghĩa là gì?

—Là làm giầu.

—Hành hương để làm gì?

—Để đi tới đích.

—Chiến đấu là gì?

—Là tự vệ

Sau những câu đáp ấy, nhà bác học đứng dạy, và reo lên:

—Thật là tôi không còn vấn đề gì để hỏi nữa. Tâu Giáo chủ! nữ nô này thật là một kỳ nữ; nàng học rộng và thông tuệ quá!

Nhưng Khả Ái chỉ hơi mỉm cười và ngắt lời ông:

—Đến lượt tôi, tôi muốn hỏi lại ông một câu. Thưa ông bác học! xin ông cho biết nền tảng của Hồi Giáo là gì?

Ông ta nghĩ một giây và nói:

—Nó gồm bốn điều: đức tin là một; sáng suốt do lý trí lành mạnh là hai; lòng trung thực biết cho đúng quyền lợi và bổn phận của mình, cũng là sự kín đáo, là ba; thực hành những lời cam kết là bốn.

Khả Ái hỏi tiếp:

—Xin phép ông cho tôi được hỏi thêm một câu nữa. Nếu ông không giải đáp được thì tôi sẽ có quyền lột áo chức bác học, thì đọc Thánh Kinh của ông nhớ?

—Ta nhận lời đấy! Hỏi đi nữ nô!

—Thưa ông! Hồi giáo có những chi tiết gì?

Nhà bác học nghĩ một lúc lâu, và cuối cùng không biết giải đáp thế nào. Bấy giờ chính đức Giáo chủ mới nói, và bảo Khả Ái:

– Nàng trả lời câu hỏi ấy đi, và cái áo chức của vị bác học này sẽ thuộc về nàng đó.

Khả Ái cúi đầu tạ ơn và nói:

– Hồi giáo có hai mươi chi tiết: nghiêm ngặt tuân phụng giáo huấn trong Thánh Kinh; y theo truyền thuyết và huấn thị của đức Giáo Tổ; không bao giờ làm điều bất công; chỉ ăn những thứ được phép ăn: không bao giờ ăn những thứ cấm; trừng trị kẻ gian tham, để khỏi tăng âm mưu của kẻ ác, do sự khoan hồng của người nhu nhược; hối lỗi; nghiên cứu giáo lý; làm ơn cho kẻ thù; giao thiệp nhũn nhặn; cứu giúp những đầy tớ của chúa Ala; tránh hết những cải cách và thay đổi; tỏ ra can đảm khi gặp vận đen và mạnh dạn trong bước khó khăn; tha thứ khi mình mạnh và có quyền thế; nhẫn nại trong khi khổ; tin rằng chỉ có Ala là chúa vô thượng; sùng bái Giáo Tổ (Cầu Chúa ban phúc cho Người); chống lại sự cám dỗ của ác quỷ; phấn đấu chống tình dục và những thiên tính xấu; hiến thân cho sự nghiệp vì chúa Ala, với tấm lòng tận tín tận phục.

Giáo chủ An Rasit nghe xong lời giải đáp ấy, ngài ra lệnh lập tức lột áo khoác của nhà bác học trao cho Khả Ái. Lệnh được thi hành ngay, nhà bác học xấu hổ hết sức, cắm đầu lủi khỏi phòng.

Bấy giờ một vị bác học khác đứng lên. Ông là người nổi tiếng về môn thần học, và được cử tọa đưa mắt cử ông làm khảo quan. Ông quay lại Khả Ái và nói:

– Này nữ nô! ta chỉ hỏi vài câu vắn tắt thôi: ngươi có thể nói về cách thức khi ăn uống không?

— Trước hết phải rửa tay, niệm danh hiệu chúa Ala và tán dương Chúa, xong rồi mới ghé đùi bên trái ngồi xuống. Lúc ăn, chỉ dùng ngón tay cái, tay chỏ và ngón giữa, nhúm lấy miếng ăn nho nhỏ thong thả đưa lên miệng nhai cho thật kỹ. Không được nhìn người bên cạnh, sợ làm cho người ta ngượng và ăn mất ngon.

Nhà bác học hỏi:

Ơ này! nữ nô! bây giờ nàng có thể nói cho ta biết cái ra gì, cái ra gì một nửa, và cái chẳng ra gì là như thế nào không?

— Tín đồ Hồi Giáo là cái ra gì; kẻ đạo đức giả là cái ra gì một nửa; còn người dị giáo là kẻ chẳng ra gì.

— Đúng! thế đức tin nằm ở chỗ nào?

— Ở bốn nơi: tâm, đầu, lưỡi và chân tay nên tâm có nghị lực để vui vẻ; đầu có nghị lực để biết chân lý; lưỡi có nghị lực để nói thật; và chân tay có nghị lực để phục tòng.

— Có bao nhiêu thứ tâm?

—Có nhiều thứ tâm: tâm người tin đạo Hồi là tâm trong sạch và lành mạnh, tâm kẻ dị đạo là tâm hoàn toàn trái ngược với tâm người tin đạo Hồi; có tâm trói buộc vào những vật trần tục; có tâm gắn bó vào những thú vui tinh thần; có tâm bị tình dục, thù oán, hoặc tính keo kiệt thống trị, có tâm hèn nhát, có tâm cháy đi vì ái tình; có tâm căng lên vì kiêu ngạo, lại có tâm sáng suốt như tâm của các vị giáo hữu đức Sứ giả và cuối cùng là tâm của đức Sứ giả, tâm người Trúng cách.

Khi nhà thần học nổi tiếng nghe hết câu trả lời ấy, ông reo lên:

— Ta hoàn toàn đồng ý với nhà ngươi, nữ nô ạ!

Bây giờ nàng Khả Ái xinh đẹp nhìn Giáo chủ và nói:

– Tâu Giáo chủ! xin phép Ngài cho tôi được hỏi lại ông giám khảo của tôi một câu thôi, và nếu ông không trả lời được thì cũng xin phép Ngài cho tôi được lột áo chức của ông!

Được Giáo chủ cho phép, nàng hỏi:

– Kính thưa bực lão thành tôn quý, dám mong cụ cho cháu biết bổn phận nào là bổn phận phải theo trước hết, tuy nó không phải là bổn phận quan trọng nhất?

Nhà thần học không biết giải đáp ra sao, Khả Ái lột ngay áo khoác của ông rồi mới nói:

– Đấy là bổn phận phải làm lễ mộc dục, vì trong Thánh kinh đã chỉ rõ: Phải làm cho thân và tâm được thanh tịnh, trước khi cử hành bất cứ lễ gì, dù là lễ nhỏ nhất, và trước tất cả các nghi lễ định ra trong Thánh kinh và trong kinh luật Xunna.

Sau đó Khả Ái quay mặt lại hội đồng, đưa mắt nhìn khắp một vòng. Lập tức một nhà bác học đứng ra. Ông là một học giả nổi tiếng hồi ấy, và chẳng ai bằng ông về môn học kinh Coran. Ông nói với Khả Ái:

– Này cô gái rất mực thông minh và nức mùi nước hoa! cô đã biết kinh của chúa Ala rồi, vậy cô có thể cho ta biết một vài điểm về thực học của cô không?

– Kinh Coran gồm 114 chương, trong đó 70 chương được truyền ở Lamếc, còn 44 chương ở Mêđin. Nó chia ra làm 621 thiên và 6.236 tiết – Nàng kể nốt về kinh ấy có bao nhiêu mục, có bao nhiêu tiếng, có bao nhiêu chữ cái, có bao nhiêu tên các vị tiên tri và đến cả bao nhiêu tên chim nữa.

– Cô nhớ được tường tận đến thế thì thật là kỳ diệu. Nhưng tôi muốn cô cho biết đức Giáo Tổ của

chúng ta (cầu chúa Ala ban phúc cho Người) xử đoán những kẻ dị đạo ở tiết nào ?

— Ở tiết có câu : « Người Do thái bảo người Gia tô là đi lầm đường, còn người Gia tô thì lại cho là người Do thái không biết chân lý. Các con nên biết rằng hai bên đều có lý khi họ nói như thế ! ».

Vị nguyên lão rất hài lòng, khi nghe xong lời đáp ấy, nhưng ông vẫn còn muốn vặn nữa, nên hỏi :

— Kinh Coran truyền xuống hạ giới như thế nào? Có phải toàn bộ truyền xuống làm một lần, chép theo những bản lưu trữ lại trên thiên đình, hay là kinh ấy được truyền xuống làm nhiều lần?

— Theo lệnh đức Chúa tể thế giới, thiên thần Gabrien đem kinh ấy xuống truyền cho Sứ giả Môhamét (Cầu Chúa ban phúc cho Người), trưởng ban những sứ giả của chúa Ala, và tùy từng trường hợp, thiên thần đã đem các chương thích đáng xuống trong một thời gian là hai mươi năm...

— Về dịp nào, tự thiên đình đã truyền xuống tiết này : « Ôi ! tín đồ ! đừng nhịn mà không hưởng những thú trần tục cho đầy đủ ! »

— Đấy là nhân có vài môn đồ, muốn đi quá vào duy tâm một cách không cần thiết, định tự hoạn và mặc quần áo bằng gai móc. . .

Nghe câu trả lời ấy xong, nhà bác học không nén được nữa, phải reo lên :

— Tâu Giáo chủ ! tôi xin công nhận rằng cô thiếu nữ này là một bực học giả vô song !

Bấy giờ Khả Ái xin phép được hỏi lại một câu :

— Xin Ngài cho biết tiết nào trong kinh Coran có hai ba chữ « káp », tiết nào có mười sáu chữ « min ». . . ?

Nhà bác học há hốc mồm, chịu không nói ra được tiết nào. Khả Ái lột áo ông xong, nói ra những tiết nàng vừa hỏi, làm cho cả cử tọa phải kinh ngạc.

Bấy giờ trong đám hội đồng, một ông lang nổi tiếng, đã viết nhiều sách có giá trị, quay về Khả Ái và hỏi:

— Cô đã nói rất giỏi về tinh thần rồi, bây giờ ta hãy chăm lo về thể chất. Vậy cô hãy nói về thân thể loài người, về sự cấu tạo của nó, về dây thần kinh, các xương, và tại sao Ađam lại có tên như thế.

— Chữ Ađam nguyên từ chữ Arập ađim, nghĩa là da, là mặt đất. Nó được dùng để đặt tên cho vị thủy tổ loài người. . .

Nàng nói về sự cấu tạo con người theo như truyền thuyết trong đạo Hồi xong, viên thầy thuốc hỏi thêm:

— Nàng có thể nói về những triệu chứng các bệnh không?

— Triệu chứng các bệnh hoặc ở ngoài, hoặc ở trong. Nó chỉ cho ta biết loại bệnh và mức độ nặng nhẹ của các bệnh.

Thật thế, các thầy thuốc giỏi chỉ bắt mạch cũng đủ biết bệnh nặng nhẹ thế nào. Bắt mạch biết được trình độ can tao, hàn nhiệt. Lại còn nhìn người nào thấy mắt vàng thì biết là người ấy có bệnh đau gan, người nào cong lưng, thì biết người ấy có bệnh viêm phổi nặng.

Còn những dấu hiệu bề ngoài hướng dẫn thầy thuốc trong việc chẩn đoán là: nôn mửa, đau đớn, phù thũng, phân và nước tiểu.

— Cô nói về những nguyên nhân của bệnh nhức đầu xem nào.

— Phần chính về nguyên nhân của bệnh nhức đầu là do ăn uống. Có thể nhức đầu, vì khi thức ăn trước chưa tiêu hóa, đã đưa thức ăn khác vào dạ dày, hoặc

vì ăn khi không thấy đói. Tham ăn là nguyên nhân tất cả các bệnh tai hại trên mặt đất. Vậy ai muốn sống lâu thì phải ăn uống có điều độ, và hơn nữa phải dậy sớm, tránh thức đêm, không dâm dục quá độ, đừng lạm dụng trích và giác huyết, và cuối cùng là phải coi chừng cái bụng của mình.

— Triệu chứng về bệnh hoàng đảm thế nào?

— Triệu chứng về bệnh hoàng đảm là da vàng, miệng đắng, chóng mặt, nôn oẹ và chán ghét đàn bà. Người bệnh dễ mắc những biến chứng nguy hiểm . . .

— Đủng đấy! Người ta chia y khoa ra thế nào?

— Y khoa chia ra làm hai phần: phần nghiên cứu bệnh và phần nghiên cứu thuốc.

— Tôi thấy học thức của cô không còn thiếu sót chỗ nào. Nhưng cô có thể nói loại nước nào là nước tốt nhất không?

— Đấy là nước trong sạch và mát, đựng bằng bình xốp, ngoài xoa một vài thứ hương quí, hoặc chỉ ướp bằng hơi thơm thôi. Nhưng chỉ được uống sau bữa ăn rất lâu, như thế sẽ tránh được khỏi khó chịu và mới là thực hành câu này của đức Sứ giả (cầu Chúa ban phúc cho Người): « Dạ dày là nơi tiếp thu đủ các thứ bệnh: táo bón là nguyên nhân các bệnh và vệ sinh là căn nguyên các vị thuốc »

— Món ăn gì tốt nhất?

— Đấy là món ăn do bàn tay một phụ nữ nấu nướng ra: nó không đòi hỏi nhiều công phu sửa soạn quá, và khi ăn thì trong bụng vui vẻ...

— Cô có ý kiến gì về các thứ quả không?

— Quả và thịt cừu là thức ăn lành nhất, nhưng cũng không nên ăn quả trái mùa.

— Cô hãy nói về rượu xem nào.

— Sao ông lại hỏi tôi về rượu, khi Thành Kinh đã nói rành mạch về món ấy như thế này: « Mặc dù rượu có nhiều tính hay, nhưng vẫn nên cấm, vì nó làm loạn tinh thần và làm nóng các dịch. Rượu và cờ bạc là hai thứ mà tín đồ phải kiêng, nếu không sẽ bị những tai ương tột bực. »...

Ông lang nghĩ một chút, rồi nói:

— Cho đến bây giờ, cô đã trả lời rất đúng, nhưng tôi còn muốn hỏi cô một câu nữa thôi:

— Con vật nào chỉ sống ở chỗ giam cầm, và nếu nó được thở không khí ngoài trời thì lại chết ngay?

— Thưa, đấy là con cá ạ.

Khi vị danh y nghe xong câu đáp, ông phải công nhận là không còn câu gì hỏi cho Khả Ái bí được nữa. Ông toan trở về chỗ ngồi thì Khả Ái ra hiệu mời ông hãy ở lại và nói:

— Đến lượt tôi phải hỏi ngài một câu chứ? Thưa ngài! vật gì tròn như quả đất mà ở trong một con mắt; có lúc nó rời ra khỏi con mắt, có lúc lại chui vào. Nó rời nhau ban đêm, để lại ôm lấy nhau ban ngày, và chúng thường cư trú ngoài rìa?

Nghe câu hỏi ấy, ông lang vặn óc nghĩ mãi không ra, đành phải chịu. Khả Ái thu lấy áo của ông xong, nàng theo lệnh Giáo chủ giảng: đấy là khuy và khuyết áo.

Sau đó, trong số các vị đạo mạo còn lại, có một nhà chiêm tinh đứng lên. Cụ là người có tiếng nhất trong nước. Khả Ái nhìn cụ mỉm cười, vì nàng chắc rằng đôi mắt của nàng còn sáng hơn các vì sao cụ thường ngắm nghía.

Nhà chiêm tinh đến ngồi trước mặt Khả Ái, và sau khi nói câu khai mào thường lệ, cụ hỏi:

— Mặt trời từ đâu mọc ra, và khi lặn rồi thì đi đâu?

— Thưa cụ, mặt trời từ các suối ở phương Đông mọc lên, và lặn đi vào các suối ở phương Tây... Mặt trời là chúa ban ngày, cũng như mặt trăng là chúa ban đêm. Trong kinh, chúa Ala đã dạy: « Chính ta đã cho mặt trời ánh sáng chói mắt và cho mặt trăng ánh sáng mát dịu: Ta đã định cho chúng tọa vị và trình tự, để cho các con biết mà tính ngày, tính năm...

— Trả lời thật là chính xác! Nhưng này, cô thiếu nữ ơi! cô có thể nói về những tinh tú khác không!

— Nếu nói về tất cả các vị tinh tú thì phải mất nhiều buổi mới xong được. Vậy tôi chỉ xin nói qua thôi. Ngoài mặt trời và mặt trăng, còn có năm hành tinh nữa là sao thủy, sao kim, sao hỏa, sao mộc và sao thổ.

Mặt trăng, lạnh và ẩm, ảnh hưởng tốt, tọa vị ở cung Cự giải; viễn địa điểm là cung Kim ngưu khuynh giác là cung Thiên hát, cận địa điểm là cung Ma yết...

Khả Ái nói xong, nhà chiêm tinh cực lực tán thưởng, nhưng ông vẫn còn muốn làm cho nàng bối rối bằng một câu hỏi khó hơn. Ông hỏi:

— Cô thiếu nữ ơi! cô liệu trong tháng này có mưa không?

Khả Ái cúi đầu suy nghĩ một lúc lâu, làm cho giáo chủ đã tưởng có lẽ nàng phải xin chịu. Nhưng nàng đã ngẩng đầu lên và nói:

— Tâu Giáo chủ, nô tỳ sẽ không trả lời, nếu nô tỳ không được phép bầy tỏ hết ý nghĩa của nô tỳ,

Giáo chủ ngạc nhiên đáp:

— Ta cho phép nàng cứ nói.

— Thế thì nô tỳ xin Giáo chủ cho mượn thanh gươm của Ngài một lát, để chém đầu nhà chiêm tinh này vì ông ấy là một người không tin thần, không tin đạo!

Nghe Khả Ái nói câu ấy cử tọa đầu cười ồ, nhưng nàng đã nói luôn.

— Thật thế đấy, ông chiêm tinh ạ! ông nên biết rằng có năm điều chỉ có chúa Ala mới am tường thôi. đó là: giờ chết, trời mưa, tính nam hay tính nữ của bào thai trong bụng mẹ, các sự biến ngày mai và nơi mà mọi người sẽ chết...

...Bây giờ, theo lệnh Giáo chủ, một nhà bác học kế chân nhà chiêm tinh, đến ngồi trước Khả Ái và hỏi:

— Nàng hãy nói về tính bất trung bất tín. Tính ấy có phải đẻ ra đã có rồi không?

— Về câu hỏi này, tôi xin đem chính lời của Sứ giả (cầu Chúa ban phúc cho Người) để đáp: « Sự bất trung bất tính lưu hành trong con cháu Adam, như máu lưu hành trong huyết quản, ngay lúc chúng thốt ra lời nguyền rủa trái đất, hoa quả và thời tiết. Nhưng tội nặng nhất là tội phỉ báng quả đất và thời tiết, vì thời tiết là thượng đế, còn quả đất là tạo vật của thượng đế ».

Nhà triết học reo lên:

— Thật là lời nói thâm thúy và minh bạch! Nhưng nàng có biết cái mả nào lại cử động cùng với vật chôn trong ấy không?

— Đấy là con cá voi đã nuốt đấng Tiên Tri Jònat trong bụng.

— Nàng hãy giải cái tính đố sau này: « Một đàn chim bồ câu sà xuống mọt ngọn cây, một phần đậu ở cành trên, còn một phần đậu ở cành dưới. Phần đậu cành trên nói với phần đậu cành dưới thế này: Nếu một bạn ở dưới ấy bay lên trên này với chúng tôi, thì số chúng tôi sẽ gấp đôi số các bạn. Nhưng nếu trong chúng tôi, có một bạn bay xuống với các bạn, thì hai bọn chúng ta bằng nhau. Vậy có bao nhiêu chim tất cả?

— Có 12 con tất cả; trên 7 con, dưới 5 con.

Khi nhà triết học nghe xong lời giải đáp, ông vội vàng lủi ngay, vì ông sợ nàng hỏi lại thì mất áo.

Bây giờ nhà bác học nổi tiếng nhất là Ibrahim ben Sayiát mới đứng dậy, đến trước mặt Khả Ái và nói :

— Ta muốn nàng chịu thua trước đi thì hơn, để ta khỏi phải hỏi nàng vô ích !

— Thưa cụ, cụ nên cho người về lấy sẵn áo, vì chắc áo của cụ đương khoác sắp bị lột đấy ạ !

— Thôi được. Ta hãy chờ xem... Nàng nói về các thứ lửa xem nào ?

— Có thứ lửa ăn mà không uống, tức là lửa thường trên đời ; có lửa vừa ăn lại vừa uống, đấy là lửa ở địa ngục ; lửa uống mà không ăn là lửa mặt trời, sau cùng là lửa không ăn mà cũng không uống, ấy là lửa mặt trăng.

— Câu ẩn ngữ này chỉ cái gì : khi tôi uống, hùng biện tuôn ra ở môi tôi. Tôi đi và nói, nhưng không phát ra tiếng, mặc dù những đức tính ấy, tôi không được trọng vọng khi sống, mà đến khi tôi chết, cũng chẳng ai tiếc gì tôi.

— Đấy là cái ngòi bút.

— Câu đố này chỉ cái gì ? Tôi là chim, nhưng không có thịt, không có máu, không có lông vũ lông măng. Người ăn tôi, hoặc luộc, hoặc rán, hoặc để sống nguyên. Khó mà biết được tôi sống hay chết. Còn như sắc của tôi là vàng và bạc.

— Chao ôi! cần gì phải dài dòng như thế mới nói được quả trứng. Cụ nên hỏi tôi cái gì khó hơn.

— Câu này chỉ cái gì ? Tôi ăn nhưng không có mồm, không có bụng. Tôi ngốn cây cỏ và súc vật. Chỉ có đồ ăn mới kích thích sức sống của tôi, còn nếu tôi uống thì tôi chết ngay.

— Thưa cụ! đấy là lửa ạ.

— Hai bạn ấy không ân ái với nhau bao giờ, tuy rằng đêm nào cũng ôm lấy nhau. Họ coi nhà, đến sáng mới rời nhau. Đấy là cái gì?

— Đấy là hai cánh cửa.

— Câu này chỉ cái gì? Bao giờ tôi cũng kéo lê sau tôi một cái đuôi dài. Tôi có mũi mà không ngửi, và tôi làm ra quần áo mà không mặc.

— Đấy là cái kim.

— Cái gì ngọt hơn mật ong? Cái gì sắc hơn dao? Gì có hiệu lực nhanh hơn thuốc độc? Khoái lạc gì chỉ được một giây? Nợ nào là nợ mà đến kẻ cháy lười nhất cũng không thể không trả? Hình phạt nào lại theo chúng ta đến tận lúc xuống lỗ? Vui của tâm hồn là gì? Gì là cái khổ ở đời? Bệnh gì mà lại không có thuốc?

Khả Ái nói:

— Trước khi trả lời, xin cụ hãy cởi áo giao cho tôi đã!

Nhưng Giáo chủ An Rasit bảo nàng:

— Ta chắc là nàng sẽ giải đáp đúng. Nhưng nể tuổi tác của nhà bác học, nàng hãy trả lời trước đi thì hơn.

Khả Ái vâng lời. Nàng nói:

— Lòng yêu con, ngọt hơn mật ong. — Lưỡi con người sắc hơn dao. — Mắt lẳng lơ nhanh hơn thuốc độc. — Khoái lạc nhục dục chỉ được một giây. — Món nợ mà ai cũng phải trả là cái chết. — Con hư là hình phạt của cha mẹ cho đến tận lúc xuống lỗ. — Cái vui của tâm hồn là sự hòa thuận giữa vợ chồng. — Nghèo là cái khổ nhất đời. — Tính xấu là bệnh không có thuốc.

Trước sự mẫn tiệp như thế của một cô thiếu nữ, Giáo chủ hết sức kinh ngạc. Ngài ra lệnh cho nhà bác học phải cởi áo giao cho Khả Ái. Ông giao áo xong, còn

giơ tay phải lên trời, công nhận là cô thiếu nữ biết nhiều hơn ông, và cô thật là một kỳ nữ trên đời.

Bấy giờ đức Giáo chủ hỏi Khả Ái:

— Nàng có biết sử dụng các nhạc khí và vừa đàn vừa hát không.

Khả Ái trả lời là có biết. Ngài lập tức sai mang ra một cây đàn cầm, đựng trong một cái bao bằng xa tanh đỏ, cuối bao có một quả găng bằng vàng. Một chiếc khóa vàng khóa kín cái bao. Khả Ái lấy cây đàn trong bao ra, thấy có câu sau này khắc xung quanh bằng chữ dán vào nhau:

« Khi tôi hãy còn là một cành cây xanh tươi, những cặp chim tình tứ đã dạy tôi những câu hát của chúng rồi;

Bây giờ, trên đầu gối các cô thiếu nữ, tôi vang lên dưới ngón tay và cũng hát như chim! ».

Khả Ái ôm cây đàn vào người như một người mẹ cho con bú và gẩy ra những tiếng réo rắt theo mười hai điệu khác nhau. Trong lúc mọi người đương say sưa lắng tai nghe thì nàng cất tiếng hát: tiếng nàng vang vào tâm hồn, làm cho tất cả mọi người cảm động đều ứa nước mắt.

Khi nàng hát xong, Giáo chủ đứng dậy reo lên:

— Cầu chúa Ala tăng phúc cho nàng hơn nữa; và cầu chúa độ cho những giáo sư đã dạy nàng cùng những người đã sinh ra nàng!

Ngay bấy giờ, Ngài ra lệnh đếm một vạn đina vàng, để vào một trăm túi, giao cho Abun Haxan và Ngài hỏi Khả Ái:

— Này, kỳ nữ! Nàng thích vào hậu cung của ta, có lâu đài và kẻ hầu người hạ riêng, hay thích quay về với chàng thanh niên kia, chủ cũ của nàng?

Khả Ái đến cúi rạp xuống tâu:

– Cầu Đức Ala phù hộ cho Giáo chủ! Kẻ nô tỳ này mong được về với chủ cũ!

Giáo chủ không phật ý về sự lựa chọn của nàng, lập tức chuẩn y lời nàng thỉnh cầu ban riêng cho nàng năm nghìn đina vàng. Ngài phán:

– Ta chúc cho nàng cũng thạo về tình ái, như nàng tinh thông về học thức.

Muốn tỏ ra mình rộng lượng đến tột bực, Ngài phong cho Abun Haxan một chức cao và cho dự vào hàng những cận thần của ngài xong rồi mới bãi triều.

Khả Ái nặng trĩu những áo chức của các nhà bác học, và Abun Haxan xách hết hơi những túi đầy vàng cùng nhau ra khỏi phòng họp, theo sau là tất cả những người dự cuộc. Họ đều rất kinh ngạc về những sự mắt thấy tai nghe, và cùng giơ tay lên reo mừng: « Trong thiên hạ, còn đâu có một vị hào hiệp như đức Giáo chủ ta không? »

V

TRUYỆN THI HÀO ABUNÔOÁT

Một đêm kia Giáo chủ Harun An Rasit trằn trọc không tài nào ngủ được. Ngài một mình ra khỏi cung và đi dạo quanh vườn ngự để giải trí. Ngài thuận chân đi đến một gác nhỏ, cửa mở, có một hoạn quan nằm ngang bậc ra vào, đương ngủ say.

Ngài bước qua mình hoạn quan đi vào trong phòng duy nhất của cần gác ấy. Ngài thấy một chiếc giường, màn buông kín, hai bên có hai ngọn đuốc soi sáng. Cạnh giường có một cái bàn con, trên để một cái khay, đựng một bình rượu, trên miệng úp một cái cốc.

Giáo chủ ngạc nhiên thấy ở gác này những thứ bất ngờ ấy. Ngài đến tận cạnh giường, vén màn lên xem. Ngài lặng người trước một thiếu nữ ngủ trên giường. Đấy là một nữ nô trẻ măng, đẹp như trăng rằm; nàng chỉ có mớ tóc lòa xòa che trên người. Giáo chủ thích thú lắm. Ngài cầm cái cốc úp trên bình rượu, rót đầy, tâm nguyện: « Chúc cho hai má hây hây của nàng, thiếu nữ ơi! » và từ từ uống hết. Rồi ngài nghiêng người trên nét mặt xinh tươi, sẽ hôn vào nốt ruồi nhỏ đen ở góc môi thiếu nữ.

Tuy cái hôn ấy hết sức nhẹ nhàng, nhưng thiếu nữ cũng giật mình tỉnh giấc. Nhận ra Giáo chủ, nàng ngồi nhỏm dậy, sợ hãi. Nhưng Ngài an ủi nàng ngay:

— Này! nô tỳ trẻ ơi! cạnh nàng có chiếc cổ cầm, chắc là nàng biết gẩy hay lắm. Ta định ở lại đêm nay với nàng, mặc dù ta chưa biết nàng là ai, vậy nàng hãy đàn hát đi để ta nghe.

Thiếu nữ nâng cây đàn, lên dây xong, gẩy một khúc cực du dương. Giáo chủ hết sức tán thưởng. Thiếu nữ thấy vậy, thừa dịp tâu ngay.

— Tâu Giáo chủ! nô tỳ này thật đau khổ, vì số phận hẩm hiu

— Tại sao vậy?

— Tâu Giáo chủ! Hoàng tử mua thiếp một vạn đina định để dâng chúa công. Không ngờ Hoàng hậu biết chuyện, bà hoàn lại số tiền cho Hoàng tử và giao thiếp cho một hoạn quan da đen, giam cầm thiếp tại đây.

Giáo chủ nghe nói, giận lắm. Ngài hứa sáng hôm sau sẽ cho thiếu nữ một cung riêng cùng tất cả kẻ hầu người hạ, xứng đáng với sắc đẹp của nàng. Sau khi ân ái với nàng, Giáo chủ ra khỏi cửa, đánh thức tên quan hoạn, bảo đi gọi ngay thi hào Abu Nôoát

Số là xưa nay, mỗi lần nhà vua có việc gì bận tâm, thì Ngài lại cho triệu nhà thơ, hoặc để nghe một vài bài thơ, hoặc để cho ông ta ghi lại bằng văn vần những lời Ngài kể cho ông ta nghe.

Viên thái giám đến nhà Abu Nôoát, nhưng không thấy ông ở nhà. Ông đành đi hết các nơi công cộng để tìm. Nhưng đâu cũng chẳng thấy. Mãi về sau, đến tận cuối phố Cửa Xanh, mới gặp được ông ta ở trong một tửu điếm rất tồi tàn. Thái giám đến cạnh, và nói:

– Giáo chủ cho triệu ông.

Thi sĩ cất tiếng cười vang, trả lời:

– Ông thái giám ơi! Ông tính tôi rời đây sao được, vì tôi bị một bạn trẻ giữ làm con tin!

Viên thái giám ngạc nhiên hỏi:

– Người ấy đâu, và là ai thế?

– Đấy là một thanh niên, không râu ria, đẹp trai. Tôi đã hứa cho hắn một nghìn đồng, nhưng hiện không có sẵn tiền trong người, nên không thể rời khỏi chốn này, trước khi trả xong món nợ ấy.

– Lạy chúa! Này ông Abu Nôoát! Ông cho tôi xem mặt người ấy. Nếu hắn thật xinh trai như ông nói, thì ông sẽ được thứ lỗi, và hơn thế nữa.

Trong khi hai người đương nói chuyện, thì thanh niên kia, ghé đầu qua cửa nhìn vào. Abu Nôoát quay lại phía hắn reo lên:

– Mới chỉ có cành cây đưa đẩy đó thôi, nếu còn thêm tiếng chim hót nữa thì tuyệt biết chừng nào!...

... Bây giờ thanh niên kia vào hẳn trong phòng. Hắn mặc ba lớp áo: ngoài cùng áo trắng, giữa áo đỏ, trong áo đen. Thấy thanh niên mặc áo trắng; Abu Nôoát cảm hứng, ứng khẩu đọc mấy câu thơ sau.

«Chàng xuất hiện mặc áo lanh trắng như sữa, hai mắt chàng mơ màng dưới làn mi thiên thanh, hai má hây hây ca tụng công đức Tạo hóa.

Ta bảo chàng: «Sao chàng đi qua mà lại không thèm nhìn ta một chút, trong khi ta nguyện thuộc tay chàng (1)

Chàng đáp: «Đừng nói nữa, và lẳng lặng mà ngắm tác phẩm của Tạo hóa: thân thể tôi trắng, áo tôi trắng, mặt tôi trắng, số phận tôi trắng: ấy là trắng trên trắng, trắng phủ lên trắng!» (2)

Thanh niên nghe xong bài thơ, mỉm cười, cởi bỏ áo trắng, lộ ra áo đỏ. Thấy thế, Abu Nôoát cảm thấy tứ thơ dào dạt, và lập tức ứng khẩu

«Chàng hiện ra mặc áo đỏ như cách xử trí tai ác của chàng. Ta ngạc nhiên, cảm động và kêu lên: «Làm sao chàng tuy vẫn trắng như vừng trăng bạc, mà lại có thể hiện ra với hai má đỏ ửng, như là nhuộm bằng huyết của quả tim đôi ta, và mặc bộ áo mẫu đơn?

Chàng đáp: «Thoạt tiên, bình minh đã cho tôi mượn quần áo, nhưng bây giờ thì chính mặt trời đã tặng lửa cho tôi đấy: má tôi là lửa, áo tôi đỏ; môi tôi là lửa, và rượu đỏ nhuộm môi tôi; đấy là đỏ trên đỏ, đỏ phủ lên đỏ!»

Anh thanh niên nghe xong bài thơ ấy, lột áo đỏ vứt đi, lộ ra toàn thân áo đen, nít chặt lấy người... Abu Nôoát lập tức làm một bài thơ khác.

---

(1) Nguyên văn: như con vật hy sinh thuộc tay đồ tể.

(2) Tục Arập, mầu trắng là mầu hạnh phúc (N.D).

Viên thái giám thấy gã thanh niên và được nghe những câu thơ ấy, trong thâm tâm, ông tha thứ cho Abu Nôoát và ông quay về cung, tâu rõ sự tình.

Giáo chủ vừa giận vừa buồn cười, đưa tiền cho viên thái giám cầm đi chuộc nhà thơ và ra lệnh phải về hầu ngay.

Viên thái giám vâng lệnh. Một lát, ông quay về, tay dỡ Abu Nôoát, còn say khướt, lảo đảo. Giáo chủ cố lấy giọng giận dữ, thét hỏi Abu Nôoát, nhưng ông ta chỉ phá lên cười. Giáo chủ đành lại gần, giắt cùng vào căn gác của thiếu nữ.

Nhà thơ thấy thiếu nữ mặc áo xa tanh thiên thanh mặt che mạng mỏng, ngồi trên giường, hai mắt to, đen láy láy, như cười vẻ mặt của mình, thì tỉnh ngay rượu, và nguồn thơ lai láng, ông ứng khẩu một bài thơ ca tụng nàng:

« Ai ơi! hãy nói với cô gái đẹp, mặc áo thiên thanh rằng ta khẩn cầu nàng đoái thương đến kẻ đương chết mệt vì nàng. Hãy nói với nàng rằng: « Ta khẩn cầu nàng nên vì sắc trắng của nàng còn hơn cả hoa hồng, hoa nhài; ta khẩn cầu nàng, nên vì nụ cười của nàng, nó làm cho đến cả trân châu, bảo ngọc cũng lu mờ. ta khẩn cầu nàng hãy đoái trông lại, làm sao cho trong khóe mắt của nàng, ta không thấy vết tích những lời vu khống mà kẻ ghen ghét đã bày đặt ra cho ta! »

Abu Nôoát ngâm xong bài thơ, thiếu nữ đưa khay rượu đến trước mặt Giáo chủ. Ngài bảo nhà thơ phải uống cho hết bình rượu. Ông ta vui vẻ vâng mệnh. Một lát, hơi men làm cho ông mất hết lý trí. Bỗng Giáo chủ muốn dọa cho anh khiếp sợ, cầm thanh gươm lăm lăm như muốn chém đầu ông ta. Abu Nôoát sợ hết hồn,

cuống quít chạy khắp phòng, kêu thét lên. Giáo chủ vẫn đuổi theo, lấy mũi gươm thích vào người. Cuối cùng Giáo chủ nói:

– Thôi! quay về chỗ! uống một tuần nữa đi.

Nói thế, nhưng Ngài lại làm hiệu cho thiếu nữ giấu cái cốc vào trong áo. Abu Nôoát dẫu say thật, nhưng vẫn nhìn thấy, ứng khẩu câu thơ này:

«Còn có sự tình cờ nào lạ hơn không? Một cô gái ngây thơ hóa thành kẻ trộm, lấy cốc của tôi giấu vào trong áo, vào một nơi mà chính tôi muốn vào ẩn. Tôi không nói tên nơi ấy, vì tôn kính Giáo chủ».

Câu thơ làm ngài bật cười, nói:

– Lạy chúa, ngay bây giờ ta muốn phong cho nhà ngươi một chức cao. Từ nay, ngươi sẽ là quản ma cô chính thức ở thành Bátđa này.

Abu Nôoát cười gằn, lập tức trả lời:

– Như thế, tâu Giáo chủ! tôi xin phụng sự Ngài, và xin ngài cho biết Ngài có cần đến tôi mách mối không!

Câu nói quá xược ấy làm Giáo chủ đùng đùng nổi giận; Ngài thét thị thần đi gọi ngay thao phủ Matrua, kẻ thi hành các lệnh của Giáo chủ. Vài phút sau, Matrua đến. Ngài ra lệnh lột áo Abu Nôoát, buộc một chiếc yên lừa lên lưng nhà thơ, quàng dây cương vào cổ, cắm vào đít một que nhọn, và giắt qua cửa tất cả các cung phi tần, để làm trò cười cho người trong cung, xong rồi dẫn ra cửa thành chém đầu, để đầu vào mâm đem về phục mệnh. Matrua tuân lệnh, thi hành ngay.

Thế là hắn lột áo nhà thơ, đóng bộ cho đúng như lệnh Giáo chủ và từ từ rong qua cửa cung các phi tần, mà con số đúng với số ngày trong một năm.

Abu Nôoát vốn là tay khôi hài giỏi có tiếng trong cung cấm, nên được các cung phi thương hại. Muốn tỏ lòng ái ngại, người nào người nấy đem vàng bạc và tư trang quấn vào người ông. Các bà còn ùn ùn theo sau, lấy lời ngọt ngào khuyên giải. Quan tể tướng Anbácmaki, nhân vào cung có việc quan trọng, đi qua đấy, thấy nhà thơ vừa đi, vừa khóc lóc than vãn, lại gần hỏi:

—AbuNôoát đấy à? Anh đã phạm tội gì mà đến nỗi bị khổ hình như vậy?

—Lạy chúa! nào tôi có phạm tội gì cho cam! tôi chỉ ngâm vài bài thơ hay nhất của tôi trước mặt Giáo chủ cho nên Người muốn đền ơn, đã thưởng cho tôi bộ quần áo đẹp nhất này đây.

Lúc ấy, Giáo chủ nấp một nơi gần đấy, nghe thấy câu nói của Abu Nôoát, Ngài không nhịn được cười, lập tức ân xá cho ông lại còn cho thêm một áo bào và một món tiền to nữa.

Giáo chủ vẫn coi chàng như một người bạn thân, trong những lúc Ngài có việc gì bất như ý.

VI

TRUYỆN NÀNG ZUMURUT XINH ĐẸP VỚI CHÀNG ALITSA, CON ÔNG QUANG VINH

•

Ngày xưa, ở xứ Koraxần, có một thương nhân rất giàu, tên là Quang Vinh. Ông có một cậu con trai, đẹp như trăng rằm, tên là Alitsa.

Một hôm, ông Quang Vinh, khi ấy đã nhiều tuổi lắm, thấy mình bị bệnh không thể qua khỏi được, ông gọi Alitsa lại gần và bảo:

– Cha thấy đã đến lúc tận số rồi. Cha muốn dặn lại con một vài điều.

Alitsa thảm thiết hỏi:

– Thưa cha! cha muốn bảo con điều gì ạ?

– Cha muốn bảo con đừng có đánh đu với nhiều bạn bè và đừng giao du lắm với đời; vì đời ví như một anh thợ rèn. Nếu nó không đánh bỏng mình vì lò lửa, hoặc không làm mình đui-mù, vì phoi sắt bắn ra trên da, thì nó cũng làm mình ngạt thở vì khói.

Alitsa nghe lời cha, hỏi:

– Thưa cha con xin vâng lời cha dạy. Nhưng cha còn muốn khuyên con gì nữa không?

– Nên làm việc thiện nếu có dịp làm được. Nhưng đừng mong được báo đáp bằng tấm lòng biết ơn, hoặc bằng một việc tương đương với việc mình đã làm. Khốn thay! Người đời không có cơ hội để ngày nào cũng làm lành đâu con ạ!

– Vâng! con xin tuân lời cha!

– Con đừng có phung phí những của cải của cha để lại cho con. Con chỉ được trọng vọng, tùy theo tài sản con có trong tay đấy thôi.

Ông cụ còn nói tiếp:

– Không nên coi thường những lời khuyên bảo của các bậc lão thành, và cũng đừng tưởng rằng hỏi những người có thể bày mưu cho mình là vô ích đâu, con ạ! Ngoài ra, Cha còn một điều này nữa muốn khuyên con. Con chớ có uống rượu: rượu là nguyên nhân đủ thứ hại. Nó có thể làm cho con mất lý trí, và biến con thành cái đích cho thiên hạ dè bỉu và khinh mạn.

Đấy là tất cả những điều cha khuyên con trước khi cha bước qua ngưỡng cửa cuối cùng. Con nên nhớ lấy cho kỹ. Con nên là một người con ưu việt. Cha chúc cho con suốt đời sung sướng ».

Nói xong, ông Quang Vinh nhắm mắt và thiêm thiếp về trời.

Lễ an táng ông thật là long trọng. Tất cả tỉnh, từ kẻ sang đến người hèn, đều đi đưa đám và tỏ lòng thương tiếc ông. Trên mộ ông, người ta dựng tấm bia khắc câu sau này :

« Từ cát bụi sinh ra, tôi quay về với cát bụi. Bản thân tôi chỉ là cát bụi. Hình như tôi chưa từng sống bao giờ ».

Sau khi ông cụ qua đời, Alitsa nối nghiệp buôn bán và theo đúng lời ông dặn lại. Nhưng chỉ được một năm, chàng đã bị những bạn bè vô lại rủ rê, đâm ra rượu chè bợm đĩ. Chàng vung tiền như rác. Chàng lý luận như thế này : « Bố mình để cho mình bao nhiêu tiền của, mình chẳng tiêu cho sướng thì để làm gì ? Mình có sống được hai lần đâu ? ». Vậy chàng tiêu đến nỗi, trước còn bán cửa nhà, vườn ruộng, rồi bán đến cả quần áo. Khi chỉ còn có mỗi một manh áo che thân, chàng mới nhận thấy rằng lời bố nói là đúng. Những bạn hữu trước kia chàng thết đãi linh đình, bây giờ đều kiếm cớ lánh mặt chàng. Cuối cùng, đói quá, chàng phải đi hành khất. Hôm ấy, chàng lang thang tới chợ, thấy có đám đông người tụ tập, chàng lại gần để xem...

Người ta bán đấu giá một nữ nô lệ da trắng cực đẹp. Chàng ngây người nhìn thiếu nữ, và len vào giữa đám đông. Các lái và người môi hằng tưởng chàng đến mua nô lệ, vì họ biết chàng là người thừa kế ông Quang Vinh giàu sụ, và chưa biết chàng đã phá sản.

Việc rao bán nữ nô bắt đầu. Người đặt giá trước tiên là năm trăm đina vàng. Có tiếng giả :

— Năm trăm mười đồng đây!

— Năm trăm hai mươi đồng!

— Năm trăm ba mươi đồng?

— Một nghìn đây!

Mọi người thấy giá nhảy vọt lên như thế chỉ đưa mắt nhìn nhau, không ai dám giả thêm nữa. Người giả một nghìn là một lão già hình thù xấu xí, hai mắt lác xanh lè. Bấy giờ người mối hàng quay lại người chủ của nữ nô, hỏi:

— Thế nào, bác có bằng lòng bán nàng một nghìn đồng không?

— Tôi bằng lòng rồi, nhưng phải được sự đồng ý của nàng mới được, vì tôi đã hứa là chỉ bán nàng cho người nàng thuận thôi.

Bấy giờ, người mối đến gần nữ nô tên là Zumurút, và hỏi:

«Hỡi chúa tiên! nàng có bằng lòng về với cụ Rasidetdin đáng kính, đã giả tới một nghìn đina vàng đây không?»

Zumurut nhìn lão Rasidetdin, kinh tởm, đọc câu thơ:

«Tôi xin nàng một cái hôn. Nàng nhìn tôi: khóe mắt nàng không tỏ vẻ thù ghét, khinh bỉ, nhưng thờ ơ.

«Tuy nàng biết tôi giàu có và danh giá, nhưng nàng vẫn bỏ đi, và từ miệng nàng phun ra câu này:

«Ta không ưa mớ tóc bạc...»

Nghe câu ấy, người mối hàng nói:

— Nàng từ chối là phải! Vả lại, một nghìn đồng rẻ quá. Theo ý tôi, nàng đáng giá một vạn cơ!

Anh ta quay lại đám đông, hỏi to:

— Ai bằng lòng mua nữ nô này với giá một nghìn?

— Tôi!

Zumurút thấy người này không đến nỗi ghê tởm như lão Rasidetdin, nhưng lại nhuộm râu, nàng liền nói:

— Này! Con người chết mệt về thân hình và mặt mũi ta kia! ngươi tha hồ mà ngụy trang bằng những mầu sắc giả tạo, ngươi không được ta để mắt tới đâu...!»

Đến lượt anh chột bằng lòng mua, Zumurút lại đọc câu thơ:

«Em ơi, đừng bao giờ đánh bạn với người chột... Chúa Ala đã lấy bớt một mắt của nó đi, để cho mọi người biết rằng chơi với nó không lợi mà tránh xa!»

Người mối hàng thấy khách mua nào cũng không vừa ý nàng, đành phải bảo:

— Thưa nữ chủ! Nàng hãy nhìn tất cả các vị quí nhân ở đây; nàng bằng lòng ai thì để tôi nói bán hàng với người ấy vậy!

Zumurút nhìn khắp một lượt; nàng thấy Alitsa, thì một tình yêu mãnh liệt rạo rực trong tâm hồn nàng. Nàng chỉ Alitsa cho người mối hàng và bảo:

— Này bác mối hàng ơi! Tôi muốn thuộc về anh thanh niên có nét mặt xinh xắn, có vóc người mềm mại kia...

Nói xong nàng đọc luôn mấy bài thơ ca tụng sắc đẹp của chàng thanh niên và biểu lộ lòng yêu của nàng. Người mối thấy nàng xinh đẹp mà lại mẫn tiệp như vậy, tỏ ý ngạc nhiên với chủ nàng. Anh này trả lời:

— Cô ta không những thuộc nhiều thơ, mà còn làm được thơ nữa. Ngoài ra, cô ta rất khéo tay, thêu thùa rất giỏi. Cô chỉ cần tám ngày là thêu được bức thảm đáng giá năm mươi đina đấy. Người nào mua được nàng thì chỉ vài tháng là đủ vốn.

Người mối lại gần Alitsa, cúi rạp đầu chào, cầm tay chàng hôn, rồi nói :

— Thưa ông chủ! ông thật là may mắn vô cùng. Ông mua được nữ nô này với giá rẻ quá. Cô ta có cả sắc lẫn tài.

Alitsa thấy nói vậy, tự cười thầm, bụng nghĩ : « Lạy chúa! mình chẳng có lấy một xu mua mẩu bánh ăn, thế mà người ta vẫn tưởng mình dư tiền mua nữ nô! Thật là mỉa mai! Nhưng dù sao mình cũng cứ không nói mua hay không mua, cho khỏi xấu hổ với thiên hạ. » Thế là Alitsa chỉ cúi đầu không nói gì.

Zumurut thấy tình cảnh như vậy, bảo với người mối đưa nàng đến trước Alitsa. Nàng hỏi :

— Hỡi chủ nhân yêu quý của thiếp! Thiếp đã quyết tâm về với chàng. Chàng thấy một nghìn đắt quá hay sao ?

Alitsa không nói.

— Chín trăm vậy nhớ ?

Alitsa lắc đầu

— Tám trăm vậy! Nàng cứ thế hạ giá xuống dần đến một trăm.

Bấy giờ Alitsa không làm thế nào được, đành phải nói :

— Nữ chủ của tôi ơi! Nàng nên biết cho rằng tôi chẳng có một đồng một chữ nào. Vậy nàng hãy tìm người mua khác thì hơn! »

Bấy giờ Zumurut mới hiểu là anh thanh niên không có tiền, nàng bảo :

— Dù sao chàng cũng cứ đập tay chàng vào tay em, lấy áo choàng khoác cho em và vòng tay chàng ra sau lưng, làm như thế để tỏ ý chàng bằng lòng mua.

Alitsa làm đúng như lời nàng. Nàng liền móc trong bọc ra một túi tiền đưa cho Alitsa:

– Đây, trong này có một nghìn đina, anh đếm chín trăm trả cho chủ bán, còn một trăm anh để dùng vào các việc chi tiêu cần kíp.

Việc mua bán thế là xong. Alitsa đưa Zumurut về nhà. Nàng thấy một cái lều lụp xụp, đồ đạc vẻn vẹn có một chiếc chiếu rách. Nàng liền đưa cho Alitsa một túi nữa đựng một nghìn đina nữa, bảo chàng đi sắm các thứ cần dùng, và mua cho nàng một tấm lụa Đamát với chỉ vàng, chỉ bạc, chỉ ngũ sắc, kim và đê. Thu xếp cửa nhà đâu vào đấy rồi, nàng bắt tay vào việc thêu thùa ngay. Nàng làm một bức màn che cửa. Xung quanh thêu chim muông và thú vật, giữa thêu cây cối, hoa quả. Nàng thêu khéo đến nỗi, trông bức lụa, người ta tưởng chừng như thú vật đang đi, chim chóc đang hót và cảm thấy mát rượi trong vườn cây lúc lỉu quả chín. Công việc làm xong vừa đúng có tám ngày. Nàng gấp bức màn cẩn thận đưa cho Alitsa và bảo:

– Anh đem ra chợ bán cho thương nhân nào có cửa hàng lấy đúng năm mươi đina. Nhưng anh đừng bán cho khách qua đường. Chúng ta có nhiều kẻ thù nó rình chúng ta đấy. Anh nên đề phòng những kẻ qua đường!

Alitsa mang bức màn ra chợ bán cho một cửa hiệu lấy năm mươi đina mang về.

Sau đó chàng lại đi mua vật liệu, và nàng cứ tiếp tục thêu tám ngày một bức cho chàng đem bán. Trong một năm liền, họ sống cực kỳ sung túc. Tình yêu giữa vợ chồng mỗi ngày một thêm thắm thiết.

Một hôm Alitsa cũng đem một bức thêu ra chợ giao cho một người mách mối bán hộ như mọi khi, thì gặp

một tín đồ thiên chúa giáo đi qua. Loại người đi đạo này thường hay đứng vẩn vơ ở cửa chợ, chờ có khách đến bán, thì xun xoe nhận mua bán giúp, làm cho người ta rất bực mình. Tên đi đạo hỏi mua bức thêu với giá sáu mươi đina. Nhưng Alitsa nhớ lời vợ dặn, vả chàng cũng ghét sẵn bọn đi đạo, nên không bán. Tên đi đạo tăng dần giá và trả tới một trăm đina. Người làm mối hàng đã được tên đi đạo nói lót trước, nên tán với Alitsa bảo không nên bỏ lỡ dịp hời như vậy, thành ra chàng bùi tai thuận bán nhưng vẫn sờ sợ.

Khi trở về nhà, chàng đến một chỗ quặt thì bỗng thấy tên thiên chúa giáo theo sau. Chàng đứng lại, và hỏi:

– Mày đến khu phố này làm gì? đồ thiên chúa giáo. Những loại như mày không được bén mảng tới đây!

– Xin ông chủ tha lỗi! Tôi có chút việc cần phải đến đầu phố này. Chúa Ala phù hộ cho ông!

Alitsa bỏ đi, nhưng đến cửa nhà mình, thì tên đi đạo cũng vừa tới. Hắn chả đi sang đường vòng đón đầu chàng mà. Alitsa tức giận quát:

– Đồ đi đạo khốn nạn! tao đi đâu mày cũng theo là làm sao?

– Ôi chào! thưa ông chủ! tôi tới đây thật là ngẫu nhiên ông nên tin chơ như vậy. Nhưng ông cho tôi xin một hớp nước, chúa Ala sẽ thưởng cho ông. Tôi khát quá!

Alitsa nghĩ thầm: «Có chúa Ala chứng minh! Không ai có thể nói rằng một người Hồi giáo đã không chịu cho một con chó khát uống nước. Thôi mình đi lấy nước cho nó uống.» Alitsa mở cửa vào nhà, lấy bình nước đem ra, thì thấy tên đi đạo đã vào buồng trước rồi. Chàng giận lắm:

— Mày làm gì ở đây, đồ chó? Sao mày dám tự tiện vào nhà tao?

— Thưa ông chủ! xin ông thứ lỗi. Tôi đã đi cả ngày đến kiệt sức, không đứng vững được nữa, nên bất đắc dĩ tôi phải qua cửa nhà ông, vì giữa cửa và tiền phòng cũng chẳng khác nhau mấy. Vả lại tôi chỉ ở đây nghỉ một chút đủ lấy hơi, rồi lại đi ngay thôi. Xin ông đừng đuổi tôi, thì rồi chúa Ala cũng không đuổi ông. Alitsa phân vân quá vẫn cầm bình nước ở tay nhưng nó đã vớ lấy và tu một hơi đến no, rồi mới trả bình lại. Alitsa đứng chờ cho nó đi đi. Nhưng chán chê mệ mỏi cũng chẳng thấy nó đi, Alitsa tức quá thét:

— Mày có lập tức ra ngay khỏi chỗ này, bước đi đâu thì đi không?

— Thưa ông chủ! Chắc ông không phải là người làm ơn cho ai lại bắt người ta phải canh cánh nghĩ đến suốt đời, và tôi cũng không phải là người như một nhà thơ đã nói đến:

« *Biến hết rồi loại người rộng rãi thấy kẻ nghèo thì bố thí ngay, trước khi người ta ngửa tay van xin!*

« *Giờ đây, chỉ còn có loại người cho vay lãi nặng, loại người bần tiện cho khách qua đường một hớp nước là cũng tính toán thiệt hơn!* »

Còn như tôi, thưa ông chủ, tôi bây giờ đã khỏi khát, nhưng lại đói cồn cào cả ruột; xin ông làm phúc cho tôi một chút ăn thừa của ông, cũng được, chỉ một miếng bánh với một củ hành thôi, tôi cũng không dám chê!

— Này! bước ngay! đừng nói lôi thôi nữa. Nhà không có gì cả.

Tên đi đạo vẫn không nhúc nhích nói:

— Thưa tôn ông, xin ông xá lỗi. Nếu nhà không có sẵn thứ gì ăn, thì ông còn có một trăm đina vừa bán bức

thêu. Xin ông, vì chúa Ala, mà chạy ra chợ gần đây mua cho tôi một miếng bánh đa thôi, để khỏi mang tiếng là tôi ra khỏi nhà ông mà không được tiếp chu đáo.

Alitsa nghe thấy thế, nghĩ bụng: « Không còn nghi ngờ gì nữa, tên đi đạo này là một thằng dở hơi, một thằng điên. Để mình tống nó ra cửa, xuỵt chó trong phố đuổi cho nó một mẻ ». Alitsa vừa sắp đẩy hắn ra khỏi nhà, thì tên đi đạo vẫn cứ đứng sững nói:

– Ôi! thưa ông chủ, tôi chỉ xin một mẩu bánh và một củ hành thôi, để cho đỡ đói. Xin ông đừng mua bán nhiều mà tốn phí. Vì người quân tử thực vô cầu bão (1), như một nhà thơ đã nói:

« Một mẩu bánh nhạt cũng đủ để xua đuổi cái đói cào ruột người quân tử, chứ như cả thế giới cũng không đủ cho thỏa cái ngon miệng giả dối của kẻ tham ăn! »

Khi Alitsa thấy không còn cách nào tống tên đi đạo ra khỏi nhà được, anh đành bảo:

– Tao đi chợ mua cái ăn cho mày. Mày phải ở nguyên chỗ này thôi đó.

Thế là Alitsa ra chợ mua phó mát, chuối, dưa chuột, bánh đa, bánh phồng, đem về đưa cho tên đi đạo và bảo:

– Đấy ăn đi!

Nhưng tên ấy lại làm khách và nói:

– Thưa chúa công! ngài thật là hào phóng quá. Ngài mua đến mười người ăn chả hết! Thật là nhiều quá đi mất! Trừ phi ngài muốn làm vinh dự cho tôi, mà cùng ăn với tôi chăng?

– Không, tôi no rồi anh cứ ăn một mình đi.

---

(1) Nguyên văn: có ít đủ an phận.

— Ồ! thưa chúa công! phép lịch sự của tất cả các nước dạy ta rằng người nào từ chối không ăn cùng với khách của mình thì nhất định người ấy là một đứa con hoang!

Alitsa không trả lời được, đành ngồi xuống cạnh tên đi đạo, ăn một cách lơ đãng. Tên đi đạo rình lúc Alitsa không để ý, nhét luôn một viên thuốc ngủ cực mạnh vào quả chuối, đưa mời Alitsa:

— Thưa chúa công! xin ngài xơi quả chuối ngọt lịm này, tôi đã bóc để dâng ngài!

Alitsa muốn cho chóng việc, tiếp quả chuối ăn luôn. Nhưng vừa ăn khỏi miệng thì chàng đã ngã ra ngất đi. Tên đi đạo liền vội vàng chạy ra đường. Ngoài này đã có một bọn chực sẵn, do lão Rasidetđin cầm đầu. Rasidetđin là tên khốn nạn có đôi mắt lác xanh lè mà Zumurut đã không bằng lòng để cho mua mình trước. Lão đã thề là thế nào lão cũng lấy cho bằng được Zumurut. Lão là một tín đồ Cơ đốc, nhưng bề ngoài lão lại làm ra vẻ người Hồi giáo, để được hưởng những quyền lợi riêng như người Hồi. Lão là anh tên vừa đánh thuốc mê cho Alitsa.

Được tin báo, cả bọn ùa vào nhà Alitsa, bắt Zumurut, nhét giẻ vào mồm, trói lại, buộc lên lưng la, đem về nhà lão Rasidetđin. Lão ta đem nàng vào một buồng kín đáo nhất, tháo giẻ ở miệng nàng ra và bảo:

— Bây giờ nàng đã thuộc quyền ta, Zumurut xinh đẹp ạ; thằng vô lại Alitsa chẳng có thể đến đây đánh tháo được nàng ra khỏi tay ta đâu. Vậy bắt đầu nàng hãy bỏ cái tôn giáo bất chính của nàng đi và theo đạo chính tông là đạo Cơ đốc rồi chúng ta sẽ thành thân với nhau. Ta thề có đức thánh Cứu Thế và có đức Mẹ Đồng Trinh, nếu nàng không tuân lời ta thì ta sẽ hành hạ nàng đến cùng cực và làm cho nàng khổ hơn một con chó! nghe không!

Zumurut nước mắt ròng ròng, môi run cầm cập, thét lên :

— Này thằng già khốn nạn kia! Tao thề có chúa Ala! cho mày chặt tao ra từng mảnh, mày cũng không làm tao bỏ được đức tin đâu! Ừ, dù cho mày có cưỡng chiếm được thể xác tao chăng nữa, bất quá mày cũng như con dê đực động cỡn nhảy con dê non thôi, chứ mày đừng hòng làm tao chia sẻ việc ô nhục với mày đâu. Và chẳng chóng thì chầy, thế nào chúa Ala cũng trị tội mày đấy!

Lão già thấy không thuyết phục được nàng, liền sai nô lệ đè sấp nàng xuống và lấy roi vụt túi bụi. Cứ mỗi roi đòn, thì Zumurut lại kêu lên: « Chỉ có Ala mới là Thượng đế, và chỉ có Môhammét mới là sứ giả của chúa! » Lão già đánh đến mỏi tay mới thôi, rồi lão sai nô lệ vứt nàng xuống bếp, ở với bọn hầu gái, không cho ăn uống.

Đây hãy nói về Alitsa. Chàng bị thuốc độc, ngủ mê đi đến tận sáng hôm sau. Khi hồi tỉnh, không thấy vợ đâu chàng lăn ra kêu khóc rồi đau đớn và thất vọng quá độ chàng chạy vụt ra phố, hai tay hai hòn đá, vừa đi vừa đập vào ngực, miệng kêu: «Zumurut! Zumurut ơi!» Trẻ con vây quanh reo hò «Một người điên! Một người điên! anh em ơi!» Những người quen biết thì nói: « Con ông Quang Vinh đấy mà. Tội nghiệp cho anh Alitsa này nhé!»

Alitsa cứ lang thang đi tìm vợ như thế. Một hôm anh gặp một bà lão nhân đức ôn tồn hỏi chuyện. Anh thuật việc anh bị tên đi đạo đánh thuốc mê, cướp mất Zumurut như thế nào cho bà lão nghe. Bà lão suy nghĩ một lúc, rồi bảo:

— Con đi ra chợ mua cho mẹ một cái thúng với các thứ hàng lặt vặt bằng thủy tinh và bằng đồng mạ vàng

mạ bạc. Mẹ sẽ giả làm người bán hàng rong, đội thúng hàng ấy vào khắp các nhà trong thành phố dạm bán cho các phụ nữ, may ra mẹ sẽ tìm thấy được Zumurut cho con.

Alitsa mừng quá, vội vàng chuẩn bị các thứ như lời bà cụ bảo. Bà cụ đội thúng đi lần từng phố một, vào nhà riêng các phụ nữ của những nhà đại thương, thân sĩ. Cứ như thế bà tới nhà tên Rasiđetđin tên khốn kiếp giả làm tín đồ Hồi giáo. Bà gõ cửa, một nữ tỳ ra mở. Bà chào hỏi đon đả, tên nữ tỳ đưa bà vào trong bếp. Bọn phụ nữ xúm lại xem hàng. Bà bán rẻ lại nói năng ngọt ngào, nên gây ngay được cảm tình với cả mọi người. Thấy cạnh đó có một người con gái nằm trên chiếc chiếu rách, bà hỏi thì nữ tỳ nói ngay chuyện nàng cho bà biết. Bà nắm chắc đấy là Zumurut, liền chạy lại gần, ghé tai bảo:

– Con có phải là Zumurut không? Mẹ đi tìm con về cho Alitsa đây. Sau rồi bà nói rõ tại sao bà cải trang như vậy, và dặn nàng đến tối hôm sau, thì trèo lên cửa sổ sau bếp trông ra đường, hễ có tiếng huýt sáo, thì cứ nhẩy xuống, đã có Alitsa đón.

Bà lão ra về nói cho Alitsa biết kế của bà. Alitsa vui mừng cuống quít, muốn tạ ơn bà, nhưng bà không nhận gì, chỉ chúc cho Alitsa thành công, rồi từ biệt.

Chiều hôm sau, Alitsa tìm đến nhà bà cụ chỉ, ngồi nép vào chân tường chờ cho thật tối để húyt sáo làm hiệu đón nàng. Đã mấy hôm mất ngủ, người mệt nhoài, nay lại ngồi buồn chỗ thanh vắng, Alitsa chợp ngủ đi lúc nào không biết.

Vừa lúc đó một tên trộm táo gan cũng đến phố này để kiếm ăn. Còn đương dò tìm lối vào nhà, tên ấy chợt thấy Alitsa ngủ say. Nó ghé xuống xem, thấy quần áo chàng đẹp và mới, nó liền nhẹ nhàng lấy cái

áo khoác và cái khăn của chàng. Giữa lúc ấy, nó thấy cửa sổ mở, có một phụ nữ hiện ra và huýt sáo. Đấy là Zumurut. Nàng thấy thấp thoáng có người dưới chân tường tưởng là Alitsa, nên huýt sáo ra hiệu.

Tên kẻ trộm chẳng hiểu thế nào nhưng cũng cứ thử huýt sáo trả lời xem sao. Zumurut thấy đúng ám hiệu, liền ra ngoài cửa sổ, liều mạng nhảy xuống. Tên kẻ trộm lực lưỡng đỡ được nàng, cõng chạy như bay.

Khi Zumurut thấy người cõng mình khỏe quá, nàng đâm nghi sờ vào mặt người đó, thì thấy râu rễ tre cứng đờ. Nàng kinh hãi giẫy giụa và tát luôn mấy cái vào mặt nó. Nàng hỏi:

– Mày là ai? Mày là ai?

Bấy giờ đã ra tới cánh đồng, vắng vẻ, tên kẻ trộm liền đặt nàng xuống bảo:

— Tao là Giuân, thành viên khét tiếng trong đảng Đanáp, mày biết không. Chúng tao bốn mươi người khỏe mạnh. Lâu nay, chúng tao không có đàn bà. Tối mai thì mày tha hồ sướng đấy!

Khi Zumurut nghe xong câu nói như vậy, nàng hiểu ngay tình cảnh khủng khiếp của nàng, òa lên khóc, nhưng tên kẻ cướp đã ôm chặt lấy nàng, chạy như bay, nàng giãy giụa chẳng được, nên đành chịu, bụng khấn thầm: «lạy chúa Ala! Cầu chúa cứu khổ, cứu nạn cho con. Con chỉ trông cậy vào chúa!»

Tên Giuân cõng Zumurut về một hang đá, là sào huyệt của tụi cướp. Ở đây có một mụ già canh gác hang và bếp nước. Mụ chính là mẹ tên Giuân. Nghe thấy ám hiệu, mụ ra cửa hang đón. Tên Giuân giao Zumurut cho mụ và dặn:

— Mẹ trông nom cẩn thận cô tiểu thư này, cho nàng ăn uống tử tế, để cho nàng có sức tiếp chúng tôi đêm mai. Tôi đi tụ tập các anh em lại để cùng vui. Độ quá trưa mai tôi sẽ về tới nhà đấy.

Mụ già đưa nước cho Zumurut uống. Mụ nói:

— Con thật sung sướng được bốn mươi trai tráng yêu đương, ấy là chưa kể tên tướng còn khỏe bằng cả bốn mươi người kia họp lại!

Zumurut không trả lời. Nàng phủ cái khăn lên mặt, nằm lăn ra đất. Đêm, nàng suy nghĩ và tự nhủ: « Lẽ nào ta lại chịu ngồi yên chờ cho bọn cướp giày vò. Không! Lạy chúa Ala! Nhờ chúa phù hộ, ta phải tự cứu lấy linh hồn và thể xác ta. Không đời nào ta chịu để cho chúng làm ô uế được thân ta! »

Đến sáng, nàng đứng dậy, lại gần mụ già, hôn tay mụ và nói:

— Đêm con ngủ được giấc ngon quá, thấy người khỏe khoắn lạ. Con sẵn sàng đón tiếp các vị khách quí! Nhưng trong khi chờ đợi, ta phải làm gì chứ? Hay là mẹ ra ngoài kia con bắt chấy cho mẹ nào.

— Ui chà! Thế thì còn gì hơn nữa! Từ ngày mẹ vào đây, chưa bao giờ được gội đầu, chấy rận bò khắp người.

Mụ và Zumurut ra khỏi hang, ngồi dưới bóng nắng. Mụ cởi khăn, Zumurut thấy đầu mụ nhung nhúc những chấy. Nàng đánh bạo, trước còn bốc từng nắm, sau dần bắt từng con. Nàng lại gỡ tóc, chải đầu cho mụ. Nàng làm êm như ru. Mụ không những thấy đầu đỡ ngứa, lại còn được người chải đầu mơn trớn, nên ngủ khuấy đi thật say. Zumurut không để lỡ dịp, liền lẻn vào trong hang lấy khăn áo đàn ông mặc vào, rồi ra bãi tháo con ngựa buộc ở cọc, đóng yên cương, nhảy lên ngựa, phi thẳng. Những của nàng lấy toàn đồ quân gian đi cướp các nơi mang về chứa ở đây.

Zumurut phóng ngựa, cứ thẳng trước mặt đi suốt mười ngày đêm liền, chỉ dừng lại đủ thời gian cho ngựa nghỉ và ăn cỏ, còn nàng thì kiếm rễ cây ăn cho

đờ đói. Đến sáng ngày thứ mười một, nàng vượt khỏi sa mạc, tới một cánh đồng cỏ tươi tốt, có suối nước, cây xanh, bóng mát. Zumurut nghỉ đấy một giờ, rồi lại lên ngựa, lần theo con đường cái rộng, chạy giữa hai hàng cây, đi vào một thành phố lớn. Gần tới cửa thành, nàng thấy một đám đông reo hò vang trời, tỏ ý vui sướng. Đồng thời cửa thành mở toang, một toán các quan đại thần, các thân hào và các tướng lĩnh tiến đến trước mặt nàng, quỳ rạp xuống tận đất, cung kính như trước mặt một ông vua. Trong khi đó, tiếng reo hò vang lên khắp tứ phía: « Cầu chúa Ala ban thắng lợi cho vua ta! Hoan nghênh vua ta, người đem phúc lại cho nhân dân Hồi giáo! » Một đạo kỵ binh đã sắp hàng hai bên để giữ trật tự, và một người truyền tin, cưỡi một con lạc đà, thắng yên cương lộng lẫy, bắc loa báo cho nhân dân biết là nhà vua đã đến.

Zumurut vẫn hóa trang làm kỵ sĩ, không hiểu ra sao cả. Nàng hỏi người đến cạnh nàng, thì đấy là một quan Trưởng Thị vệ. Viên ấy nói:

— Cảm tạ chúa Ala đã cho chúng tôi một vị vua trẻ và đẹp, dòng giống quí tộc Thổ Nhĩ kỳ! Nguyên theo tục lệ của nhân dân thành phố chúng tôi, hễ vua cũ chết đi mà không có con trai nối nghiệp, thì chúng tôi ra đón ở con đường này, hễ người nào đến trước tiên, thì người ấy là vua của chúng tôi, bất cứ sang hèn giầu nghèo. Hôm nay chúng tôi thật là may mắn được gặp người, hỡi nhà vua đẹp nhất đời!

Zumurut vốn là người đảm đang và khôn ngoan; nàng không chút bối rối trước sự ngẫu nhiên ly kỳ này. Nàng liền cất tiếng nói với tất cả mọi người:

— Hỡi các vị, các vị sẽ là bầy tôi trung thành
Ta đây không phải là một người Thổ N
thường nào. Ta xuất thân quyền

chuyện xích mích trong gia đình, ta rời khỏi quê hương định đi chu du thiên hạ, tìm cơ hội lập nghiệp. Nhưng nay định mệnh khiến ta gặp cảnh đặc biệt này, thì ta cũng bằng lòng nhận làm vua các ngươi!

Zumurut đi đầu đám rước vào thành, giữa tiếng hoan hô vang dậy của nhân dân.

Zumurut lên ngôi. Việc đầu tiên của nàng là sai mở kho lấy tiền phân phát cho binh lính, người nghèo khó và người tàn tật. Nàng lại ban thưởng cho tất cả các quan trong triều và vợ con, tỳ thiếp họ. Nàng xóa bỏ sưu thuế, tạp dịch, ân xá cho tù phạm, sửa những sai lầm, oan ức. Vì thế nàng được tất cả mọi người, từ giầu đến nghèo, ai ai cũng ca tụng.

Nhưng Zumurut vẫn không sung sướng. Lúc nào nàng cũng nghĩ đến chồng là Alitsa. Tuy nàng đã bí mật cho tìm kiếm chàng, nhưng không thấy tung tích đâu. Sau một năm, nàng nghĩ ra được một mẹo. Nàng truyền cho kiến trúc sư san phẳng một bãi rộng, ở giữa xây một đài cao, trên đài kê ngai và đủ ghế cho tất cả các quan chức và thân hào ngồi.

Công trình xây dựng xong, nàng cho mở một tiệc yến cực to mời hết các quan trong triều và thân hào trong kinh thành. Nàng tuyên bố:

Từ tháng sau, cứ mỗi ngày đầu tháng, xin mời tất cả các vị cùng nhân dân thành phố đến đây dự tiệc để cảm ơn đấng tạo hóa. Ai cũng phải đến, người nào vắng mặt sẽ bị xử giảo. Mong các vị loan báo cho nhân dân biết.

Đầu tháng ấy, mõ đi khắp các phố trong kinh thành rao: «Hỡi toàn thể nhân dân, lái buôn và khách hàng, bất cứ giầu nghèo, no đói, hãy theo lệnh vua ta, tất cả cùng đến lầu Meidân để ăn uống và ca tụng

chúa Ala, đấng ban phúc cho chúng ta. Hãy đóng cửa hàng lại, và hoãn hết các việc mua bán. Kẻ nào không đi sẽ bị xử giảo ».

Nghe mời, tất cả nhân dân đều kéo đến lầu Meidân. Vua ngồi trên ngai ở giữa phòng, các quan và thân hào, theo thứ tự ngồi trên các ghế đặt hai bên. Tiệc có những món ngon lành như thịt cừu quay, cơm nấu với bơ, bột mì nấu sữa, vân vân... Trong khi mọi người ăn uống, vua chăm chú nhìn từng người một, đến nỗi, họ phải nghĩ thầm « Lạy chúa Ala! không biết vì lẽ gì mà nhà vua nhìn mình kỹ đến thế? »

Trong đám nhân dân, có tên thiên chúa giáo đã trợ lực Rasidetđin đánh thuốc mê cho Alitsa và bắt cóc Zumurut. Tên khốn nạn, ăn hết các món trước mặt, còn giơ tay với lấy đĩa đồ ăn để ở xa, đựng kem quế. Hắn chen ngã cả người ngồi cạnh. Người này bực mình, phải bảo:

— Chú với lấy một đĩa thật xa đem về trước mặt mình để ăn, sao lại khiếm nhã như thế?

Một lão nghiện nói:

— Thôi này! đưa đĩa ấy lại đây, lão ăn mấy vài miếng.

Thằng cha ngạo nghễ nhìn lão và nói:

— Đây là một món ăn quí, chỉ có người quí mới được ăn, lão không xứng đáng được ăn món này!

Zumurut từ nẫy vẫn nhìn hắn, liền sai thị vệ ra bắt. Thị vệ tuân lệnh, ra túm ngay lấy hắn, đẩy ngã sấp xuống, kéo chân đến trước mặt vua. Mọi người thì thào: « ăn uống vô lễ thì bị phạt như thế đấy! » Lão nghiện xuýt xoa: « May cho mình quá! xơi món kem quế ấy vào thì chưa biết mình ra thế nào! »

Zumurut quát hỏi tên bị bắt:

— Mày tên là gì? đến xứ này để làm gì?

— Thưa đức vua! Tên tôi là Ali, làm nghề ren tua. Tôi đến đây để kiếm việc làm.

Zumurut sai một tên tiểu nội thị đi lấy khay cát và bút đồng của nàng, để nàng bói một quẻ. Nàng giải cát ra khắp mặt khay, cầm bút vẽ một đầu khỉ và viết những chữ không ai hiểu, lên cát; nàng tính toán giờ lâu, rồi bỗng ngửng đầu lên, thét:

— Quân khốn nạn kia! Sao mày dám nói dối cả vua? Mày theo đạo thiên chúa. Tên mày là Batrum. Mày đến đây, cốt tìm một nữ nô đã bị mày bắt cóc trước kia. Đồ chó! tao đã bói ra chân tướng mày, mày có nhận hay không?

Nghe thấy nói thế, tên thiên chúa giáo khiếp sợ, ngã quị xuống đất, chắp tay lạy van, thú hết sự thực. Nhân dân hết sức khâm phục, thì thầm nói với nhau: «Chà! vua của chúng ta bói giỏi quá.»

Zumurut truyền cho quân đao phủ dẫn tên khốn nạn ra khỏi tỉnh lột da nhồi cỏ đem bêu ở trước lầu, còn xác thì đốt đi. Những người ngồi ăn cạnh Batrum lè lưỡi bảo nhau: «Từ giờ đến chết cũng không dám ăn món kem quế xúi quẩy kia nữa!»

Tháng sau, khi nhân dân lại được mời dự tiệc, quả nhiên không ai dám ngồi ở mâm có món kem quế. Trong khi nhân dân đã ngồi đông rồi, thì có một người đàn ông, mặt dữ tợn, xô mọi người, bước nhanh vào chỗ ăn. Hắn nhìn quanh, thấy chỗ trước mâm kem không có ai, hắn liền đến đấy ngồi, và giơ tay lấy kem ăn. Mọi người xung quanh kêu lên: «Này! đừng ăn món ấy mà tai vạ đấy!». Nhưng hắn không nghe, cứ ăn như thường.

Zumurut đã nhận ra tên ấy là Giuân. Nguyên tên này, khi về hang, không thấy Zumurut, thì giận lắm. Nó thề đi khắp bốn phương tìm cho bằng được nàng. Nó đến tỉnh này, thấy có lệnh phải đi dự tiệc, cho nên nó đến đây, nhưng khí chậm một chút.

Nó đương ăn, thì lính đến bắt và đưa đến trước mặt Zumurut. Nó khai tên là Otmâm, làm đường, đến tỉnh này để sinh sống. Nhưng cũng như bận trước, nhà vua, tức là Zumurut, sai lấy dụng cụ ra để bói, rồi cũng vẽ vẽ, viết viết. Nàng suy tính hồi lâu, bấy giờ mới quát lên:

— Vô phúc cho mày! quân man trá! tao tính ra biết mày không phải là Otmâm mà là Giuân. Mày không làm vườn, mà làm giặc, ăn cướp, giết người! Mày thú nhận ngay thì khỏi bị tra tấn!

Giuân, nghe câu nói như bị sét đánh ngang tai, tái mét người, run cầm cập; nó nghĩ bụng là thú thật ngay thì sẽ được nhẹ tội, nên nó nói:

— Tâu bệ hạ! Người đã đoán trúng. Nhưng từ nay trở đi, tôi xin hối cải và xin nhất tâm đi vào con đường ngay thẳng!

Zumurut nói:

— Ta không được phép để một con vật nguy hiểm, sống lẫn với những người Hồi.

Nàng nói xong ra lệnh cho đem Giuân ra hành hình.

Tới bữa tiệc thứ ba, dân chúng cũng lại tụ tập để ăn uống. Lần này, họ lại còn sợ món kem quế hơn lần trước nữa. Họ cho đó là món giết người, cho nên thậm chí họ còn quay lưng lại món ấy cho khỏi phải nom thấy. Đột nhiên, có một lão già, râu bạc, ở đâu tiến vào. Lão thấy mâm có món kem quế vắng khách, liền tiến đến ngồi ăn.

Zumurut nhìn lão, nhận ngay ra lão là Rasiđetdin, tên thiên chúa giáo khốn nạn, thủ mưu việc bắt cóc nàng. Thật thế, Rasiđetdin mãi không thấy em là Batrum trở về, nó bèn quyết định tự đi tìm Zumurut, nhân tiện đi tìm em một thể, và số mệnh đã đưa nó tới đây. Zumurut nhận ra kẻ thù, nàng nghĩ bụng: « Lạy chúa, món kem quế thật là một món ăn tốt lành. Nhờ nó mà mình đã tóm được những kẻ hại mình. Sau này ta phải cho rao trong thành phố rằng đó là món ăn bắt buộc mới được. Nhưng bây giờ, hãy sửa cho lão già này đã! »

Thế là Zumurut cho bắt Rasiđetđin, và sau khi cũng bói toán như mấy lần trước, nàng ra lệnh đánh tên già năm trăm roi, rồi mới đem lột da nhồi cỏ.

Tan tiệc, nữ hoàng Zumurut về cung, trong lòng rất buồn bã, vì tuy nàng đã báo được thù, nhưng còn người yêu thì vẫn chẳng thấy đâu.

Đầu tháng sau, nhân dân lại họp như thường lệ để ăn tiệc. Zumurut đương thất vọng, thì cuối cùng thấy Alitsa đến, vẫn đẹp trai như xưa, chỉ có vẻ hơi xanh và yếu thôi.

Nguyên Alitsa, hồi chờ đón Zumurut, ngủ thiếp đi suốt đêm. Đến lúc tỉnh dậy thì trời đã sáng rõ, sờ lên đầu thấy mất khăn, tìm đến áo khoác thì cũng mất, chàng hiểu ngay là đã bị quân gian lấy trộm. Chàng vội vàng tìm bà lão nhân đức, nhờ bà đi hỏi hộ tin tức Zumurut. Đến khi được bà cho biết là Zumurut đã trốn khỏi nhà kia đêm hôm trước rồi, chàng vật mình lăn khóc, khóc đến ngất đi. Bà già phúc đức cứu tỉnh và bảo:

— Thì lỗi tại anh tất cả ,bây giờ khóc mà thấy người được ư.

Tuy bà nói thế nhưng bà cũng trông nom cho Alitsa rất cẩn thận. Chàng ốm liệt giường một năm liền. Ốm khỏi chàng nghe lời bà già và đi các tỉnh để dò la tin tức nàng, vì thế cho nên chàng đã đến tỉnh này

Zumurut trông thấy chàng, mừng quá, xuýt nữa thì kêu rú lên, nhưng nàng trấn tĩnh được ngay, không để lộ cho ai biết. Còn Alitsa đến đây, thấy cái bàn có món kem quế không có ai thì ngồi vào. Nhân dân ái ngại bảo cho chàng biết đừng có dùng cái món xúi quẩy mà chết toi mạng, chàng nghiễm nhiên trả lời: « Nếu được chết thì tôi càng khỏi khổ! » và chàng ăn uống tự nhiên. Zumurut chờ cho chàng ăn xong, rồi mới bảo thị vệ ra lễ phép mời chàng lên lầu để nàng hỏi chuyện. Nhân dân thấy thị vệ đến gần chàng, sợ quá, nhưng đến khi thấy chàng không bị lôi kéo, đánh đập gì, thì họ rất lấy làm ngạc nhiên và mừng thầm cho chàng. Họ thấy vua ngọt ngào hỏi lai lịch chàng, và thấy chàng nói:

— Tâu bệ hạ! Tên tôi là Alitsa, nguyên làm nghề buôn bán. Còn như tại sao tôi đến tỉnh này, thì đấy là một câu chuyện rất thương tâm!

Chàng vừa khóc vừa kể nỗi mình, làm cho ai nghe cũng phải ái ngại thay cho chàng, còn Zumurut thì tuy rất đau thương, nhưng vẫn cố trấn tĩnh. Nghe chàng kể hết đầu đuôi truyện mình rồi, Zumrut cũng lại sai đem sa bàn ra để bói. Nàng cũng lại giả vờ bói toán thật lâu, bấy giờ mới nói:

— Hỡi thanh niên đẹp trai! Ta bói ra thì biết là ngươi đã khai đúng sự thật, và ta còn biết cả là chúa Ala sắp cho ngươi tìm thấy vợ nữa đấy. Ngươi có thể vui mừng trước đi.

Nói xong nàng ra lệnh cho hai thái giám nhỏ tuổi đem chàng đi tắm rửa và thay đổi quần áo sang trọng

cho chàng, rồi đến tối dẫn chàng vào hầu. Nhân dân rất lấy làm kinh dị, chẳng hiểu tại sao anh chàng lại được biệt đãi như vậy. Có kẻ hiếu sự, nửa bỡn nửa thật, nói: « Thì tại chàng đẹp trai, chứ còn tại sao nữa! »

Tối hôm ấy, người ta đưa Alitsa đến phòng riêng của Zumurut. Nàng không dám đột ngột cho chàng biết mình, sợ chàng bị kích thích quá thì có hại, cho nên nàng chỉ dần dần cho chàng đoán ra chân tướng của nàng. Vợ chồng tái hợp kể sao xiết nỗi vui mừng.

Sáng hôm sau, nàng họp quần thần và thân hào trong cung điện, tuyên bố:

— Hỡi các vị! Ta nay đã quyết tâm đi về quê hương người bạn của ta mới chọn được đây để sống với nhau suốt đời. Vậy các vị nên theo tục lệ đón lấy một người khác về đây để ta nhường ngôi. Các quan và các thân sĩ vâng lời.

Vậy vợ chồng Alitsa chỉ đem theo hai tiểu thái giám và mấy hòm vàng bạc, châu báu, trở về Kôraxân là nơi quê cha đất tổ. Từ đấy họ sống sung sướng với nhau cho tới già.

VII

TRUYỆN SÁU CÔ THIẾU NỮ TÀI SẮC KHÁC NHAU

Một hôm Giáo chủ En Mamun cho họp các vị đại thần, đô đốc cùng các nhà thơ và nhà tri thức được ngài coi như thân thuộc. Một trong số là ông Môhamát En Baxri. Giáo chủ ngồi trên ngai vàng, bảo ông:

— Giờ đây ta muốn được ngươi kể cho nghe một chuyện lạ ta chưa từng được nghe bao giờ, Môhamát hỏi.

— Tâu Giáo chủ, dễ thôi, ông nói, nhưng xin Người cho biết Người ưng nghe chuyện thần được nghe kể hay chuyện chính mắt thần được trông thấy!

— Loại nào cũng được nhưng phải là chuyện thật lý thú.

Môhamát bèn kể như sau:

Gần đây, thần được biết một người rất giàu tên là Ali En Yamani, quê ở Yamân. Ông ta đã rời bỏ quê hương đến ở thành Bátđa của chúng ta cho cuộc sống được vui vẻ và bình yên. Sau một thời gian, thấy ở đây vừa ý, ông cho dọn hết đồ đạc từ Yamân đến, với cả khuê phòng có sáu nữ nô đẹp như mặt trăng.

Cô thứ nhất trắng, cô thứ hai nâu, cô thứ ba béo, cô thứ tư gầy, cô thứ năm hung và cô thứ sáu đen. Cả sáu cô đều hoàn hảo, biết văn chương, giỏi múa và nhạc,

Cô trắng tên là Mặt Trăng, cô nâu Lửa Hồng, cô béo Trăng Tròn, cô gày Thiên Tiên, cô hung Mặt trời, cô đen Con Ngươi.

Một hôm, ông Yamani vui vì ở Bátđa yên tĩnh, và thấy khoan khoái hơn thường ngày, mời sáu nữ nô vào phòng họp để cùng ông đàm đạo, uống rượu và ca hát. Cả sáu cô đều đến, bày đủ trò cùng ông chủ hoan hỉ.

Ông Yamani lấy một cái cốc rót đầy rượu đưa cho Mặt trăng nói:

— Hỡi nô lệ da trắng đáng yêu, hỡi Mặt Trăng, hãy cho chúng ta nghe cái giọng du dương của nàng.

Mặt Trăng như cây tì bà, lên dây, dạo một khúc khiến đá cũng phải nhảy, cánh tay phải giơ lên. Nàng ứng khẩu mấy câu thơ rồi hát:

« Người yêu của ta, dù xa dù gần, đã in hình trong mắt ta, khắc tên trên tay chân ta.

Ta là trái tim để ôm ấp ký ức về chàng, ta là con mắt để ngắm nghía chàng.

Kẻ theo dõi ta trách ta: — « Sao cô không quên mối tình nồng cháy ấy đi? » Ta nói: — « Hỡi con người khắc nghiệt, cứ mặc ta, đi đi! Sao lại đòi ta một điều không thể được ».

Ông chủ nghe thú quá, nhấp môi vào cốc rượu, mời cô trắng. Cô cạn chén. Ông lại rót đầy đưa cô nâu, nói:

— Hỡi Lửa Hồng, môn thuốc chữa mọi tâm hồn, nhưng xin chớ làm hỏng tâm hồn ta, hãy hát vài câu thơ cho ta nghe giọng nàng.

Lửa Hồng cầm cây tì bà, lên dây một cung bậc khác, dạo vài tiếng khiến đá và tim nhảy lên. Nàng hát:

« Em xin lấy vẻ mặt thân yêu của anh mà thề rằng, em yêu anh, chỉ yêu anh cho đến chết, và không bao giờ phản bội tình anh.

Ôi bộ mặt sáng sủa, xinh đẹp, người dạy cho những người đẹp nhất biết thế nào là một vật đẹp.

Vẻ xinh xắn của người đã chinh phục mọi trái tim vì ngươi là công trình tinh khiết do tay đấng Tạo Hóa làm nên »

Ông chủ nghe thú quá, nhấp môi vào cốc rượu, mời cô nâu. Cô cạn chén. Ông lại rót đầy đưa cô béo, nói:

— Hỡi Trăng Tròn bề ngoài nặng nề mà bên trong đáng yêu nhẹ nhõm nàng hãy hát cho nghe vài câu thơ trong sáng như da thịt của nàng.

Cô béo nâng cây tì bà, lên dây, dạo vài khúc khiến tâm hồn và đá cứng reo lên. Nàng thì thầm, rồi cất giọng thanh thanh:

« Hỡi chàng mà em mong đợi, nếu làm vui được lòng chàng, thì chỉ cần một nụ cười trả công của chàng, em sẵn sàng đương đầu với toàn vũ trụ.

Nếu chàng dung đưa, kiêu hãnh đến với em đang than thở, thì dù tất cả các vua chúa trên đời có biến hết, em cũng không cần biết đến làm chi.

Hỡi chàng xinh đẹp, chàng mà hạ cố đến em thì hạnh phúc của em sẽ là được sống dưới chân chàng ».

Ông chủ nghe thú quá, nhấp môi vào cốc rượu, mời cô béo. Cô cạn chén. Ông lại rót đầy, đưa cô gầy, nói:

— Hỡi nàng Thiên Tiên mảnh dẻ, đến lượt cô cho chúng ta được niềm khoái lạc thưởng thức những bài hát hay.

Nàng gầy cúi xuống cây tì bà như người mẹ cúi xuống đứa con, và hát:

« Em hết sức nhiệt tình với chàng, chàng hết sức lãnh dạm với em. Luật nào khuyên làm thế nhỉ?

Có một vị quan tòa nào xét xử tình yêu để đến mà kêu không? Ông sẽ phán xử công bằng thế này: Lấy phần thừa thãi nhiệt tình của em trao cho chàng lấy phần thừa thãi lạnh nhạt của chàng trao cho em ».

Ông chủ nghe thú quá, nhấp môi vào cốc rượu, mời cô gầy. Cô cạn chén. Ông lại rót đầy, đưa cô hung, nói:

— Mặt Trời nàng hỡi! có tấm thân màu của hổ phách và màu của vàng, nàng có thể tiếp tục thêu vài câu thơ trên tấm lụa tình được chăng?

Cô thiếu nữ da hung hung, nghiêng cái đầu tóc vàng trên cây đàn, lim dim đôi mắt sáng như bình minh, dạo mấy tiếng làm run rầy tâm hồn và thể xác, và cất tiếng :

« Em đứng trước người yêu. Chàng nhìn em, mắt sắc như kiếm đâm vào trái tim em.

Em hỏi trái tim bị kiếm xuyên qua: Sao không muốn chữa cho vết thương lành? Sao không biết đề phòng?

Tim không giả lời, và cứ để chàng lôi cuốn dưới chân »

Ông chủ nghe thú quá, nhấp môi vào cốc rượu, mời cô hung. Cô cạn chén. Ông lại rót đầy đưa cô đen, nói:

— Con Ngươi nàng hỡi, cô gái ngoài đen trong trắng cô gái thân mang màu tóc tang, mà mặt niềm nở, nguồn hạnh phúc trong nhà ta, hãy hái cho ta vài vần thơ kỳ diệu, đỏ thắm như mặt trời.

Nàng Con Ngươi nâng cây tì bà chơi hai mươi cách khác nhau. Xong trở lại cách đầu, hát bài hát quen thuộc theo nhịp kể sau đây :

« Mắt ta hỡi! Khóc nhiều đi,

Khóc tình ta quá thắm làm nghẹt tim ta

Lửa tình đốt cháy tâm can ta, lòng say đắm khiến ta mòn mỏi.

Tất cả do người ta yêu

Người ta yêu làm ta héo hon, khiến những kẻ tình địch của ta vui thích ».

Ông chủ nghe thú quá, nhấp môi vào cốc rượu mời cô đen. Cô cạn chén.

Kế đó, cả sáu cô cúi rạp đầu chào ông chủ, xin ông cho biết cô nào làm ông hài lòng nhất vì giọng hát lời thơ. Ông Yamani nhìn ngắm vẻ đẹp của họ, nghĩ

về tài hoa của họ hồi lâu. Ông thấy họ đều kỳ diệu như nhau, không biết nên giả lời ra sao, Cuối cùng ông nói:

— Đáng ca ngợi thay chúa Ala, Đấng phân phát duyên dáng và sắc đẹp đã cho ta cả sáu nàng đều hoàn hảo và tuyệt diệu như nhau. Ta yêu thích cả sáu nàng, lương tâm không cho ta quí riêng một nàng nào hơn những nàng khác. Hỡi đàn cừu non của ta, hãy lại ôm hôn ta cùng một lúc đi nào.

Cả sáu cô chạy ùa vào lòng ông mà nũng nịu. Ông cũng vuốt ve họ một lúc lâu. Xong, ông bảo họ ngồi thành vòng tròn trước mặt ông. Ông nói:

— Ta không muốn bất công coi một cô nào hơn hẳn những cô khác. Nhưng điều ta không làm thì các cô nên tự làm lấy. Các cô đều thuộc Kinh thánh, hiểu văn chương, đều đọc sử cũ và sử người Hồi, đều ăn nói giỏi, có giọng rất hay. Ta muốn các cô tự xét xem mình có gì là tốt, là có lợi, là đáng khen, cũng như bạn mình có gì thua kém mình thì cứ nói. Cứ từng cặp, từng đôi mà đối nhau về màu sắc về hình dáng, ví như cô trắng với cô đen, cô gầy với cô béo, cô hung với cô nâu. Nhưng đối chọi nhau là đối chọi bằng lời hay, câu đẹp, bằng lời các vị hiền triết, các nhà bác học, bằng uy tín của thi nhân và của Kinh thánh.

Sáu cô xin vâng và chuẩn bị vào cuộc đấu trí thú vị.

Cô thứ nhất đứng dạy là cô trắng Mặt Trăng. Cô làm hiệu mời cô đen Con Ngươi đứng trước mặt mình, rồi nói:

— Chị Đen này! sách các nhà bác học chép rằng:

Sắc Trắng nói như thế này:

Ta là ánh sáng chói chang, là mặt trời mọc ở chân mây. Sắc ta trong trẻo và hiển nhiên. Trán ta lóng

lánh ánh bạc. Sắc đẹp của ta gợi cảm hứng cho thi nhân viết: « *Nàng, da trắng, má nhẵn nhụi, êm ái là một viên ngọc nhan sắc được giữ gìn cẩn mật.*

Nàng thẳng như chữ I, chữ mim là miệng của nàng, lông mày là hai chữ nun lộn ngược. Cái nhìn của nàng là những mũi tên bắn đi từ đôi cung lông mày đáng sợ của nàng ».

Chị Đen hỡi, tôi nói tiếp:

Màu của tôi là màu ban ngày, là màu hoa cam, là màu của ngôi sao Mai lấp lánh như ngọc. Chúa Ala Tối cao, trong Kinh thánh nói với Mútxa có bàn tay hủi: « Cứ cho tay vào túi, khi rút ra, nó sẽ trắng nghĩa là tinh khiết, lành lặn ».

Cũng trong Kinh thánh còn có câu: « Kẻ nào biết giữ mặt trắng, nghĩa là không một vết nhơ nào, thì kẻ ấy sẽ được hưởng tấm lòng từ bi hỉ xả của Chúa ».

Vậy sắc trắng của tôi là chúa các sắc. Và cái đẹp của tôi là sự hoàn hảo, và sự hoàn hảo ấy là cái đẹp của tôi.

Quần áo, tư trang đẹp bao giờ cũng trắng, nó làm nổi rõ sự rạng rỡ của tôi, sự rạng rỡ có thể khuất phục những tâm hồn và những trái tim.

Tuyết rơi chẳng trắng đó sao?

Và chị há quên rằng tín đồ chọn sa, lụa trắng làm khăn quấn trên đầu?

Biết bao điều kỳ lạ có thể nói về màu trắng của tôi. Nhưng thôi, tôi chẳng muốn nói dài về những điều hay của tôi. Sự thật là hiển nhiên, như ánh sáng chói vào mắt ta vậy. Và giờ, tôi chỉ trích chị đây, chị đen hỡi. Đen là màu mực, là màu phân gio, là mạt sắt của anh lò rèn, là mặt con quạ, con chim xúi quẩy nhất trong các loài chim. Hãy nhớ lại lời nhà thơ nói về trắng đen:

«Viên ngọc quí vì trắng, còn vì than đáng giá là bao? Mặt tròng là điểm tốt, là dấu hiệu thiên đường. Mực đen là nhựa thông, là hắc ín để giữ lửa nơi địa ngục»

Sử ghi chuyện ông Nút thần thánh một hôm nằm ngủ có hai con là Sận và Hâm ngồi cạnh. Một cơn gió thổi lật tà áo dài ông lên, để hở hang cả phía dưới. Hâm thấy thế, bật buồn cười. Sận đứng dậy, kéo vạt áo cha xuống. Vừa lúc ông già thức dậy. Ông thấy Hâm cười thì nguyền rủa, thấy Sận đạo mạo thì ban phúc cho. Lập tức mặt Sận trắng ra, mặt Hâm đen lại. Sận là thủy tổ những sứ giả, những đấng chăn dắt đàn những người hiền và những vua chúa. Hâm không dám nhìn cha, bỏ đi thành gốc của người da đen. Người Xuđăng. Chị Đen, chắc chị biết là những nhà bác học, và con người nói chung, đều nhất trí rằng không có vị hiền giả nào trong giống mọi và giống da đen.

Nữ nô trắng nói đến đây, ông chủ bảo thôi, nhường lời cho cô Đen. Nàng Con Ngươi từ nãy đứng im, giờ nhìn Mặt Trăng mà rằng:

– Chị Trắng ngu dốt kia, chị há không biết trong Kinh Coran có đoạn nói về Chúa Ala tối cao lấy đêm đen và ngày sáng mà thề? Chúa lấy đêm trước, ngày sau là có ý thích đêm hơn ngày.

Lông đen, tóc đen là dấu hiệu và trang sức của tuổi thanh xuân, râu trắng, tóc trắng là tuổi già, là dấu hiệu chấm dứt hưởng thụ cuộc đời.

Nếu màu đen không là màu đáng ưa nhất thì Chúa không làm cho thật đen từng con mắt và điểm giữa trái tim. Nhà thơ nói rất đúng rằng:

«Ta yêu một tấm thân màu mun đen là bởi nó trẻ nó chứa một trái tim nồng, đôi tròng mắt lửa.

Ta rất sợ cái gì trắng. Lòng trắng trứng, thịt bệch như lòng trắng trứng là những thứ hãn hữu lắm, vì không có gì khác, ta mới buộc lòng phải nuốt cho trôi.

Tấm khăn liệm trắng, cũng như mớ tóc bạc, làm sao có thể yêu?»

Một nhà thơ khác có nói:

«Các bạn hỡi, đừng ngạc nhiên thấy tôi yêu như điên người đàn bà da đen bóng loáng này.

Vì thầy thuốc cho biết phải có ý đen mới có được cơn điên.

Một nhà thơ khác nữa cũng nói:

«Tôi không hề yêu những người đàn bà da trắng này, người ta tưởng da họ có thoa bột hắc lào.

Người tôi yêu là một cô da đen, màu đêm tối, mặt như mặt trăng, màu đen và bộ mặt không tách rời nhau. Vì nếu không có đêm thì làm gì có ánh trăng?»

Bạn bè họp mặt thân tình là vào lúc nào, nếu không phải vào đêm? Những kẻ yêu nhau cảm ơn bóng đêm đã bảo vệ họ khỏi con mắt tò mò, tránh cho họ khỏi bị quở mắng. Trái lại họ kinh sợ ban ngày thóc mách quấy rầy họ, làm hại họ. Chị Trắng hỡi, chỉ có thế thôi cũng đủ cho thấy hơn kém trắng đen. Nhưng hãy nghe thêm nhà thơ:

«Ta không yêu cậu bé nặng nề này, da trắng vì nhiều mỡ quá. Ta yêu cậu bé da đen, mảnh dẻ mà gân thịt rắn chắc.

Khi đau thương, ta vốn thích cưỡi con ngựa giống trẻ chân thon, để mặc người khác cưỡi voi.»

Một nhà thơ khác nói:

«Tối nay bạn tôi đến thăm tôi, chúng tôi khoái chá nằm bên nhau.

Bình minh đến bắt gặp chúng tôi vẫn ôm nhau.

Tôi chỉ có một lời cầu Chúa, là biến ngày thành đêm hết đề bạn tôi đừng có xa tôi ».

Chị Trắng hỡi! nếu tôi cứ tiếp tục kể mãi những điều hay, những điều đáng khen về màu đen, tôi sẽ đi ngược lại câu cách ngôn « Ít lời nhiều ý hơn là dài dòng ». Có điều, tôi cần nói rằng giá trị của chị so với tôi có nghĩa lý gì. Chị trắng như hủi. Hủi cũng trắng, và thối và ngột ngạt nữa. Chị coi mình là tuyết, nhưng chị quên rằng ở địa ngục không chỉ có lửa, đôi chỗ có tuyết lạnh lắm nó hành hạ người có tội còn tàn khốc hơn lửa đốt. Chị bảo tôi đen như mực. Chị quên rằng có mực mới viết được Kinh thánh, rằng xạ hương quí các vua chúa tặng nhau là màu đen? Cuối cùng tôi khuyên chị nên nhớ lời này của nhà thơ:

« Anh không thấy rằng xạ hương mà không đen như thế thì không là xạ hương, còn thạch cao sở dĩ đáng bỉ vì là màu trắng.

Trong con mắt, màu đen quí biết bao, còn màu trắng nào ai quan tâm đến! »

Nghe lời nàng Con Ngươi, ông chủ Ali En Yamani khen:

— Cô Đen, cô Trắng, cả hai cô đều nói giỏi lắm. Bây giờ đến lượt hai cô khác.

Cô Trắng, Cô Đen về chỗ ngồi. Cô Béo cô Gầy đứng dạy, mặt đối mặt. Cô béo Trắng Tròn định nói trước. Cô cởi quần áo, phô ra cổ tay, mắt cá, bắp đùi. Cô nói với cô Thiên Tiên mảnh dẻ.

— Khen thay chúa Ala đã tạo nên tôi to mập, đã đặt gối đệm vào khắp xó xỉnh trong người tôi đã đắp lên da tôi một lớp mỡ mùi thơm cánh kiến xa gần đều ngửi thấy. Tuy vậy, Chúa vẫn dành bắp thịt cho tôi.

để khi cần, có thể tống kẻ thù một đấm nát mặt ra. Chị Gầy hỡi, được chiêm ngưỡng hình thù béo tốt của tôi, ai mà không run lên vì thích thú. Cả đến Chúa trong Kinh thánh cũng ca ngợi mỡ. Người bắt phải giết cừu lớn béo, cừu non béo, bê béo khi tế lễ. Cả người tôi là một vườn quả: quả lựu là vú tôi, quả đào là má tôi, quả dưa đỏ là mông tôi. Khi người Bani – Ixrain bỏ chạy khỏi Aicập họ tiếc con chim sa mạc nào nhất? Có phải họ tiếc nhất con chim mỏng thịt ngọt và béo không? Vả lại chị gầy hỡi, hãy nghe nhà thơ ca ngợi người đàn bà béo như tôi đây:

«Nhìn chị đi, lắc lư đôi mông gợi tình ghê gớm. Nhìn chị ngồi, đứng lên là thấy dấu mông in lõm vào ghế.

Nhìn chị nhảy, bệ vệ đến làm cho tim ta phải rụng xuống chân ai»

Còn chị, chị Gầy, chị giống cái gì nhỉ? giống con chim sẻ bị vặt lông; chân chị ẻo khéo như chân quạ, đùi vế như que củi, thân hình khô, cứng như cột treo cổ. Đúng là nhà thơ đã nói về chị trong câu sau đây:

«Cầu Chúa tránh cho tôi phải ăn nằm với người đàn bà gầy guộc này.

Tay chân mụ như có sừng cứ húc vào xương tôi khiến tôi phải tỉnh giấc, da xám xanh, nứt nẻ».

Thiên Tiên gầy nhìn Trăng Tròn béo, mỉm cười mà rằng:

— Cảm tạ Chúa đã sinh tôi ra như một nhánh liễu yểu điệu, như thân cây bạch dương mềm mại, như bông hoa huệ đung đưa. Tôi đứng dạy thì nhẹ nhàng, ngồi xuống thì êm du, đùa vui thì duyên dáng. Hơi thở của tôi nhẹ mà thơm, tâm hồn tôi giản dị tinh vẻ

không đụng chạm với cái thô dày. Hỡi chị béo, tôi chưa từng nghe ai khen người yêu của mình: « Nàng đồ sộ như một con voi, thịt quá nhiều như một trái núi quá cao ». Trái lại, tôi nghe người ta miêu tả người yêu: « Thân hình nàng mảnh dẻ, mềm mại, thanh nhã. Nàng đi, chân không dính đất. Nàng ăn uống thanh đạm, khát, chỉ vài hớp nước. Nàng yêu kín đáo, nhanh hơn chim sẻ, nhẹn hơn sáo xanh, dẻo như cây tre. Nàng cười duyên dáng và duyên dáng thay cử chỉ của nàng. Kéo nàng vào lòng không khó nhọc.

Hỡi chị béo, người ta say mê chính tôi, con người mảnh khảnh, nhỏ nhắn. Chính tôi gợi những mối tình bồng bột, khiến bao người khôn ngoan phải điên đảo. Người ta so sánh tôi với cây nho uể oải quấn quanh cây kè. Tôi là con linh dương mảnh khảnh mắt ướt và buồn. Tôi thật xứng đáng với cái tên Tiên nữ.

Còn chị? Giờ tôi nói thật về chị nhé.

Chị là một đống mỡ và thịt, đi thì lạch bạch như vịt, ăn thì như voi. Béo như chị thì chỉ nên để cho hàng thịt xẻ ra mà bán.

Linh hồn chị cũng thô lỗ như thây xác chị. Chị đùa vui mà sao nặng nề đến nghẹt thở. Chị mà cười thì đến vỡ xương tai người nghe. Người yêu mà thở than trong lòng thì chị không còn thở được nữa. Nếu anh chàng lại ôm hôn chị thì chị nhễ nhại mồ hôi.

Chị ngủ thì ngáy như sấm, thức thì thở như trâu. Chị gần như không xê dịch được; nằm nghỉ thì là một gánh nặng đối với bản thân. Chị suốt ngày chỉ cử động hàm răng như con bò cái, mửa thức ăn ra như con lạc đà. Đi đái thì ướt áo, đi ngoài thì ngập phân. Nhìn phía trước, chị như con voi, nhìn nghiêng chị như lạc đà, nhìn phía sau, chị như một cái bao da phình nước.

Nghe Thiên Tiên nói thế, Ông Ali En Yamani khen:

— Hởi Thiên Tiên, cô nói giỏi lắm! Trăng Tròn cô hỡi, cô nói rất hay. Giờ thì hai cô về chỗ cho cô hung cô nâu đối đáp với nhau.

Mặt Trời và Lửa Hồng đứng dạy, đến trước mặt nhau. Cô hung nói trước:

— Chính tôi được kinh Coran nói đến nhiều. Chúa Ala nói về tôi khi Người dạy: « Màu vàng hung là màu ưa nhìn nhất ». Tôi cũng là màu đẹp nhất. Màu hung của tôi là một kỳ quan, sắc đẹp của tôi là tuyệt đỉnh, sự quyến rũ của tôi ai cũng ước ao, Vàng nhờ có màu hung mà có giá. Mặt trời và tinh tú đẹp là nhờ có màu hung. Màu hung làm đẹp táo và đào, màu hung vàng là màu của nghệ. Màu hung là màu ngọc quí và lúa có chín mới có màu hung.

Màu hung làm đẹp cảnh thu. Màu hung giữ ánh mặt trời trên lá, khiến thảm lá bọc lấy hoàn vũ đẹp biết bao!

Còn chị, chị nâu, vật gì sắc nâu thì kém giá không gì tầm thường và xấu hơn màu nâu. Cứ nhìn mà xem, con trâu, con lừa, chó sói, chó nhả, màu nâu tuốt. Chị cho tôi biết, có món ăn nào sắc nâu mà người ta ưa. Hoa, ngọc, không bao giờ màu nâu. Chỉ có thứ đồng bản mới có màu của chị.

Chị không trắng, không đen. Không có giá trị nào của hai màu ấy, không có một lời khen nào về hai màu ấy khả dĩ gán cho chị được.

Nghe mấy lời cô hung, ông chủ bảo:

Giờ thì để cho Lửa Hồng nói.

Cô nâu mỉm cười, để lộ hai hàm răng ngọc. Nàng da dẻ màu mật ong, đường nét duyên dáng, thân hình tuyệt đẹp, cân đối, cử chỉ thanh lịch, tóc đen dài buông

xõa. Nàng im lặng một lát để phô bày những giá trị ấy ra đã, rồi mới nói với đối thủ là nàng sắc hung.

— Đáng khen thay chúa Ala đã sinh ra tôi không béo ụt ịt, không gầy giơ xương, không trắng tựa thạch cao, không vàng như kẻ đau gan, không đen như than bụi. Chúa đã hòa hợp trong tôi với một nghệ thuật tuyệt vời tất cả những sắc màu tinh tế, tất cả những nét hình đáng yêu. Tất cả các nhà thơ đều ca ngợi tôi bằng đủ thứ ngôn ngữ. Tôi là người được ưa chuộng nhất trong tất cả các lứa tuổi, trong tất cả những vị hiền nhân.

Tôi không cần tự khen nữa, vì đủ lắm rồi, chỉ cần dẫn vài đoạn thơ đã làm vì tôi.

Một nhà thơ có nói :

« Những cô màu nâu có một giác quan thầm kín. Thấy được nó, thì mắt anh sẽ không buồn nhìn những cô khác nữa.

Họ thật quyến rũ, có tài mơn trớn gợi tình, cái tài có thể đem dạy cho cả thiên thần Harut ».

Một nhà thơ khác nói :

« Tôi yêu một cô da nâu xinh xắn, người thẳng như một cây thương.

Cổ nàng có một vết đen nhỏ, mịn màng như một thứ trang sức được vuốt ve, được hôn hít. Tôi rất thích vết đen ấy.

Da nàng nhẵn bóng, tỏa hương dịu ngọt, nàng giống như một cây trầm hương.

Khi đêm buông màn xuống, nàng đến thăm tôi. Tôi giữ nàng lại, cho đến lúc bóng đêm trở thành bóng của những giấc mơ ».

Còn chị, chị hung vàng, chị úa như lá cây mulukhia [1] loại xấu, xơ, cứng hái ở Báp En Lục.

Màu của chị là màu nồi đất dùng cho mấy chú lái bán đầu cừu.

Sắc của chị là sắc cỏ gà, là sắc các chất thổ hoàng thạch dùng trong nhà tắm bôi cho rụng lông.

Mặt chị màu vàng của đồng như quả của cây zakum nơi địa ngục, thứ cây mà quả lạ đầu lâu quỉ.

Nhà thơ nói thế này, chính là nói về chị:

« Số phận buộc cho tôi một mụ vợ sắc vàng hung khấn mắt tôi, tim tôi đều khó chịu, lại lắm lời, làm tôi phát nhức đầu.

Nếu tâm hồn tôi không đoạn tuyệt với mụ thì tôi tự trừng phạt bằng những quả đấm vào mặt tôi đến vỡ quai hàm ».

Ông Ali En Yamani nghe thế, thú vị cười lăn ra. Ông bảo hai cô về chỗ. Để tỏ cho biết là ông hài lòng, ông ban thưởng cho họ, áo, ngọc, ngọc trai ông thưởng cho họ ngang nhau, không ai hơn ai, không ai kém.

Môhamát En Baxri nói với Giáo chủ En Mamun

— Tâu Giáo chủ, đó là câu chuyện về sáu thiếu nữ. Giờ đây họ vẫn sống hòa thuận với nhau trong nhà ông Ali En Yamani ở Bát đa của chúng ta.

Giáo chủ thích lắm, hỏi:

— Môhamát hỡi! ngươi có biết nhà ông Yamani ở đâu không. Ngươi đến hỏi nếu ông ta bán sáu cô ấy thì mua đem về cho ta.

— Thần chắc là không bán vì ông chủ này rất mê sáu nữ nô ấy.

---

(1) Lá dùng để nấu cháo xanh; ở Ai cập người ta thích ăn món cháo này (chú thích của Mácđruyx).

— Ngươi cứ đem đi sáu vạn đina, một vạn một cô, đưa cho cái ông Ali En Yamani, bảo ta thích sáu nữ nô của ông ta.

Môhamát cầm món tiền đi gặp ông Yamani. Ông này không dám từ chối, nhận tiền, trao nữ nô cho Môhamat.

Thấy các nữ nô màu sắc khác nhau, dáng điệu thanh lịch, thông minh và có nhiều đức khác nữa. Giáo chủ mừng lắm. Ngài cho mỗi cô một nơi ở tốt ở hậu cung, hưởng thụ sự hoàn mỹ và nhan sắc của họ trong nhiều ngày.

Về phần ông Ali khi sáu cô đi rồi, ông thấy cô đơn, hối tiếc đã nhường cho Giáo chủ. Không đừng được nữa, ông gửi lên Ngài một bức thư tuyệt vọng. Giữa những câu buồn, có mấy dòng thơ sau.

«Ước mong lời chào tuyệt vọng này đến được những người đẹp mà tôi phải xa. Họ là mắt, là tai, là đồ ăn thức uống, là khu vườn là cuộc đời của tôi.

Từ ngày phải xa họ, không gì làm tôi khuây khỏa nỗi buồn đau, đêm thao thức không sao ngủ được.

Tôi phải ghen tuông nhốt cả sáu nàng vào mắt tôi, buông mi mắt xuống làm rèm mới phải.

Ôi đau buồn, đau buồn! Cái nhìn của họ lúc xa tôi, như những mũi tên cắm vào da thịt. Mũi tên rút ra, tôi bị tử thương, ngã gục: Thà đừng sinh ra cho xong».

Giáo chủ vốn đại lượng, đọc qua lá thư, vội cho gọi sáu cô, ban cho mỗi người một vạn đina, áo quần cùng nhiều thứ khác, rồi cho về với chủ cũ.

Ông Yamani thấy họ trở về đẹp hơn, giàu hơn, vui sướng hơn thì ông mừng lắm, cùng họ chung sống hân hoan, khoái lạc cho đến ngày vĩnh quyết cuối cùng.

VIII

CÂU CHUYỆN KỲ LẠ VỀ THÀNH PHỐ ĐỒNG THAU

Trong dòng họ Giáo chủ Ommiat trị vì ở Đamát, có Giáo chủ Apđamalếc ben Meruân. Ngài ưa đàm đạo với các vị hiền nhân trong nước về đức Xôlâymân ben Đaút, về tinh tỉnh, sức mạnh và quyền lực vô biên của Người đối với loài thú nơi hoang dã, hung thần trong không, cùng các thần trên biển, dưới đất.

Nghe người ta đồn đại về những chiếc bình đồng cũ chứa một làn khói đen kỳ dị hình thù quỉ quái, Giáo chủ ngạc nhiên lắm, không tin. Một du khách nổi tiếng tên là Talép ben Xen quả quyết chuyện bình đồng là có thật, và nói thêm:

— Tâu Giáo chủ, xưa kia những hung thần chống lại đức Xôlâymân bị nhốt vào những bình ấy, đóng ấn khủng khiếp vào miệng bình rồi đem thả xuống biển tại Magrếp miền Tây Phi châu. Khói tỏa ra là linh hồn những hung thần tụ lại. Bọn hung thần này mà xổng ra được khỏi bình ra ngoài không khí là trở lại hình thù gớm guốc trước kia.

Nghe thế. Giáo chủ càng ngạc nhiên. Tính hiếu kỳ bị kích động, Ngài nói với Talép:

— Talép hỡi! Ta muốn đi xem một chiếc bình đồng nhốt hung thần khói, được chăng? Nếu được, ta sẽ thân hành đi tìm. Ngươi nói đi.

— Tâu Giáo chủ, việc gì Người phải đi cho mệt ngọc thể. Chỉ cần một lá thư cho đô đốc Mutxa, vị quan chức của Người ở Magrép là đủ. Vì quả núi dưới chân là

vùng biển có những chiếc bình ấy nối với Magrép bằng một giải đất có thể đi bộ tới được mà không ướt chân. Đô đốc Mutxa nhận được thư tất phải thừa hành lệnh của Người.

Giáo chủ Apđanmalếc ý theo, bảo ngay Talép:

– Đem thư ta đến Magrép bình yên để trao cho Mútxa, thì còn ai hơn nhà ngươi, hỡi Talép. Cần bao nhiêu tiền lộ phí, ngươi cứ vào kho mà lấy. Cần bao nhiêu người đi theo, ngươi cứ chọn. Nhưng phải chóng lên đấy.

Rồi Giáo chủ viết thư, đóng dấu, trao cho Talép. Talép lên đường, đến nơi yên ổn. Đô đốc Mutxa tiếp ông niềm nở, kính cẩn. Mutxa đọc thư xong đưa lên môi, lên trán và xin thừa lệnh. Ông cho mời cụ Apđôxamát, một người đã đi đến tất cả các miền có người ở trên trái đất, và giờ đây ngồi ghi chép lại cho mai hậu những hiểu biết trong cuộc đời liên miên du lịch của mình. Mutxa chào cụ, nói:

– Thưa cụ Apđôxamát, Giáo chủ lệnh cho tôi đi tìm những chiếc bình đồng cũ có hung thần phản nghịch bị đức Xôlâymân ben Đaút giam. Bình ở đáy biển dưới chân một quả núi cuối xứ Magrép. Xứ này tôi thuộc từ lâu, nhưng chưa hề nghe nói về vùng biển ấy cũng như về con đường tới đó. Nhưng cụ đã chu du khắp thiên hạ, chắc cụ biết rõ.

Ông cụ nghĩ một lúc mới đáp:

– Thưa đô đốc, tôi có biết, và cũng đã từng muốn tới đó, nhưng cho đến bây giờ tôi vẫn chưa đi được. Đường đi khó khăn, không có giếng, không có nước. Đi phải hai năm mấy tháng. Người ta bảo trên đỉnh núi có một thành phố gọi là thành phố Đồng Thau, nhưng không thấy dấu vết người ở. Đến, chưa chắc đã về được, có về cũng phải lâu hơn khi đi.

Nghĩ một lúc, cụ tiếp:

— Thưa ngài, tôi không dám giấu, là đường đi nguy hiểm lắm, nhiều chuyện sợ hãi. Phải qua một sa mạc toàn hung thần với qui canh giữ một vùng hoang vu từ thời thượng cổ. Những vùng cực Tây châu Phi ấy, không ai đến được, trừ hai người là Xôlâymân ben Đaút và En Ixkanda Hai sừng. Và từ cái thời xa xưa ấy cả cái vùng rộng lớn này lại trở nên im ắng. Nếu thừa lệnh Giáo chủ, Ngài không quản gian nguy mà mạo hiểm đến một xứ không có đường, chỉ có tôi dẫn đi, thì xin chuẩn bị cho một nghìn lạc đà mang những túi da đầy nước, một nghìn lạc đà khác mang thức ăn. Đem ít lính thôi. Chúng ta sắp bước vào địa hạt của những lực lượng âm u bí hiểm. Đem nhiều người, nhiều vũ khí, chúng có thể nổi giận và như thế thì không một quyền lực trần thế nào có thể bảo vệ nổi chúng ta. Chuẩn bị xong, trước khi lên đường xin Ngài làm chúc thư đi.

Đô đốc Mutxa cầu Chúa Ala, rồi cho tập hợp các vị chỉ huy lính tráng cùng những vị quan đầu tỉnh, làm chúc thư cử con là Harun kế nghiệp. Xong cùng cụ Apđôxamát, Talép và vài ba tùy tùng dẫn hai nghìn lạc đà lên đường qua sa mạc.

Đoàn đi qua những vùng hoang vu, bằng phẳng như mặt biển lúc sóng im. Đi hàng tháng không gặp một bóng sinh vật, im lặng như tờ cho đến một ngày kia thấy phía xa xa trước mặt một đám mây sáng ở chân trời. Đến nơi thấy đấy là một tòa nhà tường cao bằng thép Trung Quốc, có bốn dãy cột bằng vàng chu vi là bốn nghìn bước. Mái vòm bằng chì, có hàng nghìn sinh vật đến đậu, sinh vật duy nhất dưới bầu trời.

Bức tường lớn có cửa chính bằng những súc gỗ mun nạm vàng. Trên tường có một tấm biển lớn bằng kim

loại đỏ có mấy dòng chữ Iôni. Cụ Apđôxamát dịch cho mọi người nghe:

«Hãy vào đây để biết chuyện những bậc đã cầm quyền

Họ đã đi qua, chẳng có thì giờ ngồi nghỉ nơi bóng mát của những ngọn tháp nơi đây.

Họ bị thần Chết làm cho tan tác như những chiếc bóng biến đi như những cọng rơm trước gió.

Mutxa xúc động, thì thầm: «Không có Chúa nào khác, ngoài chúa Ala». Ông bảo mọi người cùng vào, bước qua bực cửa chính mà vào trong tòa lâu đài. Một đàn chim to lặng lẽ bay quanh một ngọn tháp cao vút toàn bằng đá hoa cương. Dưới chân tháp có một trăm ngôi mộ xếp thành bốn vòng tròn, giữa là một cái quan tài lớn bằng pha lê, có mấy dòng chữ Iôni, bằng vàng nạm ngọc:

«Ta hết say mê như người sốt thời mê sảng
Ta đã chứng kiến biết bao biến cố,
Đã lừng lẫy tiếng tăm những ngày vinh hiển,
Vó ngựa của ta đã vang lên ở bao chốn kinh đô,

Ta như một trận gió nóng sa mạc, đã tàn phá biết bao tỉnh thành. Ta như sấm sét đã tiêu diệt biết bao vương quốc.

Ta đã kéo lê bao vì vua sau chiến xa của ta!

Ta đã đọc lệnh biết bao lần cho toàn vũ trụ.

Và giờ đây!

Ta hết say mê như người sốt thời mê sảng. Ta chẳng để lại gì như bọt sóng trên bãi cát vậy.

Cái chết đã đem ta đi, uy quyền của ta không đẩy lùi được nó. Quân đội của ta, triều thần của ta không giúp được ta chống lại.

Du khách hỡi! Hãy nghe mấy lời mà lúc sống ta chưa hề thốt ra:

Hãy giữ lấy linh hồn! Hãy bình yên hưởng thụ sự yên tĩnh của cuộc đời cùng vẻ đẹp bình lặng của nó. Ngày mai cái chết sẽ cuốn ngươi đi.

Ngày mai, ai gọi ngươi, thì đất sẽ đáp: «Ta giữ riết lấy kẻ ta ôm ấp vĩnh viễn không thả ra đâu».

Nghe cụ Apđôxamát dịch mấy lời trên, đô đốc Mutxa và mấy người tùy tùng rơm rớm nước mắt. Họ đứng lặng hồi lâu trước tấm quan tài và những nấm mộ, lâm râm cầu nguyện cho người chết. Rồi họ đi tới ngôi tháp. Tháp có cửa vào, hai cánh bằng gỗ mun, có tấm biển chạm chữ Iôni dát ngọc:

«Nhân danh cái Vĩnh cửu, cái Bất biến,

Nhân danh Đấng Quyền lực,

Ta báo ngươi hay, hỡi lữ khách qua đây, rằng đừng nên kiêu hãnh về những vẻ bên ngoài lừa lọc.

Hãy lấy ta làm gương, chớ tự huyễn hoặc vì ảo tưởng. Ảo tưởng sẽ đẩy ngươi xuống vực sâu.

Ta nói cho ngươi nghe về quyền lực của ta.

Ta có một vạn ngựa chiến trong chuồng, do những ông vua bị ta bắt làm tù binh chăn dắt.

Ta có một nghìn cung phi là một nghìn trinh nữ dòng dõi vua chúa, có một nghìn cung nữ khác chọn trong số những cô ngực nở mà nhan sắc làm lu mờ cả mặt trăng.

Ta có một nghìn người con, những hoàng tử dũng cảm như mãnh sư.

Ta có những kho báu rất lớn. Và từ Đông sang cực Tây, các dân tộc cùng vua chúa bị quân đội vô địch của ta đánh bại, đều cúi đầu thần phục ta.

Ta tưởng uy quyền của ta là bất diệt, đời ta là vô biên, thì đột nhiên đấng Bất tử lên tiếng báo cho ta biết quyết định về ngày tận số của ta.

Suy nghĩ về vận mệnh của ta, ta tập hợp hàng nghìn lính kỵ mã cùng lính bộ binh, gươm giáo tua tủa.

Ta tập hợp các chư hầu, các thủ lĩnh trong nước và trong quân đội.

Ta đem tất cả những hòm xiểng ngọc ngà châu báu, bảo với mọi người: «Các ngươi chỉ cần làm thế nào cho ta sống thêm lấy một ngày trên cõi thế là ta cho các ngươi tất cả những của cải và hàng tạ vàng, bạc này».

Họ cúi đầu, im lặng, bất lực. Và thế là ta chết. Cung điện của ta thành một nhà mồ.

Du khách hỡi, ngươi muốn biết tên ta ư? Ta là Đạt đờ Kút ben Sêđát ben At».

Biết được những sự thật cao cả này, đô đốc Mutxa và tùy tùng òa lên khóc và khóc rất lâu. Mãi họ mới vào trong tháp, qua những gian phòng rộng mênh mông, trống không, vắng lặng. Sau tới một gian phòng còn rộng hơn, mái tròn, trong có một cái bàn rất lớn bằng gỗ bạch đàn, chạm trổ rất khéo có dòng chữ Iôni rất đẹp.

«Trước kia có một nghìn vua chột và một nghìn vua sáng ngồi tại bàn này. Giờ đây, dưới mồ, tất cả đều mù như nhau».

Đô đốc Mutxa càng ngạc nhiên trước điều bí ẩn này. Ông không giải thích được, ghi câu ấy vào tấm da cừu. Ông xúc động rời khỏi nơi đây đi về phía thành Đồng Thau.

Đi hết một ngày, lại một ngày, lại ngày thứ ba cho đến chiều. Họ bỗng thấy một kỵ sĩ đứng im trên một

chiếc bệ cao, mặt trời rọi vào, tay vung một cây thương, mũi thương giống một ngọn đuốc cháy đỏ như mặt trời lúc bấy giờ.

Tới gần, thấy rõ người, ngựa, bệ kê đều bằng đồng thau. Trên mũi thương, phía có ánh mặt trời là mấy dòng chữ lửa:

«Hỡi những du khách táo gan đã đến được miền đất cấm, giờ thì không lùi được nữa rồi.

Nếu không biết đường đến thành phố Đồng Thau, các người hãy dùng sức mà quay ta trên cái bệ này. Khi ngừng, ta quay mặt phía nào thì cứ phía ấy mà đi»

Đô đốc Mútxa đến gần kỵ sĩ, lấy tay đẩy. Nhanh như chớp kỵ sĩ quay. Khi ngừng, mặt hướng về phía ngược lại với phía đi tới của mấy người. Bấy giờ cụ Apđôxamát cũng thấy là mình lầm đường và hướng mới là hướng đúng.

Thế là đoàn người và vật quay lại đi theo hướng mới. Đi mãi, ngày lại ngày, cho đến một buổi chiều kia họ thấy trước mặt một cột đá đen. Một con quái vật bị xích nửa người vào đó, nửa kia bị chôn sâu xuống đất. Những quyền lực âm ti đã sinh đẻ ra cái thân quái đản này, đen, to như thân một cây cọ già trụi lá. Nó có hai cánh to, đen, có bốn bàn tay mà hai giống chân sư tử có móng nhọn sắc. Tóc dựng đứng cứng như lông đuôi lừa rừng rưng rung trên cái sọ gớm ghiếc. Hai mắt đỏ lòm, trán có đôi sừng bò và có một con mắt mở to, bất động, xanh lè như mắt hổ, mắt báo.

Thấy người, cái thân giơ tay, la hét dữ dội, vùng vẫy như muốn dứt đứt dây trói. Đoàn người sợ quá đứng đực ra, không tiến, không lùi được một bước. Đô đốc Mútxa hỏi cụ Apđôxamát xem sự thể ra sao.

— Lạy Chúa, lão cũng không hiểu, cụ nói.

— Xin cụ đến gần mà hỏi. Có thể nó sẽ nói.

Cụ Apđôxamát không muốn tỏ ra ngần ngại. Cụ tới chỗ con quái vật, lên tiếng:

— Nhân danh đức Chúa tể ngự trị thế giới hữu hình và vô hình, ta buộc mi phải trả lời ta. Mi cho ta biết mi ở đây từ bao giờ và do đâu bị trừng phạt thế kia?

Hắn sủa lên và nói:

« Tôi là một hung thần, hậu sinh của Eblit, cha các vị thần. Tên tôi là Đaet ben Alamát. Tôi bị Lực Vô Hình xích vĩnh viễn vào đây.

« Ngày xưa xứ này do Hải Vương cai quản có một tượng thần bằng hồng mã não bảo hộ cho thành phố Đồng Thau. Tôi có nhiệm vụ canh giữ pho tượng và ở ngay trong lòng nó. Khách thập phương đến bói pho tượng và nghe lời tiên tri đều là do lời tôi phán ra cả.

« Tôi là chư hầu của Hải vương: Ngài chỉ huy cả đạo quân thần chống lại đức Xôlâymân ben Đaút. Nếu cuộc chiến xảy ra giữa Ngài và Xôlâymân thì tôi sẽ chỉ huy đạo quân ấy. Cuộc chiến đã nổ ra.

« Hải vương có một người con gái rất đẹp. Tiếng đồn đến tai đức Xôlâymân. Ngài phái một người đến Hải vương, một mặt xin cưới công chúa, một mặt phá cái tượng thần bắt Hải vương phải công nhận chỉ có một chúa là đức Ala với Xôlâymân là sứ giả của Người. Nếu trái ý, Xôlâymân sẽ nổi giận và báo thù.

« Hải vương cho triệu tập quần thần và các thủ lĩnh các thần nói:

— Xôlâymân lấy bao tai họa dọa ta, bắt ta phải gả con gái, bắt phải đập vỡ tượng thần là nơi ở của vị thủ lĩnh các ngươi Đaét ben Alamát. Các ngươi nghĩ gì về sự de dọa ấy. Ta phải tuân theo hay chống lại »

Các vị đại thần đáp:

— Tâu đức vua, Ngài việc gì phải sợ uy lực của Xôlâymân. Lực lượng của chúng ta cũng đáng sợ như lực lượng của ông ta. Chúng ta có thể đánh bại họ là khác.

Họ hỏi ý kiến tôi. Tôi nói:

— Câu trả lời duy nhất là đánh cho vị sứ của ông ta mấy roi.

Họ thực hiện ngay lời tôi, nọc sứ ra đánh và bảo: «Cứ về thuật lại cho chủ ngươi biết».

«Xôlâymân biết chuyện, giận lắm, huy động mọi lực lượng có trong tay: thần, người, muông, thú. Đội quân người giao cho Axáp ben Backhia chỉ huy. Đomriát, cha các thần, chỉ huy đội quân ma, quỉ, thần, đông sáu chục triệu cùng đội quân muông, thú từ khắp bốn phương trời, khắp các đảo, các biển đến. Xôlâymân dẫn đội quân khủng khiếp ấy tấn công Hải vương. Ông dàn trận như thế này:

«Ở tả, hữu dực là đội mãnh thú xếp theo hàng bốn. Đạo quân chim dữ quan sát trên không báo việc điều quân của chúng tôi và hễ thấy binh sĩ là sà xuống mổ mắt. Tiền quân là đội quân người, hậu quân là đội quân thần. Bên phải Xôlâymân là Tể tướng Axáp ben Backhia, bên trái là Đomriát vua các thần trên không. Xôlâymân ở giữa, ngồi trên một chiếc ngai bằng vân ban thạch và bằng vàng đặt lên lưng bốn con voi xếp thành hình vuông. Ông cho lệnh tấn công.

«Tiếng ầm ầm nổi dậy mỗi lúc một to. Tiếng chân người, thú chạy rung chuyển vỏ trái đất. Tiếng chim dữ, thần, ma la hét inh ỏi trong không. Tôi chỉ huy đội quân tiền đạo gồm những vị thần đã qui thuận Hải vương, xông vào đội quân thần của vua Đomriát. Đomriát biến thành một quả núi bốc khói, phun hàng suối lửa hồng làm tôi nghẹt thở. Tôi kích thích quân tôi, tôi lùi, tôi tiến, cho đến khi thấy quân thù đông quá sắp đè bẹp mình, thì nổi hiệu rút quân, vỗ cánh vút bay đi. Xôlâymân ra lệnh bao vây tiêu diệt chúng tôi. Bọn tôi, kẻ bị thú dày xéo, kẻ bị móc mắt, kẻ bị

phanh thấy quẳng từ trên không xuống. Tôi trốn, bay ba tháng ròng, cuối cùng bị bắt, bị trói, bị xích vào cây cột đèn này cho đến mãn kiếp. Còn tất cả các vị thần tôi chỉ huy bị bắt, đều bị biến thành khói nhốt trong những chiếc bình đồng có yểm ấn của Xôlaymân. Những chiếc bình này bị vứt xuống đáy biển nơi tường lũy của thành phố Đồng Thau.

«Còn dân ở đây ra sao, vì tôi bị xích ở đây, nên không hề được biết. Các ông đến thành phố ấy, có thể thấy dấu vết của họ và biết được số phận của họ».

Cái thân nói xong, cựa quậy rất dữ như muốn xổng ra. Đô đốc Mutxa và tùy tùng, sợ nó xổng ra được hoặc buộc phải giúp nó một tay nên không muốn dừng lại lâu, vội đi về phía thành, đã thấy hiện lên ở xa xa, trong nắng chiều những bức tường cùng những ngọn tháp.

Còn cách một quãng thì trời tối. Ngại không muốn đi tiếp họ, nghỉ lại cho đỡ mệt. Tảng sáng hôm sau, Mutxa đánh thức mọi người dạy, đi tiếp. Đến nơi, họ thấy những bức tường bằng đồng thau nhẵn thín như mới lấy ở khuôn ra. Tường cao như lẫn với núi vây quanh một mảng của núi vậy. Khi đã bớt ngạc nhiên rồi, họ tìm một cổng để vào, nhưng tìm không thấy. Họ cứ đi, đi mãi, không thấy cổng, không thấy một lỗ hổng, không thấy một ai ra hoặc vào. Giời đã đổ trưa, mà vẫn không nghe một tiếng động bên trong hoặc bên ngoài tường, không thấy một cử động nào trên cao hoặc dưới chân tường. Đô đốc Mutxa không mất hy vọng, khuyến khích mọi người cứ đi. Và họ cứ đi cho đến chiều, trước mặt là bức tường thành đồng thau lên lên xuống xuống theo mặt đất, như mọc từ dưới đất lên. Mọi người đã mệt, Mutxa cho dừng chân, nghỉ ngơi ăn uống, và cũng để ông có thì giờ suy nghĩ.

Nghỉ ngơi một lúc, ông bảo mọi người ở lại trông lều, còn ông với cụ Apđôxamát và Taláp thì trèo lên một quả núi quan sát chung quanh và nhìn vào trong cái thành không chịu mở cho người trần tục.

Lúc đầu không trông thấy gì, vì bóng tối bao phủ. Bỗng ở đằng đông có ánh sáng, một lúc mặt trăng mọc lên lộng lẫy trên đỉnh cao, tỏa ánh cho khắp đất trời. Và phía dưới, một cảnh tượng làm cho họ phải nín hơi.

Một thành phố trong mơ!

Dưới ánh trăng tỏa từ trên cao, con mắt nhìn xa tít chân trời mờ tôi thấy, trong vòng tường đồng thau, nào những mái tròn cung điện, những sân cao trước nhà, những mảnh vườn yên tĩnh, nào sông ngòi lập lờ uốn khúc, lấp lánh ánh trăng. Xa xa một biển kim khí lạnh tỏa sáng. Những bức tường đồng thau màu vàng đỏ, những mái tròn như nạm ngọc, những mảnh sân, khu vườn, những dòng sông và biển cả, những bóng kéo dài ngả về Tây, tất cả hòa hợp trong một toàn cảnh có gió đêm nhẹ thổi, có ánh vàng huyền ảo của trăng trong.

Có điều bức tranh rộng lớn ấy lại im ắng như một nhà mồ. Không có gì tỏ ra có người ở. Thế nhưng lại có những tượng bằng đồng thau dựng trên những bệ cao, to: có những kỵ sĩ bằng đá hoa, những con thú có cánh không bay. Trong cái bất động rộng lớn ấy, cái động duy nhất là hàng nghìn con giơi khổng lồ bay lượn sát mái nhà. Và chọc thủng cái im lặng mênh mông, những con cú vô hình rúc lên thê thảm tiếng kêu chết chóc trên những cung điện chết và những sân thượng im lìm.

Ba người ngắm cảnh no mắt rồi thì xuống núi đến một chỗ chân thành có bốn tấm biển khắc chữ Iôni.

Tấm biển thứ nhất ghi

«Người ơi! Tính toán làm chi, vô ích! cái chết gần rồi. Chớ tin ở tương lai. Có một Đấng Chúa vũ trụ làm cho quốc gia ly tán, quân đội tan hoang, đày vua chúa từ trên lâu đài cao sang xuống nấm mồ chật hẹp.–Dưới mồ, linh hồn họ tỉnh giấc thấy họ chỉ còn là một đống tro bụi, ai cũng như ai»

Mútxa nói:

— Đấy là những sự thật cao cả. «Linh hồn tỉnh giấc trong sự bình đẳng dưới mồ». Đúng quá.

Ông ghi vào tấm da dê. Cụ Apđôxamát dịch tiếp tấm biển thứ hai.

«Người ơi! sao lại có ảo tưởng vào hai bàn tay của mình? Sao lại tin vào cuộc đời vô nghĩa? Đời là tạm bợ, là nơi chờ để chuyền đi. Còn đâu những vì vua sáng lập các quốc gia. Còn đâu những vị đi chinh phục chiến thắng ở Irắc, Ixpahân, Khoraxân? Họ qua rồi như chưa bao giờ có mặt».

Mútxa cũng ghi lại, và xúc động nghe dịch tấm biển thứ ba:

«Người ơi! ngày tháng trôi đi, đời người bình thản trôi đến chỗ tận cùng. Hãy nghĩ tới ngày Chúa phán xét. Còn đâu những vị hoàng đế Ấn độ, Trung quốc, Xina, Nubi? Hơi thở của thần Chết đã thổi họ ngã xuống hư vô».

Mútxa lấy làm thích thú, nhắc lại: «Đâu những vị hoàng đế Xina, Nubi? Ngã xuống hư vô!»

Biển thứ tư, nói:

«Người ơi! Ngươi đắm say trong khoái lạc, không thấy rằng cái chết bám trên vai, theo dõi từng cử động của ngươi. Đời mong manh như tấm mạng nhện, phía sau hư vô đứng rình. Còn đâu những người ước mơ

to, sự nghiệp lớn? Họ đã đánh đổi lâu đài lấy nấm mộ. Lâu đài của họ giờ đây là chỗ ở của cú vọ».

Mutxa không giữ nổi xúc động, khóc hồi lâu rồi ôm đầu, suy nghĩ: «Chuyện sinh tử thật là bí hiểm. Đã phải chết thì sinh ra làm gì. Chết làm cho quên sống, thế thì việc gì phải sống? Nhưng chỉ có chúa Ala là hiểu được những số phận. Chúng ta chỉ nên cúi đầu tuân lệnh».

Nghĩ thế, ông cùng hai ông bạn đến chỗ cắm lều bảo mấy người tùy tùng đi kiếm gỗ và cành cây để làm một cái thang thật dài, chắc có thể trèo vào cái thành không có cổng này.

Tìm được gỗ và cành cây to khô, họ dùng kiếm, dao đẽo cho trơn, lấy khăn đội đầu, dây lưng, dây buộc lạc đà, dây chằng yên mà buộc thành một cái thang cao đủ leo lên đến ngọn tường. Họ tìm chỗ thuận lợi nhất, đặt thang vào, lấy đá to chèn rồi cầu nguyện chúa Ala mà từ từ leo lên. Mutxa lên trước, mấy người nữa theo sau, còn mấy người ở lại trông nom lều.

Trèo đến ngọn tường họ đi trên mặt thành một lúc đến một chỗ có hai tháp canh nối với nhau bằng một cái cửa mà hai cánh đóng lại khít nhau đến luồn một mũi kim vào kẽ cũng khó. Trên cửa có hình nổi một kỵ sĩ bằng vàng, giương một cánh tay lên, bàn tay mở ra. Trong lòng bàn tay có mấy chữ Iôni, dịch ra là: «Cọ mười hai lần vào cái đinh ở rốn tôi».

Đô đốc Mútxa ngạc nhiên lắm, lại xem thì thấy quả có một chiếc đinh vàng đóng vào giữa rốn kỵ sĩ. Ông giơ tay cọ mười hai lần. Đến lần thứ mười hai thì hai cánh cửa mở rộng cho thấy một cái thang bằng đá hoa cương đỏ xoáy sâu xuống. Bọn ông Mutxa lần theo bực thang thì đến giữa một gian phòng mở ra một đường phố, có lính cầm cung, cầm kiếm đứng canh.

Mutxa bảo mấy người cùng đi đến nói trước với họ để khỏi bị phiền. Đến gần thì thấy có người đứng, tay cầm mộc, tay cầm kiếm trần, có người ngồi, có kẻ lại nằm. Mutxa đến một người có vẻ là chỉ huy chào thân mật. Nhưng anh không động đậy, không chào lại. Những người khác cũng đứng im, mắt nhìn không chớp. Không chú ý tới khách, như không trông thấy. Đoán là họ không biết tiếng Arập, Mutxa xin cụ Apđôxanát nói với họ bằng tất cả những thứ tiếng mà cụ biết. Cụ bắt đầu dùng tiếng Hy lạp. Họ vẫn im. Cụ dùng tiếng Ấn độ, tiếng Do thái, tiếng Ba tư, tiếng Etiòpi, tiếng Xuđăng. Chẳng ai hiểu gì, cũng chẳng có một cử chỉ nào tỏ ra hiểu.

— Thưa cụ, Mútxa nói, bọn lính này có lẽ bất bình vì cụ không chào họ theo kiểu của họ. Xin cụ làm điệu bộ chào họ theo cách chào của tất cả các nước cụ biết.

Cụ Apđôxamát làm theo. Nhưng vẫn chẳng ai cử động, người nào cũng đứng im trong dáng đứng ban đầu. Mutxa ngạc nhiên lắm nhưng cũng đành phải bỏ đi, không hiểu vì sao có sự im lặng lạ lùng này. Cụ Apđôxamát cũng lẩm bẩm: « Lạy chúa! Ta chưa từng thấy chuyện lạ như thế này trong những cuộc hành trình của ta ».

Họ tiếp tục đi và đến một khu chợ, thấy cổng chợ mở thì bước vào. Người mua bán rất đông, cửa hiệu nào cũng đầy hàng hóa, nhưng bọn ông Mutxa nhận thấy mọi người ở đây như đã thống nhất, tới nhìn để thấy họ là ai ở đâu, làm gì cứ nguyên như thế chờ cho khách đi rồi mới tiếp tục hoạt động. Thế nhưng hình như họ không chú ý tới sự có mặt của khách, để tỏ sự bất bình về việc khách đột nhập vào đây. Và để tăng ý nghĩa của sự thờ ơ, khách đi đến đâu, im lặng đến đấy, khách chỉ nghe tiếng chân mình vang lên giữa cái cảnh không ai cử động. Bọn ông Mutxa cứ đi như

thế qua khu bán nữ trang, khu vải lụa, khu làm đồ ngựa, khu bán dạ, khu thợ giày, khu bán gia vị, đến đâu cũng chẳng thấy được một cử chỉ niềm nở hoặc ác cảm, một nụ cười chào mời hoặc chế giễu. Qua khu bán hương liệu, thấy một quảng trường mênh mông. Mắt quen với thứ ánh sáng dịu mát lọc qua lá cây của khu chợ, đến đây bỗng thấy ánh sáng chói chang. Cuối quảng trường có một tòa lâu đài bằng đá hoa, hai bên có tháp bằng đồng thau. Một vòng người đứng cạnh, im lặng tay cầm thương, cầm kiếm. Chung quanh có những cây cột cũng bằng đồng thau rất cao, trên có những con thú lớn bằng vàng có cánh giương rộng. Trước tòa lâu đài có một cái cổng bằng vàng. Qua cổng thì thấy một hành lang cột bằng vân ban thạch dài dọc theo tòa lầu và dùng làm giới hạn cho một cái sân có những bể cạn bằng đá hoa ngũ sắc. Trong hành lang có rất nhiều vũ khí lạ nạm ngọc, từ khắp các nước trên thế giới đưa đến; treo la liệt vào cột, trên tường, và ở trần hành lang. Quanh hành lang có những chiếc ghế dài bằng gỗ mun chạm trổ công phu, viền vàng, bạc. Những dũng sĩ mặc lễ phục nằm, ngồi ngổn ngang trên ghế. Không ai có một cử động nào hoặc để ngăn khách, hoặc mời khách cứ đi. Bọn ông Mutxa đi theo hành lang thấy phía trên có những dòng chữ bằng vàng, nền xanh mà cụ Apđoxamat dịch như sau:

«Người ơi! đừng chạy theo thú vui ở đời. Hãy biết sợ Chúa mà kính cẩn thờ Người. Nên biết sợ cái chết. Biết kính trọng Chúa, biết sợ cái chết là nguồn của mọi sự khôn ngoan. Vì như thế sẽ làm được nhiều việc tốt, sẽ thơm tho ngày phán xử gớm ghê».

Họ ghi lại dòng chữ, rồi đi qua một cái cửa lớn ở giữa hành lang, vào một căn phòng ở giữa có một chiếc bể cạn bằng đá hoa trong, có tia nước phun lên.

Phía trên chiếc bể cạn là một cái trần bằng lụa thêu kim tuyến, màu sắc hài hòa. Bốn chiếc máng quanh co dẫn nước đến bể cạn. Lòng máng thứ nhất bằng vân ban thạch hồng, lòng máng thứ hai bằng hoàng ngọc, lòng máng thứ ba bằng ngọc bích, lòng máng thứ tư bằng lam ngọc. Nước mang màu sắc của lòng máng có ánh lọc qua trần lụa soi vào, phản chiếu vào các vật chung quanh và vào tường đá hoa một màu nước biển dìu dịu.

Họ qua một cửa thứ hai vào một phòng thứ hai. Trong phòng có các thứ tiền cũ bằng vàng, bạc, có vòng cổ, nữ trang, ngọc ngà châu báu, nhiều vô kể, la liệt dưới đất thành từng đống, không có chỗ xen chân. Phải khó nhọc lắm mới tới được phòng thứ ba.

Phòng này có nhiều binh giáp bằng kim loại quí, những tấm mộc bằng vàng nạm ngọc, những chiếc mũ cổ, những thanh kiếm Ấn độ, những cây thương, cây lao, những chiếc áo giáp thời Đaút và Xôlâymân. Tất cả những thứ này đều được giữ gìn cẩn thận nên trông như mới lấy ở lò ra.

Tiếp đó họ vào phòng thứ tư, đầy những tủ và ngăn bằng gỗ quí, trong ấy những bộ quần áo sang trọng những thứ vải vóc thật đẹp được xếp gọn gàng.

Qua một cửa mở họ vào phòng thứ năm. Ở đây toàn những thứ dùng vào việc ăn uống tắm rửa: những chiếc bình bằng vàng và bạc; những bồn nước bằng pha lê, những cốc bằng đá quí, những khay bằng ngọc hoặc bằng đá mã não ngũ sắc.

Xem xong từng ấy phòng, họ định quay lại, nhưng còn tiếc. Hé tấm màn lụa rộng che một bức tường của căn phòng, họ thấy sau tấm màn có một cái cửa lớn chạm trổ công phu, cẩn ngà và gỗ mun. Then cửa to dày bằng bạc. Không có một lỗ nào có thể cho chìa

khóa vào được. Cụ Apđôxamát xem xét cách mở, thấy có một chiếc lò xo. Cụ ấn vào, tức thì cửa mở. Một căn phòng kỳ lạ đào hẳn vào đá hoa nhẵn như một tấm gương thép. Cửa sổ căng rèm mắt cáo loàn ngọc và kim cương. Ánh sáng chiếu qua soi vào đồ vật một vòng hào quang rực rỡ. Giữa phòng có một cái buồng cầu nguyện bằng vàng có con chim đậu, lông bằng ngọc bích, mỏ bằng hồng ngọc. Có những bậc thang bằng ngà từ buồng xuống rải một tấm thảm len màu rất tươi, có thêu hoa, cỏ, với một cánh rừng có muông thú y như thật.

Bọn ông Mutxa trèo lên căn buồng, đến chỗ thềm bên ngoài, họ sửng sốt vì trước mắt, dưới một cái tán bằng nhung dát ngọc và kim cương là một chiếc giường rộng trải thảm lụa nhiều tầng. Trên thảm có một thiếu nữ nằm, sắc mặt tươi tắn, điềm tĩnh, mi mắt khép lông mi dài, cong, một chiếc vòng bằng vàng giữ lấy mái tóc, mũ đính ngọc lấp lánh như sao, một vòng ngọc trai còn ướt làm mát da hồng ở cổ nàng. Tất cả những thứ trang sức ấy càng làm rạng rỡ thêm nhan sắc của nàng. Hai bên giường có hai người đứng hầu, một da trắng, một da đen, một người cầm kiếm, một người cầm giáo. Phía chân giường có một cái bàn đá hoa, khắc dòng chữ:

«*Ta là trinh nữ Talmo, con gái vua xứ Amalêxit. Thành phố này là của ta. Hỡi du khách, ngươi đã đến được đây, thích gì thì cứ lấy. Nhưng coi chừng, chớ vì nhan sắc của ta và lòng thèm muốn, mà chạm đến ta*».

Khi đã bớt xúc động, ông Mutxa bảo mấy người đồng hành:

– Chúng ta đã thấy nhiều điều lạ, giờ còn phải ra biển tìm mấy cái bình đồng. Đã đến lúc phải rời khỏi nơi đây. Các vị thấy ưng cái gì cứ việc lấy đem đi. Nhưng chớ có phạm đến công chúa hoặc chạm đến quần áo nàng.

Talép ben Xen nói:

— Thưa đô đốc, trong lâu đài này không gì sánh được với sắc đẹp của cô thiếu nữ này. Không đưa về Đamát dâng lên Giáo chủ thì thật là đáng tiếc. Món quà này còn hơn tất cả những bình dưới biển ».

Mutxa can:

— Không nên đụng đến công chúa. Xúc phạm đến nàng là tai họa đấy.

— Thưa ngài, các nàng công chúa không bao giờ coi như thế là bị xúc phạm, dù là họ sống hay họ ngủ.

Nói xong ông ta lại gần định bế lên. Tức thì ông ta bị kiếm và giáo của hai người hầu đâm vào ngực chết tươi. Mutxa thấy thế, không muốn đứng lại nữa, kéo mọi người đi ngang và tìm đường ra biển.

Đến nơi, thấy rất đông, người da đen đang phơi lưới. Họ chào khách bằng tiếng Arập theo thể thức người Hồi. Mútxa nói với người nhiều tuổi nhất, có lẽ là thủ lĩnh của họ:

— Thưa cụ, chúng tôi theo lệnh Giáo chủ Apđanmalếc ben Meruân đến biển đây tìm những chiếc bình giam các thần thời sứ giả Xôlây mân. Xin cụ chỉ giúp cho và giải cho nghe những bí mật của thành phố không ai cử động này.

Ông cụ nói:

— Ngư dân ở đây đều là tín đồ của chúa Ala. Còn dân ở thành phố Đồng Thau đã bị phù phép từ thời xưa và sẽ cứ ở tình trạng ấy cho đến ngày Phán xét. Còn bình giam thần, chúng tôi có nhiều lắm, khi cần mở nút cho thần ra lấy bình nấu cá và thức ăn. Các vị muốn lấy bao nhiêu chúng tôi cũng cho. Có điều khi sắp mở nút thì phải lấy tay vỗ vào miệng bình, bắt thần bên trong phải nhận sự thật về nhiệm vụ của Sứ giả Môhamát để chuộc tội phản nghịch chống lại uy quyền tối cao của đức Xôlây mân ben Đamút.

Cụ nói thêm:

– Về phần chúng tôi, để tỏ lòng trung thành với Giáo chủ, chúng tôi xin tiến hai cô gái biển vừa kéo lưới được hôm nay, đẹp hơn tất cả những cô gái trên trần.

Cụ già trao cho Mutxa mười hai chiếc bình đồng miệng gắn chì có yểm dấu của Xôlâymân, và hai cô gái tóc dài như sóng lượn, mặt sáng đẹp như mặt trăng, nhưng từ rốn trở xuống lại là mình cá uốn éo như phụ nữ khi thấy có người để ý đến dáng đi của mình. Hai cô giọng du dương, cười rất tươi, nhưng không biết nói một thứ tiếng nào cả, hỏi chỉ lấy mắt cười đáp lại.

Bọn ông Mutxa cảm ơn cụ già về lòng hào hiệp và mời cụ cùng tất cả ngư dân ở đây rời bỏ xứ này đến ở Đamát, thành phố của hoa quả và nước ngọt. Cụ già và mọi người nhận lời. Họ đến thành phố Đồng Thau, lấy tất cả những gì có thể đem đi được, ngọc, ngà, vàng, bạc, tất cả những thứ nhẹ cân mà nặng giá. Xong, họ cho vào bao, vào hòm chở đi. Họ đến Đamát bình yên, không xảy ra chuyện gì bất trắc trong cuộc hành trình lâu dài.

Giáo chủ Apđanmalếc vừa thích thú vừa ngạc nhiên về câu chuyện do Mutxa kể lại. Ngài nói:

– Ta thật ân hận không được cùng các vị đến cái thành phố Đồng Thau ấy. Nhưng nếu chúa cho phép ta sẽ đến chỗ kỳ quan này mà khám phá cho ra sự bí hiểm.

Ngài tự tay mở lần lượt từng chiếc bình đồng. Mỗi lần mở, một làn khói đặc bay ra, biến thành một hung thần dữ tợn quì xuống chân Giáo chủ kêu:

– Tôi xin chúa Ala và xin Ngài, ông chủ Xôlâymân của chúng tôi tha cho tội phản nghịch.

Nói xong, chui qua trần biến mất, khiến mọi người hết sức kinh ngạc.

Giáo chủ cũng rất thích thú về sắc đẹp của hai cô gái bể. Nụ cười, giọng nói cùng ngôn ngữ xa lạ của hai cô làm Giáo chủ xúc động. Ngài xây cho hai cô một cái bể cạn lớn. Được ít lâu, cả hai đều vì suy nhược và nóng.

Còn ông Mútxa thì được Giáo chủ cho đến Jêruzalem đất Thánh an dưỡng để ngẫm nghĩ về những lời ông đã ghi trong cuộc hành trình. Ông rất được tín đồ Hồi giáo kính trọng. Ông mất tại đây.

Hiện người ta vẫn đến viếng nhà kỷ niệm xây trên phần mộ của ông.

IX

TRUYỆN IP AN MANXUA VỚI HAI CÔ THANH NỮ

Giáo chủ Harun An Rasit vì lo việc nước mà thường mất ngủ. Một đêm, trằn trọc mãi không nhắm được mắt, Ngài bực mình đạp chăn ra, vỗ tay gọi Matrua, người bảo vệ, luôn luôn túc trực ở ngoài cửa mà bảo :

– Matrua này ! Tìm cách gì giải khuây cho ta, vì ta không ngủ được.

Matrua nói :

– Tâu Giáo chủ, không gì bằng đi dạo ban đêm cho tĩnh tâm hồn, cho dịu giác quan. Đêm trong khu vườn

đẹp lắm. Đến với cây, đến với hoa, nhìn sao đẹp lấp lánh, ngắm trăng trong thong thả trôi đến giữa sao rồi trăng xuống sông tắm mát.

— Matrua! đêm nay ta không muốn nhìn những thứ đó.

— Tâu Giáo chủ, Người có ba trăm cung tần mỹ nữ, mỗi nàng một tòa riêng. Tôi đến báo cho họ chuẩn bị đón Giáo chủ. Người sẽ đứng nấp sau bức rèm từng nhà mà bí mật ngắm họ.

— Matrua! lâu đài này là của ta, những cô gái ấy là của ta. Nhưng đêm nay ta không muốn những thứ ấy.

— Người cho lệnh đi, tôi sẽ đi mời những bậc hiền triết, những ngài bác học, những vị thi nhân của Batđa đến đây. Bậc hiền triết sẽ nói những lời đạo lý, ngài bác học sẽ kể những khám phá của họ trong bộ sử biên niên, vị thi nhân sẽ ngân-nga những vần điệu làm đẹp lòng Người.

— Matrua, đêm nay ta không muốn những thứ ấy.

— Trong cung có những người hầu rượu xinh đẹp và những thanh niên ưa nhìn. Nếu Người ra lệnh tôi sẽ tìm họ đến hầu chuyện Người.

— Matrua! đêm nay ta không muốn những chuyện ấy.

— Vậy thì, tâu Giáo chủ, xin chặt đầu tôi. Có lẽ đó là cách duy nhất để Người đỡ phiền muộn.

Câu này làm cho Giáo chủ phá lên cười.

— Hê Matrua! Rồi cũng có ngày thôi. Giờ thì đến chỗ phòng chờ xem có ai thực sự dễ coi và dễ nghe thì đưa vào.

Matrua tuân lệnh đi ra, một lát trở lại:

— Tâu Giáo chủ, chỉ thấy lão già Ip An Manxua thôi.

— Ip An Manxua nào? Ip An Manxua ở Đamát ấy à?

— Đúng cái ông già tinh quái ấy đấy.

— Thế thì dẫn vào.

Matrua ra dẫn vào. Ip An Manxua chào Giáo chủ thì Ngài bảo.

– Này Manxua, kể ta nghe một chuyện của nhà ngươi đi.

– Tâu Giáo chủ, chuyện tôi trông thấy hay chuyện tôi nghe kể?

– Có chuyện gì lạ mà ngươi chứng kiến thì kể. Chuyện trông thấy nghe vẫn thú hơn chuyện nghe kể lại.

Và Ip An Manxua kể như sau:

Mỗi năm tôi thường đến Baxra mấy ngày ở nhà đô đốc Môhamát An Hasami, là người của Giáo chủ ở tỉnh ấy. Một lần, theo thường lệ tôi đến thì gặp đúng lúc đô đốc lên ngựa sắp đi săn. Thấy tôi, ông mời đi luôn. Nhưng tôi từ chối, vì tôi vốn ghét ngựa, cứ thấy ngựa là đau bụng, chỉ có thể cùng lắm là đi lừa. Mà chẳng nhẽ cưỡi lừa đi săn? Đô đốc không ép, để tôi ở lại, cho sử dụng cả dinh cơ, truyền cho bọn nha lại phải hầu hạ tôi chu đáo, không để tôi phải thiếu thốn tí gì. Ông ta đi rồi tôi nghĩ bụng: « Lạy chúa, Ip An Manxua hỡi, từ bao năm, năm nào ngươi cũng từ Bátđa đến Baxra. Cho đến hôm nay đây, dạo chơi trong thành phố ngươi chỉ đi từ dinh đến vườn rồi từ vườn về dinh. Như thế không đủ cho việc học hỏi của ngươi. Giờ, rỗi rãi, ngươi thử đi các phố Baxra xem có gì bổ ích không. Vả lại, đi bộ là cách tốt nhất giúp cho tiêu hóa dễ dàng. Bụng ngươi vốn khó tiêu. Ngươi sắp béo phì ra như cái bao da dê đựng nước! ».

Bất bình về sự phì nộn của mình, tôi lập tức đứng dậy, thắng áo đẹp vào, ra khỏi dinh đi loanh quanh một lúc.

Tâu Giáo chủ, Người biết đấy, ở Baxra có bảy mươi phố, mỗi phố dài bảy mươi dặm Irắc. Đi một lúc thấy

lạc, tôi càng đi nhanh hơn. Không dám hỏi đường sợ người cười. Mồ hôi vã ra, khát nước quá tôi tưởng mặt trời sắp làm tôi chảy mỡ. Gặp một phố ngang nhỏ, tôi rẽ theo tìm nơi có bóng mát ngồi nghỉ chân. Không ngờ đây lại là một phố cụt, hết phố là một ngôi nhà to. Nhà bề ngoài trông đẹp lắm. Cổng vào có màn cửa bằng lụa đỏ. Phía trong, trước nhà là một khu vườn. Mỗi bên lối vào có một ghế đá hoa có bóng nho leo. Tôi ngồi xuống ghế nghỉ chân thở một lát. Đang lau mồ hôi trán thì nghe từ khu vườn có tiếng phụ nữ hát vọng ra :

« Từ ngày con hoẵng non của tôi bỏ tôi mà đi, tôi đau khổ biết chừng nào.

Chàng cho rằng để cho con gái yêu mình là một lỗi lầm nặng, có đúng thế chăng ? »

Giọng hát thật hay. Tôi nghĩ : giọng đã hay ắt người phải đẹp. Tôi đứng dạy đến chỗ cổng hé màn, kín đáo nhìn vào. Giữa vườn có hai cô gái, một cô có vẻ là chủ, một cô là tớ. Cả hai đều đẹp lạ kỳ. Cô đẹp hơn đang hát, cô kia đệm đàn tì bà. Tôi ngây người ra đứng ngắm. Cô hát bỗng quay lại. Thấy tôi, cô vội kéo mạng che mặt. Cô tức bực sai cô đệm đàn chạy ra mắng tôi. Cô này nhìn vào mặt tôi :

— Này, ông già ! Nhìn trộm phụ nữ trong nhà như thế không xấu hổ sao ? Tuổi già, râu bạc của ông không khuyên ông biết trọng những điều đáng trọng à ?

Tôi đáp thật to, cố cho cô ngồi trong kia nghe thấy :

— Cô nói đúng ! Tôi già thật, nhưng còn xấu hổ thì là chuyện khác.

Cô kia nghe thế, chạy ra gắt :

— Trơ trẽn dừng lại trước cửa một nhà không phải là nhà mình, một phòng khuê không phải là phòng khuê của mình, thế còn chưa đáng xấu hổ cho mái tóc bạc của ông sao.

Tôi cúi chào đáp:

— Cô ơi! tôi thề rằng chòm râu bạc của tôi không đáng xấu hổ đến thế. Tôi dừng lại là có nguyên do.

— Nguyên do gì?

— Tôi là khách phương xa đến, khát đến khô họng có thể chết được.

— Thế thì tội nghiệp thật.

Nói rồi, cô chủ sai cô kia chạy đi lấy nước cho tôi uống.

Cô bé chạy đi một lát, trở lại với một cái chén bằng vàng đặt trên khay, và một tấm khăn lụa xanh. Cô mời tôi uống chén nước mát mùi thơm xạ hương. Tôi uống rất thong thả, ngắm trộm cô chủ và nhìn biết ơn cả hai cô. Như thế một lúc, tôi trả lại cái chén. Cô gái đưa tôi chiếc khăn lụa thơm lau mồm. Lau xong, tôi trả lại khăn nhưng cứ ngồi im.

Cô chủ thấy tôi ngồi lâu quá, nói giọng khó chịu:

— Ông còn chờ gì mà chưa trở lại với con đường theo chúa?

Tôi đáp, vẻ mơ mộng:

— Tôi đang suy nghĩ lung lắm, chưa biết giải quyết thế nào.

— Những suy nghĩ gì vậy, thưa ông.

— Tôi nghĩ đến thế sự thăng trầm, nó là kết quả của thời gian.

— Đó là những suy nghĩ nghiêm túc. Và tất cả chúng ta đều có điều gì đáng oán thời gian. Nhưng cái gì đã gợi cho ông những suy nghĩ ấy ở trước cửa nhà này?

— Tôi nghĩ về chủ nhân của ngôi nhà này. Tôi nhớ ra rồi. Trước kia ông bảo là ở cái ngõ chỉ có một nhà với vườn. Vâng, lạy chúa Ala! chủ nhân nhà này là người bạn tốt nhất của tôi.

— Thế ông phải nhớ tên bạn ông chứ?

— Có chứ! Ông ấy tên là Ali ben Môhamát, tổng đại biểu kính mến của những nhà kim hoàn ở Baxra. Lâu lắm tôi không gặp. Có thể ông ấy đã chết rồi. Ông có con cháu gì không, thưa cô?

Nghe hỏi, cô gái ứa nước mắt mà rằng;

— Cầu chúa phù hộ cho ông tổng đại biểu Ali ben Môhamát. Ông ấy có một người con gái là cô Xét Bát, thừa tự một gia sản lớn lắm.

— Lạy chúa! Đúng rồi! Cô chính là con gái yêu của ông bạn tôi.

Cô cười:

— Bác đoán đúng đấy.

— Cầu chúa ban phúc cho cháu. Nhưng nhìn qua tấm lụa mỏng che mặt cháu, bác thấy hình như vẻ mặt cháu buồn lắm. Cháu cho bác biết vì sao. Có thể chúa cho bác đến đây để chữa nỗi buồn nó làm hao tổn nhan sắc của cháu.

— Bác chưa cho cháu biết bác tên là gì, là người thế nào thì làm sao cháu có thể nói với bác những điều thân mật ấy được?

— Bác là Ip An Manxua, ở Đamát, và là một trong những người được vinh dự Giáo chủ Harun An Rasit của chúng ta chọn làm bạn tâm tình.

Tâu giáo chủ, tôi vừa nói thế thì Xét Bát reo lên:

— Ôi bác Ip An Manxua! bác là khách quí đến nhà, cháu mong được tiếp bác thân tình và nồng hậu.

Rồi cô mời tôi theo cô vào phòng khách, ở cuối khu vườn. Cô mời tôi uống nước xong, nói:

— Bác thấy nét mặt cháu, muốn biết vì sao cháu buồn. Xin bác hứa giữ bí mật đừng kể lại với ai thì cháu xin kể.

Tôi đáp:

— Bác giữ bí mật trong buồng tim như trong một cái két sắt không tìm đâu ra chìa khóa.

— Vậy cháu xin kể.

Cô hầu xinh xắn mời tôi một thìa mứt hoa hồng. Tôi dùng xong, Xet Bát nói:

— Bác Ip An Manxua, cháu yêu và người yêu của cháu xa cháu. Tất cả chuyện của cháu có thế thôi.

Rồi cô thở dài thườn thượt, im không nói nữa.

Tôi nói:

— Cháu đẹp hoàn toàn, người yêu của cháu chắc cũng hoàn toàn đẹp. Tên chàng là gì nhỉ?

— Vâng, chàng hoàn toàn đẹp như bác nói. Chàng là Jôbai, tù trưởng bộ lạc Bani Saibân. Chàng là người thanh niên đẹp nhất Baxra và Irắc.

— Hẳn là thế. Nhưng tình yêu của các cháu mới là trên lời nói hay đã có những cuộc gặp gỡ kéo dài, giàu kết quả?

— Chúng cháu gặp nhau nhiều. Nếu vì gặp nhiều mà lòng thêm gắn bó, thì có thể giàu kết quả đấy. Nhưng Jôbai đã phụ tình chỉ vì một chút hiềm nghi.

Tâu Giáo chủ, nghe thế tôi bèn kêu lên:

— Nếu gió uốn bông huệ nghiêng xuống đất thì ai lại nghi ngờ hoa huệ yêu bùn đen? Dù Jôbai có nghi đúng thì sắc đẹp của cháu cũng buộc chàng phải tha thứ.

Cô cười:

— Thà là chuyện với nam giới cho cam. Đằng này chàng lại kết tội cháu yêu một cô gái, cái cô xinh xắn, dịu dàng vừa hầu hạ hai bác cháu ta đấy.

Tôi phản đối:

— Xin chúa tha lỗi cho chàng! Xấu hổ thay thần quỉ quái! Làm sao đàn bà lại có ngoại tình với nhau? Nhưng chàng ta căn cứ vào đâu mà nghi ngờ?

Cô đẹp:

— Một hôm, tắm xong, cháu nằm dài trên giường để mặc cho cô hầu yêu là cô gái này đây lau mình mẩy và chải tóc cho. Giời ơi nóng, con bé lột hết mấy tấm khăn lớn che vai, che ngực cháu rồi bện tóc cháu lại cho gọn. Xong hắn nhìn cháu, thấy cháu đẹp hơn lên thì ôm lấy cổ cháu, hôn lên má mà rằng: «Cô ơi, em muốn là đàn ông để yêu cô hơn thế này». Rồi hắn vuốt ve cháu và làm đủ trò. Đúng lúc ấy, tù trưởng vào. Chàng lườm hai đứa rồi bỏ đi. Một lát sau gửi đến một mảnh giấy có mấy chữ: «Tình yêu chỉ đem lại hạnh phúc khi không bị san sẻ». Từ đấy cháu không gặp chàng nữa, mà chàng cũng chẳng hề cho biết tin, bác Ip An Manxua ạ.

Tôi hỏi:

— Hai người có giao ước hôn thú không?

— Giao ước mà làm gì? Chúng cháu xum họp với nhau là do ý muốn, cần gì đến pháp quan và người làm chứng!

— Nếu cháu bằng lòng, bác sẽ nối duyên cho, để có được niềm vui thấy hai người tốt đôi tái hợp.

— Đáng tụng niệm thay chúa Ala đã đưa chúng cháu vào con đường của bác. Cháu không phải là kẻ vô ơn. Giờ cháu viết cho Jôbai một lá thư nhờ bác chuyển và khuyên nhủ chàng giúp.

Cô bảo con hầu đi lấy bút, giấy. Cô viết:

«Hỡi chàng yêu quí, sao chúng ta lại phải xa cách nhau lâu thế nhỉ? Em đau khổ mất ăn mất ngủ. Đêm đến, trong mơ, thấy hình bóng chàng, em không nhận ra được nữa, vì sai lạc đi nhiều.

Sao chàng lại nghe những kẻ vu cáo em, nói xấu? Xin chàng hãy đứng dậy, rũ đi những ý nghĩ không tốt mà về với em. Ôi ngày hội ngộ, vui sướng biết bao cho đôi ta ».

Viết xong, cô gấp lại, đóng dấu vào mà trao cho tôi, đồng thời bỏ vào túi tôi một nghìn đina vàng ép tôi phải nhận. Tôi định bụng giữ lấy tiền làm kỷ niệm về những việc tốt ngày trước tôi đã làm cho ông tổng đại biểu cha cô và cũng để phòng ngừa lúc cần đến sau này. Tôi từ biệt Xet Bát đến nơi ở của Jôbai. Tôi có quen biết cha chàng, đã mất từ lâu.

Đến lâu đài Jôbai, được biết chàng đi săn. Tôi chờ. Khi chàng về, được báo tên tuổi cùng chức vị của tôi, chàng quí lắm, xin tôi cứ coi dinh cơ của chàng như của tôi. Sau đó, chàng thân hành đến thăm tôi.

Tâu Giáo chủ, chàng đẹp quá, tôi ngây người ra nhìn. Chàng thấy tôi đứng lặng, tưởng đâu vì lạ lắm thì mỉm cười đến ôm hôn tôi. Tôi ôm chàng mà tưởng ôm trong lòng mặt trời, mặt trăng và toàn vũ trụ. Một lúc tôi mới bớt bàng hoàng. Jôbai cầm tay tôi mời ngồi trên đệm. Người hầu dọn thức ăn ra.

Toàn bát đĩa xứ Khoratxân bằng vàng, bạc, với những món rán, món quay mà mồm, mũi, mắt đều thấy khoái có chim nhồi hồ trăn tử và nho, có cá để trên bánh phồng, có rau mã xỉ hiên trông thèm chảy rãi, không nói đến bao nhiêu thứ khác như cơm kem trâu mà tôi muốn thọc vào đến cùi tay, mứt cà rốt có hạnh nhân mà tôi rất ưa—một ngày nào đó tôi sẽ phải chết vì thứ mứt này—hoa quả, thức uống.

Tuy vậy, tâu Giáo chủ, tôi xin thề là đã nén được thèm thuồng, không đụng đến món nào cả. Chờ cho Jôbai mời mọc mãi, tôi mới nói:

— Lạy chúa, lão đến đây cốt để xin ngài tù trưởng một điều. Ngài không nhận thì lão nguyện chẳng ăn uống gì ở bữa tiệc đãi khách linh đình này.

— Thưa cụ, trước khi nhận cái điều hệ trọng có thể khiến cụ từ chối việc tiếp đãi, cụ có thể cho biết mục đích cụ đến thăm được không?

Tôi không trả lời, lấy bức thư trong người ra đưa cho chàng. Chàng cầm lấy, mở ra đọc. Đọc xong xé vụn ra vứt xuống đất lấy chân dí lên.

— Cụ Ip An Manxua a, cụ muốn bảo gì tôi cũng xin làm ngay. Nhưng xin đừng nói đến lá thư này. Tôi không có gì phải trả lời.

Tôi liền đứng dạy, định đi ngay. Chàng níu áo giữ lại, nói:

— Nếu cụ biết được vì sao tôi phải từ chối, hẳn cụ sẽ không năn nỉ. Vả lại cụ chớ tin mình là người đầu tiên người ta nhờ làm việc này. Nếu cụ muốn, tôi sẽ nói đúng những lời cô ta nhờ cụ đến nói với tôi.

Và chàng nhắc lại, như thể chàng đã có mặt lúc cô ta dặn tôi. Chàng nói thêm:

— Xin cụ đừng bận tâm đến chuyện này nữa. Cụ cứ ở lại đây nghỉ ngơi, bao lâu cũng được.

Thế là tôi ở lại. Hôm ấy tôi ăn, tôi uống, tôi đàm đạo với chủ nhân. Tôi lấy làm ngạc nhiên thấy mấy bữa tiệc không có hát, có nhạc như thông thường vẫn có. Tôi hỏi chủ nhân, chàng sầm mặt lại, bối rối:

— Từ lâu tôi đã bỏ hát, bỏ nhạc trong những bữa tiệc. Nhưng cụ đã muốn, thì xin có.

Chàng gọi một nữ nô. Cô ta mang vào một cây đàn Ấn độ có vỏ bọc bằng xa tanh. Cô ôm đàn, ngồi dạo lên hai mươi một giọng. Cuối cùng cô dùng giọng thứ nhất mà hát rằng:

« Hỡi các cô gái của số phận, các cô tóc rối bời, khóc lên vì đau khổ.

Bàn ăn đủ các thức ăn ngon. Hoa hồng thơm, hoa thủy liên hàm tiếu, nước cười trong bể cạn.

Hồn ta hỡi, hồn buồn bã, hãy dũng cảm lên! Một ngày kia, hy vọng lại sáng lên trong con mắt. Cốc hạnh phúc, ngươi sẽ được nhấp môi vào ».

Cô chuyển sang điệu buồn hơn:

« Kẻ nào chưa thưởng thức những khoái lạc của tình yêu, chưa nếm mùi cay đắng của nó, thì chưa hiểu mất bạn thân thiệt thòi như thế nào.

Kẻ nào không bị những vết thương tình thì không có được những nỗi giày vò khoan khoái do những vết thương ấy gây cho.

Ôi những đêm hoan lạc đến sáng; những ngày hoan lạc đến đêm! ôi quá khứ! Hỡi trái tim bị tan vỡ, làm gì được những quyết định của một số phận hung tàn ».

Mấy lời than vừa dứt, Jôbai kêu lên một tiếng đau thương, ngã lăn ra. Nữ nô trách tôi:

– Lỗi tại cụ đấy. Đã lâu chúng tôi tránh không hát trước mặt ông chủ chúng tôi. Bài tình ca nào cũng làm ông xúc động, bối rối.

Tôi rất tiếc đã gây ra nông nỗi. Tôi nghe theo lời nữ nô vào phòng riêng để khỏi làm phiền chàng vì sự có mặt của mình.

Sáng hôm sau, trước lúc ra đi, tôi nhờ một người hầu chuyển lời cảm ơn đến Jôbai. Bỗng một nô lệ đến đưa tôi một cái túi có một nghìn đina, xin tôi nhận cho và cho hay y được lệnh nhận lời từ biệt của tôi.

Thất bại trong chuyến đi, tôi trở về nơi xuất phát. Vừa đến vườn, tôi đã thấy Xét Bát đứng đợi. Không để cho tôi mở miệng, cô nói ngay:

– Bác Ip An Manxua ơi, cháu biết là chuyện hỏng rồi

Cô kể từng điểm, từng điểm mọi việc đã xảy ra giữa tôi và Jôbai tưởng chừng nàng đã thuê thám tử theo dõi để về kể lại hết. Tuy vậy, tôi cũng hỏi:

— Sao cháu biết rõ thế? Cháu có mặt tại đấy mà không ai trông thấy cháu à?

— Bác ạ, đã yêu nhau thì mắt có thể thấy những điều mà người khác không ngờ. Bác chẳng có gì đáng trách trong việc chàng từ chối. Số cháu nó như thế.

Cô ngước mắt nhìn trời, nói thêm:

— Lạy chúa! chúa là chủ những trái tim, là vua của những tâm hồn, xin cho tôi từ nay được người yêu mà chẳng yêu ai. Còn chút tình nào trong trái tim này dành cho Jôbai, hãy rót vào tim Jôbai cho chàng khổ não. Chúa hãy làm cho chàng trở về van xin tôi phải nghe chàng, chúa hãy cho tôi làm chàng đau khổ.

Cô cảm ơn tôi về những chuyện tôi đã làm cho cô và để tôi về. Tôi về dinh đô đốc Mahamát, rồi đi Bátđa.

Năm sau, theo thường lệ tôi lại phải đến Baxra. Tân Giáo chủ, đô đốc Môhamát là con nợ của tôi, tôi cứ phải đến đòi nợ như thế. Đến Baxra, tôi nghĩ ngay đến việc tìm hiểu câu chuyện của đôi tình nhân nọ. Tôi tới nhà Xet Bát trước. Cổng vườn đóng. Chung quanh im ắng quá khiến lòng tôi man mác. Nhìn qua khe cổng, thấy giữa lối đi, dưới cành liễu rủ có một ngôi mộ mới, xây bằng đá hoa. Vì đứng xa, tôi không đọc rõ tấm bia. Tôi nghĩ: « Cô ta không còn nữa, tuổi xuân đứt đoạn, đáng tiếc thay tấm thân nhan sắc nhường kia. Chắc vì đau buồn quá mà thiệt phận. »

Tôi thấy ngực nén xuống, tôi đi ngay đến tư trưởng Jôbai. Cảnh ở đây lại buồn thảm hơn. Tất cả đều hoang vắng: tường đổ, vườn khô, không dấu vết người chăm sóc. Cổng dinh không người canh gác. Không gặp một ai

hỏi cho biết người trong dinh ra sao. Tôi tự nhủ: «Có thể chàng cũng chết rồi.» Tôi buồn quá, ngồi ở cửa ngẫu hứng mấy vần thơ:

«Nhà hỡi! ta ngồi ở bực cửa khóc cùng những viên đá của ngươi về người bạn thân không còn nữa,

Chàng đâu rồi, vị chủ nhân mà lòng hiếu khách tỏa rộng đến kẻ qua đường.

Lâu đài hỡi, đâu rồi những người bạn vui tươi thời ngươi còn huy hoàng?

Hỡi người đi qua! Hãy làm như họ, nhưng ít nhất cũng đừng quên những ơn huệ dấu vết còn đây, dù có sự tàn phá của thời gian».

Tôi đang than thở thì một tên hoạn nô đến, gắt:

— Ông già kia, im đi! Cầu mong cho ông chết đi. Sao lại hát gở thế trước cửa nhà người ta?

— Tôi ứng khẩu vài câu thơ khóc người bạn thân trong nhà này, tên là Jôbai, bộ lạc Bani — Saibân.

— Cầu chúa ban phúc cho ông chủ tôi. Sao ông lại bảo là tù trưởng Jôbai đã chết? Đáng ca ngợi thay chúa Ala. Chủ tôi còn sống trong vinh quang và của cải đấy.

— Thế sao trong nhà, ngoài vườn lại buồn thảm như vậy?

— Chỉ tại tình yêu cả thôi. Tù trưởng tuy còn sống, nhưng sống cũng như chết. Ông cứ nằm dài trên giường bất động. Đói không bao giờ kêu cho ăn, khát không bao giờ đòi cho uống.

— Ngươi đi báo ngay có ta muốn gặp. Cứ thưa có ông Ip An Manxua đợi ở cửa.

Tên hắc nô vào. Một lúc ra bảo chủ y có thể cho tôi gặp. Hắn dẫn tôi vào, bảo: «Cụ nói gì chủ tôi cũng không nghe đâu, trừ khi cụ làm cho ông xúc động».

Tôi thấy Jôbai nằm dài, mắt nhìn vào khoảng trống, mặt xanh gầy, không nhận ra được nữa. Tôi chào chàng không đáp. Tôi nói, chàng không trả lời. Tên hầc nô thì thầm vào tai tôi: « Chủ tôi giờ chỉ hiểu bằng thơ. Nói thường, không hiểu ».

Lạy chúa, tôi chỉ mong có thế, để được nói chuyện với chàng. Tôi trầm ngâm một lát, rồi ứng khẩu, đọc rành rọt:

« Chàng còn nhớ đến tình cô Xet Bát nữa không, hay đã quên sau những giày vò khủng khiếp của lòng say đắm?

Chàng còn mất ngủ nữa không, hay đã có thể ngủ được rồi?

Còn khóc, còn tuyệt vọng thì có nghĩa là chàng đã điên dại quá mất rồi ».

Nghe mấy câu, chàng mở mắt, nói:

— Chào cụ Ip An Manxua. Tình thế đã quá trầm trọng đối với tôi.

— Thưa Ngài, tôi có thể giúp ngài được gì bây giờ?

— Bây giờ chỉ có cụ là cứu được tôi. Tôi muốn nhờ cụ chuyển cho Xét Bát một lá thư vì chỉ có cụ là thuyết phục được nàng phải phúc đáp!

— Tôi xin sẵn lòng.

Chàng tươi tỉnh hẳn, ngồi dạy, mở một tờ giấy, đặt vào lòng bàn tay, rồi cầm bút viết:

« Hỡi nàng khắt khe yêu dấu, tôi đã mất trí và quẫn quại trong niềm tuyệt vọng. Trước tôi cứ tưởng tình yêu là chuyện vụn vặt, dễ dàng, nhẹ nhõm. Giờ thì than ôi! chết đuối trên sóng tình, tôi mới thấy, đối với kẻ dấn thân vào, tình quả là một biển cả sóng dữ, thật gớm ghê. Lòng tái tê, tôi xin trở lại với nàng, xin

nàng xá lỗi cho việc đã qua. Xin thương tôi, và nhớ đến mối tình đôi ta. Nàng mà quên độ lượng tức là muốn tôi phải chết đấy.

Chàng đóng dấu vào thư, trao cho tôi. Tôi chưa rõ số phận của Xét Bát, nhưng cũng cầm thư đi ngay. Tôi qua sân, không báo gì cả, vào thẳng phòng khách.

Thật kỳ lạ. Mười nữ nô da trắng ngồi trên thảm, vây quanh Xét Bát. Xét Bát rạng rỡ như mặt trời, trông rất khỏe mạnh, nhưng lại mặc tang phục. Tôi cúi chào. Cô thấy tôi, mỉm cười, đáp lễ.

– Kính chào bác Ip An Manxua. Mời bác ngồi. Nhà này là của bác đấy.

Tôi nói:

– Mong những nỗi bất hạnh tránh xa khỏi đây. Nhưng tại sao cháu lại mặc áo tang?

– Bác đừng hỏi nữa cháu buồn. Cô ta chết rồi, cô bé xinh đẹp ấy mà. Chắc bác đã thấy mộ, nơi cô ta an nghỉ trong vườn.

Nói xong nàng khóc: mấy cô kia an ủi mãi.

Tôi nghĩ nên im lặng giây lát, sau mới nói:

Cầu chúa Ala phù hộ cho cô ta, và mong cái phần cuộc đời còn nợ cô ái nô của cháu được chúa trả lại cho cháu hưởng.

Nhân nàng đang xúc động, tôi lấy bức thư gài trong thắt lưng đưa ra và nói thêm:

– Chàng sống hay chết là do thư phúc đáp của cháu. chàng còn sống chỉ để chờ lá thư ấy thôi.

Nàng cầm thư, mở ra, đọc qua. mỉm cười, và nói:

– Trước kia chàng không buồn đọc thư cháu. mà bây giờ lại đắm say đến thế? Cháu đã giữ im lặng, khinh bạc để buộc chàng phải quay lại nồng nhiệt hơn bao giờ hết.

— Cháu làm thế là phải, lại có quyền nói cay đắng hơn chút kia. Nhưng một tâm hồn rộng lượng vốn dễ tha thứ. Vả lại, cô ái nô dịu hiền, người bạn xinh xắn có thể an ủi được cháu thì đã chết rồi. Một mình với nỗi đau thương, cháu sẽ làm gì trong tòa lâu đài này?

Cô nghe tôi nói, nước mắt chạy quanh, có vẻ suy nghĩ. Một lúc lâu mới nói:

— Bác ơi! cháu thấy bác nói đúng đấy. Cháu trả lời chàng đây.

Tâu Giáo chủ, thế là cô lấy giấy viết một lá thư mà tôi chắc những ngài thư ký giỏi nhất của Người cũng khó viết, cảm động hơn được. Tôi không nhớ nguyên văn, nhưng ý là thế này:

« Em không hiểu nổi tại sao chúng mình phải xa nhau dù cứ muốn gần nhau. Nghĩ kỹ, có thể lỗi tại em. Nhưng quá khứ đã qua. Mọi sự ghen tuông đều phải chết đi vì xa cách, lìa tan. Để em nhớ lại hình bóng chàng, như thế cho mát dễ chịu, còn hơn cả giấc ngủ.

Lúc ấy chúng ta sẽ lại cùng giải khát với nhau và nếu có say nhau thì cũng chẳng ai trách cứ ».

Cô đóng dấu đưa cho tôi.

— Lạy chúa! cái này làm cho kẻ khát hết khát, kẻ tàn tật hết bệnh đây.

Tôi định đi, thì cô giữ lại:

— Bác nói thêm là đêm nay hạnh phúc sẽ đến với chúng cháu đấy.

Tôi chạy đến nhà Jôbai. Chàng đang đăm đăm nhìn về phía cửa tôi sẽ phải qua.

Đọc qua lá thư, chàng reo lên vui sướng, rồi ngã ra, thiếp đi. Một lát tỉnh lại chàng lo lắng hỏi:

— Cụ ơi! chính nàng viết thư này à? Chính tay nàng viết à?

— Lạy chúa! Cho đến bây giờ tôi chưa biết có ai dùng chân mà viết bao giờ.

Tâu Giáo chủ, tôi vừa nói xong thì nghe phía sau cửa có tiếng vòng xuyến xủng xoảng, tiếng nhạc leng keng, tiếng lụa sột soạt, và Xet Bát hiện đến.

Niềm vui này khôn tả bằng lời, nên tôi miễn tả. Chỉ cần biết là đôi tình nhân chạy đến ôm chặt lấy nhau. Một lúc lâu Xét Bát vẫn cứ đứng, mặc cho Jôbai nằn nỉ mời ngồi. Tôi lấy làm lạ, hỏi tại sao thì cô nói:

— Có làm xong giao ước thì cháu mới ngồi.

— Giao ước gì vậy?

— Thứ giao ước chỉ liên quan đến người đang yêu. Cô ghé tai người yêu thì thầm. Chàng gọi một người hầu, ra lệnh, cho đi ngay. Một lát sau thấy vị pháp quan và những người làm chứng đến. Họ làm giao ước hôn nhân cho hai người. Làm xong họ ra luôn, với món quà một nghìn đina do Xet Bạt tặng. Tôi cũng muốn cáo lui. Jòbai không chịu, nói:

— Không lý gì, bác chỉ tham dự vào việc buồn, mà không tham dự vào ngày vui của chúng cháu

Rồi hai vợ chồng mời tôi dự tiệc suốt đêm, sau đấy tôi về phòng riêng. Sáng dậy, một tiểu đồng đưa vào một cái chậu và một bình nước. Tôi rửa mặt mũi, cầu kinh xong, ra ngồi ở phòng khách. Đôi vợ chồng vừa tắm xong tươi tỉnh vào tiếp tôi. Chúc mừng họ xong tôi nói:

— Lão thấy vui được góp phần vào việc tái hợp của hai cháu Jôbai này, nếu muốn tỏ lòng mến bác, cháu cho bác biết, cái gì trước đây đã làm cho cháu giận hờn đến phải khổ sở xa lánh Xet Bat. Cái chuyện cô hầu chải đầu, bện tóc, ôm hôn, đùa nghịch, cô ấy đã

mới rõ. Nhưng chả nhẽ có thế mà giận hờn đến thế, chắc phải có nguyên do, chứng cớ, có những mối nghi ngờ khác.

Khbai cười, nói :

— Bác tinh lắm. Giờ, ái nô của Xét Bat đã chết, mối thù của cháu cũng tắt. Cháu có thể nói nguyên ủy của sự bất hòa giữa chúng cháu. Chỉ do một câu chuyện đùa mà một anh lái đò bảo là của hai cô, cái hôm anh ta chở thuyền cho hai cô đi chơi trên sông. Anh ta mách với cháu :

— Thưa Ngài, sao Ngài lại có thể chịu để cho một người đàn bà giễu mình với một ái nô được. Hôm ấy hai người uể oải tựa vào nhau trên chiếc thuyền của tôi mà hát, những bài chẳng hay ho gì về tình yêu nam giới. Họ kết thúc những bài hát như thế này :

« *Lòng dạ ta còn nóng hơn lửa, nhưng nếu lại gần ông chủ của ta thì lửa lòng nguội tắt. Trước những thèm muốn của chàng, tim ta lạnh giá hơn băng.*

Ông chủ của ta thì khác hẳn. Ở chàng cái phải cứng thì lại mềm, cái phải mềm thì lại cứng. Vì lòng chàng cứng như đá, còn cái khác thì lại mềm như nước ».

Nghe anh lái đò, cháu thấy tối tăm mặt mũi, cháu vội về nhà Xet Bat thì thấy cái điều đã thấy. Thế là đủ bằng chứng cho cháu nghi ngờ. Nhưng nhờ Chúa, giờ thì quên hết rồi.

Chàng xin tôi cầm món tiền ba nghìn đina, gọi là giả ơn về những việc tốt tôi đã làm.

Ip An Manxua bỗng ngừng kể. Một tiếng ngáy đã ngắt lời ông, thì ra, Giáo chủ nghe chuyện đã ngủ say. Ip An Manxua sợ Ngài tỉnh giấc bèn rón rén đi ra phía cửa mà Matrua đã rón rén hơn mở cho ông.

X

THUYỆN ANILICA NỮ HOÀNG DƯỚI ĐẤT

Có một nhà hiền triết Hy lạp tên là Đanian. Ông có nhiều môn đệ biết kính trọng ông, nghe lời ông giảng mà thâu thái những hiểu biết của ông. Ông chỉ phiền không có con giai để tiếp thu sách vở cùng những nguyên cảo của ông. Ông chỉ còn biết cầu Thượng đế. Đức Tối cao độ lượng vô biên đã nghe lời cầu nguyện ấy và cho bà vợ ông có thai ngay. Trong thời gian bà thai nghén, ông Đanian thấy mình quá già nghĩ bụng: « Ta sắp chết, không biết con ta sau này có giữ được sách vở của ta không ». Nghĩ vậy, ông dùng tất cả thì giờ của ông tóm lược tất cả những điều ông viết. Ông viết chữ rất bé vào năm tờ giấy, tinh hoa về sự hiểu biết của ông chứa trong năm nghìn bản thảo. Ông đọc lại, suy nghĩ thêm thấy năm tờ còn dài, có thể cô đọng hơn nữa. Ông để mấy tháng để suy nghĩ mà cô lại trong một tờ chỉ bé bằng một phần năm các tờ trước. Viết xong thấy mình đã đến ngày tận số.

Nhà bác học già sợ sách vở và bản thảo của mình rơi vào tay kẻ khác cho đem quẳng hết xuống biển, chỉ giữ lại tờ giấy nhỏ. Ông gọi bà vợ bụng chửa, dặn:

— Tôi không sống được nữa, thế là không được trông thấy mặt đứa con trời ban cho, chẳng được nuôi nấng nó. Gia tài tôi để cho con là tờ giấy nhỏ này. Chỉ khi nào con nó hỏi phần gia tài của bố thì bà hãy đưa. Nếu đọc mà hiểu được hết ý nghĩa thì nó sẽ là người khôn ngoan nhất thời đại. Tôi muốn con sẽ mang tên là Hatxíp.

Nói xong nhà hiền triết Danian thở ra, an nghỉ trong hòa bình của chúa Ala.

Đám tang ông có đủ môn đệ và nhân dân trong thành đự. Ai cũng khóc, để tang ông trong lòng.

Mấy hôm sau bà Danian sinh một đứa con giai khâu khỉnh, đặt tên là Hatxip theo lời dặn của người đã qua đời. Bà mời mấy nhà chiêm tinh đến bói cho con. Mấy ông quan sát tinh tú, tính toán xong, đoán: «Chú bé này đến tuổi thanh niên sẽ bị một tai họa đe dọa, nếu thoát được sẽ sống lâu, sẽ giàu và sẽ thông thái lắm».

Chú bé lên năm, bà cho đến trường để học một cái gì. Nhưng chú bé chẳng chịu học gì cả. Bà không cho đến trường nữa, muốn cho học một nghề. Nhưng cho đến năm mười lăm tuổi, chú vẫn chẳng học được gì cũng chẳng làm gì để kiếm ăn và để giúp mẹ về chi tiêu. Bà mẹ buồn, khóc. Mấy bà láng giềng khuyên lấy vợ cho cậu, cậu tất biết làm ăn, vì phải làm để nuôi vợ.

Bà mẹ tìm được một cô gái vừa ý trong số con cái những bà con quen biết, và hỏi làm vợ cho con. Hatxip là một người chồng tốt, không thờ ơ mà trái lại còn mặn mà đằm thắm với vợ. Nhưng vẫn chẳng chịu làm ăn gì. Hàng xóm có mấy bác tiều phu, một hôm, nói với bà Danian:

– Bà mua cho anh ấy một con lừa, mấy cuộn dây, một cái rìu, cho vào núi đốn củi với chúng tôi. Tiền bán củi sẽ chia và như thế anh ấy có thể đỡ bà trong việc tiêu pha và nuôi vợ được khá hơn.

Bà mẹ mừng lắm, mua sắm đủ mấy thứ, gửi gắm Hatxip cho mấy bác, dặn dò rất cẩn thận.

Mấy bác nói:

– Xin bà cứ yên tâm. Con ông chủ Danian của chúng tôi thì chúng tôi phải trông nom, giúp đỡ chu đáo chứ.

Họ đưa chàng vào núi, chỉ bảo cho việc đốn củi, bổ lại cho lừa mang đến chợ bán. Hatxip rất thích nghề này vừa giúp đỡ được mẹ, được vợ, lại vừa được đi chơi.

Một hôm chàng đang đẵn gỗ thì gặp dông bão, sấm sét, gió mưa. Mọi người chạy tránh vào một cái hang gần đấy, đốt lửa sưởi. Họ bảo Hatxip bổ củi để đốt. Hatxip vào phía cuối hang, chăm chú bổ. Bỗng nghe tiếng rìu oang oang như phía dưới đất rỗng. Chàng bới lên xem thì thấy một phiến đá hoa cũ trên có một cái vòng bằng đồng. Chàng gọi. Mọi người chạy đến nâng phiến đá lên thì thấy một cái hầm rộng, sâu, dưới có vô số những chiếc bình cổ niêm phong cẩn thận. Họ dòng Hatxip xuống xem là những bình gì rồi lấy dây buộc lại cho họ kéo lên. Hatxip buộc đến đâu họ kéo lên đến đấy. Kéo hết cả rồi, họ cho lên lưng lừa thẳng đường lên tỉnh, không nghĩ đến việc kéo anh bạn của họ lên. Họ bảo.

– Kéo hắn lên, bán được, lại phải chia cho hắn. Vả chăng, hắn là một tên vô lại, chết đi hơn là sống.

Họ dẫn lừa đến chợ, cử một người đến báo với bà Đanian:

– Chúng tôi gặp dông bão. Mọi người vào ẩn trong một cái hang. Con lừa của Hatxip sợ bỏ chạy. Hatxip chạy đuổi theo, chẳng may gặp một con chó sói trong rừng chạy ra. Thế là cả người lẫn vật bị sói ăn thịt. Chúng tôi đi tìm chỉ còn thấy ít máu và vài mẩu xương.

Mẹ và vợ Hatxip nghe tin ấy cào mặt mày, lăn lộn xuống đất mà kêu khóc.

Mấy gã tiều phu bán mật ong được giá hời, mỗi người được một món to, đem mua mỗi người một ngôi hàng, ngày nào cũng ăn uống no say những của ngon vật lạ.

Còn về phần Hatxíp. Khi thấy chẳng có ai kéo mình lên, chàng kêu la, van lạy, nhưng vô ích v bọn tiều phu kia đã cố ý để chàng chết ở đây. Chàng định khoét mấy lỗ ở vách bám lấy mà leo lên, nhưng đá vách là đá hoa cương, rìu bổ vào không ăn thua. Chàng tuyệt vọng, nằm lăn ra, chờ chết. Bỗng từ một khe đá một con bọ cạp to chui ra định đến đốt chàng. Chàng cho một nhát rìu đi đời con bọ. Rồi đến quan sát khe đó thì thấy có tia sáng lọt ra. Chàng cho lưỡi rìu vào bẩy, thì, ôi ngạc nhiên tảng đá như một cánh cửa từ từ nâng lên, người chui lọt.

Chàng không ngần ngại chui qua. Một hành lang chạy dài trước mắt. Ánh sáng ban nãy là từ chỗ đầu hành lang này đây. Chàng men theo, một lúc đến một cánh cửa to bằng thép đen, có ổ khóa bằng bạc, chìa khóa bằng vàng. Chàng mở cửa thì thấy một quãng trời rộng, dưới là một cái hồ nằm dưới chân một quả đồi ngọc bích. Trên bờ hồ có một chiếc ngai lóng lánh ngọc. Quanh chiếc ngai, soi bóng xuống nước, là những chiếc ghế, bằng vàng, bằng bạc, bằng ngọc bích, bằng gỗ mun, bằng bạch đàn. Chàng đếm thì có đúng mười hai ngàn cái, không hơn không kém. Chàng leo lên ngồi trên chiếc ngai để ngắm cảnh, ngắm núi, ngắm hồ.

Vừa ngồi, nghe có tiếng chũm chọe, tiếng chiêng. Rồi từ bên sườn ngọn đồi một đoàn người trườn hơn là đi tới. Vì xa, chàng không thấy rõ hình thù. Họ đến gần thì thấy đấy là những phụ nữ rất đẹp nhưng nửa dưới hình rắn. Họ hát tiếng Hy lạp, giọng du dương, xưng tụng nữ hoàng mà Hatxíp chưa thấy đâu cả. Rồi từ phía sau ngọn đồi xuất hiện bốn cô gái rắn giơ thẳng hai tay lên đầu đỡ lấy một cái chậu bằng vàng trong có vị nữ hoàng tươi cười, duyên dáng. Bốn cô tiến đến chiếc ngai vàng mà Hatxíp vừa vội vàng rời khỏi, đặt nữ hoàng vào, xếp lại nếp tấm mạng che

mặt bà rồi lui về phía sau, còn những cô gái rắn khác, mỗi cô bò đến một chiếc ghế quí quanh hồ. Nữ hoàng nói mấy tiếng Hy lạp. Tiếng chũm chọe vang lên. Các cô gái rắn cất tiếng hát xưng tụng nữ hoàng xong, ngồi lên ghế.

Nữ hoàng thấy Hatxip ra hiệu vẫy chàng. Hatxip cảm động lại gần. Nữ hoàng mời ngồi, nói:

— Hỡi chàng trai mà số mệnh đã dẫn tới đây, chàng là khách quí nơi vương quốc dưới đất này. Chàng đừng sợ, nói cho ta biết tên. Ta là nữ hoàng Amlica đây. Tất cả phụ nữ rắn kia là thần dân của ta đấy. Chàng là ai, sao có thể đến được hồ này. Ta vừa tạm biệt nơi nghỉ hè của ta ở núi Côca, đến đây nghỉ đông mỗi năm vài tháng.

Amlica cúi chào rồi mời chàng ngồi lên một chiếc ghế bằng ngọc bích bên phải nữ hoàng.

— Tôi là Hatxíp, chàng nói, con ông Đanian, nhà bác học đã qua đời. Tôi có thể là một nhà buôn hoặc trở nên một nhà đại thông thái, nhưng rồi cuối cùng làm nghề đốn củi, vì tôi thích hít thở cái không khí rừng núi, còn chuyện muốn tĩnh tại một nơi thì chờ khi chết nằm giữa bốn bức tường của ngôi mộ cũng không muộn.

Rồi chàng kể lại việc xảy ra với mấy gã tiều phu và ngẫu nhiên mà đến được nơi đây. Nữ hoàng nghe lấy làm thú:

— Từ lúc chàng bị bỏ rơi trong hầm đến giờ, chắc chàng đã đói lắm.

Bà nói rồi ra hiệu cho một cô hầu. Cô này trườn đi, một lúc trở lại, đội trên đầu một cái mâm vàng đầy những nho, lựu, táo, hồ trăn tử, phỉ tử, hồ đào, vả

tươi và chuối. Ăn no rồi, chàng uông kem ngọt đựng trong chén bằng hồng ngọc. Khi nàng hầu dọn mâm đi rồi, Amlica nói với chàng:

— Chàng còn ở vương quốc ta ngày nào thì chỉ toàn gáp chuyện tốt đẹp thôi. Nếu chàng định ở đây một vài tuần với chúng ta, trên bờ hồ này, dưới bóng núi kia, ta sẽ kể một câu chuyện mua vui cho chàng, và khi chàng về cõi người thường, nó sẽ dùng cho chàng làm một bài học.

Thế là nữ hoàng kể câu chuyện này! Mười hai ngàn cô gái rắn ngồi trên ghế ngọc và vàng đều chăm chú nghe.

Ở xứ Bani Ixray có một ông vua rất khôn ngoan, khi sắp mất, gọi thái tử đến dặn:

— Bêlukia con hỡi! khi con lên nối ngôi cha, con phải kiểm kê lại tất cả tài sản trong cung, đừng để sót một vật gì.

Bêlukia lên ngôi báu rồi thì việc trước tiên là soát lại đồ đạc kho báu của cha, đi khắp các phòng trong cung có chứa của qui. Đến một căn phòng ở một chỗ khuất, thấy có một cái tráp nhỏ bằng gỗ mun đặt trên một cái cột đá hoa trắng ở giữa phòng. Bêlukia mở tráp ra, thấy một cái hộp nhỏ bằng vàng, mở hộp ra có một cuộn giấy, mở cuộn giấy thấy có ghi mấy dòng chữ Hy lạp:

« Ai muốn làm chúa tể loài người, thần thánh, chim muông, thì chỉ cần lấy được chiếc nhẫn sứ giả Xôlâymân đeo ở ngón tay, nơi mai táng người ở đảo Bảy Biển. Cái nhẫn phù phép ấy được Adam, thủy tổ của loài người, trước khi phạm tội, đã đeo nó ở thiên đàng. Sau nó bị thiên thần Gôbray lấy đi tặng cho Xôlâymân. Nhưng không có thuyền bè nào vượt nổi biển đến đảo ấy được.

Chỉ có ai tìm thấy thứ cây mà nhựa bôi vào gan bàn chân làm cho nổi trên nước mới có thể đi tới được. Cây ấy mọc ở vương quốc ngầm của nữ hoàng Amlica. Và chỉ có nữ hoàng là biết chỗ nó mọc. Bà hiểu được tiếng nói của cây và hoa, biết tất cả hiệu năng của chúng. Vậy muốn lấy được nhẫn, trước tiên phải đến vương quốc Amlica. Có được cái nhẫn thì không những có thể làm bá chủ muôn loài mà còn có thể thâm nhập miền U Minh mà uống nước Giếng sống, nguồn của nhan sắc, của thanh xuân, của khoa học, của sự khôn ngoan và của sự bất tử ».

Bêlukia vội họp ngay các mục sư, giáo sĩ và các nhà bác học Bani. Ixray hỏi xem có ai biết đường đến vương quốc ngầm của nữ hoàng Amlica. Mọi người đều chỉ nhà thông thái Ofân đứng giữa họ. Ofân là một ông già đáng kính, thông hiểu mọi khoa học, nắm được những bí ẩn của môn ảo thuật, nắm được chìa khóa của thiên văn học và hình học, bí quyết của thuật luyện vàng và thuật phù thủy. Thiếu quân Bêlukia hỏi ông:

—, Ông Ofân thông thái, ông có thể đưa ta đến vương quốc của nữ hoàng dưới đất thật ư?

— Tâu bệ hạ, tôi đưa được.

Thiếu quân cử vị Tể tướng thay quyền nhà vua điều hành việc nước trong suốt thời gian vua vắng mặt. Vua cởi triều phục, mặc áo thày tu đi giày du lịch rồi cùng Ofân ra khỏi cung điện, khỏi kinh thành dấn vào sa mạc.

Đến sa mạc, Ofân nói với vua: « Đây là chỗ thuận lợi để khấn nguyện mà tìm ra đường đi ». Ofân vạch lên cát một cái vòng niệm thần chú và tìm ra được lối vào vương quốc ngầm của ta. Ông ta niệm thần chú nữa, thế là đất mở ra và họ đến được nơi hồ này. Ta tiếp đãi họ với tất cả sự ân cần dành cho bất cứ ai

đến thăm vương quốc của ta. Họ nói mục đích của họ. Thế là ta ngồi vào chậu vàng cho kiệu đến đỉnh ngọn đồi ngọc bích kia. Cây, hoa, trên đường ta đi ngả nghiêng thì thầm khoe với ta những đức tính của chúng. Chúng tôi đi giữa bản hòa tấu du dương thơm tho ấy đến một cái cây hoa nở đỏ ối, nghiêng mình dưới làn gió nhẹ mà hát: «*Tôi là cái cây kỳ lạ, lấy nhựa của tôi bôi vào gan bàn chân thì sẽ đi được trên tất cả các biển do đức Ala tối cao tạo nên mà không ướt chân*». Ta chỉ cho hai vị khách:

– Cái cây này là cây hai vị đi tìm đó.

Ofân bèn hái lá non và bẻ cành non ép lấy nhựa đổ vào một chiếc lọ to ta trao cho. Ta hỏi ông ta lấy nhựa ấy làm gì.

– Tâu nữ hoàng, ông nói, để đi tới đảo Bảy Biển tìm chiếc nhẫn có phép của Xôlâymân, chúa tể của thần, của người và của chim muông.

Ta khuyên can:

– Ông không biết rằng sau Xôlâymân, không ai có thể có được chiếc nhẫn đó, dù làm cách gì chăng nữa. Ông Ofân và cả vị thiếu quân Bêlukia kia, hãy nghe tôi bỏ cái ý định táo bạo điên rồ chạy khắp các biển để tìm cái nhẫn ấy đi. Nó sẽ chẳng bao giờ thuộc về tay ai cả. Thà hái ở đây thứ lá cây ăn vào trẻ mãi không già.

Họ không nghe, từ biệt ta mà đi.

Amlica kể đến đây thì ngừng lại, bóc một quả chuối đưa cho Hatxíp, còn mình thì ăn một quả vả, và nói:

– Trước khi tiếp câu chuyện về Bêlukia đi Bảy Biển cùng với những chuyện khác về ông ta, chàng có muốn biết tường tận tình hình vương quốc của ta dưới chân dãy Côca vòng lấy trái đất như một vành đai.

biết điện tích, những vùng lân cận, những cây hoạt động biết nói, những thần, những phụ nữ rắn, thần dân của ta mà chỉ có chúa Ala mới biết được con số? Núi Côca nằm trên một khối ngọc bích gọi là En Xakrát, màu xanh ánh lên da trời. Ở dãy Côca có tỉnh Jennixtân, thủ đô các thần thuộc quyền vua Jânben Jân, có một nơi chim rốc ở trong thung lũng Kim cương. Chàng có muốn nghe những chuyện đó không, kèm theo những chiến công của các chiến sĩ anh hùng?

Chàng Hatxíp đáp:

– Thưa nữ hoàng Amlica, những chuyện ấy cũng thích, nhưng thích hơn là đoạn tiếp câu chuyện vua Bêlukia.

Amlica liền kể:

Bêlukia và nhà thông thái Ofân từ giã ta, đến đảo cuối vùng Bảy Biển nơi có thi hài Xôlâymản. Đến bờ biển thứ nhất họ lấy nhựa trong lọ ra xoa mạnh vào gan bàn chân và mắt cá. Rồi họ rón rén xuống biển. Thấy không chìm, trái lại còn dễ đi hơn trên cạn, họ rảo bước để khỏi phí thời gian. Đi ba ngày ba đêm, ngày thứ tư đến một hòn đảo đẹp quá, tưởng đâu là thiên đường.

Đất màu nghệ vàng, đá toàn là ngọc. Cánh đồng là những vườn hoa tuyệt đẹp, cánh hoa nhấp nhô thơm ngát dưới làn gió nhẹ. Có hoa huệ, hoa vạn thọ, hoa đồng thảo, hoa cam cúc, hoa thu mẫu đơn. Những con linh dương nhảy nhót đùa rỡn giữa những hàng rào hoa nhài. Những cây trầm hương, những cây hoa to lộng lẫy, cành lá rì rào, những con chim gáy hòa giọng với tiếng suối reo. Chim họa mi tâm sự với bông hồng mối tình đau khổ và bông hồng chú ý lắng nghe. Suối hát ca dưới những lùm cây mía. Đất đai phô bày của cải non tơ, sắc xuân phơi phới. Vua Bêlukia và Ofân

dạo chơi dưới bóng cây ngắm cảnh cho đến tối, khoan khoái lắm. Đêm xuống, họ leo lên cây. Sắp ngủ thì nghe một tiếng rống long trời chuyển đất. Một con thú khổng lồ nhảy lên bờ, ngậm trong miệng một hòn đá sáng như một bó đuốc, theo sau là hàng đàn hàng lũ những con quái biển, con nào cũng ngậm một hòn đá sáng, khiến cả hòn đảo sáng trưng như ban ngày. Cùng lúc đổ đến từ bốn phía không biết cơ man nào là sư tử, hổ, báo, chỉ có chúa Ala mới đếm được là bao nhiêu. Thú trên đất gặp thú dưới biển chuyện trò suốt đêm. Đến sáng thì thủy quái lặn xuống biển còn thú dữ lẩn lên rừng. Hai người sợ quá không ngủ được, giờ vội tụt xuống, xoa nhựa vào chân mà đi tiếp.

Họ đi trên biển thứ hai suốt mấy ngày đêm thì đến chân một dãy núi, giữa có một thung lũng toàn nam châm. Không thấy có dấu vết thú rừng, họ dạo chơi lang thang hết ngày, đói thì ăn cá khô, tối đến ngồi trên bờ biển ngắm mặt trời lặn. Bỗng có tiếng gầm, ngoảnh lại thấy một con hổ đang chực chồm tới. Họ chỉ đủ thì giờ xoa nhựa vào chân mà chạy xuống biển, hổ không đuổi được.

Đây là biển thứ ba. Đêm ấy tối đen, gió mạnh, sóng to đi rất mệt nhất là đã mất ngủ mấy đêm. Sáng ngày may đến được một hòn đảo. Họ nằm lăn ra nghỉ. Mãi mới dạy thăm đảo, thì thấy toàn cây ăn quả. Đặc biệt là quả mọc thành mứt ngay trên cành. Hai vị khách rất thích thú nhất là Bêlukhia vốn ưa quả rim đường và nói chung tất cả những thức ăn có ngâm đường. Nhà vua hái ăn suốt ngày, lại bắt Ofân ở đấy mười ngày mà ăn cho no. Hết ngày thứ mười, vì ăn nhiều quá mà đau bụng. Hai người lại xoa nhựa vào chân mà đi tới biển thứ tư. Đi bốn ngày bốn đêm thì đến một hòn đảo cát mịn trắng có đủ các loài bò sát, trứng

áp bằng nắng mặt trời. Ở đây không có cây, một ngọn cỏ cũng không có nên hai người chỉ nghỉ cho đỡ mệt rồi lại xoa chân đi ngay.

Trên biển thứ năm có một hòn đảo nhỏ, có núi pha lê vân vàng, có những cây hoa vàng sáng như sao, ánh sáng được núi pha lê phản chiếu lại làm cho cả hòn đảo bừng lên hơn cả ban ngày. Ofân giải thích:

— Đây là đảo Hoa vàng. Những hoa ấy rụng xuống khô đi thành bột, nóng chảy ra thì làm thành những mạch vàng có thể khai thác mà lấy vàng lên. Đảo Hoa vàng này là một mảnh mặt trời rơi xuống đây từ xưa.

Họ qua một đêm tuyệt đẹp ở đảo, sáng hôm sau lại lấy nhựa xoa chân mà đi vào vùng biển thứ sáu.

Đi rất lâu, họ mới đến được một hòn đảo cây cối xum xuê. Họ nghỉ một lúc rồi thăm đảo. Ôi! sợ quá! vì trên cây, quả là những đầu người đeo vào cành bằng tóc, mỗi đầu một vẻ khác nhau cái thì mỉm cười, cái thì mếu khóc. Những đầu rụng xuống lăn lông lốc trong đám bụi biến thành những quả cầu lửa chiếu sáng cả rừng, làm mờ đi ánh sáng mặt trời. Họ sợ quá không dám đến gần. «Rừng gì mà lạ quá!» Họ nghĩ vậy, rồi quay xuống bãi cát dưới chân đảo, ngồi nghỉ sau một mô đá. Trời tối dần. Đột nhiên họ thấy nhô lên mười hai cô gái bể đẹp tuyệt trần, cổ đeo hạt ngọc. Các cô quay vòng tròn mà nhảy nhót, nô rỡn, ca hát dưới ánh trăng, Bêlukia và Ofân dù rất thích nhan sắc, điệu múa; giọng ca của các cô, vẫn không muốn ở lâu, cứ nghĩ đến những quả đầu lâu mà khiếp. Họ lấy nhựa xoa vào gan bàn chân và mắt cá đi về phía biển thứ bảy.

Trên biển này, họ đi suốt hai tháng mà không gặp một mảnh đất nào. Để khỏi chết đói, họ phải chộp lấy những con cá thỉnh thoảng nổi trên mặt nước mà ăn sống. Họ bắt đầu hối tiếc đã không nghe lời ta can

ngăn. Cuối cùng họ cũng đến được một hòn đảo mà họ cho là đảo Bảy Biển có thi hài Xôlâymân đeo ở một ngón tay cái nhẫn thần kỳ.

Đảo có nhiều cây ăn quả, nhiều suối chảy qua. Hai người, từ khi phải ăn cá sống, đói quá và khát đến khô cổ, giờ thấy một cây táo chín, sai quả, thì mừng lắm. Họ với tay định hái thì từ trong thân cây một giọng khủng khiếp vang ra:

– Đụng đến những quả này sẽ bị chặt đôi!

Đồng thời một người khổng lồ cao bốn chục sải tay hiện ra. Bèlukia sợ quá, hỏi:

– Hỡi vị chúa khổng lồ, chúng tôi sắp chết đói, không hiểu sao Ngài lại cấm chúng tôi đụng đến những quả này?

– Sao lại không hiểu? Bớ hai người! Thủy tổ các ngươi Ađam đã trái lệnh chúa Ala mà ăn những quả cấm này. Từ bấy đến nay, ta phải canh giữ cây để giết những kẻ định hái quả. Đi ngay kiếm ăn nơi khác.

Bèlukia và Ofân vội bỏ đi, vào sâu trong đảo, kiếm các quả khác ăn. Xong, họ tiếp tục đi tìm chỗ có thể có thi hài Xôlâymân. Đi một ngày một đêm đến một quả đồi toàn hổ phách và xạ hương. Sườn đồi có một cái động rất đẹp, vòm và thành bằng kim cương, sáng như có ánh mặt trời. Hai người bước vào, càng vào sâu càng thấy sáng, thấy rộng. Họ đi mãi tự hỏi không biết động mở rộng đến đâu. Bỗng họ đến một căn phòng mênh mông đục vào khối kim cương, giữa có một chiếc giường bằng vàng khối trên đặt thi hài đức Xôlâymân Ben Đaút khoác áo choàng xanh đính ngọc và đá quí, một ngón của bàn tay phải đeo chiếc nhẫn tỏa những tia sáng làm mờ cả ánh sáng kim cương trong gian phòng, tay trái duỗi cầm chiếc vương trượng bằng vàng đầu nạm ngọc bích

Bêlukia và Ofân thấy lòng tràn đầy một niềm kính sợ, không dám tiến lên nữa. Nhưng rồi Ofan nói :

— Chúng ta vượt bao hiểm nguy, trải bao khó nhọc, không phải để bây giờ tới đích thì lùi lại. Tôi xin đến chỗ ngài kia, còn ngài thì niệm lời thỉnh nguyện mà tôi đã dặn để có thể tháo chiếc nhẫn ra khỏi ngón tay cứng rắn.

Bêlukia lâm râm cầu khẩn, còn Ofân lại gần giơ tay định tháo chiếc nhẫn. Nhưng vì Bêlukia quá xúc động khấn nhầm, nên gây tai họa. Một giọt kim cương từ trần rơi xuống đốt cháy Ofân, giây lát chỉ còn lại một nắm tro tàn nơi chân giường Xôlâymân.

Thấy Ofân bị trừng trị, Bêlukia vội ra khỏi động, chạy thẳng xuống biển. Nhà vua định lấy nhựa xoa vào gan bàn chân, nhưng lọ nhựa đã bị đốt cùng với Ofân mất rồi. Ông buồn lắm, giờ mới thấm thía về những lời ta bảo trước kia. Nhà vua đi lang thang, không biết sẽ ra sao, một mình không người hướng đạo.

Đang đi thì thấy một cơn lốc bụi ầm ầm như sấm. Có tiếng thương kiếm chạm nhau, tiếng vó ngựa và những tiếng la hét không phải là tiếng người. Bụi tan thì thấy một đạo quân gồm đủ các loại thần, ma, quỉ, trong không, dưới biển, trên đất, trong rừng, dưới nước, trong sa mạc.

Nhà vua sợ lặng người, không dám cựa quậy. Viên tướng của đạo quân lạ lùng này đến hỏi:

— Người là ai? Làm thế nào đến được đảo này, là nơi hàng năm chúng ta đến để canh phòng cái động có đức Xôlâymân Ben Đaút, vị chúa tể của tất cả chúng ta an nghỉ?

Bêlukia đáp :

— Hỡi vị tướng quân chỉ huy, tôi là Bêlukia, vua xứ Bani Ixray. Tôi bị lạc trên biển đến đây. Nhưng xin cho tôi được hỏi. Ngài là ai? những dũng sĩ kia là ai?

— Chúng tôi là thần con cháu Jân ben Jân chúng tôi đến từ vùng Đất Trắng, trước kia có vua Sétđát con ngài At trị vì, giờ là vua Xa trị vì.

— Thế Đất Trắng, ở đâu?

— Ở phía sau núi Côca, cách đây bảy mươi nhăm tháng đi đường, đối với người, còn với thần thì chỉ trong chớp mắt. Ngài là vua, nếu ngài muốn, chúng tôi sẽ đưa đến trình với chủ chúng tôi.

Bêlukia nhận lời ngay và được các thần đưa đến nơi ở của vua Xa. Ông thấy một cánh đồng rất đẹp có những con kênh lòng bằng vàng và bạc. Cánh đồng có nhiều xạ hương và nghệ, có những cây giả, cành bằng ngọc bích, quả là ngọc hồng. Có những chiếc lụa xanh cột bằng vàng nạm đá quí. Giữa cánh đồng là một chiếc lều cao hơn những chiếc khác bằng lụa đỏ và xanh; cột bằng ngọc bích và ngọc hồng. Đó là lều của vua. Vua Xa ngồi trên một chiếc ngai bằng vàng khối, bên phải có các vua chư hầu, bên trái là các quan văn võ.

Bêlukia chào nhà vua. Vua tiếp đãi ân cần, mời ngồi cạnh, trên một chiếc ghế bằng vàng. Nhà vua hỏi tên tuổi và chuyện Bêlukia. Bêlukia kể lại chuyện mình từ đầu đến cuối. Nghe chuyện, mọi người rất ngạc nhiên.

Xong vua mời tiệc. Người ta rải khăn ăn. Các thần bưng mâm bát ra. Trên những chiếc mâm vàng có năm chục lạc đà non luộc năm chục con quay. Còn trên những chiếc mâm bạc có năm chục đầu cừu. Trái cây to, ngon đựng trong hàng dẫy bát sứ. Tiệc xong là mâm bát hết sạch, không còn tí gì.

Vua Xa nói với Bêlukia:

– Chắc ngài không biết lịch sử và nguồn gốc chúng tôi. Xin kể sơ qua để khi về xứ sở loài người ngài thuật lại cho họ biết những chuyện còn bí ẩn đối với họ:

Từ thuở khai thiên lập địa, chúa Ala tối cao đã tạo ra Lửa chứa trong Quả Cầu ở bảy tầng xếp từ trên xuống dưới. Khoảng cách giữa hai tầng là một nghìn năm theo cách tính của con người. Tầng thứ nhất là tầng lửa Jêhannam, dành cho những kẻ phản nghịch không chịu hối cải. Chúa gọi tầng thứ hai là Lazy, vì nó là một vực thẳm. Tầng này dành cho những kẻ, sau khi đức sứ giả Môhamát đến rồi (cầu chúa cho Ngài bình an) mà vẫn không chịu làm tín đồ Hồi giáo, cứ chìm đắm mãi trong tối tăm, sai lạc. Sau đó chúa tạo tầng thứ ba hình một cái vạc, gọi là En Jahim để giam quỉ Gô và Magô. Tầng thứ tư, Chúa gọi là Xai, dùng làm nơi ở cho Eblít, thủ lĩnh các thần phản nghịch đã trái lệnh đức tối cao, không chịu công nhận và chào Ađam. Tầng thứ năm được gọi là Xátha, dành cho bọn vô đạo, bọn ăn gian nói dối và bọn kiêu căng. Ở tầng thứ sáu, chúa cho khoét một cái hang lớn gọi là Hítmát cho khí nóng và hơi vào để nhốt bọn Do thái và bọn Thiên chúa giáo. Tầng thứ bảy gọi là Hâua dành để tiếp nhận bọn Do thái và Thiên chúa giáo thừa ở tầng trên và bọn tín đồ giả dối. Hai tầng sau cùng khủng khiếp nhất. Tầng thứ nhất Jahannam dễ chịu hơn cả. Cả bảy tầng cấu trúc giống nhau. Ở tầng một có bảy vạn quả núi lửa, mỗi quả núi bảy vạn thung lũng, mỗi thung lũng bảy vạn thành phố, mỗi thành phố bảy vạn tháp, mỗi tháp bảy vạn nhà, mỗi nhà bảy vạn ghế. Cứ nhân lên sẽ biết có bao nhiêu ghế. Mỗi ghế có bảy vạn cách tra tấn và nhục hình khác nhau mà chỉ có Chúa Ala mới biết rõ hình thức.

cường độ và thời gian. Nếu biết tầng này là tầng ít nóng nhất thì ngài Bêlukia có thể hình dung nỗi đau đớn ở các tầng kia.

Tôi nói qua về Lửa là vì bọn thần chúng tôi là con cháu của Lửa.

Hai vị đầu tiên được chúa Ala lấy Lửa tạo nên là hai thần Khanlit và Manlit mà chúa dùng làm cận vệ riêng. Chúa cho một thần hình sư tử, thần kia hình chó sói. Chúa cho sư tử làm giống đực, chó sói làm giống cái. Đuôi sư tử Khanlit dài hai mươi năm bộ phận sinh dục chó sói Manlit có hình dáng một con rùa to theo tỉ lệ với chiều dài đuôi Khanlit. Sư tử lốm đốm trắng và đen. Chó sói sắc hồng và trắng. Chúa Ala cho Khanlit và Manlit giao hợp, đẻ ra những rồng, rắn, bọ cạp cùng những con vật hôi thối, tất cả được đưa đến bảy tầng dùng vào việc trừng phạt tù nhân. Chúa lại ra lệnh cho họ giao hợp lần thứ hai, lần này đẻ ra bảy con đực và bảy con cái. Đàn con lớn lên thì có một vị xử sự rất tốt có nhiều triển vọng được đức Tối cao chú ý cử làm thống lĩnh đạo quân gồm tất cả con cái hàng đàn hàng lũ do cặp Sư – Sói liên tiếp sinh ra. Vị đó chính là thần Eblit. Sau này vì trái lệnh chúa Ala buộc phải cúi đầu trước Adam, ông ta bị ném vào tầng thứ tư cùng tất cả những ai ủng hộ ông ta. Eblit cùng con cháu đã làm cho địa ngục đầy những quỉ đực, cái. Còn mười đôi nam nữ kia, họ chịu qui thuận, họ lấy nhau mà sinh đẻ ra các thần là bọn chúng tôi đấy, Bêlukia ạ. Đó là tóm tắt lịch sử dòng giống. Chúng tôi gốc gác từ sư tử và sói nên ăn khác lắm, Ngài đừng ngạc nhiên. Mỗi người, mỗi ngày nuốt hết một chục con lạc đà, hai chục con cừu, uống bốn chục muôi canh, mỗi muôi to bằng một cái chảo.

Miền đất chúng tôi ở có dãy Côca bao lấy như một vành đai, tuyết trên núi làm cho mát dịu, giá không có tuyết này thì không ở nổi vì lửa trong lòng đất nóng lắm.

Đất chúng tôi ở cũng có bảy tầng, đặt trên vai một vị thần có một sức mạnh kỳ lạ. Vị thần đứng trên một phiến đá đặt trên lưng một con bò mộng, con bò này cưỡi lên lưng một con cá rất to, cá bơi trên mặt biển Vĩnh cửu.

Đáy biển này là tầng trên của địa ngục. Địa ngục có bảy miền và nằm trong mồm một con rắn quái dị. Con rắn này đến ngày Phán xét, trước mặt đấng Tối cao, sẽ khai địa ngục ra để Người phán quyết lần cuối.

Đó là tóm tắt lịch sử chúng tôi, nguồn gốc chúng tôi và sự hình thành của quả cầu.

Tôi phải nói thêm là tuổi chúng tôi bao giờ cũng thế, chúng tôi không bao giờ già, còn trên mặt trái đất, quanh chúng tôi, thiên nhiên và con người cùng mọi vật đều nhất thiết tàn vong. Chúng tôi không già là nhờ uống nước giếng sống. Giếng ấy ở nơi âm u có ngài Khiz canh giữ. Chính ngài Khiz đáng kính là người điều tiết các mùa, đội cho cây chiếc vòng xanh tươi tắn, đẩy cho nước chảy nhanh, trải thảm xanh trên cánh đồng cỏ; chiều chiều ngài khoác chiếc áo choàng xanh, hòa mầu sắc của bầu trời sắp tối.

Bêlukia, ngài đã chăm chú nghe tôi. Để thưởng cho Ngài, tôi cho người đưa ngài khỏi nơi đây, đặt tại cửa ngõ xứ sở của Ngài, nếu ngài muốn.

Bêlukia hết sức cảm ơn vua Xa về sự tiếp đãi, về những bài học và về thiện ý sau cùng này mà ông vui lòng nhận. Ông từ biệt vua Xa cùng triều đình và các vị thần rồi trèo ngồi lên vai một vị thần rất khỏe. Vị này, chỉ trong chớp mắt cõng ông qua không gian đặt nhẹ nhàng xuống biên thùy nơi xứ sở.

Bêlukia đi về phía kinh đô bỗng gặp một thanh niên rất đẹp nhưng xanh xao, vẻ mặt buồn khổ, ngồi khóc thảm thiết giữa hai nấm mồ. Vua lại gần, thân mật chào hỏi:

– Hỡi chàng thanh niên xinh trai, sao lại ngồi khóc giữa hai nấm mồ thế này? Hãy cho tôi biết sao buồn như thế, may ra tôi có thể an ủi được chăng?

Chàng thanh niên ngước cặp mắt buồn nhìn Bêlukia:

– Hỡi vị du khách, ngài đừng lại làm gì? Cứ để tôi khóc một mình trên những nấm mộ này.

– Hỡi người anh em khốn khổ, tôi cảm thông với nỗi đau buồn của chàng. Chàng đừng ngại, cứ cho tôi hay vì sao mà buồn.

Bêlukia ngồi xuống, trên phiến đá, sát cạnh chàng, cầm hai tay chàng, rồi kể chuyện mình từ đầu chí cuối. Xong, nói:

– Giờ đến lượt chàng, chuyện ra sao nào? Chắc hẳn lý thú lắm. Chàng kể ngay đi

TRUYỆN CHANG ĐẸP TRAI SẦU NÃO

Chàng thanh niên vẻ mặt dịu dàng buồn bã, ngồi khóc giữa hai nấm mồ, kể cho thiếu quân Bêlukia:

– Hỡi người anh của tôi, chuyện tôi ly kỳ lắm, chép lại có thể dùng làm một bài học lành mạnh cho những ai có thiện cảm đọc nó.

Chàng ngừng một chút, lau nước mắt, rồi tì trán lên bàn tay mà kể:

Tôi sinh ở Kabun. Cha tôi là Timôt, vua nước Bani Salân và nước Apganixtan. Ông là một vì vua vĩ đại,

rất công bằng và có bảy vua chư hầu, mỗi vua có một trăm thành phố và một trăm pháo đài. Cha tôi thống lĩnh mười vạn kỵ sĩ dũng cảm và mười vạn dũng sĩ can trường. Còn mẹ tôi là con gái vua Barauân, xứ Khoraxân. Tên tôi là Jânsát.

Từ nhỏ cha tôi đã cho tôi học khoa học, nghệ thuật và rèn luyện thân thể. Năm mười lăm tuổi tôi trở thành một trong những kỵ sĩ xuất sắc nhất trong vương quốc. Ngồi trên mình ngựa phi nhanh hơn sơn dương tôi điều khiển những cuộc săn bắn cùng những cuộc đua ngựa.

Một lần tôi được dự một chuyến săn cùng với cha tôi và mấy vị quan võ. Chúng tôi đã săn ba ngày, giết được nhiều thú. Chiều tối hôm thứ ba, có một con linh dương rất đẹp lạc đến chỗ tôi và bảy kỵ sĩ đang đứng. Thấy chúng tôi, nó sợ, băng mình chạy biến. Thế là chúng tôi đuổi theo. Đuổi mấy tiếng đồng hồ thì đến bờ một con sông rất rộng và rất sâu. Tưởng nó phải dừng lại thì chúng tôi sẽ vây lấy mà bắt. Không ngờ nó chỉ do dự một chút, rồi nhảy xuống nước bơi sang bờ bên kia. Chúng tôi lập tức xuống ngựa giao ngựa cho một kỵ sĩ, rồi nhảy cả xuống một chiếc thuyền câu buộc ở đó, chèo đuổi theo. Đến giữa gặp gió to, sóng mạnh, chúng tôi không làm chủ được thuyền nữa. Dòng nước cuốn đi băng băng trong đêm tối đặc dần, mấy lần tưởng vỡ thuyền vì va phải đá ngầm hoặc những chướng ngại khác. Nước cuốn suốt một ngày một đêm hôm sau nữa, cho đến sáng hôm sau nữa,mới lên được đất liền.

Trong khi ấy cha tôi hỏi người giữ ngựa, được biết tôi bị dòng sông cuốn đi. Ông thất vọng, khóc lóc, ném cả mũ miện xuống đất, cắn vào tay, và cho người thông thạo vùng này đi tìm khắp nơi. Còn mẹ tôi thì cào vào mặt, xé áo, bứt tóc, đấm ngực mà khóc, đoạn lấy áo tang mặc.

Về phía chúng tôi, khi chạy vào đất liền thấy có một con suối chảy dưới bóng cây. Một người ngồi ở gốc cây, yên lặng ngâm chân vào nước. Chúng tôi chào hỏi xem nơi này là đâu. Anh ta không chào lại, trả lời như quạ kêu. Bỗng anh ta đứng phắt dậy, tự chặt làm đôi, nửa người trên chạy đến chúng tôi, nửa người dưới chạy về phía khác. Cùng một lúc từ khắp nơi trong rừng chạy đến những người tương tự cũng phân thân làm đôi, nửa thân trên xông đến chúng tôi. Ba kỵ sĩ gần nhất bị chúng ăn thịt. Tôi và ba kỵ sĩ còn lại sợ xanh mắt chạy nhanh xuống thuyền thà bị chìm dưới nước còn hơn bị bọn quỉ nhai xương. Nhìn lên bờ thấy hàng lũ những chân cẳng đùi vế chạy loạn xạ đuổi theo chúng tôi trong khi thân của chúng xâu xé ba kỵ sĩ xấu số. Chúng tôi không hiểu sao những thân người bụng bị cắt ngang mà lại có thể háu ăn đến thế, thảm thương thay ba người bạn xấu số của chúng tôi.

Chúng tôi bị dòng nước cuốn đi, sáng hôm sau tạt đến một nơi có những vườn cây ăn quả, có hoa tươi. Lần này, buộc thuyền xong, tôi không lên bờ vội, cho ba chàng kỵ sĩ lên thăm dò trước. Ba người đi nửa ngày mới về. Họ đi khá nhiều, rẽ ngang rẽ dọc không thấy gì khả nghi. Sau, họ thấy một cung điện bằng đá hoa trắng, đính tạ bằng pha lê. Có một khu vườn rất đẹp, giữa có hồ rất xinh, vào trong cung thấy những chiếc ghế bằng ngà bày quanh một chiếc ngai bằng vàng nạm kim cương và hồng ngọc. Trong cung, ngoài vườn, không thấy một bóng người.

Nghe tình hình, tôi yên tâm, lên bờ đi về phía cung điện. Trước hết chúng tôi vào vườn hái quả ăn cho no đã, rồi vào cung. Tôi ngồi trên chiếc ngai vàng, ba chàng kỵ sĩ ngồi trên ghế ngà. Tôi nhớ đến cha, đến mẹ, đến ngai vàng mà thổn thức. Mấy chàng kỵ sĩ cũng xúc động ứa nước mắt.

Đang chìm đắm trong những kỷ niệm buồn thì có tiếng ầm ầm như tiếng sóng biển rồi thì một đoàn những đại thần, nội thần, thân hào, đô đốc kéo đến, nhưng toàn là khỉ, đủ loại lớn, bé. Con khỉ Tể tướng thuộc loại lớn nhất, đến cúi đầu nói với tôi bằng tiếng người rằng hắn ta cáng dân chúng khỉ tôn tôi làm vua và ba kỵ sĩ của tôi làm chỉ huy quân đội chúng. Chúng đem thịt linh dương rán cho ăn, xong mời duyệt binh trước khi giao chiến với kẻ thù cũ là bọn yêu tinh ở vùng lân cận.

Tôi mệt quá, cho bọn chúng lui, rồi bàn với ba kỵ sĩ về tình thế mới, thấy cần phải trốn khỏi nơi đây. Đến chỗ buộc thuyền thì thuyền đã biến đâu mất, đành phải trở lại ngủ một giấc đến sáng.

Sáng dậy, viên tể tướng của những thần dân mới của tôi đến chào và báo tất cả đã sẵn sàng để giao chiến. Mấy viên đại thần dẫn đến bốn con chó to xích sắt dùng làm ngựa cho chúng tôi. Chúng tôi buộc phải cưỡi chó đi trước theo sau là hằng hà sa số những thần dân khỉ của tôi có viên tể tướng dẫn đầu.

Đi một ngày một đêm thì đến trước một ngọn núi cao, đen có nhiều sào huyệt của yêu tinh. Một lúc bóng chúng xuất hiện, hình thù thật gớm guốc. Con thì đầu bò mình lạc đà, con trông giống chó sói, con thì ghê tởm không tả được vì nó không giống một thứ gì để mà so sánh.

Bọn yêu thấy chúng tôi thì xuống núi, đến gần, lấy sỏi ném sang như mưa. Bọn khỉ cũng lấy sỏi ném lại. Cuộc hỗn chiến ác liệt dần. Tôi và ba kỵ sĩ dùng cung bắn chết vô số bọn yêu. Khỉ thấy thế, thích lắm, chiến đấu rất hăng, cuối cùng chúng tôi thắng, đuổi theo bọn yêu.

Tôi và ba kỵ sĩ định nhân cơ hội chạy đuổi lộn xộn này mà quay ngược lại trốn đi. Thế là bọn tôi cho chó phi nước đại biến mất. Chạy một lúc lâu, dừng lại cho chó nghỉ, thì thấy trước mặt có một tảng đá nhẵn như mặt bàn có ghi mấy dòng chữ Do thái.

«Hỡi người bị số mệnh đầy đến miền này để làm vua loài khỉ nếu người muốn chạy để khỏi làm vua, thì có hai con đường. Đường bên phải là con đường ngắn nhất dẫn đến đại dương bọc lấy thế giới. Đường này phải qua những sa mạc có quỉ dữ và các thần đáng sợ. Con đường kia, bên trái, dài, phải đi bốn tháng và qua một thung lũng lớn, gọi là Thung lũng Kiến, Thoát được kiến sẽ đến một quả núi lửa, dưới chân có thành phố Do thái. Ta Xôlâymân Ben Đaút, viết mấy dòng này để cứu người».

Đọc xong, chúng tôi lấy làm lạ vội đi vào con đường bên trái. Mới đi một ngày, bỗng thấy đất rung chuyển dưới chân, ngoảnh lại thấy rõ đàn đàn khỉ có viên tể tướng cầm đầu chạy như bay đến. Chúng vây lấy chúng tôi mà kêu la vui sướng. Viên tể tướng thay mặt đàn khỉ, chúc tụng mừng chúng tôi.

Chúng tôi bực mình lắm nhưng không dám lộ ra mặt, đành quay lại nơi cung điện. Bỗng từ trong thung lũng một đạo quân kiến kéo ra, con nào cũng to như con chó. Một cuộc hỗn chiến diễn ra. Kiến lấy càng quặp lấy khỉ mà nghiến đứt đôi, khỉ thì cứ mười con đánh một kiến.

Chúng tôi lại nhân dịp bỏ trốn. Ba kỵ sĩ bị kiến trông thấy nghiến chết. Chỉ có tôi thoát được, chạy đến một con sông thì bỏ chó lại, bơi qua. Sang bờ bên kia, phơi quần áo, nằm nghỉ đến mấy người bạn mà xót xa. Kiến và khỉ ắt không thể qua sông, tôi yên tâm ngủ một giấc đến sáng.

Sáng dạy, lại đi, hết ngày này qua ngày khác, đói thì nhổ cây, bới rễ mà ăn. Đi mãi, đến thành phố Do thái như đã ghi trên tấm đá. Nhưng có một điều không thấy ghi. Nguyên đến gần thành phố có một con sông, ngày thường nước sâu, riêng ngày thứ bảy thì cạn nước. Sau mới biết vì là ngày lễ của người Do thái. Hôm tôi qua sông là ngày thứ bảy, sông khô. Vào thành phố vắng không thấy bóng người nào. Tôi đến ngôi nhà đầu tiên gặp trên đường. Đẩy cửa bước vào, tôi thấy có đông người; ngồi thành vòng tròn vẻ đáng kính. Tôi chào và nói:

– Tôi là Jânsát, con vua Timot ở Kabun, vua xứ Bani Salân. Xin các vị cho biết đây cách nước tôi còn xa không, đi đường nào đến được? Và tôi cũng đang đói nữa.

Mọi người nhìn tôi không đáp. Một người có lẽ là trùm trưởng, ra hiệu bảo tôi: « Ăn, uống đi, nhưng đừng nói ». Ông chỉ một cái mâm có những thức ăn tôi chưa từng thấy, ngửi mùi đoán là chất dầu. Tôi ăn, uống, im lặng,

Tôi ăn xong, ông ta đến bên, vẫn ra hiệu hỏi:

– Là ai? Đâu đến? Đến đâu?

Tôi ra hiệu hỏi xem có trả lời được không. Ông gật đầu, nhưng ra hiệu chỉ được nói ba tiếng thôi. Tôi hỏi:

– Đoàn lữ thương Kabun, khi nào?

Ông đáp bằng hiệu: « Không biết » rồi ra hiệu bảo tôi đi ra, vì đã ăn xong.

Tôi chào ông ta và mọi người mà đi, ngạc nhiên hết sức về cung cách kỳ dị ấy. Ra đến phố, định tìm hỏi thăm đường thì nghe tiếng rao: « Ai muốn được một nghìn đồng vàng và một nữ nô đẹp vô song, hãy theo tôi làm một công việc chỉ một giờ là xong ».

Đang tay trắng, nghe thế, tôi bảo người rao:

– Tôi nhận làm việc ấy.

Anh ta bèn dẫn tôi đến một ngôi nhà, bày biện sang lắm. Một ông già Do thái ngồi trên một chiếc ghế gỗ mun. Anh rao hàng cúi chào, chỉ tôi nói:

– Đây là một chàng thanh niên ngoại quốc. Từ ba tháng nay tôi rao hàng, người này là người duy nhất đã đáp lời tôi.

Ông già Do thái chủ nhà ân cần mời tôi ngồi cạnh, cho ăn, cho uống. Tôi ăn xong, ông trao cho một cái túi có một nghìn đồng vàng, vàng thật không phải giả; cho một cái áo lụa và dẫn tôi đến với một nữ nô mà ông ta cho tôi trước khi tôi làm cái công việc gì đó.

Cô nữ nô này rất đẹp. Tôi ở với cô ba ngày ba đêm Sáng ngày thứ tư, ông già cho gọi tôi, bảo:

– Chàng đã sẵn sàng làm cái việc tôi thuê mà chàng đã nhận chưa nào?

Tôi đáp đã sẵn sàng dù chưa biết là việc gì.

Ông già Do thái cho nô lệ đem hai con la có yên cương đến. Ông ta cưỡi một con, tôi một con. Đến trưa thì đến chân một quả núi cao, dốc thẳng. Không có một con đường, một lối đi nào lên cả. Ông già đưa tôi một con dao:

– Đã đến lúc rồi, ông nói, hãy thọc con dao này vào bụng con la.

Tôi làm theo, mổ bụng con vật, lôi ruột ra, rửa sạch da bên ngoài. Ông bảo tôi:

– Giờ thì chàng chui vào, ta khâu lại như khâu một cái túi.

Tôi cũng làm theo. Khâu xong rồi, lão già bảo:

– Một con đại bàng sẽ sà xuống đây cắp chàng lên trên tổ của nó trên đỉnh núi hiểm trở này. Hắn bay lên

Chỉ chớ cựa quậy hắn mà thả ra rơi xuống thì gãy xương. Lên đến nơi, hắn đặt xuống thì lấy dao cắt dây mà chui ra. Chim sợ sẽ bay đi. Chàng nhặt ngọc và đá quí trên ấy quẳng xuống. Xong, xuống với ta.

Ông già vừa nói xong thì tôi cảm thấy được nhấc bay lên một lúc rồi đặt xuống. Tôi cắt dây, ló đầu ra. Chim thấy, sợ, bay đi. Tôi nhặt những viên ngọc hồng, ngọc bích, và đá quí đầy rẫy, tung xuống. Nhặt xong, tìm lối xuống không có. Dưới kia, lão Do thái trèo lên lưng la, chuồn thẳng.

Tôi thất vọng, khóc cho số phận, nghĩ cách tìm đường ra. Tôi cứ thẳng trước mặt mà đi, đi hai tháng mới đến đầu dãy núi, vào một thung lũng có suối chảy, có hoa thơm, có chim, líu lo ca ngợi đấng Tạo Hóa. Thấy một tòa lâu đài cao vút, tôi tìm đến một cụ già, mặt sáng tươi, ngồi trên một chiếc ghế ở tiền sảnh. Trong tay cụ là một chiếc vương trượng bằng hồng ngọc, trên đầu cụ là một vành đai kim cương. Tôi chào cụ. Cụ ân cần mời ngồi và hỏi tôi ở đâu đến và định đi đâu. Tôi òa lên khóc, nức nở đến ngạt hơi. Cụ khuyên tôi nín đi kẻo cụ buồn, rồi dẫn tôi đến một căn phòng lớn cho ăn cho uống. Một lúc thấy tôi đã bình tâm, cụ bảo tôi kể chuyện tôi cho cụ biết. Tôi vâng theo. Kể xong tôi hỏi cụ là ai, tòa lâu đài này là thế nào. Cụ nói:

– Lâu đài này xưa kia được Xôlâymân xây nên. Ta được Người giao cho thống lĩnh các loài chim. Năm nào, chim trên toàn trái đất cũng đến đây chúc mừng ta. Nếu chàng muốn về nước ta sẽ nhờ chim đưa đi. Trong khi chờ đợi, chàng có thể đi lại khắp tòa lâu đài mênh mông này vào tất cả các phòng mà xem, chỉ trừ một phòng. Đây là chùm chìa khóa ta giao cho chàng. Chiếc bằng vàng này là để mở cái phòng cấm, không được dùng đến.

Tôi bắt đầu vào các phòng nhìn ra cái sân lớn, rồi vào những phòng khác dùng để nuôi chim, rồi đến căn phòng cấm. Tôi đứng ngắm rất lâu, không dám đụng đến vì có lệnh của cụ già. Nhưng rồi cuối cùng, không thắng được tính hiếu kỳ, tôi tra chìa vào khóa, mở ra, bước vào, lòng vẫn nơm nớp

Không phải là một cảnh tượng hãi hùng. Ngược lại. Trên mặt đất khảm các loại đá quí đủ màu, có một bể cạn bằng bạc bốn bên có chim bằng vàng. Nước chảy qua miệng chim rơi xuống nền bạc, nghe du dương như tiếng chim hót thật. Vườn hoa rất thơm, sắc hoa hòa với sắc quả. Bóng cây trùm xuống mặt nước mát rượi. Cát dưới chân là bụi ngọc bích và bụi kim cương trải dài cho đến một chiếc ngai đặt trước chiếc bể cạn. Ngai là một tảng hồng ngọc chiếu những tia sáng hồng lạnh vào khu vườn khiến cho nước lóng lánh như ngọc.

Tôi say sưa trước sự hòa điệu của những vật tự nhiên ấy, đến ngồi trên trước ngai ngọc có tán lụa đỏ che, nhắm mắt lại cho nhập tâm cái cảm giác tươi tắn này. Mở mắt ra thấy, ba con chim câu rỉa lông trắng đến đây tắm. Chúng nhảy nhót rất duyên dáng trên bờ bể nước bằng bạc. Chúng hôn hít, vuốt ve nhau rồi ôi kỳ diệu! trút bộ lông cánh trắng tinh biến thành ba cô thiếu nữ trắng như hoa nhài, đẹp như mặt trăng. Các cô nhảy vào bể nước mà nô rỡn, lúc ẩn, lúc hiện trong sóng nước long lanh, cười giòn giã, rồi lặn xuống chỉ còn thấy mớ tóc bay trên làn nước.

Bêlukia, anh hỡi! Tôi mê mẩn tâm thần, xúc động quá chạy đến bể nước reo lên:

— Các nàng hỡi, hỡi mặt trăng, ôi những nữ hoàng.

Các cô thấy tôi, kêu lên khiếp sợ, ra khỏi bể nước, choàng vội bộ lông cánh vào, bay đậu lên cây cao nhất, nhìn tôi mà cười.

Tôi lại gần, ngước mắt nói:

— Xin cho biết các nàng là ai? Tôi là Jânsát, con vua Timôt ở Kabun vua xứ Bạni Salân.

Con chim non nhất, cô gái mà nhan sắc làm tôi đắm say nhất cất tiếng:

— Chúng tôi là con gái vua Nát ở cung điện Kim cương. Chúng tôi đến đây chơi thôi.

— Thế thì xin thương tôi xuống đây chơi với tôi.

— Jânsát chàng hỡi, con gái ai lại chơi với con trai bao giờ. Dù sao, nếu chàng muốn rõ hơn về tôi, xin theo đến cung phụ vương tôi.

Nói rồi nhìn tôi tình tứ mà bay đi với hai chị.

Tôi thất vọng, kêu lên một tiếng, ngã lăn ra, bất tỉnh. Không biết tôi ngất đi bao lâu. Tỉnh dậy, tôi thấy cụ già thống lĩnh chim muông ngồi cạnh lấy nước hoa vẩy lên mặt tôi. Thấy tôi mở mắt, cụ nói:

— Chàng thấy chưa, không nghe lời ta nên ra thế đấy! Ta đã bảo không được mở cửa phòng này mà.

Tôi không trả lời, ứng khẩu mấy câu thơ:

«Cô thiếu nữ mảnh dẻ, thân hình cân đối khiến ta say mê,

Ôi nhan sắc của nàng! Nàng đẹp vô song, không một cô gái Ấn độ nào sánh kịp».

Cụ già nói:

— Ta hiểu rồi. Thế là chàng đã thấy mấy cô gái ăn mặc như bồ câu thỉnh thoảng đến đây tắm.

— Cháu gặp mấy cô ấy đấy, bác ạ. Bác chỉ cho cháu cung điện Kim cương mà mấy cô ở với cha là vua Nát, ở đâu.

— Đừng nghĩ đến chuyện đến đấy. Vua Nát là một trong những ông vua hùng cường nhất của các thần

Ngài không gả con gái cho cháu đâu. Nên nghĩ đến về nước thì hơn. Chim sắp đến mừng ta. Ta sẽ gửi cháu cho chúng.

– Cháu cảm ơn bác, nhưng không gặp lại được cô gái đã nói chuyện với cháu thì cháu chưa về với bố mẹ đâu.

Nói rồi tôi quì xuống chân cụ già khóc, xin cụ chỉ cho cách gặp lại các cô gái bồ câu. Cụ đỡ tôi dạy.

– Ta thấy cháu đã quá nặng lòng. Thôi được, ta sẽ tìm cách cho cháu gặp lại. Cháu nấp sau mấy cây này mà chờ. Mấy cô đến cởi bộ lông cánh xuống tắm, cháu chạy đến chiếm lấy. Các cô sẽ phải đấu dịu. Họ sẽ vuốt ve, ngon ngọt lạy van, trả bộ lông cánh cho họ. Cháu chớ có mềm lòng, sẽ hỏng việc. Cháu phải cương quyết từ chối bảo: Tôi muốn trả lại cho các cô lắm, song phải chờ cụ già. Cháu phải tiếp các cô cho lịch sự, chờ ta về, sẽ xoay chuyển theo ý cháu.

Tôi cảm ơn, chạy nấp sau cây, còn cụ thì về phòng riêng tiếp khách. Tôi chờ khá lâu. Cuối cùng, nghe tiếng cánh bay, tiếng cười trong không. Ba con bồ câu bay xuống đậu trên bờ bể nước, nhìn ngang nhìn ngửa xem có ai đứng nhìn không. Cô trẻ hỏi:

– Các chị ơi! Có ai trong vườn không nhỉ. Chàng trẻ tuổi nọ, giờ ra sao nhỉ?

Hai chị đáp:

– Samxa ơi! Đừng quá bận tâm. Cứ làm như hai chị đây này

Cả ba trút bộ lông cánh, xuống nước đùa rỡn. Tôi thấy như có ba mặt trăng dưới nước.

Chờ cho các cô bơi ra đến giữa bể, tôi vụt đến ôm lấy bộ lông cánh của cô gái tôi yêu. Đáp lại hành động ăn cướp của tôi là ba tiếng kêu kinh hãi. Các cô thẹn

thủng lặn xuống chỉ hở cái đầu bơi đến nhìn tôi cầu khẩn. Lần này biết chắc nắm được các cô, tôi cười lùi lại, vung bộ lông cánh đắc thắng.

Thấy thế, cò trẻ nhất, cò đã nói với tôi lần trước, cô tên là Samxa, lên tiếng:

— Chàng ơi! sao chàng lại chiếm đoạt cái không phải của mình?

Tôi cười:

— Con chim bồ câu của tôi ơi! Hãy ra khỏi bể nước đến nói chuyện với tôi đi.

Cô trẻ nhất nói:

— Tôi muốn thế, hỡi chàng thanh niên xinh đẹp, nhưng trần truồng thế này ra sao được. Giả áo cho tôi, tôi hứa sẽ đến nói chuyện với chàng và để chàng vuốt ve, hôn hít nữa, bao nhiêu cũng được

Tôi nói:

— Ôi ánh sáng của mắt tôi, nữ chủ của tôi, nữ hoàng nhan sắc, tim gan của tôi! Giả áo cho nàng tức là tôi tự tử đấy. Không được đâu. Dù sao cũng phải chờ ông bạn của tôi, vị thống lĩnh chim muông đến đã.

— Chàng chỉ chiếm áo của tôi, vậy chàng hãy xa ra, quay mặt đi cho các chị tôi khoác lông cánh vào, còn tôi thì mượn các chị vài chiếc lông cánh mà che cái chỗ cần thiết nhất.

Tôi nói:

— Cái ấy thì được

Và tôi đi, đến đứng sau chiếc ngai bằng hồng ngọc.

Hai cô chị ra trước khoác áo vào, nhổ mấy lông cánh dày nhất làm một tấm che nhỏ, đỡ cô em ra. buộc tấm che vào chỗ cần che nhất Xong gọi tôi. Tôi chạy đến, quì xuống ôm chân cô Samxa nhưng vẫn

giữ vững bộ lông cánh để nàng không lấy mà bay đi được. Nàng nàng tôi dạy, nói rất khéo, vuốt ve tôi để tôi giả áo. Nhưng tôi vẫn vững tâm lại rủ được cô đến chỗ chiếc ngai ngọc. Tôi ngồi lên, bế cô trong lòng.

Nàng biết không thoát được, cũng đồng tình với tôi, mà ôm lấy cổ tôi. Chúng tôi hôn nhau. Hai chị cười, nhìn tứ phía xem có ai đến không.

Bỗng cụ già đẩy cửa bước vào. Chúng tôi đứng dạy chào, kính cẩn hôn tay cụ. Cụ bảo ngồi, rồi nói với Samxa :

— Bác vui lòng thấy cháu ưng thuận chàng thanh niên yêu cháu thiết tha này. Chàng thuộc một gia đình rất vẻ váng đấy. Cha là vua Timôt, chủ nước Apganixtan. Cháu nên nhận cuộc tình duyên này và nên nói cho cha cháu bằng lòng.

Nàng xin tuân theo lời cụ. Cụ già bảo:

— Nếu cháu nhận thì cháu thề với bác đi, hứa trung thành với chồng và không bao giờ được bỏ chàng.

Samxa xinh đẹp, đứng ngay dạy thề. Cụ bảo chúng tôi :

— Các cháu cảm tạ đấng Tối cao đi. Chúc các cháu hạnh phúc. Ta cầu chúa cho các cháu đấy. Giờ thì các cháu được tự do yêu nhau. Còn cháu Jânsát, giả áo cho cô ta. Cô ấy không bỏ cháu đâu.

Nói xong, cụ dẫn chúng tôi vào một căn phòng đã có đệm, có thảm, lại có mấy mâm đầy hoa quả và các thức ăn ngon. Samxa nói với hai chị về cung báo cho vua cha về việc hôn nhân của nàng và việc vợ chồng nàng sẽ về ra mắt. Nàng tỏ ra rất ân cần, đối với tôi, gọt quả cho tôi ăn và cùng ăn với chúng tôi. Ăn xong chúng tôi ôm nhau mà ngủ, khoan khoái vô cùng.

Sáng Samxa dạy trước. Nàng mặc áo lông vào, đánh thức tôi dạy, hôn vào giữa mắt tôi nói:

— Chúng mình phải đến cung Kim cương ra mắt phụ vương em là vua Nát. Chàng ăn mặc nhanh lên.

Chúng tôi từ biệt cụ già, hết sức cảm ơn cụ. Samxa bảo tôi:

— Chàng ngồi lên vai em cho vững, đường khá xa đấy, mặc dù em định bay thật nhanh.

Nàng từ biệt lần cuối vị ân nhân, cõng tôi lên vai vun vút bay đi, phút chốc đặt tôi xuống trước cung Kim cương. Các thần được vua cử đứng chờ, vội chạy đi báo. Chúng tôi thong thả tiến vào.

Vua Nát rất mừng thấy tôi đến, ôm hôn tôi thắm thiết. Ngài cho tôi mặc một chiếc áo rất đẹp, cho đội một cái vòng đai gọt từ một khối kim cương, rồi dẫn tôi đến hoàng hậu, mẹ vợ tôi. Bà cũng rất hài lòng, khen con gái khéo chọn. Bà tặng con gái rất nhiều viên đá quí, đầy ắp trong cung, xong cho dẫn chúng tôi đến nhà tắm. Người ta kỳ cọ, xức cho nước hoa hồng, xạ hương, long diên hương và dầu thơm, mát mẻ lạ thường. Vua cho mở tiệc yến linh đình ba mươi ngày đêm liên tiếp để mừng chúng tôi.

Tôi ngỏ ý muốn đưa vợ về chào cha mẹ tôi. Vua và hoàng hậu tuy rất buồn phải xa con gái nhưng cũng chấp thuận, chỉ bắt tôi hứa hàng năm phải về đây một thời gian. Vua cho đóng một cái ngai lộng lẫy và cao rộng đến độ có thể chứa hai trăm nam thần, hai trăm nữ thần. Chúng tôi lên ngai còn bốn trăm thần theo hầu thì đứng trên bực thang của chiếc ngai. Còn một đạo quân các thần khác làm nhiệm vụ khiêng. Chúng tôi từ biệt xong, các thần khiêng bay lên và trong hai ngày đã vượt một chặng đường mà nếu đi bộ thì phải hai năm.

Cha mẹ tôi thấy tôi vắng nhà lâu quá tưởng đã tuyệt vọng, nay thấy tôi về lại đem theo cả vợ xinh đẹp, con vua, cưới trong một hoàn cảnh kỳ lạ thì mừng ứa nước mắt ôm chặt lấy chúng tôi mà hôn. Hơn nữa mẹ tôi còn ngất đi, nhờ có lọ nước hoa hồng của Samxa mới tỉnh lại.

Yến tiệc, hội hè xong, cha tôi hỏi Samxa:

– Con muốn gì để được vui lòng nào?

Samxa vốn giản dị, đáp:

– Tâu đức vua cha đầy hồng phúc, con chỉ muốn một ngôi nhà giữa một khu vườn có suối nước trong cho hai vợ chồng là đủ.

Cha tôi ra lệnh và sau một thời gian ngắn chúng tôi có nhà, có vườn mà sống với nhau tràn đầy hạnh phúc.

Sau một năm giời bể ái nguồn ân, vợ tôi muốn về cùng Kim cương thăm cha mẹ, nhắc lại lời tôi đã hứa. Tôi yêu nàng lắm, không muốn trái ý. Than ôi! vì chuyến đi này mà nỗi bất hạnh đã giáng xuống chúng tôi.

Chúng tôi lên chiếc ngai có thần khiêng, bay nhanh lắm, cứ một ngày là một tháng đường bộ. Tối đến thì hạ xuống gần một con suối hoặc dưới bóng cây để nghỉ. Một hôm chúng tôi nghỉ chính tại chỗ này đây. Samxa muốn xuống sông tắm. Tôi khuyên không nên gần tối rồi có thể bị lạnh. Nàng không nghe, đem theo mấy nữ nô đi. Họ cởi áo lội xuống sông. Samxa như một mặt trăng giữa một chòm sao. Đang nô rỡn, Samxa bỗng thét lên đau đớn. Mấy nữ nô vội bế đặt lên bờ. Tôi chạy đến hỏi và định chữa cho nàng thì nàng đã chết. Bọn nữ nô chỉ một vết rắn cắn ở gót chân nàng.

Tôi ngã lăn ra, bất tỉnh, lâu quá, mọi người tưởng tôi cũng chết nốt. Than ôi! tôi chưa được chết, còn phải sống để khóc nàng và xây cho nàng ngôi mộ này

đây. Còn ngôi mộ kia tôi cho xây cho tôi, canh người yêu khốn khổ. Bây giờ tôi chỉ còn có nước mắt và những kỷ niệm đau đớn, chờ đến lúc được nằm cạnh Samxa trong cuốn hoang vu chết chóc này, xa đất nước mà tôi đã bỏ đi, xa cõi đời đối với tôi đã thành một sa mạc đáng sợ.

Kể xong, chàng thanh niên xinh đẹp sầu não úp mặt vào lòng bàn tay mà khóc nức khóc nở. Bulukia nói:

— Lạy chúa! người anh của tôi hỡi! chuyện anh thật ly kì, nghe quên cả chuyện của tôi mà tôi cứ tưởng là không có chuyện nào bằng. Cầu chúa an ủi anh và giúp anh chóng quên.

Bêlukia còn ở lại một giờ đồng hồ, gắng rủ chàng về nước với mình để thay đổi không khí và cảnh vật, nhưng chàng không nghe. Bulukia đành phải đi, sợ lại làm phiền chàng. Bêlukia an ủi thêm mấy câu, ôm hôn bạn rồi đi nhanh về phía kinh đô của chàng. Sau năm năm xa cách, chàng đã về đến nhà bình an.

Từ đấy ta không có tin gì về Bêlukia nữa. Vả lại, bây giờ có chàng ở đây, Hatxip ạ, ta quên hẳn vị thiếu quân Bêlukia mà ta vẫn hằng mong được gặp lại một ngày. Còn chàng, chàng đừng từ biệt ta sớm quá. Ta muốn giữ chàng ở đây lâu năm. Ta không để cho chàng phải thiếu thứ gì đâu. Ta có nhiều chuyện còn hay hơn nhiều chuyện Bêlukia và chuyện chàng thanh niên sầu não. Để chàng thấy ta chỉ muốn điều tốt cho chàng, vì chàng đã chú ý nghe ta lâu, ta gọi các cô hầu dọn cho chúng ta ăn uống và hát để chúng ta thưởng thức và giải trí cho đến sáng mai

Tiệc xong, buổi múa hát của các cô gái rắn kết thúc, đoàn đón rước nữ hoàng về một tòa lầu khác đã được chuẩn bị chu đáo để nghỉ, thì Hatxip nói với bà:

— Tâu nữ hoàng Amlica, tôi chỉ là một gã tiều phu khốn khổ thế mà được nữ hoàng cho hưởng bao nhiêu điều khoan khoái tại đây. Nhưng tôi còn mẹ và vợ ở nhà, tôi không thể để cho hai người phải chờ đợi lâu hơn. Vậy tôi được về kẻo mẹ và vợ sẽ vì đau khổ mà chết mất, dù suốt đời tôi sẽ phải ân hận không nghe những chuyện khác mà nữ hoàng có ý định kể cho nghe.

Nữ hoàng Amlica hiểu rằng Hátxíp đi là phải, nên bảo chàng:

— Hatxíp hỡi, ta muốn để chàng về với mẹ và vợ dù ta rất tiếc phải xa một người biết chăm chú nghe chuyện như chàng. Nhưng chàng phải thề với ta một điều, nếu không ta sẽ không để chàng đi được. Chàng phải hứa suốt đời sẽ không bao giờ đến nhà tắm công cộng vì sẽ nguy đến tính mạng chàng đấy. Giờ ta không thể nói rõ hơn được.

Hátxip ngạc nhiên lắm, nhưng không muốn trái ý nữ hoàng, nên thề suốt đời sẽ không đến nhà tắm công cộng. Từ biệt xong, nữ hoàng cho một cô gái rắn tiễn chàng ra khỏi vương quốc. Cửa ra là một ngôi nhà đổ nát đối diện với chỗ hầm có mật ong, nơi Hátxíp đã vào được vương quốc ngầm.

Hátxip về đến nhà, gõ cửa thì mặt trời đã vàng úa ở phương Tây. Bà mẹ ra mở thấy con, kêu lên một tiếng ngả vào tay chàng mà khóc vì vui. Vợ Hatxip nghe tiếng kêu và tiếng khóc của bà mẹ chạy ra thấy chồng, nàng chào lễ phép và hôn tay chàng. Họ vào nhà. Khi không khí đã bình tĩnh lại, Hatxíp hỏi tin về mấy gã tiều phu. Bà mẹ kể lại khi họ về báo tin chàng bị sói ăn thịt như thế nào, bọn họ trở thành những thương gia giàu có, cửa hiệu sang trọng ra sao, và họ thấy đời cứ mở rộng, mỗi ngày trước mắt họ

Hatxíp nghĩ một lúc rồi bảo mẹ:

— Mai mẹ ra chợ tìm họ, bảo họ tập hợp lại, báo tin con đã về và con muốn thăm họ.

Hôm sau bà mẹ y lời. Mấy gã tiều phu được tin, mặt tái đi, mời Hatxíp đến thăm. Họ bàn với nhau xử sự cho êm thấm. Trước hết, họ biếu mẹ Hatxíp mấy tấm lụa thật đẹp cùng vải-vóc rồi dẫn bà về. Họ hứa mỗi người sẽ giả lại cho Hatxíp một nửa tài sản về nô lệ cũng như về của cải. Họ chào chàng, hôn tay chàng, thực hiện lời hứa trên và xin chàng quên lỗi của họ. Hatxíp không muốn giữ oán thù, bảo:

— Cái gì đã qua rồi là đã qua, cái gì phải đến sẽ đến, có đề phòng cũng không được.

Họ từ biệt chàng, tỏ lời biết ơn. Hatxíp từ hôm ấy trở nên giàu có. Chàng mở một ngôi hàng sau thành ngôi hàng giầu đẹp nhất chợ.

Một hôm đến cửa hiệu theo thường lệ, chàng qua một nhà tắm công cộng ở chợ. Người chủ đang hóng gió trước cửa. Nhận ra Hatxíp, ông ta chào:

Xin được hân hạnh mời chàng vào tắm. Tôi không thấy chàng vào đây lần nào cả. Hôm nay mời chàng chỉ là để được vui tiếp đón thôi. Mấy người xoa bóp sẽ dùng bao tay lông để kỳ cọ, sẽ vò đầu bằng một thứ giấy chưa bao giờ.

Hatxíp nhớ đến lời thề, đáp:

— Lạy chúa! Tôi không thể nhận lời ông được, vì tôi đã thề không bao giờ vào nhà tắm công cộng cả.

Lão chủ không thể tin một lời thề như thế. Vì phàm ai đã ngủ với vợ thì thế nào cũng phải tắm, dù có phải chết.

— Sao lại từ chối thế, ông ta nói. Lạy chúa. Đến lượt tôi thề rằng nếu chàng cứ khăng khăng không vào, tôi sẽ li dị tức khắc với bà mụ vợ của tôi. Tôi xin thề như thế ba lần.

Mặc kệ lời thề độc, Hatxip vẫn không nhận lời. Lão chủ qui xuống chân chàng van xin để khỏi phải thực hiện lời thề. Lão khóc :

— Chàng cứ vào tắm đi, có xảy ra chuyện gì tôi xin chịu hết trách nhiệm.

Những người qua đường xúm quanh, biết chuyện thề li dị cũng xin Hatxip không nên bỗng dưng gây họa cho một người đã mời chàng tắm không lấy tiền. Rồi khi thấy nói mãi cũng vô hiệu họ dùng võ lực tóm lấy Hatxip đẩy vào mặc cho chàng kêu la khủng khiếp. Họ cởi quần áo chàng ra dội hai ba chục chậu nước, xoa bóp, kỳ cọ, gội đầu, rồi lau khô lấy khăn nóng choàng vào người và lấy một tấm khăn to viền, thêu trùm lên đầu. Lão chủ thấy lời thề li dị đã được giải, mừng quá, bưng đến cho Hatxip một cốc kem long diên hương mà rằng :

— Chàng tắm xong nhẹ nhõm khoan khoái biết bao! Cốc kem này sẽ làm chàng mát ruột như chàng đã làm cho tôi mát lòng.

Hatxip mỗi lúc một khiếp đảm, không biết nên nhận hay nên từ thì bỗng một đoàn cận vệ nhà vua xông vào nhà tắm tóm lấy chàng cứ thế lôi đi mặc cho chàng phản đối, chống cự. Họ giao chàng cho vị tể tướng đang nóng lòng đứng chờ ở cửa hoàng cung.

Tể tướng mừng quá, tỏ ý kính cẩn, mời chàng theo ông vào yết kiến vua. Hatxip phó mặc cho số phận: theo Tể tướng đến một phòng lớn ở đấy đã tề tựu theo thứ tự phẩm tước hai nghìn tỉnh trưởng, hai nghìn võ quan cao cấp, hai nghìn đao phủ chỉ chờ một hiệu lệnh

là chém bay những cái đầu. Còn vua thì nằm trên một chiếc giường lớn bằng vàng như đang ngủ mặt phủ một tấm khăn lụa.

Hatxip hoảng sợ, tưởng phải chết, quì xuống chân giường vàng kêu van. Nhưng tề tướng cung kính đỡ chàng dạy, nói :

— Hỡi người con của Đanian tiên sinh, chúng tôi mong chàng cứu đức vua Karađân của chúng tôi. Ngài bị hủi ăn khắp mặt, khắp mình, không thuốc nào trị nổi.

Tất cả mọi người, tỉnh trưởng, võ quan, cả đao phủ, đồng thanh :

— Chúng tôi chỉ còn biết trông mong ở chàng chữa lành cho đức vua Karađân.

Hatxip tự nhủ : « Họ coi mình là một nhà bác học ! » Chàng nói với Tề tướng :

— Tôi là con ông Đanian thật, nhưng tôi có biết gì đâu. Tôi được đi học, nhưng không học. Người ta muốn dạy tôi nghề thuốc, nhưng chỉ được một thang lại thôi vì tôi chậm hiểu lắm. Mẹ tôi nghèo túng quá, bèn mua cho một con lừa, mấy cuộn dây bảo tôi làm nghề đốn củi. Hiểu biết của tôi là như thế đấy.

Tề tướng nói :

— Hỡi người con ông Đanian, chàng đừng giấu tài nữa. Chúng tôi biết rằng dù có chạy khắp Đông, Tây cũng không tìm ra được một người giỏi thuốc như chàng.

Hatxip sửng sốt :

— Thưa Tề tướng, tôi không biết bệnh, không biết thuốc thì chữa làm sao.

— Thôi đi ! chối vô ích. Chàng có thể chữa được.

Hatxip giơ hai tay lên trời :

— Sao ngài lại nói thế ?

— Đúng đấy? Tề tướng nói. Chàng chữa được vì chàng biết nữ hoàng Amlica dưới đất. Bà ta có một thứ sữa tinh khiết uống lúc đói hoặc uống chặn bệnh có thể chữa khỏi tất cả các bệnh nan y.

Hatxip chắc rằng vì mình vào nhà tắm nên bị lộ. Chàng ra sức chối:

— Tôi chưa từng thấy thứ sữa ấy, cũng không biết nữ hoàng Amlica là ai. Đây là lần đầu tiên tôi nghe cái tên ấy.

Tề tướng mỉm cười:

— Chàng chối à? Ta sẽ cho chàng biết chàng có chối cũng vô ích. Ta nói là chàng đã ở nơi nữ hoàng Amlica. Trước kia, những ai đến vương quốc ấy lúc về da bụng đều đen. Cuốn sách ta đang đọc kia cho ta biết như thế. Hay đúng hơn, hỡi vị con Đanian tiên sinh, ai ở đấy về, hễ tắm là da bụng đen lại. Ta đã cho thám tử đứng rình. Tất cả những người vào tắm chỉ có chàng là da bụng đen. Chàng chối nữa thôi?

— Không? Lạy chúa! Tôi không bao giờ ở vương quốc của nữ hoàng cả,

Tề tướng giật tấm khăn choàng lấy người chàng, thì rõ ràng bụng chàng đen như bụng trâu.

Hatxip hoảng sợ, xuýt ngã lăn ra, bỗng nảy ra một ý:

— Thưa Tề tướng, chàng nói, tôi sinh ra, bụng đã đen như thế này.

— Bọn thám tử đã báo với ta: chàng vào nhà tắm bụng mới đen.

Hatxip vẫn không muốn phản bội mà nói ra chỗ ở của nữ hoàng, cứ một mực chối không có liên hệ, không thấy bà bao giờ. Tề tướng ra hiệu cho hai tên đao phủ. Chúng sấn đến, nọc chàng ra, trần truồng như thế,

cứ gan bàn chân mà đánh, tưởng chết được. Đau quá, chàng kêu van xin thú nhận.

Tề tướng đỡ dạy, lấy một chiếc áo trào mặc cho chàng dẫn ra sân, cho cưỡi con ngựa đẹp nhất trong những tàu ngựa của vua, Ông cũng lên ngựa rồi cùng một đoàn tùy tùng đông đảo kèm chàng đến ngôi nhà đồ nát, nơi chàng từ vương quốc ngầm đi ra.

Tề tướng đã học được trong sách phép bùa chú, đốt hương khấn khứa. Hatxip theo lệnh của ông, cũng lầm rầm cầu nguyện nữ hoàng hiện đến. Bỗng mặt đất rung chuyển, hất ngã hầu hết những người đứng đấy. Từ một cái hố tròn bốn con rắn đầu người phun lửa, đội một cái chậu vàng hiện lên, trong có nữ hoàng Amlica, mặt tỏa hào quang. Bà nhìn Hatxip đầy vẻ trách móc nói:

— Ôi Hatxip, chàng giữ lời thề với ta như thế sao?

— Thưa nữ hoàng, lỗi là ở vị tề tướng đã đánh tôi tưởng chết.

— Ta biết, vì vậy mà không trừng phạt chàng. Người ta bắt chàng đến đây và bắt cả ta phải rời khỏi nơi ở đến chữa cho vua. Chàng muốn xin sữa của ta chữa bệnh chứ gì. Để nhớ những ngày ta tiếp đãi chàng và chàng biết chăm chú nghe ta kể chuyện, ta cho chàng hai lọ sữa này của ta. Ta chỉ cho cách dùng, hãy lại gần đây.

Rồi bà nói nhỏ, chỉ đủ cho chàng nghe:

— Một lọ đánh dấu một gạch đỏ để chữa cho vua. Lọ kia dành cho viên tề tướng đã đánh chàng. Tề tướng thấy vua khỏi, sẽ muốn uống để đề phòng các thứ bệnh tật, chàng đưa lọ thứ hai.

Nữ hoàng trao hai lọ sữa cho Hatxip. Đất mở ra, bà và mấy cô hầu biến mất. Mặt đất lại khép kín như cũ.

Vào cung. Hatxip làm theo lời dặn chàng đưa vua uống lọ thứ nhất. Vua vừa uống sữa xong thấy toàn thân toát mồ hôi, da loét hủi rụng từng mảng, rụng đến đâu da mịn màng trắng như bạc đến đấy. Chỉ trong chốc lát vua khỏi hết bệnh. Tể tướng thấy thế vớ lấy lọ thứ hai nốc một hơi hết sạch. Tức thì người trương lên dần to như một con voi, nổ tung, chết ngay tức khắc. Người ta vội lôi đem chôn.

Nhà vua khỏi bệnh mừng lắm, cho Hatxip ngồi cạnh cử làm Tể tướng thay cho kẻ vừa chết dưới mắt vua cho loan báo khắp trong cung biết. Vua ban cho chàng một chiếc áo trào nạm ngọc, ba trăm kỵ sĩ, ba trăm cung nữ, ba công chúa làm vợ chính thức cùng với vợ cũ là bốn; vua còn ban cho ba mươi vạn đina vàng ba trăm la, ba trăm lạc đà và rất nhiều trâu bò và cừu.

Vua bảo với bá quan:

— Ai trọng ta thì ta phải trọng chàng.

Thế là cả triều đình lần lượt đến hôn tay Hatxip tỏ lòng tín phục và kính trọng đối với chàng. Hatxip đem mẹ, bốn vợ và các nàng hầu đến ở dinh Tể tướng. Chàng sống trong vinh quang và giàu có trong một thời gian dài. Trong thời gian ấy chàng học đọc học viết.

Biết đọc, biết viết rồi, Hatxip nhớ lại cha mình là một nhà đại thông thái. Chàng hỏi mẹ xem cha có để lại cho mình sách vở giấy má gì làm gia tài không.

— Con ơi! bà mẹ nói, trước khi mất cha đã hủy diệt tất cả sách vở và các bản thảo chỉ để lại cho con một tờ giấy nhỏ, dặn mẹ khi con ngỏ ý muốn thì trao cho.

— Con muốn lắm, vì bây giờ con cần học hỏi để chăm lo việc nước tốt hơn..

XI

TRÍ TUỆ VÀ HÀO HOA

TRUYỆN AN RASIT VÀ ÔNG LÃO ĐI ĐƯỜNG

Tâu bệ hạ đầy hồng phúc, tục truyền giáo chủ Harun An Rasit thấy trong lòng phiền muộn y như tình trạng bệ hạ hiện nay, bèn rời cung đi du ngoạn trên quãng đường từ Bátđa đến Baxra, mang theo tể tướng Jafa An Bacmaki, quan tiến tửu thân cận Abu Itxắc và nhà thơ Abu Nờoát.

Trên đường đi, giữa lúc Giáo chủ mặt ủ mày chau, đôi môi mím chặt, bỗng gặp một cụ già cưỡi lừa đi tới. Giáo chủ quay lại bảo tể tướng:

– Hỏi xem lão già này đi đâu?

Từ nãy đến giờ tể tướng Jafa chỉ nghĩ đến cách giải phiền cho Giáo chủ, lập tức lấy ông già làm trò vui. Ông già vẫn ung dung trên đường, buông lỏng dây cương trên cổ con lừa thuần hậu. Tể tướng tiến đến gần, hỏi:

– Cụ đi đâu đây?

– Lão từ quê nhà ở Baxra đi Bátđa đây.

– Sao cụ phải đi xa như vậy?

– Lạy Chúa Ala! Lão định đến Bátđa tìm một vị danh y xin cái đơn mua ít thuốc nhỏ mắt.

– Ồ, cụ này, chỉ có chúa Ala mới ban phúc và chữa cho cụ khỏi thôi. Nhưng nếu tôi có thể kê cho cụ một cái đơn ngay ở đây, làm cho mắt cụ khỏi trong một đêm, đỡ cho cụ mất công đi tìm thầy và phải chi tiêu tốn kém thì cụ sẽ trả cho tôi cái gì nào?

— Chỉ có chúa Ala mới có thể trả công cho ông theo đúng tài năng của ông được thôi.

Tể tướng quay về phía Giáo chủ và nhà thơ Abu Nôoát nháy nháy mắt. rồi nói với ông già :

— Nếu vậy, bố già này, bố hãy nhớ kỹ cái đơn tôi kê đây, rất đơn giản thôi. Này nhé : Lấy ba lạng gió, ba lạng ánh sáng mặt trời, ba lạng ánh sáng mặt trăng và ba lạng ánh đèn cho vào một cái cối không đáy, trộn kỹ tất cả và đem hong ra trong ba tháng. Sau đó bố lại tán ra trong ba tháng và để vào một cái liễn thủng phơi ra gió và ánh nắng trong ba tháng nữa. Thế là thuốc đã luyện xong. Trong đêm đầu, bố chỉ cần rắc lên mắt ba trăm lần, mỗi lần ba nhúm to rồi đi ngủ Sớm hôm sau tỉnh dậy bố sẽ khỏi... nếu chúa muốn.

Nghe xong, để tỏ lòng biết ơn và kính trọng thầy lang, ông già cúi rạp xuống trên mình lừa trước mặt tể tướng, đồng thời thả ra một cái dắm thô bỉ, tiếp theo là hai cái dắm sịt kéo dài, rồi nói với viên tể tướng :

— Kìa thầy lang, mau hót lấy không tan mất. Lúc này, đó là cách giả ơn duy nhất về môn thuốc gió của thầy. Khi lão về đến quê, nếu Chúa muốn, lão sẽ gửi làm quà tặng thầy một mụ nữ tỳ có cái đít nhăn nhúm như quả vả khô. Mụ ta sẽ làm cho thầy tha hồ sảng khoái đến hết hơi thì thôi. Và lúc đó mụ sẽ vừa khóc thầy, vừa đái lên cái mặt đã lạnh và bộ râu khô cằn của thầy.

Ông già khẽ vuốt ve con lừa và tiếp tục đi. Giáo chủ cảm thấy toàn thân rung lên quá sức, ngã bổ chửng ra, ngài phá lên cười khi thấy vẻ mặt viên tể tướng ngẩn ra vì bị một vố bất ngờ làm lão bối rối, không ứng đối kịp ; còn nhà thơ Abu Nôoát tỏ vẻ tử tế, làm hiệu khen ngợi lão ta.

CHÀNG THIẾU NIÊN VÀ ÔNG THẦY

Vị đại thần Baretđin, tỉnh trưởng tỉnh Amân có một cậu em xinh đẹp tuyệt trần. Cậu đi đến đâu thì bất luận là đàn ông hay đàn bà đều quay lại ngắm nghía cho con mắt được thỏa thuê về sắc đẹp mê hồn của cậu. Vị đại thần sợ có chuyện không hay, giữ không cho cậu giao thiệp với ai, không cho chơi với những thiếu niên cùng tuổi. Vì không cho cậu em đến trường học, sợ không trông nom được, ông cho mời một ông thầy đáng kính, mộ đạo, được tiếng là trong sạch đến dạy cậu học. Ngày nào ông cũng đến dạy cậu mấy tiếng trong một căn phòng riêng dành làm phòng học.

Chẳng bao lâu vẻ đẹp quyến rũ của cậu thiếu niên làm cho ông thầy xúc động. Ông mê cậu học trò, cứ thấy cậu là như có chim hót trong tâm hồn, thức tỉnh những cái đang ngủ.

Không biết làm thế nào cho dịu lòng đi được, ông tâm sự với cậu rằng không thể xa cậu được. Cậu động lòng nói :

— Than ôi! thầy cũng biết đấy, mọi cử động của tôi nhất nhất đều bị anh tôi giám sát.

Ông thầy thở dài mà rằng :

— Thầy muốn một tối nào đó, được ngồi đối diện ngắm em.

— Thầy tưởng dễ sao? Ngày mà còn bị canh giữ cẩn mật nữa là đêm tối.

— Ta cũng biết thế, nhưng sân thượng nhà thầy sát ngay sân thượng nhà này. Đêm nay, khi ông anh ngủ rồi, cậu lên sân thượng, chỉ bước qua bức tường ngăn thấp là sang đến sân thượng nhà thầy. Thầy sẽ đón cậu. Qua rồi, là không ai giám sát chúng ta nữa.

Cậu bé nhận lời. Tối, cậu giả vờ ngủ. Vị đại thần lui vào buồng rồi, cậu lên sân thượng. Ông thầy dặn cậu sang. Trên sân thượng bên này đã sẵn mấy cốc rượu và hoa quả. Hai người ngồi trên một chiếc chiếu trắng. Trên cao trăng sáng, trong. Thấy lòng lai láng, họ vừa uống rượu vừa cất lời ca. Trong lúc ấy vị đại thần nảy ra ý nghĩ đến thăm em trước khi ngủ. Ông ngạc nhiên không thấy cậu ta đâu cả. Ông tìm khắp, trèo lên sân thượng đến chỗ bức tường ngăn thì thấy cậu em đang cùng thầy học ngồi sát cạnh nhau mà hát, tay cầm cốc rượu. Ông thầy cũng thấy vị đại thần từ xa tiến lại. Nhanh trí, ông hát rằng:

«Cậu bắt ta uống chén rượu có hòa nước miếng của cậu. Chén hồng ngọc lấp lánh dưới đôi má của cậu hồng lên vì sắc hồng của ngọc và cả vì sắc hồng của sự thẹn thùng. Biết gọi cậu là gì đây? Anh cậu là Trăng Tròn của Đạo, giờ đây đang đứng soi cho chúng ta. Vậy gọi cậu là Trăng Tròn của Nhan sắc.

Vị tỉnh trưởng nghe rõ mấy câu thơ ám chỉ mình một cách tế nhị. Ông vốn kín đáo và lịch sự, và cũng không thấy gì khả nghi, nên lui gót, nghĩ bụng: «Lạy Chúa, để cho hai người trò chuyện, đến chỉ phiền họ».

Thế là hai thầy trò được hoàn toàn hạnh phúc.

CÁI TÚI KỲ LẠ

Một đêm Giáo chủ Harun An Rasit lại bị mất ngủ. Ngài cho gọi Tể tướng Jafa đến bảo:

— Jafa này, đêm nay mất ngủ, ta thấy ngực khó thở quá. Ta muốn ngươi làm cho nó dễ thở một chút.

— Tâu Giáo chủ, tôi có một người bạn là Ali người Batır. Ông ta lúc nào cũng sẵn một kho chuyện thú vị có thể làm tiêu tan những nỗi buồn dai dẳng hoặc làm dịu những nỗi bực mình.

— Thế thì cho gọi ông bạn đến ngay.

Jafa cho người mời đến. Giáo chủ bảo:

— Ali này. Ta nghe đồn ngươi biết những chuyện có thể tiêu nỗi buồn, biến nỗi bực, lại còn có thể khiến người mất ngủ được. Ta muốn nghe một chuyện.

— Tâu Giáo chủ, nên kể chuyện tôi đã nghe hay chuyện tôi đã thấy?

— Kể chnyện ngươi được chứng kiến.

Ali kể:

— Một hôm tôi đang ngồi ở cửa hiệu thì một tên Cuốc[1] đến mua vài thứ hàng. Bỗng hắn chiếm lấy một cái túi nhỏ treo ở cửa hiệu, chẳng buồn giấu giếm cứ thế mà đi làm như cái túi ấy là của hắn từ hồi mới đẻ. Tôi nhảy bổ ra, đuổi theo túm lấy vạt áo, bắt phải trả lại. Hắn nhún vai:

— Túi này là của tôi với tất cả những thứ trong đó.

Tôi tức đến ngạt thở:

— Hỡi đồng bào Hồi giáo. hãy cứu lấy tài sản của tôi khỏi tay tên vô đạo này.

Cả chợ chạy đến vây quanh chúng tôi. Mấy thương nhân khuyên tôi nên lôi hắn đến vị pháp quan mà kiện. Rồi họ giúp tôi kéo hắn đi.

Đến nơi, vị pháp quan hỏi:

— Ai là bên nguyên, ai là bên bị?

---

(1) Dân vùng Trung Á.

Tên Cuốc tiến lên, nói ngay, không kịp để tôi mở miệng:

– Cầu Chúa phù hộ cho vị pháp quan của chúng tôi. Cái túi này là của tôi, tất cả những gì trong ấy là của tôi. Tôi đánh mất, vừa rồi thấy treo ở cửa hiệu người này.

Quan hỏi:

– Anh mất từ bao giờ?

– Bẩm từ hôm qua. Mất của tôi tiếc quá không ngủ được.

– Trong túi có những gì?

Tên Cuốc không nghĩ ngợi nói luôn:

– Có hai lọ pha lê phấn đen đánh lông mày, hai chiếc đũa bạc để kẻ phấn, một khăn lau, hai chiếc cốc để uống nước chanh, miệng cốc viền bằng vàng, hai bó đuốc, hai cái thìa, một cái gối, hai tấm thảm trải bàn chơi, hai bình nước, hai cái chậu, một cái mâm, một cái nồi, một cái vại sành, một cái gáo, một chiếc kim thêu to, hai bao thức ăn, một con mèo cái chửa, hai con chó cái, một cái bát ăn cơm, hai con lừa, hai cái đệm cho phụ nữ, một cái áo đa, hai cái áo bông, một con bò cái, hai con bê, một con cừu cái với hai con cừu con, một con lạc đà cái và hai con lạc đà con, hai con lạc đà thì với hai con cái, một con trâu và hai con bò, một con sư tử cái và hai con đực, một con gấu cái, hai con cáo, một cái ghế dài, hai cái giường, một tòa lâu đài với hai phòng khách lớn, hai cái lều bằng lụa xanh, hai cái màn, một nhà bếp có hai cửa và một hội đồng những người Cuốc như tôi sẵn sàng làm chứng rằng cái túi này là của tôi.

Vị pháp quan quay sang phía tôi:

– Bây giờ anh nói sao nào?

«Tâu Giáo chủ, tôi lấy làm kỳ lạ hết sức. Tuy nhiên tôi cũng bước lên và nói:

— Xin chúa nâng cao địa vị của ngài pháp quan của chúng tôi. Còn tôi, tôi biết rằng trong cái túi của tôi chỉ có một tòa lâu đổ nát, một ngôi nhà không có bếp, một cái cũi chó, một trường học con giai, những thanh niên chơi xúc xắc, một ổ cướp, một đạo quân với những vị chỉ huy, thành phố Baxra và thành phố Bátđa, tòa lâu đài cũ của Giáo chủ Sêđat ben At, một lò thợ rèn, một lưới đánh cá một cái gậy của người chăn cừu, năm chàng trai xinh đẹp, mười hai thiếu nữ và một nghìn người hướng dẫn các thương đoàn sẵn sàng làm chứng rằng cái túi này là của tôi.

Tên Cuốc nghe tôi nói, khóc nức nở, nói:

— Thưa vị pháp quan, cái túi của tôi, tôi nhận lại được. Mọi người biết rõ nó là của tôi. Nó còn chứa thêm hai thành phố có lũy và thành, mười tháp canh, hai cái nồi chưng hóa học, bốn người chơi cờ, một con ngựa cái và hai con ngựa đực, một con ngựa giống và hai con ngựa thiến, một chú bé bất lực và hai người mù và hai người sáng, một người què và hai người bại, một thuyền trưởng, một con tàu và thủy thủ, một mục sư thiên chúa giáo và hai trợ tế, một giáo trưởng và hai tu sĩ, cuối cùng một vị pháp quan và hai người làm chứng sẵn sàng chứng rằng cái túi này là túi của tôi.

Vị pháp quan lại quay về phía tôi:

— Anh trả lời ra sao nào?

Tâu Giáo chủ, tôi điên tiết lên, tuy vậy cũng cố bình tĩnh nói:

— Cầu Chúa làm sáng tỏ lời phán quyết của Ngài, chủ nhân của cả chúng tôi. Tôi phải nói thêm rằng

trong cái túi này còn có thuốc nhức đầu, bùa yêu thuốc dấu, áo lưới, những tủ đầy binh khí, một nghìn con cừu đực chọi sừng, một khu súc vật, những người đàn ông say đắm phụ nữ, những kẻ thích con giai đẹp, những khu vườn đầy cây ăn quả và hoa, những cây nho trĩu quả, những quả táo và những quả vả, những cái bóng và những con ma, những lọ và những chén, những đám cưới, những tiếng kêu la đùa rỡn, những bạn thân ngồi với nhau trên cánh đồng cỏ, những cờ, những phướn, một cô mới cưới từ nhà tắm đi ra, hai chục ca kỹ, năm nữ nô đẹp người Abixini, ba cô Ấn Độ, bốn cô Hy Lạp, năm mươi cô Thổ Nhĩ Kỳ, bảy chục cô Ba Tư, bốn chục cô Casomia, tám mươi cô Cuốc, tám mươi cô Trung Quốc, chín chục cô Jêoócji, tất cả nước Irắc, địa đường, hai chuồng bò, một nhà thờ, nhiều nhà tắm, một trăm thương gia, một tấm ván, một mẩu đinh, một người da đen thổi kèn, một nghìn đina, hai mươi hòm vải, hai mươi vũ nữ, năm chục cửa hàng lưu trữ, thành phố Kupfa, thành phố Gaza, cung điện Khôxru, cung điện Xôlâymân, tất cả vùng từ Bát đến Ixpahân, Ấn Độ, Xu Đăng, Bátđa và Khoraxân, ngoài ra còn có một tấm khăn niệm, một chiếc quan tài, một con dao cạo để cạo râu vị pháp quan nếu ngài không xử cái túi này là của tôi.

Nghe xong, vị pháp quan nhìn chúng tôi nói:

— Lạy Chúa! hoặc các anh là hai tên vô lại dám nhạo báng pháp luật và người đại diện của nó, hoặc là cái túi này là một cái vực sâu không đáy hay có thể là cái Thung - lũng - của - ngày - phán xét.

Nói rồi, vị pháp quan cho mở cái túi trước mặt những người làm chứng. Trong túi chỉ có vài cái vỏ cam và hột ô-liu.

Tôi nói với vị pháp quan đang sửng sốt rằng cái túi đó là của tên Cuốc, còn túi của tôi đã mất rồi. Nói xong tôi bỏ đi ».

Giáo Chủ Harun An Rasit, nghe xong câu chuyện cười lăn lộn Ngài thưởng cho Ali một món quà sang. Và đêm hôm ấy Ngài ngủ một giấc đến sáng.

GIÁ CẢ DƯA CHUỘT

Một hôm vua Môin Ben Dayda đi săn, gặp một người Arập cưỡi lừa đi từ phía xa mạc đi tới. Nhà vua tiến thẳng đến phía anh ta chào hỏi:

— Anh bạn Arập đi về đâu vậy? Anh mang thứ gì cuộn tròn trong bị thế?

— Tôi đến dâng vua Môin giống dưa chuột đầu mùa trong vườn tôi đây. Ai cũng biết hoàng thượng là người hào phóng nhất nên chắc chắn người sẽ trả tôi một số tiền xứng đáng với đức tính hào phóng của người.

Vua Môin mời anh chàng Arập chưa hề biết mặt, lại hỏi:

— Anh mong hoàng thượng trả cho anh bao nhiêu chỗ dưa chuột này?

— Ít nhất một nghìn đina vàng.

— Nếu hoàng thượng chê đắt quá thì sao?

— Tôi sẽ chỉ xin năm trăm.

— Nếu người vẫn chê đắt?

— Tôi sẽ chỉ xin ba trăm.

— Nếu người còn chê đắt?

— Một trăm.

— Nếu người vẫn chê đắt ?

— Năm chục.

— Nếu người vẫn chê đắt ?

— Ba chục.

— Ồ, tôi sẽ đẩy con lừa của tôi vào hậu cung và trốn ra tay không.

Nghe vậy vua Môin mỉm cười, thúc ngựa đuổi theo đoàn tùy tùng rồi quay vội trở về cung. Tới nơi, ông dặn trước quân hầu và thị vệ cứ để anh Arập mang dưa vào. Một giờ sau, anh Arập tới cung, thị vệ vội dẫn anh ta vào phòng tiếp khách. Vua Môin bệ vệ ngồi trên ngai vàng giữa triều thần oai nghiêm, có thị vệ gươm giáo tuốt trần. Cho nên anh Arập không thể nhận ra nhà vua chính là chàng kỵ mã vừa gặp trên đường. Anh ta ôm bị dưa chuột trong tay, lạy chào rồi chờ nhà vua hỏi trước. Nhà vua hỏi :

— Anh bạn Arập mang cho trẫm cái gì trong bị thế ?

— Tâu bệ hạ, thần tin tưởng vào lòng rộng rãi như biển cả của bệ hạ nên thần mang dưa chuột đầu mùa ở vườn của thần tới dâng.

— Thật là ý kiến hay ! Anh đánh giá sự rộng lượng của trẫm bao nhiêu nào ?

— Một nghìn đina vàng !

— Hơi nhiều quá đấy.

— Năm trăm !

— Nhiều quá.

— Ba trăm !

— Nhiều quá.

— Một trăm !

— Nhiều quá

— Năm chục !

— Nhiều quá

— Vậy thì ba chục !

— Vẫn còn nhiều.

Anh Arập bèn kêu lên :

– Lạy chúa ! Gặp cái thằng cha mặt khỉ ở chề sa mạc thật là xúi quầy ! Không, lạy Chúa ! Tâu bệ hạ thần không thể bán chỗ dưa chuột này dưới giá ba mươi đina.

Nghe vậy, vua Môin mỉm cười, không đáp. Anh Arập nhìn vua, bỗng nhận ra chính là người anh vừa gặp ở sa mạc. Anh ta bèn nói :

– Lạy chúa ! Tâu bệ hạ, xin bệ hạ cho ba chục đina vì con lừa còn buộc ở ngoài cửa kia ạ !

Nghe vậy vua Môin phá ra cười đến nỗi ngã bổ chửng ra ; xong nhà vua cho gọi viên nội thần đến bảo :

– Khanh hãy đem ngay cho anh bạn Arập này một nghìn đina vàng, rồi năm trăm, rồi ba trăm, rồi một trăm, rồi năm chục và cuối cùng là ba chục để anh ta cho con lừa buộc đâu để đó.

Anh Arập vô cùng kinh ngạc khi nhận một nghìn chín trăm tám mươi đồng đina vàng đổi lấy một bị dưa chuột.

Đấy, tính hào phóng của vua Môin là như vậy ! Cầu Chúa mãi mãi ban phúc cho cả hai !

TÓC BẠC

Aba Xuoét kể như sau :

Một hôm tôi đến một vườn cây, mua ít quả. Xa xa một người đàn bà đang ngồi chải tóc dưới bóng một cây mơ. Lại gần, thấy bà ta đã già, đầu đã bạc nhưng vẻ mặt còn xinh nước da tươi mát. Bà thấy tôi đến mà chẳng buồn lấy mạng che mặt, che đầu, vẫn tiếp tục tươi cười dùng chiếc lược ngà gỡ tóc.

Tôi chào hỏi:

– Bà ơi! Tuổi bà thì già mà mặt còn trẻ: sao bà không nhuộm tóc cho giống một thiếu nữ? vì sao vậy?

Bà ngửng đầu, cặp mắt to nhìn tôi, rồi đáp lại bằng mấy vần thơ:

«Trước kia tôi đã từng nhuộm tóc, nhưng màu đen của tóc đã bay đi, mà màu thời gian thì vẫn còn lại.

Nhuộm nữa làm gì? Nếu muốn, tôi vẫn có thể nâng niu đôi mông, đã ế chồng đâu?

CUỘC PHÂN TRANH ĐƯỢC GIẢI QUYẾT

Người ta kể rằng tể tướng Jafa một đêm nọ được đón tiếp Giáo chủ Harun An Rasít tại nhà mình nên ông không tiếc gì để làm cho Giáo chủ được vui. Bỗng Giáo chủ hỏi:

– Jafa này, trẫm nhớ khanh có mua một nữ nô rất xinh đẹp. Trẫm đã để ý đến con bé đó trước và muốn mua cho trẫm. Vậy khanh hãy nhường lại cho trẫm với giá bao nhiêu tùy ý!

– Tâu Giáo chủ thần không có ý muốn bán con bé.

– Thế khanh biếu trẫm vậy!

– Tâu Giáo chủ thần không có ý định ấy ạ.

Tức thì Giáo chủ cau mày, hét lên:

– Ta lấy ba lời thề [1] mà thề sẽ ly dị ngay với hoàng hậu Xét Zôbêida nếu nhà ngươi không thuận bán hoặc nhường lại con bé cho ta!

---

(1) Xin xem lại truyện *Nốt Ruồi* sẽ rõ thêm về ba lời thề.

— Thần cũng xin lấy ba lời thề mà thề sẽ ly dị ngay với vợ của thần nếu thần thuận bán hoặc nhượng lại con bé đó cho bệ hạ.

Cả hai bỗng nhận ra rằng họ quá chén nên đã quá miệng thề độc như vậy. Cả hai hỏi nhau cách ra khỏi tình trạng bối rối đó. Phân vân suy nghĩ một lúc, An Rasit nói:

— Chỉ có thể thoát khỏi trường hợp lôi thôi này bằng cách cầu cứu đến trí tuệ của vị pháp quan. Abilutxup, y vốn thạo về luật ly hôn.

Tức khắc họ cử người đi tìm viên pháp quan. Abi lutxúp nghĩ: « Giáo chủ cho tìm ta giữa đêm hôm khuya khoắt chắc hẳn có việc quốc gia đại sự xảy ra trong vương quốc Hồi giáo ». Ông ta vội vã ra đi, nhảy lên lưng một con la và dặn người đầy tớ đi sau:

— Hãy đem theo cái túi cỏ, con la đang ăn dở. Đến nơi nhớ buộc vào cổ để nó ăn tiếp!

Ông tới nơi, Giáo chủ thân hành đứng dậy đón tiếp và mời ông ngồi bên cạnh: đó là một đặc ân Giáo chủ chỉ dành riêng cho Abi. Rồi ông chủ nói:

— Trẫm vời khanh đến về một việc rất hệ trọng.

Rồi nhà Vua nói rõ việc xảy ra. Abi nói:

— Tâu bệ hạ, cách giải quyết thật đơn giản.

Sau đó, ông quay về phía Jafa nói:

— Quan lớn chỉ việc bán cho hoàng thượng một nửa nữ nô đó và biếu Người nửa kia là xong.

Cách phân giải làm cho Giáo chủ vô cùng hài lòng và rất phục giải pháp tế nhị đó. Nó đã giải thoát cho cả hai người khỏi lời thề đồng thời làm cho Giáo chủ chiếm được nữ tỳ mà ông thèm muốn.

Họ cho gọi cô bé lên và Giáo chủ nói:

– Trẫm không thể chờ thời gian hợp pháp để giải phóng vĩnh viễn nữ tỳ này khỏi tay người chủ thứ nhất. Khanh cần tìm cách giải phóng ngay cho nó!

Abi đáp:

– Điều đó lại càng dễ hơn! Xin cho gọi một tên kỵ binh đến đây!

Tức khắc người ta đưa một anh kỵ binh đến. Abi nói:

– Muốn được giải phóng một cách hợp pháp, nữ nô cần được chính thức kết hôn. Thần sẽ cho nó kết hôn với tên lính này, rồi sẽ thưởng cho tên lính một số tiền, bắt nó ly dị ngay trước khi động vào người vợ. Tâu bệ hạ chỉ có như vậy con bé mới thành cung nữ của bệ hạ được. Rồi quay về phía anh lính, ông ta hỏi:

– Anh có bằng lòng lấy người nữ nô này làm vợ chính thức không?

– Tôi bằng lòng.

Viên pháp quan bèn nói:

– Như vậy là anh đã lấy vợ. Một nghìn đina vàng đây, ly dị với vợ anh đi!

Anh lính từ chối:

– Một khi đã chính thức kết hôn, tôi nhất định muốn có vợ vì cô ta vừa ý tôi!

Nghe anh lính trả lời, Giáo chủ cau mày tức giận, nói với viên pháp quan:

– Ta lấy danh dự tổ tiên mà thề rằng cách giải quyết của khanh sẽ đưa khanh đến giá treo cổ!

Nhưng Abi Iútxúp hòa nhã đáp:

– Xin bệ hạ đừng bận tâm về lời từ chối của tên lính này và xin cứ tin rằng cách giải quyết càng dễ hơn bao giờ hết.

Rồi ông ta nói tiếp:

– Tâu bệ hạ, chỉ xin cho phép hạ thần dùng tên lính này như một tên nô lệ của thần.

– Trẫm cho phép! Hắn là nô lệ và thuộc quyền sở hữu của khanh.

Abi bèn quay về phía nữ nô nói:

– Ta cho cô tên lính này như một tên nô lệ bán mình, cô có nhận không?

– Tôi xin nhận

Abi reo lên·

– Như vậy cuộc hôn nhân giữa hắn với cô tự nó bị phá vỡ. Thế là cô không còn ràng buộc với hắn nữa. Luật hôn nhân đã định rõ. Ta phân xử như thế đấy!

Nghe lời phân xử, Giáo chủ vô cùng kinh ngạc. Ông ta đứng dậy, reo lên:

– Trời, Abi, thật không có người thứ hai nào như khanh trên giải đất Hồi quốc này.

Rồi Giáo chủ sai lấy một mâm đầy vàng ra tặng ông. Abi cảm ơn Giáo chủ nhưng cũng chưa biết làm cách nào bê tất cả số vàng đó về. Bỗng nhớ tới cái túi cỏ của con la, ông ta bèn cho mang lại, trút vàng vào và ra về.

Giai thoại này nhằm chứng minh rằng việc học pháp luật dẫn người ta tới vinh hoa phú quý như vậy. Cầu Chúa Ala ban phúc cho họ!

ABU NÔBÁT ỨNG KHẨU

Một đêm nọ Giáo chủ Harun An Rasít trằn trọc mãi không ngủ được bèn dạo chơi dưới hành lang trong cung. Bỗng ông ta bắt gặp một cung nữ ông vẫn thường

yêu say đắm. Nàng đang đi về phía cung cấm. Giáo chủ liền đi theo vào. Ông ta ôm lấy cung nữ vuốt ve đùa nghịch nàng làm cho chiếc khăn che mặt rơi ra và chiếc áo tuột khỏi vai. Trông thấy vậy, Giáo chủ nổi lòng thèm muốn ân ái với nàng. Nhưng nàng từ chối và nói:

— Tâu bệ hạ, xin người rộng lượng để đến mai vì tối nay thiếp không nghĩ rằng được người chiếu cố nên không chuẩn bị gì cả. Đến mai, nếu Chúa muốn, thiếp sẽ xin tắm hương hoa để tiếp bệ hạ!

An Rasít không nài ép, quay gót trở ra đi dạo mát.

Hôm sau, cũng vào giờ này, Giáo chủ cho Mátrua đến báo trước với cung nữ rằng ông ta sẽ đến như đã hẹn. Nhưng cũng đúng hôm, đó, cung nữ bắt đầu thấy mệt nhọc và khó ở hơn bao giờ hết. Nàng đành lấy câu tục ngữ «ban ngày xóa hết những lời ban đêm», nhờ Mátrua trả lời Giáo chủ.

Vừa lúc Mátrua tâu lên Giáo chủ những lời của cung nữ, ba nhà thơ Abu Nôoát, En Racasi và Abu Mốtxáp cũng vừa tới. Giáo chủ quay về phía họ, bảo:

— Các khanh hãy ứng khẩu mỗi người vài câu trong đó có câu «ban ngày xóa hết những lời ban đêm».

Nhà thơ An Racasi ngâm:

«Lòng ta hỡi! Hãy dè chừng cô bé xinh đẹp khó có gì lay chuyển.

Nàng không muốn đến thăm ai cũng như không muốn tiếp ai.

Nàng hứa hẹn một buổi gặp gỡ nhưng nàng sai hẹn.

Và từ chối; Ban ngày xóa hết những lời ban đêm!»

Tiếp đó nhà thơ Abu Mốtxốp tiến lên, ngâm:

« Lòng ta bay hết tốc độ tới nàng, thế mà nàng lại đùa nghịch với mối nhiệt tình đó.

Mắt ta khóc, lòng ta cháy lên niềm ham muốn.

Nhưng nàng chỉ mỉm cười.

Nếu ta nhắc nàng lời hò hẹn, nàng trả lời ta: « Ban ngày xóa hết những lời ban đêm! ».

Sau cùng Abu Nôoát ngâm:

« Ôi! đêm nọ trong cơn bối rối, nàng mới xinh đẹp làm sao!

Sự chống cự của nàng biết bao quyến rũ!

Trận gió say ban đêm chậm rãi đong đưa tấm thân nhỏ nhắn của nàng.

Thân nàng gập lại, ngực nàng như hai trái lựu nhô lên.

Đùa nghịch thân ái, táo bạo vuốt ve, bàn tay ta đã làm rơi tấm khăn che mặt từ trên vai nàng, ôi, đôi vai tròn trĩnh, tấm áo nàng rơi xuống, lật ra, nửa mình trên lồ lộ như nhị hoa trên đài hoa vậy.

Lúc đó màn đêm buông xuống quanh hai ta, ta muốn táo bạo hơn, ta bảo nàng: « Hoàn thành thôi chứ! »

Nhưng nàng đáp: « Đoạn tiếp để ngày mai! »

Hôm sau ta đến với nàng và ta nhắc: « Lời hứa hẹn! »

Nàng ngửa người, cười đáp: « Ban ngày xóa hết những lời ban đêm! »,

Sau khi nghe những vần thơ ứng khẩu khác nhau. An Rasit thưởng cho mỗi nhà thơ một món tiền to. Riêng đối với Abu Nôoát, Giáo chủ ra lệnh đem xử tử ngay tức khắc. Ông ta thét lên:

– Lạy Chúa! Chính mi đã thông đồng với đứa con gái nọ. Nếu không sao mi tả đúng được cảnh đó trong lúc chỉ có mình ta ở đấy?

Abu vừa cười vừa đáp:

— Bệ hạ quên rằng một nhà thơ chân chính là người dựa vào những lời người ta nói, đoán được những điều người ta giấu mình ư? Vả lại đức Sứ giả đã tả chúng ta một cách tuyệt diệu, khi ngài nói: « Những nhà thơ đi theo tất cả mọi con đường như những kẻ điên dại. Chỉ có cảm hứng và cả quỷ nữa hướng dẫn họ đi. Họ kể và nói những điều mà họ không làm ».

Nghe vậy An Rasít không muốn tìm hiểu thêm điều bí mật nọ nên sau khi tha tội cho Abu Nôoát, ông ta còn thưởng cho nhà thơ gấp đôi hai nhà thơ kia.

☆

Nghe xong giai thoại đó, vua Saria reo lên:

— Lạy Chúa Ala! Không, như ta, ta sẽ không tha thứ cho tên Abu Nôoát, ta sẽ đi sâu tìm hiểu điều bí mật nọ và ta sẽ chém đầu tên vô lại. Nàng Saradát, ta không muốn nghe nàng nói đến cái tên mất dạy đó nữa, nó không tôn trọng cả Giáo chủ lẫn luật pháp.

Saradát nói:

— Tâu Bệ hạ đầy hồng phúc, thiếp xin kể giai thoại Con lừa

CON LỪA

Một hôm trong chợ, giữa những kẻ chuyên đi lừa đảo thiên hạ, có một người trung hậu tay cầm sợi dây dắt một con lừa đi theo. Một tên kẻ cắp lão luyện

nhận ra bác ta liền quyết định lấy trộm con lừa. Hắn bàn mưu với một tên đồng bọn. Tên này nói:

– Mày làm thế nào không để nó chú ý được?

– Cứ theo tao sẽ rõ...

Hắn đến sát đằng sau bác nọ, nhẹ nhàng cởi cái thòng lọng ở cổ con lừa rồi chui đầu vào, không làm cho bác ta thấy được sự thay đổi và cứ đi như một con vật, trong lúc tên đồng lõa dắt lừa tháo chạy.

Khi tin chắc rằng con lừa đi đã xa, tên kẻ cắp đột nhiên dừng bước. Bác nọ không hề quay lại, thử kéo dây dắt nó đi. Nhưng cảm thấy con vật cưỡng lại, bác quay lại để quở mắng nó. Nhưng bác thấy trong thòng lọng không phải con lừa mà là tên kẻ cắp nọ, vẻ mặt như từ tốn, mắt như van xin. Bác hết sức kinh ngạc đứng ngẩn người ra trước mặt hắn. Mãi sau bác ta mới lắp bắp được vài tiếng:

– Anh là vật gì vậy?

Tên kẻ cắp kêu lên, giọng đầy nước mắt:

– Thưa ông chủ, chính tôi là con lừa của ông. Câu chuyện của tôi thật ly kỳ. Lúc còn trẻ tôi vốn là một đứa vô lại, sống bê tha trụy lạc. Một hôm tôi vừa say bí tỉ, vừa lôi thôi lếch thếch bước về nhà. Vừa thấy tôi, mẹ tôi không nén được cơn tức giận, người chửi mắng tôi như tát nước và muốn đuổi tôi ra khỏi cửa. Nhưng tôi đẩy bà ta lại và trong lúc say rượu tôi đã đánh mẹ tôi. Thế là mẹ tôi nổi giận trước cách đối xử đó, nguyền rủa tôi và tác dụng của lời nguyền đã biến tôi thành con lừa ngay tức khắc. Thế rồi ông đã mua tôi ở chợ với giá năm đina vàng và ông đã giữ tôi trong suốt thời gian qua và đã dùng tôi như một con vật chở hàng. Ông đã châm vào mông tôi khi tôi mệt

quá từ chối không cất bước lên được nữa. Ông đã nguyền rủa tôi những điều mà tôi chẳng dám nhắc lại ông nghe. Vì mất tiếng nói nên tôi không thể kêu ca cùng ai về tất cả những điều đó. Cùng lắm thỉnh thoảng tôi mới đánh được cái rắm thay cho lời nói. Hôm nay chắc bà mẹ đáng thương của tôi đã nhớ đến tôi và chắc bà động lòng thương hại nên đã cầu khẩn xin thượng đế mở lượng từ bi. Tôi tin chắc rằng nhờ vậy nên ông thấy giờ đây tôi được trở lại hình người.

Nghe nói vậy, bác nọ kêu lên:

— Ôi, anh bạn đồng bào của tôi ơi! Anh hãy tha thứ những lời lầm của tôi đối với anh. Cầu Chúa Ala ban phúc cho anh! Anh hãy quên những cách đối xử tồi tệ tôi đã bắt anh phải chịu đựng mà tôi không hay biết! Chỉ còn biết cầu cứu ở Chúa Ala!

Rồi bác ta vội cởi thòng lọng buộc ở cổ anh ăn cắp ra và quay về nhà, trong lòng ăn năn bứt rứt. Suốt đêm, bác không chợp mắt vì hối hận và buồn phiền.

Vài ngày sau, con người đáng thương đó lại ra chợ tậu một con lừa mới. Bác hết sức ngạc nhiên khi nhận ra ngay tại chỗ con lừa cũ của bác. Bác ta nghĩ «Chắc tên mất dạy lại phạm tội gì nữa hẳn!» Bác lại gần nó. Con vật hí lên khi nhận ra chủ. Bác ghé vào tai nó, lấy hết sức hét lên:

— Hỡi thằng vô lại bất trị! Mày lại nhục mạ và đánh mẹ mày nên mày lại hóa thành lừa. Nhưng thề có Chúa Ala, không phải tao mua mày lần nữa đâu!

Rồi bác ta giận dữ nhổ vào mắt nó và đi mua một con lừa khác, rõ ràng thuộc dòng dõi bố mẹ lừa mà ai ai cũng biết.

ZÔBÊIĐA BỊ BẮT QUẢ TANG

Một hôm Giáo chủ Harun An Rasít đến ngủ trưa tại cung hoàng hậu Xét Zôbêida. Ông ta sắp ngả lưng bỗng nhận thấy ngay giữa giường một vết loang rộng còn tươi. Thấy vậy, ông sa sầm mày mặt và cực kỳ giận dữ. Ông cho triệu ngay Xét Zôbêida đến, và mắt nẩy lửa, bộ râu rung rung, ông thét;

— Vết trên giường kia là vết gì vậy hử?

Xét Zôbêida cúi xuống vết nọ, hít mạnh và nói:

— Tâu bệ hạ, chính là vết bẩn của người đàn ông.

Cố kìm cơn thịnh nộ, ông quát:

— Nàng có thể cắt nghĩa tại sao lại có cái vết đó còn tươi trên giường trong lúc ta không ngủ ở đây hơn một tuần lễ?

Quá xúc động, hoàng hậu kêu lên:

— Tâu bệ hạ, thiếp luôn luôn trung thành với bệ hạ. Có phải bệ hạ nghi ngờ thiếp thông dâm không?

— Ta nghi ngờ nàng đến mức phải cho mời ngay viên pháp quan Abi Iútxúp[1] tới giám định và cho ta biết rõ việc này. Và thề có danh dự của tổ tiên, ta sẽ không chùn tay nếu viên pháp quan xác nhận nàng đã thông dâm.

Khi viên pháp quan đến, An Rasít nói:

— Này, Abi Iútxúp, nói cho ta biết vết kia có thể là cái gì vậy?

Viên pháp quan lại gần giường, dặt ngón tay vào giữa vết nọ, rồi đưa ngang tầm mắt và mũi, nói:

— Tâu bệ hạ đây là vết tinh khí đàn ông.

---

(1) Xem truyện *«Cuộc phân tranh được giải quyết»* ở trên.

Giáo chủ hỏi:

– Vậy xuất xứ trực tiếp có thể là gì?

Viên pháp quan vô cùng khó xử và không muốn khẳng định một điều có thể làm Xét Zôbêida oán hận, bèn ngửng đầu lên trần nhà suy nghĩ, và bỗng thấy cánh một con giơi đang bám chặt vào một khe hồng. Một ý kiến chợt lóe lên trong trí, ông liền nói:

– Tâu bệ hạ, xin người một ngọn giáo!

Giáo chủ đưa cho ông ta cây giáo. Abi Iútxúp đâm trúng con giơi, rơi bịch xuống. Abi bèn nói:

– Tâu bệ hạ, những sách thuốc dạy chúng ta rằng loài giơi có thể tinh khí đặc biệt giống như tinh khí loài người. Chắc chắn rằng nó đã phạm tội này trong lúc hoàng hậu đang ngủ. Người vừa trông thấy thần đã xử nó tội chết!

Lời giải thích đó làm Giáo chủ hoàn toàn thỏa mãn ông không nghi ngờ gì về lòng trung thực của hoàng hậu nữa và hậu thưởng cho viên pháp quan nhiều tặng phẩm để tỏ lòng biết ơn. Về phía mình, Xét Zôbêida cực kỳ hân hoan, tặng cho Abi những món quà hậu hĩnh và mời ông ta ở lại cùng bà và Giáo chủ ăn một ít quả đầu mùa người ta vừa bưng lên. Viên pháp quan ngồi trên thảm giữa Giáo chủ và Xét Zôbêida.

Xét Zôbêida bóc một quả chuối đưa cho ông ta và nói:

– Trong vườn tôi còn những thứ quả khác hiếm có trong mùa này, ông có thích dùng hơn ăn chuối không?

Abi đáp:

Tâu lệnh bà, thần thường giữ đúng cái phép tắc không bao giờ nói ra bất cứ một phán đoán nào về một cái gì mà mình chưa trông thấy. Trước hết thần cần thấy những quả đầu mùa đó để so sánh với những quả này rồi mới bày tỏ ý của thần xem thứ nào hơn.

Xét Zôbêida sai hái ngay những quả đầu mùa trong vườn bưng lên, đưa cho viên pháp quan nếm, rồi hỏi:

– Bây giờ ông thích những thứ quả nào?

Viên pháp quan mỉm cười, vẻ thành thạo, nhìn Giáo chủ rồi lại nhìn Xét Zôbêida, nói:

– Lạy Chúa Ala! câu trả lời thật là khó! Chọn một trong những thứ quả này có nghĩa là sẽ kết tội những quả kia. Chúng sẽ oán hận thần, sẽ làm cho thần có cơ bị đầy bụng.

Nghe vậy, An Rasit và Zôbêida cười lăn cười lộn.

ĐỰC HAY CÁI?

Trong các giai thoại về vua nước Batư Khốtxru đại đế, người ta kể rằng ông ta là một người rất thích cá. Một hôm đang cùng hoàng hậu Sirin ngồi chơi trên sân thượng, ông ta bỗng thấy một ngư dân mang đến biếu một con cá vừa to vừa đẹp lạ thường. Thích thú về món quà đó, nhà vua truyền lệnh cho bác đánh cá bốn nghìn đơráp. Hoàng hậu vốn không bao giờ tán thưởng tính hoang phí của nhà vua nên chờ cho bác đánh cá đi rồi, bà nói:

– Bệ hạ không nên hoang phí đến mức cho một tên đánh cá bốn nghìn đơráp vì một con cá. Cần bắt nó trả lại số tiền đó, nếu không, sau này ai đưa biếu cái gì cũng đều tính toán hy vọng được trả theo giá đó. Bệ hạ sẽ không chống nổi hy vọng của họ đâu.

Vua Khốtxru đáp:

– Nhưng lấy lại cái gì đã ban ra thì thật là một điều ô nhục đối với một ông vua.

Hoàng hậu đáp:

— Không! Không thể để như vậy được. Có cách lấy lại số tiền đó mà tên đánh cá hoặc bất cứ ai cũng không thể nói gì. Chỉ việc gọi hắn lại và hỏi: « Con cá anh mang đến là cá đực hay cá cái? » nếu nó đáp là đực thì trả nó cá và bảo: « Trẫm muốn một con cá cái! » Nếu nó đáp là cái thì cũng trả lại nó và bảo: « Trẫm muốn một con cá đực! »

Vua Khốtxru vốn yêu quý hoàng hậu, không muốn trái ý bà, vội miễn cưỡng làm theo lời bà khuyên. Nhưng bác đánh cá vốn là người tinh ý và biết nắm thời cơ, nên khi vua Khốtxru cho gọi lại hỏi « Con cá này đực hay cái », bác ta cúi lạy và đáp:

— Tâu bệ hạ, con cá này ái nam ái nữ.

Nghe vậy vua Khốtxru vô cùng khoái chá, cả cười rồi sai viên nội thần đưa bác ta tám nghìn chứ không phải bốn nghìn đơráp. Bác đánh cá cho vào bị đựng cá rồi quay ra. Đi đến sân rồng, bác vô ý đánh rơi một đồng. Bác vội đặt ngay bị xuống đất cúi tìm và nhặt lên, có vẻ vô cùng thỏa mãn. Từ trên sân thượng vua Khốtxru và hoàng hậu vẫn theo dõi bác đánh cá và trông thấy việc vừa xảy ra. Hoàng hậu nắm lấy cơ hội tốt đó, kêu lên:

— Đấy, hắn thế đấy. Thật là một kẻ nhục nhã. Đánh rơi một đồng bạc, đáng lẽ hắn cứ bỏ đi để cho một người nghèo nào nhặt cũng được, thế mà hắn đã đê tiện nhặt tranh của kẻ bần cùng.

Nghe vậy vua Khốtxru rất xúc động, cho gọi bác đánh cá lại, nói:

— Này, đồ hèn hạ! Nhà ngươi không phải là người nữa. Tâm hồn nhà ngươi nhỏ bé quá. Tính keo kiệt

làm hại ngươi. Nhà ngươi đặt một cái bị đầy vàng xuống để nhặt một đồng bạc rơi ra vì kẻ nghèo khó may mắn nào đó!

Bác đánh cá lại cúi lạy và đáp:

– Cầu chúa Ala ban cho bệ hạ! Thần nhặt đồng bạc lên không phải vì cái giá của nó nhưng chính vì đối với thần nó có giá trị rất lớn. Thật thế, một bên mặt đồng bạc có in hình bệ hạ, và bên kia là tên bệ hạ. Thần không muốn để nó bị những bàn chân vô ý của những người qua lại dày xéo lên. Cho nên thần vội tìm nhặt nó lên. Bệ hạ đã lôi thần từ bùn lầy ra thần chưa đáng giá một đồng.

Lời đáp làm vua Khốtxru vô cùng hài lòng nên ông ta cho thêm bác đánh cá bốn nghìn đồng nữa và ra lệnh chơ mõ đi rao khắp nước: « Không bao giờ nên theo lời khuyên của đàn bà. Muốn tránh nửa cái sai lầm mà nghe họ thì sẽ mắc hai sai lầm »,

CHIA PHẦN

Một đêm Giáo chủ Harun An Rasit phàn nàn với Tể tướng Jafa và cận vệ Mátrua về bệnh mất ngủ của mình. Mátrua bỗng phá lên cười. Giáo chủ cau mày nói:

— Ngươi cười gì vậy? cười vì điên hay vì nhạo báng?

— Tâu Giáo chủ, tôi xin lấy tình bà con của Người với đức Sứ giả mà thề rằng tôi không cười vì điên hoặc vì muốn nhạo báng ai, mà là do nghĩ tới cái tài hài hước của anh chàng Ip An Karabi. Hôm qua người ta vây quanh lấy hắn ở sông Hồ để nghe hắn nói chuyện.

– Nếu vậy thì chạy tìm ngay tên Karabi ấy cho ta. Có thể hắn sẽ làm cho ta đỡ tức ngực chút nào chăng.

Matrua chạy đi ngay, bảo với Karabi:

– Tôi đã tâu với Giáo chủ về anh. Ngài sai tôi tìm anh đến kể chuyện vui cho Ngài nghe.

– Xin vui lòng.

– Ta tiến cử anh tất nhiên là với điều kiện anh sẽ chia cho ta ba phần tư số tiền Ngài sẽ thưởng cho anh.

– Nhiều quá. Hai phần thôi là vừa.

Mátrua kỳ kèo một chút lấy lệ, rồi dẫn đi.

Thấy Karabi, Giáo chủ nói

– Nghe đồn ngươi có nhiều chuyện vui. Hãy kể xem sao. Nhưng nếu không làm ta cười được thì ăn đòn đấy.

Lời đe dọa này khiến trí óc Karabi lạnh hẳn đi. Anh ta kể chuyện nhạt phèo. Giáo chủ không cười, lại bực thêm. Ngài thét:

– Cho hắn một trăm roi vào gan bàn chân cho máu làm tắc óc hắn phải chạy xuống đấy.

Lính nọc ra đánh. Được hơn ba chục roi, Karabi kêu:

– Giờ đến lượt Mátrua chịu hai phần ba số còn lại. Chúng tôi đã thỏa thuận với nhau rồi.

Giáo chủ ra hiệu. Lính vật cổ Mátrua xuống. Nhịp roi lại vun vút đều đặn. Mátrua than:

– Lạy chúa! biết thế này thì mình chỉ lấy một phần ba hoặc một phần tư thôi, còn thì nhường cho hắn.

Giáo chủ phì cười, ban cho mỗi người một nghìn đina.

THẦY ĐỒ

Một anh nọ vốn quen thói du đãng và sống ăn bám vào người khác. Anh ta dốt đặc cán mai, một chữ cũng không biết, nhưng bỗng nảy ra ý nghĩ muốn làm thầy đồ vì đó là cái nghề duy nhất chẳng phải làm gì cả mà lại kiếm ra tiền. Rõ ràng là người ta có thể làm thầy đồ mặc dầu mít đặc về mọi phép tắc và kiến thức sơ đẳng về ngôn ngữ; chỉ cần xảo quyệt một chút là có thể làm cho thiên hạ tin rằng mình là một nhà văn phạm đại tài. Ta biết rằng một nhà văn phạm thông thái thường là một kẻ đáng thương hại, trí óc hẹp hòi, ti tiện, suy nhược, phiến diện và tật nguyền.

Vậy là anh chàng vô lại ngẫu nhiên tự cho mình là một thầy đồ. Hắn chỉ cần mất công quấn thêm vài vòng cho cái khăn xếp to lên và mở ở cuối cái phố nhỏ một căn phòng trang trí bằng những bảng đề viết và những thứ đại khái như vậy. Rồi hắn chờ khách đến học.

Nhìn cái khăn đội đầu quá oai vệ, dân phố không chút nghi ngờ về tài học của ông hàng xóm, vội vàng đem con đến gửi thầy.

Nhưng vì mù chữ nên anh ta tìm một cách rất tài tình để gỡ chỗ bí. Đó là cách lấy những đứa trẻ nào hơi hơi biết đọc biết viết dạy lại những đứa chưa biết gì, còn thầy thì ra vẻ giám sát, khen hoặc chê. Bằng cách đó nhà trường phát đạt lên và công việc của thầy ngày càng khấm khá. Một hôm thầy đang cầm roi, mắt quắc lên nhìn lũ trẻ khốn nạn đang run lên vì sợ hãi, bỗng một người đàn bà bước vào, tay cầm một phong thư tiến về phía thầy nhờ thầy đọc giúp. Những người đàn bà mù chữ vẫn thường làm thế. Không biết làm cách nào để thoát khỏi một cuộc thử thách như vậy,

thầy bèn vùng dậy, hấp tấp đi ra. Nhưng người đàn bà giữ thầy lại, cầu khẩn thầy đọc hộ lá thư trước khi đi. Thầy đáp :

— Tôi không thể chờ thêm được chút nào nữa. Thầy tu đã báo giờ đọc kinh buổi trưa, tôi phải đến thánh đường ngay.

Nhưng người đàn bà không muốn buông thầy ra, nói :

— Cầu Chúa Ala phù hộ cho thầy! Lá thư này của chồng tôi xa nhà đã năm năm nay. Trong xóm chỉ có thầy là đọc được thôi.

Và bà ta ép thầy phải cầm lá thư. Thầy buộc lòng cầm nhưng lại cầm ngược. Trong lúc vô cùng bối rối, thầy cau mày nhìn dòng chữ, vỗ trán, xoay xoay cái khăn xếp, mồ hôi toát ra. Thấy vậy người đàn bà đáng thương nghĩ thầm : « Không còn hồ nghi gì nữa, thầy xúc động như vậy hẳn thầy đọc được những tin không lành. Ôi tai họa ! Có lẽ chồng tôi đã chết rồi ! » Với giọng đầy lo lắng, bà ta hỏi thầy :

— Xin thầy làm phúc đừng giấu gì tôi. Có phải chồng tôi mất rồi không ?

Để trả lời, thầy chỉ hất đầu làm một dấu hiệu mơ hồ rồi giữ im lặng. Bà nọ kêu lên :

— Thật là tai họa giáng xuống đầu tôi ! Tôi có cần cấu xé quần áo không thầy ?

Thầy đáp :

— Xé đi !

Bà ta lại hỏi, trong lòng lo lắng đến cực độ :

— Tôi có cần tát và cào vào má không ạ ?

— Tát và cào đi !

Nghe vậy người đàn bà khốn nạn hoảng hốt lao ra khỏi trường, chạy về nhà gào khóc thảm thiết. Bà con

láng giềng vội kéo đến an ủi, nhưng vô hiệu. Vừa lúc đó một người bà con của khổ chủ bước vào, thấy lá thư, sau khi đọc xong liền bảo bà kia :

— Kia, ai dám bảo cho bác cái tin bác giai mất ? Trong thư không hề có điều đó. Đây, nội dung thế này :

Mình ơi, tôi vẫn khỏe mạnh và hy vọng sẽ trở về với mình trong vòng mười lăm ngày nữa. Nhưng trước hết, để chứng minh lòng mến yêu của tôi, tôi gửi về cho mình một tấm vải gai bọc trong một cái chăn. Chúc mình bình yên ! ».

Người đàn bà cầm lá thư trở lại trường để mắng cho thầy đồ một trận vì thầy đã làm bà hiểu lầm. Gặp thầy ngồi ở cửa, bà ta nói :

— Thật đáng xấu hổ cho thầy. Ai lại đi đánh lừa một người đàn bà đáng thương và báo tin chồng người ta chết trong khi bức thư nói chồng tôi sắp về và gửi trước cho tôi một tấm vải gai và một cái chăn !

Nghe vậy, thầy đáp :

— Có thể ! Ồ bà bạn đáng thương, bà trách tôi thế là phải. Nhưng xin bà tha lỗi cho vì lúc cầm thư bà trong tay, tôi bận óc quá nên đọc hơi nhanh và nhìn xiên nên tưởng tấm vải và cái chăn là những vật kỷ niệm trong số đồ dùng của ông nhà ta mà người ta gửi về khi ông mất !

GIÁO CHỦ TRONG LẰNG

Truyện sau đây là do danh ca Ixăc ở Môtxua kể :

Một đêm, khuya lắm, tiệc tan, tôi ở cùng Giáo chủ En Mamun ra về. Buồn tiểu tiện qúa, tôi rẽ vào một ngõ hẻm, tôi bước lại gần một bức tường. Vừa xong,

bỗng có một vật rơi đúng đầu. Tôi nhảy lùi, giơ tay đỡ, sờ một lúc thì rất ngạc nhiên thấy đấy là một cái lẵng to, bốn quai có giây buộc vào một sợi giây từ trên nhà cao dòng xuống. Lẵng lót lụa phía trong, lại có hai chiếc gối êm.

Đêm ấy, tôi uống hơi nhiều nên say. Thấy sẵn có chỗ nghỉ thuận tiện, tôi vào lẵng ngồi, thì bị kéo lên đột ngột không nhảy ra kịp. Lên đến một sân thượng, có bốn cô gái đón mời đi theo. Một cô cầm đuốc đi trước. Ba cô theo sau. Xuống hết một cái thang bằng đá hoa thì vào một căn phòng sang tựa phòng Giáo chủ. Tôi nghĩ: «Người ta tưởng mình là cái ông kia hẹn gặp đêm nay. Thôi, để mặc Chúa an bài».

Tôi đang băn khoăn thì tấm màn lụa lớn che một phần gian phòng được kéo lên. Mười cô gái, tươi như hoa, thân hình mềm mại dáng đi uyển chuyển, người thì cầm đuốc, kẻ bưng lư có hương cam tùng và trầm hương loại thơm nhất. Cô đi giữa đẹp như mặt trăng làm cho tinh tú phải ghét ghen. Nàng đi uốn éo, nhìn phải, liếc trái rất tình tứ. Tôi cúi chào. Nàng cười, chào lại. Tôi hết say rượu để say người mạnh hơn.

– Thế nào mà ngài lại đến phố này, ngồi vào cái lẵng? Nàng hỏi.

– Tôi đến phố ta là do buồn đi tiểu, ngồi vào trong lẵng là do rượu say, vào đây là do lòng độ lượng của nàng. Tôi say nàng mà hết say rượu.

Cô gái tỏ vẻ hài lòng hỏi tôi:

– Ngài làm gì?

Tôi giấu không nói tôi là ca sĩ và nhạc sĩ của Giáo chủ.

– Tôi làm nghề dệt ở khu dệt chợ Bátđa.

– Phong thái chàng lịch sự lắm, vinh dự thay cho khu thợ dệt. Nếu chàng lại hiểu biết về thơ nữa thì

được tiếp chàng ở đây thật không có gì phải ân hận. Chàng có thuộc thơ không?

— Có thuộc ít nhiều.

— Xin đọc cho nghe vài bài.

— Hỡi nữ chủ của tôi! Khách bao giờ cũng xúc động về sự đón tiếp. Vậy nàng hãy đọc trước đi vài bài nàng thích để khuyến khích tôi.

— Xin sẵn lòng...

Nàng chọn đọc những bài thơ cổ rất hay của các nhà thơ Amrikai, Zôhai, Antara, Nabiga, Amru ben-Kantum, Tarafa và Sanfara, và những bài thơ mới của Abu Nôoát, En Bakasi, Abu Môxáp và nhiều nhà thơ khác. Nàng đọc thơ cũng hay như nàng đẹp.

— Giờ thì chắc chàng đã hết xúc động.

Tôi chọn những bài thơ hay nhất mà tôi thuộc, đọc thật diễn cảm. Nàng nói:

— Lạy chúa! không ngờ trong khu thợ dệt lại có người trang nhã đến thế.

Tiệc được dọn ra. Hoa quả đầy mâm. Nàng tự tay gắp cho tôi những miếng ngon nhất. Ăn xong, tự nàng rót cho tôi uống. Rồi bảo:

— Bây giờ là lúc tốt nhất để chuyện trò. Chàng có biết nhiều chuyện lý thú không?

Tôi cúi đầu, và kể cho nàng nghe bao nhiêu mẩu chuyện vui về vua chúa. Bỗng nàng ngăn tôi lại:

— Quả là kỳ lạ. Sao một người thợ dệt lại biết nhiều về vua chúa thế?

— Có gì lạ đâu. Tôi có một ông bạn láng giềng được Giáo chủ tiếp. Những lúc nhàn rỗi, ông ta kể cho nghe.

— Dù vậy tôi cũng rất phục chàng nhớ lại chính xác đến thế.

Như thế đấy! Và hương trầm, hương cam từng thơm nức gian phòng, và cô gái đẹp nói với tôi bằng khóe mắt, nụ cười, tôi như mê ly, nghĩ: Giá Giáo chủ ở đây, không biết Ngài sẽ làm gì? Chắc chắn Ngài sẽ xúc động mà bay trên đôi cánh tình yêu.

Cô gái lại bảo tôi:

– Quả chàng là một nhân vật đặc biệt, biết nhiều, học rộng lại phong nhã hào hoa. Em chỉ còn xin chàng một điều, là chàng hát lên vài bài thơ cho em được họa đàn theo.

Tôi vốn là một nhạc công, không thích nghe mình hát, nên đáp:

– Trước tôi có học hát, nhưng ít kết quả nên tôi bỏ. Nàng đã bảo mà tôi phải từ chối là có nguyên do. Còn nàng, rõ ràng nàng có giọng rất tốt. Giá nàng hát lên cho đêm nay thêm đẹp?

Nàng cho lấy chiếc tỳ bà rồi vừa đàn vừa hát. Trong đời, tôi chưa từng được nghe một giọng nào đầy đặn, trang nghiêm, hoàn hảo hơn, một nghệ thuật hòa âm tuyệt tác hơn. Nàng thấy tôi tỏ vẻ mến phục thì hỏi:

– Chàng có biết thơ của ai, nhạc của ai đây không?

Tôi biết nhưng vờ như không

– Tôi hoàn toàn không biết.

– Có lẽ nào trên đời này lại có người không biết bài hát ấy. Lời là của Abu Nôoát, nhạc tuyệt diệu là của nhạc sĩ lớn Ixắc ở Môxun đấy chàng ạ.

Tôi vẫn giữ kín:

– Ixắc bằng thế nào được nàng.

– Ôi, chàng nhầm rồi. Ở đời này làm gì có ai sánh nổi Ixắc. Rõ là chàng chưa nghe ông ta hát bao giờ.

Rồi nàng lại hát, thỉnh thoảng lại ngừng hỏi xem tôi có cần gì không. Chúng tôi vui với nhau như vậy cho đến sáng.

Một bà già, có lẽ là vú nuôi, đến báo đã đến giờ phải thu dọn. Cô gái trước khi vào, nói:

— Em có cần dặn chàng phải kín đáo không, hỡi vị khách của em? Những cuộc họp mặt thân mật nên coi như một vật cầm cố, phải để lại trước khi ra về.

Tôi cúi chào nàng mà đáp:

— Tôi vốn hiểu cần phải như thế.

Sau đấy tôi lại vào ngồi trong chiếc lẵng và được dòng xuống.

Tôi về nhà, cầu kinh xong lên giường ngủ cho đến tối. Thức dạy, tôi vội mặc quần áo vào cung. Mấy vị nội thần cho biết Giáo chủ vừa đi khỏi, bảo tôi chờ Đêm nay Ngài mở tiệc, cần tôi hát. Tôi chờ một lúc không thấy Giáo chủ về, bèn chạy đến chỗ tối qua nghĩ bụng bỏ phí một đêm như thế thì thật là điên dại. Tôi lại thấy cái lẵng treo lơ lửng, kéo xuống mà ngồi vào, và lại được kéo lên.

Thiếu nữ thấy tôi, cười hỏi:

— Lạy chúa! Chàng định đến ở luôn đây chắc!

— Ai lại không ước mong được thế. Nàng biết đấy, khách có quyền được chủ tiếp ba ngày cơ mà. Tôi mới hưởng có ngày thứ hai. Nếu sau lần thứ ba tôi còn đến thì nàng có thể lấy máu của tôi.

Đêm ấy chúng tôi lại trò truyện, ngâm thơ, ca hát như đêm qua. Tuy nhiên, lúc vào ngồi trong lẵng, tôi nghĩ đến cơn thịnh nộ của Giáo chủ «Ngài sẽ không tha thứ đâu, phải kể lại câu chuyện mới được. Chuyện cũng khó tin, phải đến tận nơi mới tin được.» Tôi bèn nói với cô gái:

— Tôi thấy nàng thích hát, thích những giọng hay. Tôi có một người anh họ, mặt đẹp hơn tôi, lịch sự, tài hoa hơn, biết rất nhiều bài hát của Irắc. Đêm mai, đêm cuối cùng của cuộc tiếp đãi kỳ diệu này, nàng cho phép tôi đưa anh tôi đến được chăng.

— Chàng bắt đầu lộ bí mật rồi! Nhưng anh chàng như thế cũng được.

Tôi cảm ơn, lại ra về như hôm qua.

Về đến nhà thấy mấy lính cận vệ của Giáo chủ ở đấy. Họ chửi rủa tôi, túm tôi lôi đi đến trước Giáo chủ En Mamun. Ngài ngồi trên ngai, mắt nảy lửa, dữ dội như những lần ngài nổi cơn thịnh nộ. Vừa thấy tôi, Ngài thét:

— Đồ chó! Ngươi dám trái lệnh ta à?

— Lạy chúa! Không đâu, tâu Giáo chủ, có duyên cớ.

— Duyên cớ gì?

— Tôi chỉ có thể tâu lên một mình người biết thôi.

Ngài cho lệnh mọi người ra hết. Tôi thuật lại đầu đuôi, rồi nói:

— Tối nay cô gái chờ hai chúng ta, vì tôi đã hứa.

Nghe xong, Giáo chủ tươi tỉnh lại:

— Duyên cớ hay đấy! Ngươi nghĩ đến ta về tối nay như thế là tốt lắm.

Phải chờ đến tối, Ngài thấy sốt ruột không biết làm gì. Tôi dặn Ngài phải giữ kín chớ gọi tên tôi. Ngài hứa giữ kín. Tối đến Giáo chủ cải trang làm một thương nhân, theo tôi. Đến nơi thấy không phải là một mà là hai chiếc lẵng. Chúng tôi mỗi người ngồi vào một cái, được kéo lên rồi hạ xuống một sân thượng để được dẫn vào căn phòng lộng lẫy nói trên kia. Cô gái đêm nay đẹp hơn bao giờ hết.

Giáo chủ thấy cô là mê ngay. Đến khi rượu vào lại nghe nàng hát thì thật như điên, như cuồng. Vui vẻ và hứng phấn quá. Giáo chủ quên mất điều đã hứa.

– Này Ixắc, Ngài nói, chờ gì mà không hát đối lại bằng một điệu mới do ngươi nghĩ ra.

Tôi bối rối quá, đành phải đáp:

– Tâu Giáo chủ, xin tuân lệnh Người

Cô gái nghe thế, nhìn chúng tôi vội lấy mạng che mặt lại mà biến đi như mọi cô gái phải làm trước mặt Giáo chủ. En Mumun hơi thất vọng, bảo tôi:

– Hỏi xem chủ nhân nhà này là ai?

Tôi gọi bà vú hỏi.

– Thật là đại họa! thật là ô nhục! Bà nói, cô ta là con gái vị tể tướng của Giáo chủ, Haxân ben Xen.

– Cho gọi tể tướng đến đây! Giáo chủ ra lệnh bà già run run ra đi. Một lúc Tể tướng Hanxân ben Xen ngỡ ngàng ra mắt Giáo chủ.

Giáo chủ cười, hỏi:

Ông có con gái à?

– Tâu giáo chủ, đúng thế

– Tên nàng là gì?

– Là Khadiga

– Còn trinh hay đã có chồng.

– Còn trinh

– Ta muốn cưới nàng làm vợ chính thức.

– Con gái của thần và thần đều là tôi tớ của Giáo chủ.

– Ta cho nàng mười vạn đina làm hồi môn. Mai, ông đến lĩnh ở ngân khố trong cung. Ông sẽ cho đưa cô dâu vào cung với tất cả nghi thức trang trọng cần

thiết. Ta dành một nghìn lạng, một nghìn khoảnh đất của riêng ta cho những ai đi phù dâu. Ông cho bắt thăm mà chia cho họ.

Giáo chủ ra về, tôi theo sau. Lần này thì ra bằng cửa chính Giáo chủ dặn tôi:

— Ngươi không được nói chuyện này với bất cứ ai. Bép xép là mất đầu đấy.

Tôi giữ kín câu chuyện cho đến ngày Giáo chủ và Xét Khađiga mất, người đàn bà đẹp nhất trần gian.

ANH HÀNG BÁN LÒNG

Đoàn người hành hương hàng năm đến La Mếc đông nghịt đang đi vòng quanh tòa thánh Kaba bẩy lần thì có một người tách ra đến tòa thánh, hai tay nâng tấm màn che lên, quì xuống khấn khứa, giọng rất thành tâm:

— Cầu chúa cho cô ta lại giận chồng để tôi lại được ngủ với cô ấy.

Nghe câu quái gở ấy ở chỗ thiêng liêng, những người hành hương bất bình tóm cổ anh ta quật xuống khiền cho một trận rồi lôi đến quan tư tế mà uy quyền rất lớn đối với người hành hương. Họ nói:

— Tên này dám vén tấm màn thiêng ở đền Kaba mà khấn khứa nhảm nhí.

Họ nhắc lại câu khấn của anh ta.

Vị tư tế ra lệnh đem treo cổ. Anh ta quỳ xuống kêu:

— Thưa Ngài, xin Ngài hãy nghe chuyện tôi đã, sau đó thấy cần trừng phạt thế nào xin tùy ý.

Quan tư tế gật đầu, và kẻ đáng bị treo cổ, kể:

— «Tôi làm nghề quét rác, thêm nghề làm lòng cừu bán kiếm kế sinh nhai. Một hôm tôi đang kình thân theo sau con lừa mang một giỏ đầy lòng mới lấy ở nhà mổ súc vật ra thì thấy một đám đông người, kẻ chạy tán loạn, kẻ nấp sau cánh cửa. Xa xa có mấy tên nô lệ cầm gậy đuổi kẻ qua đường. Tôi hỏi chuyện thì có người cho biết, một ông lớn cho dẫn các nàng hầu qua phố nên đuổi hết mọi người. Tôi thấy nếu cứ thẳng đường mà đi e sẽ khốn nên dắt lừa nấp vào một xó quay mặt vào tường để khỏi nhìn thấy nàng của ông lớn nọ. Tôi nghe thấy đoàn phụ nữ đi qua, một lúc định quay mặt lại tiếp tục đi thì bất thình lình một anh da đen kẹp chặt lấy tôi trong hai cánh tay, một anh khác dắt con lừa đi. Tôi sợ quá quay mặt lại thì thấy ba chục cô gái nhìn tôi. Cô đi giữa, mắt lờ đờ như một con linh dương khát nước. Thân hình nàng mềm mại thon thon. Tay bị trói quặt sau lưng, tôi bị bọn hoạn nô lôi đi, mặc cho tôi kêu la dãy dụa. Mọi người đều nói:

— Anh ta có làm gì đâu. Anh ta là một người quét rác và bán lòng cừu. Bắt trói người vô tội là trái phép Chúa đấy.

Mặc, họ cứ lôi tôi đi theo các nàng hầu. Tôi nghĩ: Mình có tội gì nhỉ? Hẳn là do mấy khúc lòng, thối quá bà kia có chửa không chịu được. Hoặc tại mặt mũi mình nom tởm quá, quần áo thì rách rưới hở cả những bộ phận đáng che kín. Thôi thì trăm sự nhờ Chúa!

Tôi cứ bị lôi đi như thế giữa những lời thương cảm của khách qua đường, cho đến khi tới một ngôi nhà nguy nga. Tôi được dẫn vào một cái sân đẹp lắm. Tôi lại nghĩ: «Đây hẳn là nơi mình chịu cực hình. Tôi sẽ chết mà không một ai trong gia đình biết cả. Trong giây phút cuối cùng này tôi cũng nghĩ đến con lừa khốn khổ rất được việc, không cào chân, không đánh

đồ những thùng rác cũng như thùng lồng. Bỗng một chú bé đến cắt đứt dòng suy nghĩ của tôi. Chú dịu dàng bảo tôi đi theo, đưa tôi vào nhà tắm. Ba nữ nô xinh đẹp, bảo tôi vứt bỏ mớ áo rách đi. Các cô đưa tôi vào buồng có hơi nóng, tự tay tắm rửa cho tôi, cô thì gội đầu, cô cọ chân, cô kỳ bụng xoa bóp, xức nước hoa rồi lau khô. Xong đưa tôi một bộ quần áo thật đẹp bảo mặc vào. Tôi lúng túng mãi không mặc được vì cả đời có thấy bộ quần áo đẹp như thế bao giờ. Các cô cười đến giúp tôi lại còn cù trêu tôi nữa. Tôi chưa biết phải làm gì thì mấy cô cầm tay tôi dắt đi như dắt một chàng rể. Họ đưa tôi đến một gian buồng bày biện sang trọng không tả nổi. Trên tường có tranh vẽ với những đường kẻ đỏ xanh ngang dọc rất thích mắt.

Vừa vào tôi thấy chính cô đi giữa đoàn nàng hầu vừa rồi nằm uể oải trên một chiếc giường bằng tre và bằng ngà, mình mặc chiếc áo mỏng lụa Môxun, quanh giường có mấy nữ nô đứng hầu. Thấy tôi nàng ra hiệu bảo lại gần. Tôi lại gần. Nàng bảo ngồi. Tôi ngồi. Nàng sai người dọn tiệc. Tôi được ăn những món rất ngon mà không biết là món gì vì cả đời chưa được nếm. Tôi ăn mấy bát cho khỏi đói rồi rửa tay ăn hoa quả. Xong, bọn gia nô đem rượu và bình hương đến, xông hương cho nàng và tôi. Nàng rót rượu vào cốc mời tôi uống và cùng uống luôn một cốc với tôi, uống mãi cho đến khi cả hai người cùng say. Nàng ra hiệu cho bọn con hầu lui ra, rồi kéo tôi vào lòng. Tôi tưởng mình đang trong vòng tay của một tiên nữ. Chúng tôi ôm nhau ngủ hết đêm. Sáng dạy nàng bảo tôi phải đi về, hỏi tôi ở đâu. Tôi nói rõ nơi ở. Nàng bảo khi cần sẽ cho người gọi. Nàng cho tôi một tấm khăn thêu chỉ vàng chỉ bạc, trong có cái gì thắt mấy nút:

— Chàng cầm lấy mà mua cái gì cho con lừa của chàng ăn.

Tôi ra khỏi nhà nàng tưởng chừng như ra khỏi Thiên đường.

Về đến nơi ở trong cửa hàng bán lòng thú, tôi mở tấm khăn ra, chắc trong có độ năm hào,[a] như thế cũng đủ mua ăn buổi sáng. Nhưng mở ra thì, ôi ngạc nhiên! Không phải năm hào mà là năm mươi đồng vàng! Tôi vội đào một cái lỗ chôn để dành phòng khi đói kém. Tôi mua hai hào vừa bánh vừa hành ngồi ở cửa ăn, mà nghĩ đến chuyện vừa rồi.

Trời vừa tối, một tiểu nô đến hỏi tôi, do nàng sai đến. Tôi theo chú. Vào đến buồng nàng, tôi cúi chào sát đất, nàng nâng tôi dạy rồi kéo tôi cùng nằm trên chiếc giường bằng tre và bằng ngà. Sáng dạy nàng cũng cho tôi một tấm khăn gói năm chục đồng vàng: Cứ như thế trong tám ngày liền. Tối tiệc tùng, hoan lạc, sáng năm chục đồng vàng.

Đêm thứ chín, tôi ở nhà nàng, vừa lên giường thì một nữ nô đột ngột bước vào nói thầm với cô chủ rồi lôi tôi ra khỏi phòng, cho lên một buồng ở gác trên khóa trái cửa lại rồi và bỏ đi. Cùng lúc tôi nghe có tiếng chân ngựa đâu dưới đường. Nhìn qua khe cửa sổ xuống sân thì thấy một chàng thanh niên đẹp lắm có một đoàn hộ vệ và nô lệ đi theo. Chàng vào buồng cô gái. Đêm hôm ấy hai người đùa rỡn với nhau ầm ĩ.

Sáng dạy tôi thấy chàng thanh niên và đoàn tùy tùng đi ra bằng cổng lớn. Chàng vừa đi khỏi thì cô gái đến tìm tôi:

– Chàng thấy người thanh niên vừa đi khỏi đấy chứ?

– Có thấy

– Chồng tôi đấy. Tôi kể chuyện chúng tôi cho chàng nghe. Chàng sẽ rõ tại sao tôi lại chọn chàng làm tình nhân. Một hôm tôi cùng chồng đang ngồi trong sân thì bỗng chàng đứng dạy đi về phía nhà bếp. Tôi

tưởng chàng đi tiểu tiện hay đại tiện gì đó. Chờ mãi không thấy chàng trở lại, tôi vào bếp định hỏi bọn nô tì thì thấy chàng nằm trên một chiếc chiếu với con mụ rửa bát thô kệch nhất. Tôi vội quay lại, thề sẽ trả thù. Tôi phải tìm được một kẻ ti tiện, mặt mày ghê tởm để ngủ với hắn ta, rồi sau đấy mới cho chồng đến giường mình. Tôi đi khắp thành phố, tìm suốt bốn ngày mới gặp được chàng đây. Cái vẻ nhơ nhớp, cái mùi hôi thối của chàng thật không ai bằng nên tôi đã chọn chàng làm tình nhân và chuyện đã xảy ra như đã xảy ra. Tôi đã thực hiện được lời thề, giờ thì đã làm lành với chồng. Chàng về thôi. Khi nào ông ấy lại ngủ với một nữ nô nào thì tôi lại sẽ cho gọi chàng để nếu chồng ăn chả thì vợ ăn nem. «Trước khi từ biệt tôi, nàng thưởng cho bốn trăm đồng.

Tôi ra về, đến đây cầu chúa Ala, xúi giục cho anh chồng nàng lại đến với cái mụ rửa bát nọ để tôi lại được nàng gọi đến. Chuyện của tôi là thế đấy, thưa quan tư tế».

Nghe vậy, vị quan nói với mọi người:

– Chuyện của hắn xóa tội cho hắn. Phải tha cho hắn cái tội nói những lời đáng tội nơi đền Kaba.

NÀNG MÁT MÁT

Amru ben Môxêđa kể chuyện này:

Một hôm Abu Ixa, con Giáo chủ Harum An Rasit gặp ở nhà một người bà con là Ali, con ngài Hêsam, một nữ nô trẻ tên là Mát Mát, gặp là mê ngay, nhưng giấu kín không cho ai biết, và tìm cách làm thế nào cho Ali bán lại cho mình. Lâu lắm rồi mà không tìm được cách gì, chàng bèn đến nhờ anh là Giáo chủ An Mamun tới thăm Ali đột ngột.

Ali thấy hai người đến, chào kính cẩn rồi mời vào phòng tiệc. Phòng này, trụ và tường đều bằng đá hoa ngũ sắc khắc trổ theo kiểu Hy lạp trông thật ngoạn mục. Trên sàn trải một chiếc chiếu Ấn Độ, trên chiếu là một tấm thảm Baxra rộng bằng cả gian phòng. An Mamun ngắm nghía một lúc rồi giục Ali cho ăn, Ali vỗ tay. Tức thì bọn gia nô bưng vào nào là gà giò, bồ câu, nào là bao nhiêu món rán nóng và nguội, những món ăn đặc, những món ăn lỏng nhất là những con thú săn bắn được làm thịt nhồi nho khô và hạnh nhân. An Mamun rất thích món này. Ăn xong, người ta bưng ra một thứ rượu vang đặc biệt cất bằng nho chọn từng hạt từng hạt một nấu với quả thơm và hạt thơm ăn được. Rượu rót trong cốc bằng vàng, bằng bạc, bằng pha lê. Bọn hầu rượu là những thiếu niên rất đẹp mặc áo lụa mỏng Alêxanđri có thêu vàng, thêu bạc. Họ lấy những chiếc lọ bằng vàng khảm đá quí rót nước hoa hồng có xạ hương vào rượu trước khi mời khách. Giáo chủ thích thú lắm, bảo Ali :

— Lạy Chúa ! Ali ơi, từ nay tôi không gọi ông là Ali nữa mà gọi là Bố-Đẹp. Ali từ đấy mang biệt hiệu là Abun Jaman. Ali làm hiệu cho viên nội thần. Bức màn lớn ở cuối phòng được kéo lên. Người ca nhi mặc áo lụa đen tiến lên. Bọn nô lệ đã xếp mười chiếc ghế vàng thành hình tròn. Các cô đến ngồi trên đấy. Họ gẩy đàn và hát một bài tình ca. An Mamun nhìn cô gái đã làm ông cảm động nhất hỏi tên.

— Tên tôi là Hài Hòa, cô đáp.

— Cô thật xứng với cái tên ấy, Giáo chủ nói. Ta muốn nghe một mình cô hát, một bài nào đó.

Hài Hòa dạo mấy tiếng trên cây tì bà rồi hát rằng :

Tôi dịu dàng
Sợ người ta ngắm

Tim cô náo động
Sợ
Con mắt kẻ thù
Nhưng nếu là chàng
niềm vui
rung động lòng tôi
Tôi tan như nước
phó mặc cho chàng
Nhưng nếu chàng đi
tôi, người bất hoại
như con linh dương
mất con thơ dại.

An Mamun khen :

— Cô hát hay đấy cô bé ạ. Lời thơ của ai thế ?

— Lời thơ của Amru An Jobaidi, nhạc của Môbết

Giáo chủ nâng cốc uống cạn. Abu Ixa và Abu Jaman cũng làm thế. Mười ca nhi khác, áo lụa xanh, thắt lưng lụa Aman thêu kim tuyến đến ngồi trên ghế, thay thế mười cô kia. Các cô lựa dây đàn. Giáo chủ nhìn một cô trong như pha lê, hỏi tên

— Tâu Giáo chủ, tên tôi là Hươu.

— Vậy thì nàng Hươu, hát ta nghe một bài

Cô Hươu gảy đàn, hát :

Chúng tôi là những tiên nữ
Chẳng cần gìn giữ
vì là những linh dương La Mée
Không ai được săn đuổi
chúng tôi mắt lờ đờ
Mà ăn nói dễ nghe
Bọn thô bạo không biết điều
Mắng chúng tôi là đồ yêu
Chúng tôi trơ trên
Người mó dao
Không dám bén ».

An Mamun thấy hay, hỏi :

– Bản nhạc của ai ?

– Thơ là của Jaria, nhạc của Ip Xôrai.

Giáo chủ cùng Abu và Abun lại cạn chén. Mười cô gái đi vào. Mười ca nhi khác ra thay. Các cô mặc áo lụa hồng, thắt lưng hồng, tóc xõa trên lưng. Họ ngồi trên ghế đàn và hát đồng ca. Trông họ như những viên hồng ngọc lấp lánh. An Mamun nhìn cô thật đẹp nhất hỏi tên

– Tâu Giáo chủ, tên tôi là Quyến rũ.

– Vậy thì Quyến rũ hãy lên giọng đi !

Quyến rũ vừa gảy đàn vừa hát :

« Kim cương và hồng ngọc
Gấm vóc cùng lụa là
Các cô chẳng thích đâu mà
Mắt họ là kim cương
Môi họ là hồng ngọc
Còn lại là gấm vóc lụa là ».

Giáo chủ lấy làm thích thú, hỏi :

– Thơ của ai thế, hỡi nàng Quyến rũ

– Của Ađiben Jây. Còn nhạc thì cổ lắm ; không rõ tác giả là ai.

An Mamun, Ixa và Ali lại cạn chén. Mười cô khác áo vàng, thắt lưng vàng óng ánh đá quí đến ngồi trên ghế hát như mấy cô trước. Giáo chủ hỏi tên cô có thân hình mảnh dẻ nhất.

– Tâu Giáo chủ, tên tôi là Hạt Sương.

– Chúng ta chờ nàng vài lời thơ đây.

Hạt Sương hát :

« Má chàng bốc men rượu, tôi uống rượu ở má chàng tôi mê mẩn như điên như dại.

Tôi chỉ mặc
một chiếc áo lót thơm
mùi cam tùng và hương liệu
Tôi chạy ra ngoài phố
Cho thiên hạ biết mối tình của chúng tôi ».

Giáo chủ khen :

— Hay đấy, Hạt Sương ạ. Hát lại đoạn sau đi.

Hạt Sương gảy tì bà, hát lại đoạn sau, giọng rõ hơn :

Tôi chạy ra ngoài phố
Cho thiên hạ biết mối tình của chúng tôi ».

— Thơ của ai thế ?

— Của Abu Nôoát và nhạc của Ixắc.

Nghe hát xong, Giáo chủ muốn cáo lui. Ali nói :

— Tâu Giáo chủ, tôi còn một nữ nô mới mua một vạn đina, muốn cho ra mắt. Xin ngài rốn lại cho một chút. Nếu ngài thấy ưng, Ngài có thể coi như của mình. Nếu Ngài không ưa tôi cũng cứ xin đưa ra để được Ngài đánh giá. An Mamun nói : « Nếu vậy thì nữ nô ấy là của ta ». Cùng lúc xuất hiện một thiếu nữ đẹp có một không hai, mềm mại, yểu điệu, mắt giống người Babilon rất tình tứ, lông mày cánh cung, sắc da hoa nhài, trán chít khăn vàng thêu ngọc, với hàng chữ bằng kim cương :

« Nàng được thần nuôi, nhan sắc làm cho bao trái tim tê dại như bị những mũi tên vô hình bắn phải ».

Cô gái thong thả tiến ra ngồi vào cái ghế vàng dành riêng cho nàng. Abu Ixa vừa trông thấy cô, đánh rơi chiếc cốc cầm ở tay, mặt biến sắc khiến An Ma mun phải hỏi duyên cớ vì sao.

– Thưa Giáo chủ, em đau gan, thỉnh thoảng lại bị tái da mặt đi như thế.

– Em có biết cô này? trước đây có gặp cô ta lần nào không?

Abu Ixa không muốn giấu nữa, đáp:

– Thưa Giáo chủ, có ai lại không biết có mặt trăng?

Giáo chủ quay sang phía cô gái hỏi:

– Tên cô là gì, cô gái?

– Tâu Giáo chủ, tên tôi là Mát Mắt.

– Vậy Mát Mắt hãy hát cho chúng ta nghe nào.

Và nàng hát:

« Kẻ chỉ nói yêu đầu lưỡi mà lòng dửng dưng, có thật biết yêu chăng.

Kẻ tin là một khối đá, mặt vờ say mê, có thật biết yêu chăng?

Người ta bảo xa nhau là hết đau khổ về tình. Than ôi! tôi nào có hết khổ đau!

Người ta bảo hãy đến với người yêu, liều thuốc này vẫn không công hiệu, vì chàng nào có biết tôi yêu ».

Giáo chủ nghe giọng hay lắm hỏi:

– Bài hát của ai?

– Thơ là của En Khe zai, nhạc của Zazua:

Abu Ixa nghẹn ngào vì xúc động nói với anh:

– Thưa Giáo chủ, cho em được hát đáp lại.

Giáo chủ gật đầu. Abu Ixa hát:

« Áo quần tôi bọc lấy tấm thân mòn mỏi, lồng ngực tôi chứa trái tim quặn đau.

Tôi không đưa mắt tỏ tình chỉ vì sợ Mặt trăng phật ý ».

Ali nghe, hiểu ngay là Abu Ixa đã quá say mê cô nữ nô của ông. Ông liền đứng dậy, nghiêng mình trước Ixa mà rằng:

– Hỡi vị khách của tôi, trong nhà này mọi ước mong của khách dù mới nghĩ, chưa nói ra, cũng sẽ được thực hiện ngay tức khắc. Nếu Giáo chủ cho phép tôi được tặng trước mặt Người, thì Mát Mát đã là nữ nô của chàng rồi đấy.

Giáo chủ cho phép. Và Abu Ixa dẫn cô gái đi.

Thế đấy! Ali và những người thời ông, thật là độ lượng không ai bì.

GÁI HAY TRAI?

Nhà thông thái Oma kể:

Năm 561 theo kỷ nguyên Hồi giáo, một người phụ nữ có học thức và tài hùng biện nhất Bátđa, người mà các nhà bác học ở Irắc tôn là thầy của các bậc thầy, đến chơi Hama. Năm đó, từ khắp nơi trên mọi đất nước Hồi giáo những nhà bác học lỗi lạc về mọi ngành tri thức cũng kéo đến Hama. Mọi người đều sung sướng được nghe và hỏi người phụ nữ kỳ diệu nhất trong giới phụ nữ, người đã cùng cậu em trai đi du lịch từ

nước này qua nước khác để biện hộ những luận đề hóc búa nhất, để hỏi và được chất vấn về tất cả mọi khoa học, luật học, thần học và văn học.

Muốn được nghe bà ta nói, tôi cầu khẩn nhà bác học En Xanhani, bạn thân của tôi, đưa tôi đến ngay chỗ bà ta tranh luận hôm đó. Ông già En Xanhani nhận lời và chúng tôi đến chỗ bà Dahia. Bà ngồi sau một bức màn lụa tiếp khách để khỏi trái với tục lệ tôn giáo của chúng tôi. Chúng tôi ngồi trên một tấm ghế dài. Em trai bà Dahia tiếp chúng tôi hoa quả và các thứ giải khát.

Sau khi xưng danh và chức tước, tôi mở đầu cuộc tranh luận về luật pháp của các nhà bác học thần học thời cổ. Còn ông già En Xanhani bạn tôi, khi nhận thấy cậu em bà Dahia có một vẻ mặt và thân hình xinh đẹp lạ lùng thì hết sức sung sướng ngắm nhìn cậu không chán mắt. Bà Dahia nhận ra ngay cách giải trí của bạn tôi và sau khi quan sát, bà cảm thấy ngay mối xúc động của ông già. Bà gọi ông ta và bảo :

—Thưa cụ, hình như cụ chuộng con trai hơn con gái ?

Bạn tôi cười, đáp :

—Chắc chắn như vậy !

—Thưa cụ tại sao vậy ?

—Vì chúa Ala đã lấy phần con gái luyện cho bọn con trai một thân hình hoàn hảo tuyệt mỹ. Tôi có sở thích chuộng những vật hoàn hảo hơn những vật không hoàn hảo.

Bà ta cười sau tấm màn và nói :

—Nếu cụ muốn bảo vệ ý kiến riêng, tôi xin sẵn sàng trả lời.

—Rất vui lòng !

—Nếu vậy xin cụ giải thích cho biết cụ thấy đàn ông con trai hơn đàn bà, con gái ở chỗ nào ?

—Thưa bà, điều bà vừa hỏi, tôi có thể chứng minh được, một mặt bằng luận lý, mặt khác bằng kinh thánh. Kinh Côran dạy: « Đàn ông hơn đàn bà rất nhiều vì Chúa Ala ban cho điều hơn đó ». Trong Kinh còn nói « Khi chia gia tài, đàn ông bao giờ cũng hưởng phần gấp đôi. Cho nên cậu em hưởng hai lần nhiều hơn cô chị ». Lời chúa dạy đã chứng minh và quy định một điều thường xuyên rằng: người đàn bà chỉ đáng một phần nửa người đàn ông. Kinh Xunna cũng dạy rằng đức Sứ giả đánh giá sự hiến sinh đền tội của nam giới giá trị gấp đôi của nữ giới. Bây giờ, nếu chỉ tính đến luận lý đơn thuần, chúng ta cũng thấy rằng tập tục và nền giáo dục đã xác nhận lẽ phải. Hơn nữa, ta nên tự hỏi một cách đơn giản: « Ai hơn? Nhân vật chủ động hay nhân vật thụ động? » Câu trả lời chắc chắn sẽ nghiêng về nhân vật chủ động. Nam giới vốn thuộc loại chủ động, còn nữ giới thuộc loại thụ động. Cho nên không cần do dự gì nữa: nam giới phải hơn nữ giới. Con trai đáng chuộng hơn con gái !

—Thưa cụ, những lời cụ dẫn đều đúng cả. Tôi cũng công nhận như cụ rằng, trong Kinh của Người, chúa Ala đã chuộng nam hơn nữ. Nhưng Người chỉ nói chung chung như vậy chứ không chỉ rõ một cách tách bạch. Tại sao cụ chỉ tìm sự hoàn hảo trong đám con trai trẻ? Đáng lẽ cụ phải chuộng các người đã có râu ria, các cụ già đáng kính trán nhăn nheo vì chính họ mới hoàn hảo hơn chứ ?

—Thưa bà đúng như vậy. Nhưng ở đây lão không so sánh các ông già với các bà lão. Không phải như vậy. Lão chỉ suy luận về những người con trai. Bà xem, xin bà bỏ lỗi cho, ở người phụ nữ không có gì đáng so

sánh với vẻ hoàn hảo ở một cậu bé xinh đẹp, thân hình mềm mại, chân tay nhỏ nhắn, má hồng hào, nụ cười xinh tươi và tiếng nói đáng yêu. Đối với sự việc rõ ràng như vậy, chính đức Sứ giả cũng dặn chúng ta: « Chớ nhìn lâu những chàng trai măng sữa vì con mắt họ dễ cám dỗ hơn những nàng tiên ». Vả lại bà thấy đó người ta chỉ có thể ca tụng sắc đẹp của một cô thanh nữ bằng cách so sánh với các cậu thiếu niên. Bà biết rõ những câu thơ của nhà thơ Abu Nôoát nói về tất cả những điều đó, và trong đó có câu:

« Nàng có bộ hông của một chàng trai trẻ và nàng rún rẩy trước làn gió nhẹ như cành gai nhẹ rung trước ngọn gió bấc. »

Nếu vẻ đẹp của các cậu con trai không rõ ràng hơn hẳn các cô con gái thì tại sao nhà thơ lại dùng làm điểm so sánh? Hơn nữa bà cũng biết rằng con trai không những chỉ đẹp ở hình dáng của họ mà còn quyến rũ ta bằng lời nói và cách xử sự đáng yêu. Thật thú vị khi những lông tơ chớm mọc trên mép họ, và cặp má đỏ ửng lên như cánh hoa hồng. Những lúc đó, trên đời này không gì sánh được với vẻ đẹp của họ. Nhà thơ Abu Nôoát rất có lý khi ông nêu lên rằng:

« Những kẻ ghét ghen nói xấu chàng, bảo tôi rằng: « Những sợi lông bắt đầu làm cho môi chàng xù xì ». Tôi bảo họ: « Các ông lầm to. Sao các ông lại có thể coi thứ trang trí đó như một điều xấu? Lông măng đó làm tôn mầu trắng của vẻ mặt và hàm răng, y như một thứ trang sức mầu xanh làm cho sự hoàn hảo của chàng gây nên biết bao niềm ghen tỵ. Và sắc đẹp cũng muốn tự biến thành cái má phủ lông tơ! »

Đấy, thưa bà, như vậy cũng khá đầy đủ chứng cớ để chứng minh rằng sắc đẹp của con trai hơn hẳn sắc đẹp con gái nói chung.

Nghe vậy, bà Dahia đáp :

– Chúa Ala sẽ tha thứ cho cụ về những lý lẽ sai lầm! Chắc cụ chỉ muốn nói đùa đó thôi. Giờ thì đến lượt chân lý thắng. Xin cụ chuẩn bị lại nghe lý lẽ của tôi.

Cầu chúa phù hộ cho cụ! Đâu, chàng thanh niên mà nhan sắc có thể sánh với nàng thiếu nữ ? Xin cụ chớ quên rằng da con gái không những chỉ ánh lên màu trắng như bạc mà còn mịn màng như lụa, như nhung! Còn thân hình nàng! Đó là một nhánh sim và một cành gai mềm mại. Miệng nàng! Đúng là cam cúc nở hoa, và đôi môi nàng là hai đóa thủ mẫu đơn láng ướt. Má nàng là những trái táo. Trán nàng tỏa ánh hào quang và đôi lông mày luôn luôn ngập ngừng không biết nên giao lại với nhau hay rời nhau ra. Khi nàng nói, răng nàng là một tràng ngọc trai; lúc nàng cười, hàng suối ánh sáng tuôn chảy từ đôi môi dịu ngọt như mật và mềm như bơ. Sắc đẹp in dấu trên cái rãnh ở cằm nàng ...

Cụ già hỡi! lẽ nào so sánh người với thần? Cụ há không biết rằng các bậc vua chúa, các vị Giáo chủ và các danh nhân trong lịch sử đều lấy làm vinh dự được sống dưới ách của họ đó ư? Biết bao đấng siêu việt đã cúi đầu trước nhan sắc mê hồn của phụ nữ! Biết bao người đã vì phụ nữ mà từ bỏ cả giàu sang, cả đất nước, cả mẹ cha! Vì họ mà bao vương quốc đã tiêu tan! Hỡi cụ già đáng thương! Có phải vì họ mà người ta xây dựng lâu đài, thêu thùa gấm vóc và dệt nên những thứ vải quí không? Có phải vì họ mà bao người đi kiếm long diên hương và xạ hương để làm nước hoa thơm dịu không? Cụ quên rằng sắc đẹp phụ nữ đã đọa đầy bao nhiêu tiên xuống địa ngục, làm đảo lộn trái đất và vũ trụ, làm chảy hàng núi xương sông máu đó ư?

Còn những lời trong Kinh cụ vừa kể, chính nó lại bênh vực nữ giới hơn. Trong Kinh có dạy: «Chớ nhìn lâu những chàng trai măng sữa vì con mắt họ dễ cám dỗ hơn những nàng tiên!» Dùng những nàng tiên để so sánh chính là trực tiếp ca ngợi các nàng tiên trên thiên đường, họ là nữ chứ không phải nam! Vả lại các ngài, những người chuộng con trai, khi muốn tả họ, các ngài so sánh những cái vuốt ve của họ như những cái vuốt ve của người thiếu nữ! Các ngài không xấu hổ về những sở thích đồi bại, các ngài còn đem phô trương ra và thỏa mãn công khai những sở thích đó! Các ngài quên lời dạy trong Kinh «Sao lại tìm tình yêu trong nam giới? Chúa Ala đã chẳng tạo ra phụ nữ để thỏa mãn lòng ham muốn của các anh đó ư? Các anh hãy tận hưởng tùy theo sở thích! Nhưng các anh là một dân tộc ương ngạnh, không chịu làm như vậy.»

Mỗi khi các ngài phải ví con gái với con trai chính chỉ để thay đổi lòng thèm muốn hư hỏng và thị hiếu đồi bại. Vâng, chúng tôi biết lắm. Những nhà thơ khuynh nam giới của các ngài, nhà thơ lớn nhất trong bọn họ, vị lão tướng Abu Nôoát đã chẳng nói về những người thanh nữ như sau ư?

«Y như chàng trai trẻ, nàng không có hông và nàng cắt cả tóc đi.

Nhưng một lớp lông tơ mịn như nhung phủ trên mặt làm nàng tăng thêm vẻ đẹp!».

Hỡi cụ già! Người ta vẫn nói bộ râu làm cho nam giới có sức quyến rũ. Thì cụ hãy nghe đây:

«Khi những sợi lông đầu tiên vừa mọc trên má chàng, người yêu chàng chạy mất: Quả thật khi đám lông đen như than đã làm nhọ cằm thì tức là nó đã làm cho vẻ đẹp của chàng tan thành khói.

Khi vẻ mặt như trang giấy trắng đã đầy chữ đen, ai còn muốn cầm bút làm chi nếu không phải là kẻ ngốc duy nhất?».

Đấy, cụ xem, chúng ta cần biết ơn Chúa Ala tối cao đã tập trung ở người phụ nữ đủ mọi lạc thú trên đời. Và muốn ban thưởng cho các vị Sứ giả, các vị thánh thần và cho các tín đồ. Chúa vẫn hứa cho họ những nàng tiên tuyệt mỹ trên thiên đường. Vả lại nếu Chúa Ala biết rằng trên đời này ngoài phụ nữ ra còn có sự khoái lạc nào khác, chắc chắn Ngài sẽ dành ban cho những tín đồ trung thành. Chúa Ala chỉ kể đến con trai khi lấy họ làm đầy tớ cho các vị thánh thần trên thiên đường. Còn chưa lần nào Ngài định dùng họ vào mục đích khác. Chính đức Sứ giả cũng không hề khuynh nam giới chút nào. Ngược lại! Người chẳng đã có thói quen nhắc đồng bạn rằng: « Trên trái đất có ba vật làm ta yêu: phụ nữ, hương thơm và niềm khoan khoái trọng tâm hồn lúc cầu kinh! ».

Thưa cụ, tôi không biết làm thế nào hơn là tóm tắt ý kiến tôi bằng câu thơ này của thi sĩ:

« Có sự khác biệt giữa cái lưng này và cái lưng kia. Lại gần cái này, áo anh sẽ nhuốm màu vàng, sờ vào cái kia áo anh sẽ ngát hương thơm.

Ai đi so sánh con trai với con gái! Có bao giờ người ta lại chuộng đống phân lợn hơn khúc gỗ trầm hương? ».

Nhưng tôi thấy mình tranh luận quá hăng, vượt cả phép lịch sự mà người phụ nữ cần tôn trọng, nhất là trước mặt các bậc lão trượng và các vị bác học. Tôi xin lỗi những vị nào có thể bất bình và mếch lòng. Tôi cũng mong rằng sau đây các vị sẽ giữ kín chuyện, vì tục ngữ đã nói:

« Trái tim người đàn ông đứng đắn là nấm mồ của những điều bí mật! ».

HẾT TẬP VI

MỤC LỤC

I.	Câu chuyện thú vị về loài cầm thú	5
II.	Truyện chàng và nàng Hạnh Phúc	44
III.	Truyện chàng Nốt Ruồi	74
IV.	Truyện nữ bác học Khả Ái	134
V.	Truyện thi hào Abu Nôoat	158
VI.	Truyện nàng Zumurat xinh đẹp với chàng Alitsa, con ông Quang Vinh	164
VII.	Truyện sáu cô thiếu nữ tài sắc khác nhau	186
VIII.	Câu chuyện kỳ lạ về thành phố đồng thau	202
IX.	Truyện Ip An-Manxua với hai cô thanh nữ	221
X.	Truyện Amlica, nữ hoàng dưới đất	239
XI.	Trí tuệ và hào hoa	279

Chịu trách nhiệm xuất bản:
LÝ HẢI CHÂU

Biên tập nội dung: NGUYỄN NGỌC LÂN
Trình bày sách: TRẦN KHOÁT
Trình bày bìa: PHẠM NGỌC BỘI
Sửa bản in: KIM CHI

* * *

NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM
(Tập VI)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

In 25.000 cuốn, trong đó có 100 cuốn giấy trắng, khổ 13 × 19, tại Nhà máy in Diên Hồng. 15, Hai Bà Trưng — Hà Nội. Số in: 03/T3. Số xuất bản: 1-VH. In xong và gửi lưu chiểu tháng 2-1985.

KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY MẤT CỦA
VICHTO HUYGÔ (1885 – 1985)

ĐÃ XUẤT BẢN

NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ (in lần thứ tư)
Huỳnh Lý, Vũ Đình Liên,
Lê Trí Viễn, Đỗ Đức Hiểu *dịch*

NHÀ THỜ ĐỨC BÀ PARI (in lần thứ hai)
Nhị Ca *dịch*

CHÍN MƯƠI BA
Trần Huy Đông,
Châu Diên, Lê Hiểu *dịch*

TUYỂN TẬP THƠ
Tố Hữu, Thế Lữ, Xuân Diệu,
Tế Hanh, Khương Hữu Dụng *dịch*

TUYỂN TẬP KỊCH
Phùng Văn Tửu,
Phan Thị Miến *dịch*

SẼ XUẤT BẢN

THẰNG CƯỜI
Hoàng Lâm *dịch*

LAO ĐỘNG NGOÀI BIỂN CẢ
Hoàng Lâm *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

76

Giá: 34,00đ